HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

Đỗ Thị Hòa

TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG, TÀY - THÁI, KA ĐAI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

ĐỖ THỊ HOÀ

TRANG PHỤC

các tộc người thiểu số nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái, Kađai

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

HÀ NỘI - 2012

DỰ ÁN CÔNG BỐ, PHỔ BIẾN TÀI SẢN VĂN HÓA, VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

(E1, Ngõ 29, Tạ Quang Bửu - Bách Khoa - Hà Nội
Điện thoại: (04)3627 6439; Fax: (04)3627 6440
Email: duandangian@gmail.com)

BAN CHỈ ĐẠO

1. GS. TSKH. TÔ NGỌC THANH	*Trưởng ban*
2. ThS. HUỲNH VĨNH ÁI	*Phó Trưởng ban*
3. GS. TS. NGUYỄN XUÂN KÍNH	*Phó Trưởng ban*
4. Ông NGUYỄN KIỂM	*Ủy viên*
5. Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG	*Ủy viên*
6. TS. TRẦN HỮU SƠN	*Ủy viên*
7. Nhà giáo NGUYỄN NGỌC QUANG	*Ủy viên*
8. ThS. ĐOÀN THANH NÔ	*Ủy viên*

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG DỰ ÁN

ThS. ĐOÀN THANH NÔ

Chịu trách nhiệm nội dung:

GS.TSKH. TÔ NGỌC THANH

Thẩm định nội dung:

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BẢN THẢO

LỜI GIỚI THIỆU

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (VNDGVN) là một tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, nằm trong khối Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

Quyết định số 82/NV, ngày 01/03/1967 của Bộ Nội vụ thay mặt Chính phủ đã cho phép Hội Văn nghệ dân gian thành lập và hoạt động trên phạm vi toàn quốc và có mối liên hệ nghề nghiệp với các tổ chức khác ở trong nước và nước ngoài.

Tôn chỉ mục đích của Hội là ***"Sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến và truyền dạy vốn văn hóa - văn nghệ dân gian các tộc người Việt Nam"***. Trên cơ sở thành quả của các công việc trên, Hội là một trong những đội quân chủ lực góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa - văn nghệ mang đậm bản sắc dân tộc đã được ông cha ta sáng tạo và giữ gìn trong suốt mấy nghìn năm của lịch sử dân tộc.

Những giá trị sáng tạo đó thể hiện mối quan hệ của các tộc người Việt Nam với thiên nhiên thông qua các tri thức sản xuất nông nghiệp; với xã hội thông qua phong tục tập quán, hội xuân; với nhân sinh quan thông qua các nghi lễ vòng đời người; với vũ trụ và thế giới tự nhiên đã được siêu nhiên hóa thông qua các loại hình tín ngưỡng tôn giáo; với lý tưởng thẩm mỹ thông qua các sáng tạo văn học nghệ thuật. Ở mỗi tộc người Việt Nam, những lĩnh vực và hình thái văn hóa - văn nghệ này lại được thể hiện trong một sắc thái riêng.

Chính kho tàng văn hóa đa dạng đó là nội dung, là đối tượng hoạt động của hội viên Hội VNDGVN.

Sau hơn bốn mươi năm hoạt động, được sự lãnh đạo của Đảng và sự chăm sóc của Nhà nước, Hội VNDGVN đã lớn mạnh với gần 1.200 hội viên. Số công trình do hội viên của Hội đã hoàn thành lên đến gần 5.000 công trình, hiện đang được lưu trữ và bảo vệ tại Văn phòng Hội.

Nay, được sự quan tâm của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ, Dự án ***"Công bố và phổ biến tài sản văn hóa - văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam"*** đã được phê duyệt. Trong thời gian 10 năm, Dự án sẽ chọn lọc khoảng 2000 công trình trong số bản thảo Hội lưu trữ của hội viên và xuất bản dưới dạng các cuốn sách nghiên cứu, sưu tầm. Trước mắt trong giai đoạn đầu (2008 - 2012), chúng tôi dự định sẽ chọn xuất bản 1.000 công trình.

Hy vọng, các xuất bản phẩm của Dự án sẽ cung cấp cho bạn đọc trong và ngoài nước một bộ sách mang tính chất bách khoa thư về các sắc màu văn hóa của các tộc người Việt Nam, phục vụ thiết thực vào việc tra cứu, mở rộng hiểu biết của bạn đọc về truyền thống văn hóa giàu có và độc đáo đó; góp phần xây dựng nền "Văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Dự án mong nhận được ý kiến chỉ bảo kịp thời của bạn đọc gần xa.

Xin chân thành cảm ơn !

Trưởng Ban chỉ đạo thực hiện dự án

GS.TSKH. TÔ NGỌC THANH

LỜI NÓI ĐẦU

Không biết từ bao giờ, con người đã khoác lên mình bộ y phục đầu tiên thô sơ nhất, và khái niệm trang phục được ra đời từ khi nào chưa ai khẳng định được. Nhưng chắc chắn từ ngàn xưa, trang phục đã trở thành nhu cầu tất yếu của loài người, là nhu cầu thứ hai sau cái ăn. Chính vì lẽ đó mà loài người đã tiến rất xa so với loài vật.

Nếu như ăn uống là thứ cần thiết để đảm bảo cho sự sống, sự tồn tại về bản chất, về nội dung thì cái mặc là nhu cầu để bảo đảm cho con người đối phó với thiên nhiên, với cái nóng, cái lạnh... Từ xưa, nhân dân ta có câu "Được bụng no, lo ấm cật" để khẳng định nhu cầu thiết yếu về cái mặc của con người. Ban đầu là để đối phó với thiên nhiên, càng về sau thì trang phục trở thành quan trọng đối với vẻ đẹp của con người. Như vậy, trang phục có hai chức năng cơ bản là chức năng che thân và chức năng thẩm mỹ. Nói cách khác, trang phục là một

trong những yếu tố văn hoá của con người. Ở phạm vi rộng hơn thì trang phục còn là biểu hiện đặc trưng của một dân tộc do đặc điểm của các yếu tố đời sống tộc người quy định như yếu tố địa lý tự nhiên, yếu tố kinh tế, yếu tố tâm lý... Bởi vậy, trang phục là một trong những dấu hiệu quan trọng để xác định tộc người. "Các loại y phục cổ truyền do chính bàn tay tạo ra trên cơ sở kế thừa truyền thống của cha ông. Nghề trồng bông, ươm tơ dệt vải đã hình thành và phát triển ở nhiều dân tộc, xuất phát từ nhu cầu ăn mặc và quy luật phát triển của lịch sử con người từ chỗ biết tận dụng các sản phẩm tự nhiên để làm ra đồ che thân như vỏ cây, da thú đến chỗ biết tái tạo, chế biến và cải tiến các sản phẩm của mình, làm ra nhiều loại y phục khác nhau. Sự hình thành nghề dệt ở mỗi dân tộc dù sớm hay muộn, tự mình phát kiến hay do học hỏi mà có, đều đánh dấu một bước phát triển vượt bậc của đời sống kinh tế. Quá trình hình thành nghề dệt vải có nguồn gốc, thời điểm khác nhau cộng với các yếu tố cá biệt như sáng tạo, trí tưởng tượng, thị hiếu thẩm mỹ của bộ óc và sự khéo léo của đôi tay đã làm cho các sản phẩm dệt nói chung, các loại y phục nói riêng đều có những đặc trưng riêng... Tuy

nhiên cũng có nhiều tộc người từ xưa tới nay chưa hề biết dệt vải. Họ đã phải sử dụng vải do dân tộc khác làm ra để may áo váy... Nhưng điều đó không có nghĩa là y phục của họ không có sắc thái riêng bởi vì trong quá trình cắt may, họ vẫn có sự sáng tạo dù nhiều hay ít. Vì vậy ta vẫn có thể tìm thấy nhiều yếu tố đặc trưng trong y phục của các dân tộc nói trên".[1]

Ở Việt Nam, với sự hiện diện của 54 dân tộc, trang phục của mỗi dân tộc đều có sự khác nhau. Mặt khác, không phải mỗi tộc người chỉ mang trên mình một loại trang phục nhất định mà có nhiều ngành, nhiều nhóm, ở nhiều địa phương khác nhau và nhiều trang phục có chức năng khác nhau. Ví như người H'mông có các nhóm H'mông Trắng, H'mông Đen, H'mông Hoa...; người Dao có Dao Đỏ, Dao Tiền, Quần Chẹt, Quần Trắng, Coóc Mùn, Thanh Y, Thanh Phán...; người Tày có Phén, Ngạn, Thu Lao, Pa Dí; người Thái có Thái Đen, Thái Trắng, Mường, Hàng Tổng. Các tộc người cư trú trên các địa phương khác nhau nên có sự ảnh hưởng văn

---

[1] Ma Ngọc Dung, *Sưu tầm y phục trong Bảo tàng VHDT Việt Nam-35 năm gìn giữ và phát huy di sản văn hoá dân tộc*. NXB Văn hoá dân tộc, H. 1995, tr.28.

hoá của các tộc người khác ở những khu vực đó. Vì vậy trong trang phục mỗi tộc người ở các vùng miền khác nhau, ở các nhóm khác nhau cũng có sự khác nhau.

Bởi thế, trang phục của các tộc người Việt Nam là hết sức phong phú, đa dạng. Nghiên cứu, tìm hiểu nhằm phát hiện ra những yếu tố độc đáo, tiêu biểu trong trang phục truyền thống của mỗi tộc người là một trong những việc làm thiết thực đối với công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

Nói đến trang phục là nói tới một trong những yếu tố quan trọng của mỗi tộc người bởi trang phục liên quan đến các hoạt động của con người, liên quan đến đời sống văn hoá tinh thần và cả đời sống tâm linh nữa. Nước ta có nhiều thành phần dân tộc nên trang phục hết sức đa dạng, nếu nghiên cứu một cách tương đối toàn diện thì phải là một quá trình lâu dài. Trong khuôn khổ cuốn sách này chúng tôi nghiên cứu trang phục chủ yếu của một số dân tộc ít người thuộc ba nhóm ngôn ngữ: Việt - Mường, Tày - Thái, Kađai.

- Nhóm Việt - Mường gồm: Người Mường, người Thổ, người Chứt.

- Nhóm Tày - Thái gồm: Người Tày, người Nùng, người Thái, người Lào, người Sán Chay, người Lự, người Giáy, người Bố Y.

Nhóm Kađai gồm người Cờ Lao, người La Ha, người La Chí, người Pu Péo.

Trang phục bao gồm các yếu tố y phục (khăn, yếm, áo, váy, khố, quần, tấm choàng, nón, mũ, giày, dép, guốc...) và trang sức (trâm, vòng cổ, hoa tai, vòng tay, nhẫn, vòng chân, hình xăm trên cơ thể...). Tuy nhiên khi nhìn nhận một cách cụ thể thì ở mỗi dân tộc lại có quy ước riêng về các loại trang sức: Có dân tộc trang sức chỉ đơn thuần là hoa tai, vòng cổ, vòng tay, vòng chân, xà tích...; có dân tộc thì các vòng tua trên khăn cũng được coi là trang sức; đặc biệt ở một số dân tộc, đồ trang sức của họ còn được tính thêm một số đồ dùng cá nhân (tư trang) như túi trầu, túi vải đeo cạnh sườn, chiếc giỏ đan bằng mây tre, chiếc bao dao xinh xinh... bởi vì những đồ dùng đó luôn gắn liền với mỗi người, là những đồ dùng thiết yếu ở mọi nơi, mọi lúc và nó cũng có tác dụng làm tăng thêm vẻ đẹp cho người sử dụng chúng.

Ngoài việc phân loại các trang phục, chúng tôi cũng chú trọng khai thác, khảo tả chi tiết trang phục

của các ngành, các nhóm trong cùng một tộc người. Trên cơ sở đó rút ra những đặc điểm riêng của mỗi nhóm, mỗi khu vực và yếu tố thống nhất của một tộc người hay của các vùng văn hoá.

Cuốn sách mong muốn cung cấp nguồn tư liệu phong phú, đa dạng và trung thực về hầu hết các loại trang phục của các tộc người thiểu số thuộc ba nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái, Kaiđai. Thông qua đó giúp người đọc cảm nhận được giá trị thẩm mĩ của các tộc người thuộc ba nhóm ngôn ngữ này. Và cũng từ đó chúng ta sẽ trân trọng hơn những giá trị văn hoá truyền thống, có ý thức bảo vệ và phát huy nét văn hoá độc đáo tộc người.

TRANG PHUC CÁC TÔC NGƯỜI THIỂU SỐ

NHÓM NGÔN NGỮ

VIỆT - MƯỜNG, TÀY - THÁI

Chương I

TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG

Ở nước ta, nhóm ngôn ngữ Việt - Mường có 4 dân tộc là Kinh, Mường, Thổ, Chứt. Dân tộc Kinh (Việt) có khoảng 65 triệu người, cư trú khắp các tỉnh trong cả nước nhưng đông nhất là vùng đồng bằng và thành thị. Trong công trình này chúng tôi nghiên cứu, giới thiệu trang phục của ba tộc người dân tộc thiểu số trong nhóm gồm: Mường, Thổ, Chứt.

Dân tộc Mường

Dân tộc Mường là một tộc người có dân số đông vào hàng thứ năm trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Theo số liệu điều tra dân số, năm 1999 dân số dân tộc Mường là 1.137.515 người. Đến năm 2009 dân số dân tộc Mường là 1.268.963 người. Đồng bào tự gọi mình là Mel, Mon, Moan, Mual. Người Mường cư trú ở nhiều tỉnh phía Bắc nhưng tập trung đông nhất ở Hoà Bình, các huyện

miền núi của tỉnh Thanh Hoá, Phú Thọ. Nơi cư trú của họ ở miền núi nhưng chủ yếu là vùng núi thấp, tập trung trong các thung lũng. Dưới góc độ cảnh quan địa lý, có thể coi đây là "vùng trước núi" hay "vùng bồn địa giữa núi".

Người Mường biết làm ruộng nước từ lâu đời, ngoài ra họ còn làm nương rẫy, chăn nuôi gia đình, săn bắn, đánh cá, hái lượm và sản xuất thủ công nghiệp (dệt vải, đan lát...).

Đơn vị cư trú nhỏ nhất của người Mường là xóm, trên xóm là làng. Mỗi làng có khoảng vài chục nóc nhà. Làng Mường thường ẩn trong rặng cây cao. Mường nào cũng có một khu mộ địa chung của cả làng, trên mỗi đầu mả được chôn một cột đá gọi là "bòn mồ", đây là dấu hiệu đặc trưng của mộ địa Mường.

Người Mường ở nhà sàn, trước kia mỗi khuôn viên Mường chỉ có một ngôi nhà sàn với "nhiều chức năng", ngày nay đã có sự thay đổi trong khuôn viên Mường.

Đồng bào Mường có một số phong tục đặc sắc trong ăn uống, sinh hoạt được ngạn ngữ Mường đúc kết như "cơm đồ, nhà gác, nước vác, lợn thui, ngày lui tháng tới". Trong những ngày lễ tết, cưới xin đồng bào có tục uống rượu cần.

Kho tàng văn hoá dân gian của người Mường khá phong phú. Bên cạnh thể loại thơ, ca dao, truyện cổ, dân

ca, hát ví, hát dúm phải kể đến hình thức hát "xéc bùa" được nhiều người ưa chuộng. Hát lễ ca có một vị trí quan trọng trong kho tàng văn học dân gian Mường: Mo *Đẻ đất đẻ nước* là một tài liệu văn học dân gian có giá trị. Người Mường còn có cồng, trống đồng rất nổi tiếng. Nghệ thuật tạo hình dân gian chủ yếu được thể hiện trên hoa văn cạp váy của phụ nữ.

Dân tộc Thổ

Dân tộc Thổ ở nước ta gồm các nhóm địa phương: Kẹo, Mọn, Cuối, Họ, Đan Lai, Ly Hà, Tày Poọng. Đến năm 2009 dân số người Thổ là 74.458 người. Người Thổ cư trú tập trung ở các huyện Nghĩa Đàn, Tương Dương, Quỳ Hợp tỉnh Nghệ An.

Nghề sống chính của người Thổ là làm nương rẫy kết hợp với làm ruộng nước. Cây trồng chủ yếu là lúa, sắn, ngô. Ở các nhóm Kẹo, Mọn, Cuối, đồng bào chủ yếu trồng gai để đan võng đay, ngoài ra còn đan bem, ghế mây đổi nhu yếu phẩm và quần áo mặc.

Người Thổ sống tập trung thành bản đông đúc, chủ yếu theo lối mật tập. Nhà ở truyền thống của họ là nhà sàn được che xung quanh bằng liếp nứa hoặc gỗ, xu hướng chuyển xuống nhà đất đang phát triển nhanh.

Trước đây người Thổ ăn cơm nếp là chính nay chuyển sang ăn cơm tẻ. Trong các dịp lễ, tết đồng bào thường làm các loại bánh chế biến từ gạo nếp như bánh chưng, bánh giày, bánh gai.

Người Thổ không có chữ viết riêng, có một số người biết chữ Hán, ngày nay tiếng Việt được phổ cập và sử dụng rộng rãi. Người Thổ có vốn văn nghệ dân gian khá đa dạng, các bài hát đồng dao vẫn được lưu truyền, ca dao tục ngữ rất phong phú. Một số trò chơi dân gian như kéo co, múa sư tử, chơi cờ tướng vẫn được tổ chức trong các dịp lễ hội của cộng đồng.

Dân tộc Chứt

Ở nước ta, người Chứt sống tập trung ở hai huyện Tuyên Hoá và Bố Trạch tỉnh Quảng Bình, gồm các nhóm địa phương: Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng. Đến năm 2009, dân số người Chứt là 6.022 người.

Người Chứt chủ yếu sống bằng nông nghiệp nương rẫy du canh và săn bắn, hái lượm. Việc trồng trọt được tiến hành theo hai mùa: mùa khô và mùa mưa. Cây trồng chính là lúa, ngô, sắn, đỗ, thuốc lá... Công cụ sản xuất còn rất thô sơ nên năng suất cây trồng chưa cao.

Ngoài kinh tế sản xuất, việc săn bắn, hái lượm vẫn giữ vai trò quan trọng trong cuộc sống.

Do cuộc sống du canh du cư, trước kia người Chứt phải ở trong những túp lều đơn sơ tạm bợ hay trong những hang đá, mái đá. Khi định cư họ làm nhà theo kiểu nhà đất của người Khùa, người Sách, người Kinh trong vùng.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI MƯỜNG

Người Mường dù sống ở đâu họ cũng có truyền thống trồng bông dệt vải, nuôi tằm ươm tơ dệt lụa để giải quyết nhu cầu mặc của mình.

Việc chăn tằm, ươm tơ dệt lụa đã từng phát triển trong xã hội Mường cổ truyền, nó đã để lại dấu ấn sâu sắc trong văn học dân gian Mường. Trong mo *Đẻ đất đẻ nước* đã mô tả từ thời mà người Mường chưa có quần áo mặc họ đã dò dẫm tìm kiếm giống dâu, giống tằm để thuần dưỡng tạo nguyên liệu dệt vải. Tuy sử thi nêu còn sơ lược nhưng cũng minh chứng: nghề tằm tang mang tính bản địa nhằm đáp ứng nhu cầu phải có quần áo mặc của người xưa. Tuy nhiên cũng không loại trừ khả năng từ khi tìm ra nghề dệt vải đến khi nghề phát triển đạt trình độ cao, người xưa có thể tiếp thu thêm những yếu tố bên ngoài để làm cho truyền thống của mình thêm phong phú.

Nghề dệt vải từ lâu đã phát triển đều khắp trong xã hội Mường, nó thực sự trở thành nghề phụ gia đình, có quy trình sản xuất nhất định. Từ việc chọn đất phát nương. trồng bông, trồng dâu, nuôi tằm dệt lụa đến việc chế biến bông thành sợi (nguyên liệu dệt vải) là cả một quá trình lao động miệt mài, nhẫn nại của chị em phụ nữ.

Để có sản phẩm đẹp, nhất là loại vải thổ cẩm, đồng bào rất coi trọng khâu chế biến sợi.

Muốn cho sợi mịn và bền người ta phải hồ sợi *(cháo pái)*. Cách hồ sợi truyền thống của người Mường nói riêng và một số tộc người khác nói chung là nấu cháo đặc bằng gạo tẻ rồi đổ ra nong, cho con sợi vào ngâm và dùng chân chà xát thật kỹ. Có nơi đồng bào còn cho sợi vào nồi hồ luộc ba đến bốn giờ. Sau đó mang sợi ra suối giũ sạch, phơi khô, lúc đó sợi trở nên chắc và bóng.

Chế phẩm nhuộm là công việc đi đôi với kéo sợi, dệt vải. Làm màu phải có nước tro, người ta đổ tro vào sọt đan kín hoặc sọt thưa lót lá chuối, chỉ tách lá cho nước chảy. Sọt tro được kê hoặc treo, sau đó đổ nước để nước ngấm qua tro, nước tro nhỏ dần xuống đồ đựng hứng phía dưới. Khi đủ lượng cần dùng mới thôi.

Phẩm nhuộm được chế biến từ các loại cây mà đồng bào đã đúc kết thành câu ca dao:

Muốn đen nhuộm đỏ

Muốn đỏ nhuộm pang

Muốn vàng nhuộm nghệ

Chẳng hạn muốn có màu đỏ, người ta dùng nước tro ngâm với vỏ cây *pang* - một loại cây hay trồng làm hàng rào quanh nhà. Khi màu đã đặc người ta ngâm sợi hay vải vào nước màu đó. Đêm ngâm ngày phơi nắng, qua nhiều ngày sẽ có màu đẹp. Khi có màu đỏ, muốn chuyển sang màu đen người ta nhúng tiếp vào bùn nhiều lần sẽ được

màu đen. Phương pháp nhuộm màu này rất gần gũi với cách tạo màu của người Việt theo phương thức "nhuộm nâu nhúng bùn".

Muốn cho màu lâu phai, đồng bào dùng nước cây *cân tung* có chất keo dính để ngâm vải hoặc sợi trước khi nhuộm màu. Khi đã nhuộm xong, họ lại dùng lá cây *chua mon* có vị chua và chát để hãm màu cho đẹp và lâu phai.

Dệt vải là cả một quá trình vất vả, đòi hỏi người thực hiện phải cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì. Sau khi đưa sợi lên khung, nếu được hướng dẫn thì ai cũng có thể dệt được. Dệt cạp váy và dệt thổ cẩm đòi hỏi phải có kỹ thuật cao, trước hết phải thành thạo việc dệt vải và phải dệt từ loại vải ít go (co), hoa văn đơn giản đến loại nhiều go, hoa văn phức tạp.

Cạp váy được dệt trên một loại khung cửi riêng, khung dệt cạp váy có nhiều go (co) hơn. Mỗi loại hoa văn được quy định bởi số go gài trên khung cửi: loại 20 go, 30 go, 80 go, 120 go. Số go càng lớn thì mẫu hoa văn càng phức tạp. Sự có mặt của nhiều go trên khung cửi dệt có thể làm tăng thêm sự biến hoá của hoa văn. Những hoa văn càng lắm màu, càng lắm chi tiết thì số go càng lớn, công thức lên sợi và lên go càng phức tạp, công thức điều chỉnh sợi và đổi go trong quá trình dệt càng khó nhớ. Nó đòi hỏi người dệt phải có kỹ thuật cao, có trí nhớ tốt và sáng tạo trong quá trình dệt. Chính vì vậy tuy cùng một mẫu hoa

văn, nhưng dưới những bàn tay dệt khác nhau chúng đã ít nhiều bị biến đổi.

Với bàn tay khéo léo và tính kiên trì nhẫn nại, phụ nữ Mường đã dệt được nhiều sản phẩm phục vụ cho cuộc sống của bản thân và gia đình. Sản phẩm dệt của người Mường có thể tạm phân chia thành hai loại chính: vải thô (vải mộc) và vải thổ cẩm.

Vải thô tương đối rộng dùng may trang phục, màn, đồ tang lễ...

Vải thổ cẩm được dùng làm cạp váy, mặt chăn, gối, túi...

Loại dùng làm cạp váy dệt rất công phu. Vải có độ dày và mịn. Hoa văn trên cạp váy rất phong phú, chủ yếu là hoa văn động vật, thực vật, hình học. Hoa văn thường tạo thành dải màu xen kẽ nhau, hoa văn nhỏ và hơi chìm. (Xem ảnh 2, 3, 4).

Loại dùng làm mặt chăn được cải hoa văn to, màu sắc tương phản, chủ yếu là hoa văn đen trên nền trắng nên rất nổi, vải xốp, dày. Mô típ hoa văn chủ yếu là hình học và hình thực vật. (Xem ảnh 5).

Loại dùng làm gối, túi chủ yếu là những mảng màu lớn chạy song song. Màu đỏ chiếm chủ đạo ngoài ra còn xen lẫn màu tím, hồng, xanh... Loại thổ cẩm này ít hoa văn,

nếu có chỉ là kiểu hoa văn thực vật có kích thước nhỏ điểm suốt trên nền vải. (Xem ảnh 6).

Việc phân loại sản phẩm và công dụng của nó trong đời sống chỉ mang tính tương đối. Trên thực tế, đồng bào thường dùng kết hợp hai hoặc ba loại với nhau. Ví dụ. vỏ chăn bao giờ cũng dùng vải thô làm diềm xung quanh mặt vải thổ cẩm.

Tóm lại: Nghề dệt vải từ lâu đã trở thành nghề thủ công truyền thống quan trọng của người Mường, đồng bào đã tạo ra nhiều loại y phục để phục vụ cho cuộc sống gia đình và cộng đồng.

Khi nghiên cứu trang phục nhóm ngôn ngữ Việt - Mường và trang phục nhóm ngôn ngữ Tày - Thái chúng tôi trình bày kết hợp các tiêu chí: trang phục theo giới tính, lứa tuổi và chức năng xã hội của chúng.

I. Y PHỤC PHỤ NỮ

Y phục thường ngày của phụ nữ Mường vùng Hoà Bình, Phú Thọ, Thanh Hóa có một số điểm khác nhau. Sự khác nhau đó thể hiện tính đa dạng và sự giao thoa văn hoá giữa trang phục người Mường với trang phục của người Kinh, Tày, Thái là những tộc người sống đan xen, kề cận với họ. Vì vậy, chúng tôi giới thiệu trang phục Mường ở các vùng nói trên để có bức tranh tổng quát khi nhận diện về văn hóa Mường.

1. Y phục phụ nữ Mường ở huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ

Bộ y phục này gồm có khăn đội đầu, áo, yếm, váy, thắt lưng.

- ***Khăn đội đầu*** là loại khăn vuông màu đen có kích thước 75 x 75cm. Về hình thức rất giống khăn của phụ nữ Kinh, Tày. Khi đội khăn họ búi tóc sau gáy, buộc khăn trùm phía ngoài. (Xem ảnh 7).

- ***Áo*** (*cại ao*) được cắt may bằng vải thô tự dệt, thường nhuộm màu nâu hoặc để trắng. Áo may kiểu tứ thân không xẻ tà, giữa sống lưng có đường khâu chia áo thành hai nửa bằng nhau. Cổ áo tròn không có cúc cài hoặc cổ áo liền với nẹp ngực có đơm cúc cài. Tay áo liền với thân được nối ở giữa tay. Áo dài 33cm khi mặc chỉ chớm eo. (Xem ảnh 9).

- ***Yếm*** (*yêm*) được may bằng vải thô tự dệt màu trắng, hình vuông rộng 50cm, hai đầu có đính dây buộc sau gáy, hai cạnh có đính dây buộc ngang lưng. Yếm nhọn phía dưới như yếm phụ nữ Kinh. (Xem ảnh 8).

- ***Váy*** (*wại*) là loại váy ống (váy kín) dài 112cm gồm ba phần: thân váy bằng vải chàm đen dài 78cm, phần vải hồng ở giữa rộng 10cm (thay thế cho phần cao của cạp váy). (Xem ảnh 10).

Do nghề dệt vải phát triển đến trình độ cao, người phụ

nữ Mường nói chung đã sáng tạo những cạp váy đẹp. Cạp váy người Mường không chỉ là một bộ phận của trang phục, nó còn chiếm một vị trí quan trọng trong nghệ thuật trang trí cổ truyền của người Mường. Cạp váy của người Mường huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ rộng 24cm gồm hai phần: rang trên được dệt bằng sợi màu chàm xen màu trắng tạo thành những dải màu nhỏ đều nhau chạy song song ngay thân váy.

Rang dưới rộng 15cm cũng là những dải màu đều nhau chạy song song, trên những dải màu có điểm một số hoa văn hình học đơn giản đối xứng nhau.

Ngoài việc mặc váy, một số phụ nữ Mường ở Phú Thọ còn mặc quần như người Kinh và người Tày.

- ***Thắt lưng*** (*tênh*) bằng vải tơ tằm nhuộm xanh, dài 300cm, rộng 28cm (bằng một khổ vải), hai đầu thắt lưng là hai hàng tua được tết từ những sợi vải. Khi dùng, họ gập nhỏ theo chiều dọc và quấn nhiều vòng xung quanh người, hai đầu để buông sau lưng hoặc giắt hai bên cạnh. Thắt lưng của phụ nữ Mường Phú Thọ rất giống thắt lưng của người Kinh và người Tày. (Xem ảnh 11).

Phụ nữ Mường ở các vùng có thói quen búi tóc sau gáy và quen sử dụng một số đồ trang sức bằng bạc như vòng tay, vòng cổ, vòng tai và họ còn dùng hạt cườm (*khậu*) để tạo thành vòng đeo tay, đeo cổ. Khi đi chơi, đi hội phụ nữ

Mường còn trang điểm thêm bộ xà tích bằng bạc gồm dây tết bốn cạnh, hộp ốc đào đựng vôi ăn trầu và chùm vuốt hổ bọc bạc. Tất cả được móc vào thắt lưng (*tênh*) từ bên hông vòng về giắt trước bụng.

2. Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Mường vùng Hòa Bình

Bộ y phục này gồm có khăn, áo, yếm, váy, thắt lưng và các đồ trang sức tuỳ theo điều kiện kinh tế của từng người.

- ***Khăn*** (*tênh*): Phụ nữ Mường Hoà Bình dùng khăn màu trắng để đội đầu. Khăn rộng 20cm, dài 70cm, khăn có thể viền mép hoặc không viền mép. Khi đội, họ chỉ thắt một nút theo kiểu giắt sau gáy. Phụ nữ Mường ở một số xã thuộc huyện Đà Bắc huyện Mai Châu tỉnh Hoà Bình sống xen kẽ với người Thái, họ dùng khăn nhuộm màu chàm hoặc xanh lơ đội đầu hàng ngày. (Xem ảnh 15).

Trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, dân tộc Mường là một trong số ít dân tộc dùng khăn trắng để đội đầu, điều này thật khó hiểu vì người Mường cùng nguồn gốc lịch sử và cùng nhóm ngôn ngữ với người Việt. Trong cuộc sống, người Việt rất kỵ khăn trắng, họ sợ phải dùng đến khăn trắng. Khăn trắng không thể tuỳ tiện đội lên đầu, nó chỉ được đội khi trong gia đình, họ tộc có người chết.

Vậy sao người Mường lại dùng khăn trắng đội đầu hàng ngày? Để lý giải việc làm này, người Mường có

một truyền thuyết kể rằng: Từ xa xưa, tại một bản Mường có tên là Mường Dậm có một chàng trai tên là Khoẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ. Cuộc sống từ nhỏ đã giúp chàng nhanh nhẹn, hoạt bát, làm việc gì cũng hơn người. Tại nơi chàng sống, có cô gái nhà lang tên là Út Dô. Út Dô đẹp cả người lẫn nết, hai người đã vượt quá khuôn khổ nhà lang, họ yêu nhau say đắm. Lang biết chuyện, không muốn gả con gái cho Khoẻ nên đã đánh lừa chàng, lang hẹn: khi nào Khoẻ giết được cặp hổ dữ trong núi Hông Đung sẽ cho hai người tổ chức lễ cưới. Trong buổi chia tay đi bắt hổ dữ, Út Dô đã khóc rất nhiều, chàng Khoẻ xé vạt áo còn trắng trưa kịp nhuộm màu của mình lau nước mắt cho người yêu. Trong cuộc vật lộn với hổ dữ, chàng trai đã cùng hổ rơi xuống vực thẳm, thi thể của chàng đã tan thành nước. Còn lại một mình, cô gái khóc thương Khoẻ rất nhiều, nước mắt thấm vào mảnh áo chàng ướt rồi lại khô và Út Dô đã đội lên đầu kỉ vật duy nhất của người yêu. Ròng rã hàng trăm ngày, Út Dô ra bờ suối chờ đợi người yêu trở về. Tiếng suối róc rách chảy như tiếng đập của trái tim Khoẻ, Út Dô dùng khăn khoả xuống nước thấy hình ảnh chàng nổi lên. Và một đêm trăng sáng, trời bỗng tối sầm lại Út Dô đã theo Khoẻ lên mường Trời. Thân thể của nàng đã biến thành những bông hoa clăng màu trắng mọc đầy ven suối. Từ đó phụ nữ Mường từ trẻ đến già đều dùng

vải trắng làm khăn đội đầu để nhớ thương một mối tình cao đẹp. Màu trắng của chiếc khăn đã trở thành biểu tượng của lòng chung thuỷ đồng thời là niềm khát vọng hạnh phúc lứa đôi của thanh niên nam nữ Mường.

- **Áo** (*cặt*) theo Jeancuisinier và Trần Từ thì áo cổ truyền của phụ nữ Mường là loại áo ngắn tương tự áo cánh của phụ nữ Kinh nhưng ngắn hơn nhiều. Áo xẻ ngực nhưng không có cúc cài. (Xem ảnh 17).

Áo của phụ nữ Mường hiện nay vẫn may theo kiểu truyền thống, áo kiểu tứ thân, giữa lưng có đường ghép, cổ áo tròn, thân rất ngắn chỉ dài 37cm, rộng 43cm, tay dài 40cm, tay áo liền với thân, nách áo khoét hình cánh cung, áo không có cúc cài, cổ áo đính một đôi dây vải để buộc hai vạt áo với nhau, hai vạt trước có hai túi nhỏ cân xứng kích thước 9 x 9cm.

Áo ngắn của phụ nữ Mường được may bó sát thân, khi mặc vừa chớm eo để khéo khoe vẻ đẹp tự nhiên của người phụ nữ. Phụ nữ Mường thường dùng vải xanh, trắng, nâu, hồng để may áo ngắn. Những màu đó vừa lâu phai vừa tạo cảm giác nhẹ nhàng, mát mẻ, tươi trẻ cho người mặc.

- ***Yếm*** (*cại yếm*) trước kia may bằng vải thô tự dệt, ngày nay chủ yếu may bằng vải trắng công nghiệp. Yếm có kích thước 38 x 26cm có đính bốn dây, hai dây buộc sau gáy, hai dây buộc ngang lưng. Khi mặc, yếm được cạp váy đè lên quá nửa. (Xem ảnh 16).

Về hình dáng, yếm nữ Mường Hòa Bình khác yếm nữ Mường Phú Thọ. phía dưới yếm hình vuông che kín bụng, yếm nữ Mường Phú Thọ phía dưới nhọn như yếm người Kinh.

- *Váy* (*wăl*) của phụ nữ Mường được may theo kiểu váy ống (váy kín), váy gồm có hai phần thân váy và cạp váy. Thân váy bằng vải bông tự dệt màu đen hoặc tím than. Thân váy dài 72cm được ghép bằng hai khổ vải theo chiều ngang. Gấu váy thường dùng vải đỏ, trăng, hông rộng 3cm nẹp phía trong, đây cũng là cách làm duyên của các cô gái. (Xem ảnh 19).

Cạp váy (*klôốc wăl*) rộng 31cm gồm ba phần. Phần trên cạp váy gọi là rang trên (*raang klêênh*) rộng 9cm dệt nhiều loại hoa văn hình học như hình vuông, hai hàng dích dắc, hình tam giác cách điệu rồi lại hình vuông...

Phần giữa cạp váy gọi là rang dưới (*raang chơ*) rộng 14cm được ngăn cách với rang trên bằng hoa văn vạch song song có ba hàng chỉ trắng chạy suốt bề rộng của váy, tiếp theo là những dải hoa văn dích dắc bằng sợi màu xanh, tím, đen, đỏ, vàng xen kẽ nhau chạy ngang thân váy.

Phần dưới của cạp váy gọi là *cao*. Cao thường rộng 8 - 9cm, hoa văn chủ yếu là các sọc màu nằm ngang có điểm thêm một số hoa văn thực vật.

Nhiều phụ nữ còn dùng vải màu xanh, màu hồng rộng

đúng bằng chiều rộng của phần "*cao*" để khâu nối giữa cạp với thân váy.

-***Thắt lưng*** (*tênh*): Trước kia phụ nữ Mường thường dùng vải tơ tằm làm thắt lưng, nay họ dùng vải phin màu xanh lơ, xanh lá mạ để may thắt lưng. Thắt lưng rộng 20cm, dài 250cm, hai đầu được khâu nối tạo thành vòng tròn khép kín. Khi dùng, vuốt thẳng tạo thành hai lớp vải và thắt đúng giữa co trên phần "*cao*" của váy, làm nổi rõ eo người. (Xem ảnh 18).

3. *Y phục của phụ nữ Mường Thanh Hoá*

Qua nghiên cứu một số bộ y phục phụ nữ Mường thuộc xã Ngọc Khê huyện Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hoá chúng tôi thấy áo phụ nữ ở đây may kiểu chui đầu (*pon cho*) và họ không sử dụng yếm. Đây chính là hình ảnh cổ xưa của chiếc áo nữ Mường.

Có thể đây chỉ là một đặc thù của người Mường ở một địa phương. Thực tế ở vùng Thạch Thành và Thọ Xuân tỉnh Thanh Hoá áo của phụ nữ Mường cũng là loại áo xẻ ngực và họ vẫn dùng yếm. Bộ y phục của phụ nữ Mường Thanh Hoá có khăn, áo, váy, thắt lưng.

- ***Khăn đội đầu*** (*khăn*) của phụ nữ Mường ở huyện Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hoá là loại khăn dài, màu đen. Khăn có hai loại: loại khăn không có hoa văn chủ yếu dùng trong lao động và trong sinh hoạt hàng ngày; loại thêu hoa

văn dùng trong ngày cưới, lễ hội, khi đi chợ, đi chơi... Riêng các thiếu nữ, hàng ngày vẫn dùng khăn thêu để đội đầu. (Xem ảnh 21).

Khăn dài 100cm, rộng 24cm (bằng một khổ vải tự dệt). Hai đầu khăn được thêu hoa văn, phần ngoài cùng rộng 3cm thêu hoa văn dích dắc được chia thành từng ô với các màu đỏ, xanh, vàng, trắng khác nhau, người Mường gọi hoa văn này là thăng mun (*gai mùn*). Phần giữa rộng 6cm được thêu hoa văn lố neo (*hoa móc*), phần trong rộng 6cm được thêu hoa văn lố thao (*hoa sao*) bằng chỉ các màu.

Khăn đội đầu của phụ nữ có tác dụng che đầu khi nắng, gió, giá rét. Khăn còn là vật trang sức quan trọng của phụ nữ khi bước chân ra khỏi nhà, họ rất hãnh diện khi đội những chiếc khăn đẹp do chính tay mình làm ra.

- ***Áo*** (*áo tróng*): Trước kia đồng bào dùng vải tự dệt để may áo, nay may bằng vải công nghiệp (thịnh hành nhất là màu xanh sĩ lâm hoặc màu xanh thẫm), vải tự dệt chỉ dùng may váy và khăn đội đầu.

Áo được cắt theo kiểu chui đầu (*pon cho*), cổ áo khoét tròn bó sát cổ, phía sau xẻ đường giữa lưng để chui đầu, có đính cúc để cài sau gáy. Áo chui đầu của phụ nữ Mường Thanh Hoá rất giống áo *xửa luông* (áo lớn) của người Thái Đen, *xửa tày* của người Thái Nghệ An, *xửa cỏm* của người

Thái Lai Châu, Sơn La vì chúng cũng là áo chui đầu. (Xem ảnh 22).

- ***Váy*** (*vằn*) là loại váy ống dài 114cm, rộng 69cm gồm hai phần thân váy và cạp váy. (Xem ảnh 23).

Thân váy được ghép bởi hai khổ vải tơ tằm có hoa văn hình ô vuông nhỏ chìm, màu đen, dài 76cm. Gấu váy rộng 3cm được táp thêm dải vải đỏ ở phía trong.

Cạp váy (*chôc văn*) rộng 34cm được chia thành ba phần:

Rang trên (*đang*) rộng 13cm có hoa văn chủ đạo là các hình thoi to. Trong các hình thoi là sao tám cánh, giữa sao tám cánh là hình đồng tiền thủng (*lố tôống*). Bên ngoài các hình thoi to là các hình thoi nhỏ, giữa mỗi hình vuông cũng có một hình đồng tiền thủng hoặc một hình sao tám cánh chìm màu đen xen với hình đồng tiền thủng.

Rang dưới (*buôn*) rộng 15cm gồm các băng ngang màu hồng, đỏ xen các sọc nhỏ màu xanh, đỏ, hồng. Các băng ngang dệt hình hoa móc trên đáy chung với hình thoi. Các sọc nhỏ gọi là "*táng ngăn*" gồm các đồng tiền thủng nhỏ kế tiếp.

Phần cao (*lai*) rộng 6cm dệt các sọc ngang khổ vải, trên điểm các đồng tiền thủng hoặc sọc màu.

- ***Thắt lưng*** (*tân*) rộng 32cm, dài 362cm được khâu nối

hai đầu thành vòng tròn khép kín. Thắt lưng được dệt bằng chỉ tơ tằm nhuộm màu xanh. Thắt lưng còn có tác dụng giữ cho váy quấn chặt vào cơ thể. (Xem ảnh 24).

Qua việc khảo tả y phục hàng ngày của phụ nữ Mường vùng Phú Thọ, Hoà Bình, Thanh Hoá, chúng tôi bước đầu lập bảng đối chiếu so sánh để rút ra những đặc điểm tương đồng và dị biệt trong trang phục phụ nữ Mường ở các địa phương nói trên theo bảng so sánh dưới đây.

Tiêu chí	*Phú Thọ*	*Hoà Bình*	*Thanh Hoá*
Áo ngắn (kiểu dáng cắt may, màu sắc trang trí).	Ngắn, mở ngực, cài cúc; màu trắng, nâu…	Ngắn, mở ngực; màu trắng, hồng, xanh…	Ngắn, mở ngực, chui đầu; màu trắng, xanh…
Váy (hình dáng, màu sắc cách trang trí).	Váy ống màu đen, có trang trí hoa văn trên cạp váy.	Váy ống màu đen, có trang trí hoa văn trên cạp váy.	Váy ống màu đen, có trang trí hoa văn trên cạp váy.
Mẫu hoa văn trên cạp váy.	Hình học, thực vật đơn giản, chưa thấy hoa văn động vật, màu sắc tối.	Hình học, thực vật, động vật, hoa văn chìm, màu hơi tối.	Động vật, hình học, thực vật. hoa văn rõ, màu sắc tươi sáng.

Khăn (hình dáng, màu sắc)	Hình vuông, màu đen.	Dài, màu trắng chủ đạo + đen + xanh chàm.	Dài, màu đen, xanh; trang trí hoa văn hai đầu.
Yếm (hình dáng, màu sắc)	Màu trắng, phía dưới nhọn (giống yếm người Kinh).	Màu trắng, phía dưới vuông.	Không dùng yếm.
Áo dài lễ hội (hình dáng, màu sắc)	Tứ thân, cài cúc bên nách phải; màu trắng giống áo người Kinh.	Tứ thân, mở ngực, khi mặc buộc hai vạt trước; màu đen.	Tứ thân, mở ngực, không có cúc; màu xanh, nâu tươi.

Tóm lại: Trang phục phụ nữ Mường ở các địa phương tuy có một số đặc điểm khác nhau nhưng vẫn giữ được những nét tương đồng (đây là mặt cơ bản). Nó được thể hiện trong kiểu dáng cắt may áo rất ngắn, khi mặc chỉ chớm eo, dù là áo mở vạt hay chui đầu, nách áo đều khoét hình cánh cung, khi mặc áo bó sát người nhưng vẫn cử động dễ dàng.

Váy ở các vùng đều là váy ống không chiết cạp, thân

váy màu đen được may bằng vải thô tự dệt. Cạp váy là một bộ phận được dệt hoa văn rất công phu và đẹp. Khi mặc họ kéo váy che kín ngực, dùng thắt lưng buộc chính eo, gần như toàn bộ cạp váy được phô diễn ra ngoài.

Hiện nay một số phụ nữ Mường may váy mới, có thể không có vải dệt hoa văn làm phần "cao" hoặc do muốn có chút thay đổi so với những chiếc váy khác của chính họ nên họ đã ghép thêm mảnh vải khác màu vào phần cạp váy, tuy vậy họ vẫn tuân thủ nguyên tắc cắt may truyền thống. Phần vải khâu thêm thường trùng với số đo của phần "cao" mà những chiếc váy khác đã có, điều đó chứng tỏ dù có thay đổi nhưng họ vẫn muốn giữ lại kiểu dáng cắt may mà cha ông họ đã từng làm.

Trang phục Mường mang sắc thái địa phương rất rõ, được thể hiện ở sự khác nhau trên một số bộ phận của y phục giữa các vùng như bản thống kê đã chỉ ra. Sự khác nhau còn thể hiện ở cách mặc trang phục. Phụ nữ Mường vùng Hoà Bình, Phú Thọ mặc váy trùm quá nửa yếm, áo thả tự do không cài cúc. Phụ nữ Mường Thanh Hoá mặc váy trùm ngoài áo (vì họ không dùng yếm mà mặc áo chui đầu).

Trang phục phụ nữ Mường có nhiều yếu tố rất gần gũi với trang phục phụ nữ Kinh, Thái, Tày... điều đó thể hiện sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc sống cộng cư gần

nhau. Sự giao lưu được thể hiện rất rõ ở kiểu dáng cắt may của bộ y phục nam giới, đó là chiếc áo cánh tứ thân mở ngực, quần chân què cạp lá toạ, khăn dài quấn đầu rìu (dùng ngày thường), khăn xếp (dùng ngày lễ tết, cưới xin).

Y phục phụ nữ Mường Phú Thọ giống y phục phụ nữ Kinh, Tày (khăn dội đầu hình vuông màu đen), khi dùng đội kiểu "mỏ quạ". Áo dài lễ hội của phụ nữ Mường cũng là loại áo tứ thân giống phụ nữ Kinh.

Áo ngắn dù mở ngực hay chui đầu (*pon cho*) của phụ nữ Mường dệt giống áo "*cóm*" của phụ nữ Thái vì nó được may rất ngắn và bó sát người, nách áo cắt hình cánh cung để khi mặc vẫn cử động dễ dàng. Khăn đội đầu của phụ nữ Mường Thanh Hoá cũng là loại khăn dài màu đen, hai đầu khăn thêu hoa văn giống khăn "piêu" của phụ nữ Thái.

Từ bao đời nay hiện tượng lấy vợ, lấy chồng giữa cư dân các Mường không bị cấm đoán hay hạn chế. Đặc biệt, hiện tượng hôn nhân giữa hai dân tộc Việt - Mường, Mường - Thái đã từng có, cho nên hiện tượng giao lưu văn hoá là lẽ đương nhiên. Khi đến gia đình ông Bùi Văn Ya người Mường ở xóm Đóng xã Phong Phú huyện Tân Lạc tỉnh Hoà Bình thấy trong nhà có nhiều đồ dệt hoàn toàn là của người Thái, hỏi ra mới biết đó là của hồi môn của vợ ông đem về nhà chồng (bà là người Thái ở Mai Châu).

Trên các mẫu hoa văn của người Mường, có nhiều mẫu

học theo cách dệt của người Thái. Giáo sư Từ Chi đã nhận xét là: Rang trên Mường đã vay mượn nguyên xi, hay gần như thế hoa văn của mặt phà Thái - đó là nhận xét dứt khoát và hữu thức của nhiều "mế" chuyên dệt thổ cẩm.

II. Y PHỤC NAM GIỚI

Y phục nam giới dân tộc Mường gồm có khăn đội đầu, áo, quần, khăn thắt quần. Nhìn tổng thể y phục nam giới Mường gần giống y phục cổ truyền của dân tộc Kinh và gần gũi với trang phục người Thái cư trú kề cận với họ.

- ***Khăn đội đầu*** là loại khăn dài trên 100cm, rộng trên 20cm bằng một khổ vải, màu đen. Trước kia nam giới Mường thường búi tóc trên đỉnh đầu, dùng khăn dài quấn ba vòng quanh đầu dưới búi tóc. Ngoài ra họ còn dùng một loại khăn nữa ngắn hơn, khi thắt quấn vòng từ gáy ra phía trước giao nhau trên trán, giắt hai đầu ở hai bên tai. Hai đầu khăn dựng nghiêng trông rất sống động, đây là kiểu quấn khăn đầu riu từng có ở người Việt. Xưa kia, khăn đội đầu là vật rất quan trọng của người đàn ông khi ra khỏi nhà, nhất là khi phải giao tiếp ngoài xã hội. Nếu không có khăn đội đầu họ không dám bước đến cửa quan.

Trong xã hội Mường truyền thống, tầng lớp quý tộc Mường thường sử dụng khăn xếp như người Kinh.

- ***Áo*** nam giới Mường thường may bằng vải tự dệt nhuộm màu xanh, đen, nâu. Áo may kiểu tứ thân có đường

nối ở giữa sống lưng. Cổ áo khoét tròn, nẹp cổ cao khoảng 2cm. Vai có miếng đệm phía sau gáy hình bán nguyệt gọi là "*lá môl*" - lá lót mồ hôi. Áo xẻ tà, nẹp áo may thẳng từ cổ xuống gấu, áo thùa khuy cài cúc. Dưới hai vạt trước của áo có hai túi đối xứng nhau, trên ngực trái có một túi nhỏ. Tay áo liền với thân và có đường nối ở giữa cánh tay, cửa tay áo rộng, nách áo khoét hình vòng cung tạo cho áo rộng, dễ vận động khi mặc.

- ***Quần*** cắt theo kiểu chân què, cạp to, không có dây thắt cạp (dây rút). Khi mặc, dùng khăn thắt giữa bụng gọi là khăn quần, khăn dài và rộng gần bằng thắt lưng của phụ nữ. Khi thắt, người ta buông khăn dài gần đầu gối. Khăn quần chính là bóng dáng của chiếc khố ngày xưa. Thắt lưng thường được gài dao khi đi rừng, đi nương. Trong những nếp gấp hoặc nút thắt của nó là nơi giắt thuốc lào rất tiện lợi của người đàn ông.

III. TRANG PHỤC TRONG LỄ HỘI, CƯỚI XIN

Trang phục mặc trong lễ hội, cưới xin cũng may cùng kiểu dáng như bộ y phục mặc thường ngày, cái khác chủ yếu ở đây là nó mới, màu sắc đẹp hơn. Trong lễ hội, cưới xin người Mường có quan niệm đây là ngày vui chung của cộng đồng ai cũng phải mặc đẹp. Trong những ngày đó, cả nam và nữ, ngoài bộ y phục đẹp họ còn mặc thêm một chiếc áo *chùng* (áo dài) cho trang trọng.

Bộ y phục cô dâu Mường ở làng Muối xã Cẩm Thành huyện Cẩm Thuỷ tỉnh Thanh Hoá gồm có khăn, áo ngắn, váy, áo dài.

- ***Khăn*** (*pịt chốc*) bằng vải bông tự dệt, dài 65cm, rộng 23cm. Khăn màu đen, hai đầu thêu hoa văn. Hoa văn thêu trên hai đầu chủ yếu là hình răng cưa, hình dãy núi, hoa cây bi (*pôông pi*), hoa văn bốn cánh, hoa văn tám cánh (*pôông ca*). (Xem ảnh 26).

Hoa văn động vật được thêu ở đây là hình con gà, thêu chỉ hồng trên nền đen và hai đường trang trí kết hợp với biểu tượng con rồng. Đây là chiếc khăn đẹp, được phụ nữ dùng trong lễ cưới hay đi hội.

- ***Áo ngắn*** (*áo khóm*) đây là chiếc áo được cắt may theo kiểu truyền thống, áo chui đầu (*pon cho*). (Xem ảnh 27). Áo có các bộ phận sau:

Cổ áo (*coọc ào*) được khoét hình bán nguyệt có đường kính 8,05cm, cổ áo viền vải đỏ, phía sau có đính một cúc đồng để cài.

Tay áo (*say ào*) dài 36cm, cửa tay rộng 10cm, tay được may liền với thân, nách được khoét hình cánh cung, khi mặc áo bó sát lấy thân.

Thân áo (*poọc ào*) rộng 60cm. Thân trước dài hơn thân sau. Khi mặc, phụ nữ giắt thân trước vào cạp váy, thân sau để hở.

- ***Váy*** (*cai vằn*) được cắt may bằng vải thô tự dệt màu đen, dài 117cm (phần cạp 36cm), rộng 75cm. Váy có hai phần: thân váy và cạp váy. (Xem ảnh 28).

Thân váy gồm hai khổ vải khâu nối với nhau, dài 81cm, gấu váy nẹp miếng vải đỏ rộng 2cm ở phía trong.

Cạp váy là phần quan trọng nhất của váy. Cạp váy có ba phần rõ rệt (chúng tôi dựa vào tiêu chí của Trần Từ để mô tả vì tên gọi của đồng bào không thống nhất):

Rang trên rộng 14cm, màu chủ thể là màu đen, hoa văn màu trắng trông rất nổi. Hoa văn chủ đạo ở đây là những đường gấp khúc khép kín, tạo nên những hình vuông to khuyết một góc. Giữa mỗi hình vuông là sao tám cánh. Những thợ dệt Mường gọi đây là "*tràng húm*" - trán con cọp.

Rang giữa rộng 14cm, gồm 5 đải màu khá đều nhau chạy ngang thân váy. Hai dải màu đỏ nhạt ở hai cạnh đều dệt hình tượng con rồng (*rống*), hai dải tiếp theo màu trắng xen lẫn đỏ được dệt hình tượng con phượng (*phướng*), dải đỏ thẫm ở giữa cũng được dệt hình con rồng (*rống*).

Cao rộng 8cm, chủ yếu là các dọc chỉ màu đan xen nhau theo chiều đứng của váy, xen vào đó là những bông hoa nhỏ, hoa cà (*pôông ca*).

- ***Thắt lưng*** (*trây lưng*) dài 132cm, rộng 33cm, bằng vải tơ tằm nhuộm xanh. Thắt lưng được khâu nối hai đầu

thành một vòng tròn khép kín, khi dùng vuốt thẳng quấn ngoài áo và váy. (Xem ảnh 30).

- ***Áo dài*** (*ao chùng*) cắt may bằng vải tơ tằm được nhuộm xanh. Áo dài 100cm, rộng 45cm, tay dài 45cm. (Xem ảnh 29)

Áo được cắt may theo kiểu áo dài tứ thân, không có khuy và cúc cài, không có cổ riêng, phía sau áo có viền thêm miếng vải trắng hình chữ U. Áo dài (*ao chùng*) chỉ mặc ngoài khi đã mặc đủ bộ quần áo thông thường (áo ngắn, váy, thắt lưng, khăn).

Trong ngày cưới, cô dâu cùng hai người phù dâu (*piềng*) mặc *áo chùng* ngồi xếp mái, trình trước bàn thờ tổ tiên. Các mế, các chị đến dự đám cưới cũng mặc áo chùng trông rất duyên dáng và lịch sự.

Khi mặc áo chùng, ai muốn gọn thì dùng thắt lưng, da phần để buông vạt cho thướt tha. Trước kia những nhà quyền quý hoặc khá giả khi có đám cưới, chú rể và hai phù rể mặc áo chùng đen giống áo dài the của người Việt, đầu đội khăn xếp đi đón dâu và trình trước bàn thờ tổ tiên nhà vợ. Các cụ, các ông cao niên cũng mặc áo chùng đen, đội khăn xếp đi ăn cưới. Tầng lớp bình dân có thể mặc áo chùng, đội khăn xếp hoặc mặc bộ thường phục mới.

Trang phục mặc trong ngày cưới đã trở thành biểu tượng thiêng liêng của nhiều đôi vợ chồng. Vì vậy tất cả

mọi người, nhất là những cô gái, rất siêng năng kéo sợi dệt vải để tạo nên những bộ váy áo đẹp nhất, lộng lẫy nhất mặc về nhà chồng trong ngày cưới. Những bộ trang phục đó còn là thước đo của gia đình nhà chồng đối với phẩm hạnh, tài đức của nàng dâu. Sau ngày cưới, bộ y phục được cất giữ cẩn thận. Sau này có thể người mẹ sẽ cho con gái làm của hồi môn, hoặc dành đến lúc chết sẽ mặc sang thế giới bên kia.

IV. Y PHỤC TANG LỄ

Y phục tang lễ Mường gọi là *đồ tem*. Đồ tem của phụ nữ gồm mũ hình phễu gọi là mũ mấn, áo ngắn (*pắn*), áo chùng, váy không đầu, tênh, khăn, tất cả đều bằng vải trắng tự dệt. Đồ tem đều mặc trái. Người mặc đầy đủ bộ tem nhất là các con gái người quá cố. Các con dâu mặc theo hoàn cảnh cụ thể của từng người. Người nào còn đủ bố mẹ đẻ chỉ mặc váy, đội mũ mấn; không mặc áo ngắn, áo chùng. Nếu ai chỉ còn bố hoặc mẹ đẻ thì nên mặc thêm áo ngắn. Nếu bố mẹ đẻ mất cả thì mặc đủ bộ đồ tem.

Đồ tem nam giới Mường cũng dùng toàn vải trắng gồm áo ngắn, áo chùng, quần, khăn buộc đầu. Các con trai của người quá cố phải mặc đầy đủ bộ đồ tem. Con trai cả phải đeo thêm một bắp dao. Cũng cần nói thêm, khi phát tang, người thân trong nhà mặc quần áo tang. Con trai cả đeo bắp dao đi lên cửa *boóng tôông* (cửa sổ gian đặt bàn thờ tổ

tiên), rút dao chặt ba nhát lên thành cửa để nói rằng người thay mặt gia đình thờ cúng tổ tiên nay không còn nữa, công việc đó từ nay do con trai cả đảm nhận.

Trong đám ma người Mường các con rể, em trai, cháu trai người quá cố có thể chỉ mặc quần tem và đội khăn trắng.

Ngày nay, tuỳ thuộc vào điều kiện kinh tế của từng gia đình, đồ tem có thể giảm đi vài thứ hoặc có thể thay vải tự dệt bằng vải xô đê cho con cháu hoặc những người có họ xa với người quá cố dùng.

Người Mường có phong tục trao quần áo, vải vóc cho người chết, thi thể người chết được liệm trong nhiều lớp vải và quần áo. Việc làm đó không chỉ thể hiện tập quán tín ngưỡng mà nó còn thể hiện đạo lý, tình cảm của người sống đối với người chết.

Trong đám ma người Mường đã diễn ra nhiều nghi lễ, *tế quạt ma* là một nghi lễ độc đáo liên qùan đến trang phục. Những người tham gia lễ này là các nàng dâu (bà dâu) trong họ nội, ngoại của người quá cố được gia chủ nhờ quạt ma. Khi tham dự lễ, họ mặc bộ đồ quạt ma trông rất đẹp gồm váy đen cạp mới, áo ngắn, yếm đỏ, áo chùng bằng vải gấm hoa màu đỏ, vàng, nâu, đầu đội mũ trang trí hạt cườm, hai tay đeo vòng hạt cườm, tay phải cầm quạt cọ múa, tay trái cầm que gậy, phía trước mặt đặt một chiếc

ghế mây. Trước kia chỉ có những nhà lang, nhà giàu mới tổ chức được lễ quạt ma. Nay loại nghi lễ độc đáo này rất ít khi được tổ chức. (Xem ảnh 31).

Ở huyện Cẩm Thuỷ tỉnh Thanh Hoá, nam giới Mường còn sử dụng loại y phục dùng để múa trong đám ma. Y phục đó gọi là *ào trai chéo ma* (xem ảnh 32). Áo may bằng vải thổ cẩm được cắt khâu đơn giản, thực tế chỉ là mảnh vải để nguyên khổ, dài 150cm, khoét cổ tròn, ngực áo hình chữ V. Xung quanh cổ viền vải phin hoa, nền đỏ hoa trắng. áo không có tay, nó chỉ là mảnh vải gấp đôi khâu hai cạnh sườn - trừ phần mở nách. Hoa văn trang trí trên áo chủ yếu là những băng ngang bằng sợi màu xanh, đỏ, tím, vàng, trắng xen kẽ nhau. Chính những dải băng ngang tạo nên bố cục hoa văn dải cho toàn bộ thân áo. Phần giữa áo phía trước và sau có dải hoa văn rộng 9cm, hoa văn chủ thể là quả mây (*trái mè*) và hoa văn hình tam giác nối tiếp nhau. Ngoài chiếc áo *ào trai chéo ma,* khi múa họ còn sử dụng trống, gậy, kèn để phụ hoạ thêm. (Xem ảnh 33 - 34 - 35).

V. TRANG PHỤC THẦY MO

Trong tang lễ người Mường còn phải kể đến vai trò của ông thầy mo. Bộ trang phục thầy mo gồm áo chùng xanh may rất rộng, tay áo to, vạt trái may rộng vắt chéo qua sườn phải. Vạt áo được viền một dải vải đỏ rộng 4cm chạy

suốt từ mép vạt trái áo vòng qua cổ sang vạt phải. Áo dài tới bắp chân, phần dưới may mở rộng và không xẻ tà. Ngang lưng có thắt một thắt lưng bằng vải trắng. Ông mo đội mũ mềm hình chóp bằng vải xanh. Đường kính mũ phần đội vào đầu là 20cm, phía trong táp vải đỏ rộng 2,5cm làm nẹp mũ. Mũ được khâu thuôn dần về phía đỉnh. Hai bên chóp mũ khâu hai mảnh vải dài 15cm, rộng 5cm thuôn dần và nhọn ở đầu, xung quanh dải mũ được thêu viền bằng chỉ đỏ, khi đội mũ ngả về phía sau, đó là kiểu mũ *đuôi peo*.

Khi hành lễ, ông mo tay trái cầm quạt giấy, tay phải cầm chuông (*khếnh*) giơ lắc để điểm đoạn cho bài mo. (Xem ảnh 36).

Khi đưa ma, ông mo mặc áo, đội mũ, đeo dao, đi trước đoàn người một quãng xa với mục đích dẫn hồn người chết đến huyệt, chỉ cho hồn ở đó rồi cởi trang phục, trở về bằng con đường khác.

VI. TRANG PHỤC TRẺ EM

Theo phong tục truyền thống, người Mường quan niệm trẻ em sẽ ốm đau nếu như chúng được mặc quần áo mới. Trẻ em nhỏ chủ yếu chỉ dùng đồ trang sức như vòng cổ, vòng tay để kỵ gió, trừ ma.

Trẻ em từ 8 tuổi trở lên mặc áo, váy, khăn, yếm như người lớn, kiểu cắt may y phục trẻ em gái mang tính

truyền thống. Áo có màu sắc đẹp, chủ yếu là màu hồng, màu nâu tươi. Váy của trẻ em không có cạp, không may thành ống như người lớn, nó chỉ là mảnh vải quấn quanh người để các em đi không bị vướng chân.

Y phục trẻ em trai thường may bằng vải chàm, xanh sĩ lâm. Kiểu dáng cắt may giống y phục thường ngày của nam giới, kích cỡ nhỏ hơn. Ngày nay, trẻ em trai cũng như gái thường mặc quần, áo sơ mi may sẵn, bán trên thị trường.

Trang phục trẻ em còn liên quan đến tín ngưỡng của người Mường. Ở xóm Đóng xã Phong Phú huyện Tân Lạc tỉnh Hoà Bình, khi trẻ em bị ốm nếu không mời được thầy mo đến cúng vía cho trẻ, họ trùm chiếc áo của trẻ em vào chõ đồ xôi và coi đó là sự hiện diện của thầy mo, gia đình sắp lễ và tự cúng giải bệnh cho con.

VII. GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA TRANG PHỤC MƯỜNG

Thẩm mỹ là một phạm trù rất rộng, một khái niệm văn hoá bao trùm lên tất cả các mặt của cuộc sống. Trên góc độ bàn về giá trị thẩm mỹ của trang phục Mường, chúng tôi không tham vọng đề cập đến những vấn đề lý luận, nhất là giá trị lịch sử, văn hoá của "hoa văn cạp váy" mà giáo sư Từ Chi đã đề cập trong tác phẩm *Góp phần nghiên cứu văn hoá tộc người*. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập một vài khía cạnh về chức năng thẩm mỹ của trang phục Mường.

Trang phục của các tộc người nói chung và trang phục Mường nói riêng trước hết là kết quả lao động của con người. Các nhà nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn thường xếp trang phục vào loại văn hoá vật chất cùng với các yếu tố khác như nhà cửa, đồ dùng sinh hoạt, công cụ sản xuất, phương tiện vận chuyển, ăn uống... Trong các yếu tố văn hoá trên, trang phục có vị trí đặc biệt quan trọng bởi lẽ trang phục là một thành tố văn hoá vật chất gắn bó mật thiết với con người. Trang phục là dấu hiệu thông tin quan trọng giúp ta có thể phân biệt được tộc người này với tộc người khác. Trang phục không chỉ thoả mãn nhu cầu mặc mà còn thoả mãn nhu cầu làm đẹp của con người.

Quá trình tìm kiếm, học hỏi và làm ra trang phục là quá trình lao động sáng tạo để tạo ra nguyên liệu cho nghề dệt vải, là quá trình phát triển của nền "văn minh công nghiệp". Trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình của sở hữu tư nhiên và của Nhà nước*, F. Ăng Ghen đã chỉ ra rằng: Từ thời đại dã man sang thời đại văn minh được đánh dấu bởi hai thành tựu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang tính cách mạng trong lịch sử nhân loại: "Thành tựu thứ nhất là khung dệt, thành tựu thứ hai là nấu quặng và chế tạo đồ kim loại".

Nghề dệt vải của người Mường nói riêng và các tộc

người khác nói chung là nghề phụ trong gia đình, chưa tách khỏi nông nghiệp. Người phụ nữ chiếm vai trò rất quan trọng trong quy trình tạo nguồn nguyên liệu, dệt vải và cắt may trang phục. Với đức tính bẩm sinh của phụ nữ là cần cù, chịu khó, nhẫn nại, khéo léo... phụ nữ các tộc người nói chung và phụ nữ Mường nói riêng đã tạo nên một sản phẩm văn hoá, kết tinh thành quả lao động của chính bản thân người phụ nữ, đó chính là trang phục.

- *Cách trang trí hoa văn trên trang phục:* Cũng như nhiều tộc người khác, thẩm mỹ được biểu hiện rõ ở trang phục phụ nữ. Đối với trang phục phụ nữ Mường, thẩm mỹ được thể hiện rất rõ trên cạp váy. Giáo sư Từ Chi đã nhận xét: "Cạp váy không chỉ là một bộ phận của trang phục. Nó còn chiếm một vị trí quan trọng bậc nhất trong nền nghệ thuật trang trí cổ truyền của dân tộc Mường".[1]

Cũng có thể nói trang phục là vị trí "duy nhất" vì trong cuộc sống thường nhật của người Mường, nghệ thuật tạo hình ít được phô diễn trong kiến trúc nhà cửa, trên đồ dùng sinh hoạt, đồ thủ công mỹ nghệ. Người Mường không có nhà mồ, tượng mồ như dân tộc Ba Na, Gia Rai...; không có tranh thờ như dân tộc Tày, Nùng, Dao... vì vậy cạp váy được coi là vị trí "quan trọng nhất" thể hiện nghệ thuật tạo hình của dân tộc Mường.

---

[1] Nguyễn Từ Chi, *Góp phần nghiên cứu văn hoá tộc người*, NXB Văn hoá Thông tin và Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, H. 1966, tr. 87.

Nguyễn Từ Chi còn cho rằng hoa văn trên cạp váy Mường "có vạch lại một cách khá rõ, tuy chưa đầy đủ, hoa văn trên mặt trống đồng Đông Sơn, mà cả đa số hình hoạ lẫn bố cục chung"[1]

Với những nhận xét trên có thể khẳng định, hoa văn cạp váy Mường có một vị trí quan trọng trong nền văn hoá Mường nói riêng và văn hoá Việt Nam nói chung. Việc nghiên cứu hoa văn trên cạp váy sẽ góp phần làm sáng tỏ nguồn gốc văn hoá tộc người, mối quan hệ và giao lưu văn hoá giữa các tộc người trong buổi đầu của nền văn minh dựng nước.

Cạp váy người Mường gồm ba bộ phận, tuy được dệt tách rời nhau, màu sắc hoa văn và bố cục có khác nhau nhưng vẫn thành một khối thống nhất tô điểm cho nhau. Khi nghiên cứu một số cạp váy Mường ở vùng Hoà Bình, Phú Thọ, Thanh Hoá chúng tôi bước đầu có thể rút ra nhận xét sau:

Hoa văn cạp váy Mường Phú Thọ chủ yếu là hoa văn vạch nhỏ chạy song song ngang thân váy, màu sắc đơn điệu chủ yếu là màu xanh xỉn phối hợp với màu nâu đất và trắng. Phần rang trên và cao chủ yếu là hoa văn vạch nhưng hai phần này vẫn được phân định rõ bởi kích thước

---

(1) J.Cuisinier, *Người Mường - địa lý nhân văn và xã hội học*, Pari. 1948, NXB Lao động, H. 1995, tr. 12.

và màu sắc của chúng. Rang dưới có vị trí quan trọng nhất trong cạp váy. Tuy vẫn là hoa văn vạch nhưng nó được tô điểm nhiều loại hoa văn hình học.

Quan sát một số cạp váy của phụ nữ Mường ở Thanh Sơn (Phú Thọ), chúng tôi chưa gặp hoa văn động vật trên cạp váy. Có thể nghề dệt thổ cẩm ở vùng này chưa phát triển hoặc hoa văn dệt không đa dạng như những vùng khác.

Hoa văn trên cạp váy Mường vùng Hòa Bình có đủ ba loại hoa văn động vật, hoa văn hình học và hoa văn thực vật. Trong những cạp váy sưu tầm tại hai huyện Tân Lạc và Kim Bôi tỉnh Hoà Bình chúng tôi thấy tỉ lệ cạp váy có hoa văn động vật ít hơn so với cạp váy có hai loại hoa văn thực vật và hình học.

Theo Bùi Chỉ, một người đi sâu nghiên cứu về văn hoá dân gian Mường thì cạp váy (*clôốc*) của phụ nữ Mường có nhiều loại, những loại đơn giản là *clôốc vẹn*, *clôốc pôông nghĩa*, *clôôc trái mê*, *clôốc vẹn en*,... chúng chỉ có hoa văn hình học và thực vật. Kích thước hoa văn nhỏ, thẫm màu.

Kiểu clôốc đẹp nhất, cầu kỳ nhất là clôốc buôn dệt bằng chỉ tơ tằm mịn bóng rất bền. Mặt cạp váy có nhiều dải hoa văn động vật chạy ngang như kiểu trang trí trên trống đồng. Mỗi dải hoa văn động vật cách nhau bởi những dải hoa văn hình học hoặc thực vật. Hoa văn động

vật trên clôốc buôn là rồng, hươu, rùa... Tên gọi của mỗi cạp váy căn cứ vào hoa văn chủ đạo của nó như *clôốc rồng*, *clôốc hươu*... Màu sắc hoa văn động vật thường là màu đồng thau, màu đỏ lửa. Hiện nay người dệt được loại clôốc buôn ở Hoà Bình rất hiếm.

Nghiên cứu một số cạp váy ở hai huyện Ngọc Lặc và Cẩm Thuỷ tỉnh Thanh Hoá chúng tôi thấy cạp váy ở vùng này phần nhiều thuộc loại clôốc buôn. Trên cạp váy là những dải hoa văn động vật hình rồng, phượng, rùa... Kiểu dáng hoa văn và cách trang trí rất gần gũi với trang trí trên trống đồng. Màu sắc chủ đạo của váy là màu vàng, đỏ nên rất rực rỡ.

Từ thực tế, chúng tôi có suy nghĩ: Phải chăng nghề dệt vải của người Mường ở Thanh Hoá đã phát triển đến đỉnh cao, có nhiều nghệ nhân nắm chắc kỹ thuật dệt hoa văn trên cạp váy và họ đã không ngừng truyền thụ lại cho con cháu, đến ngày nay nghề dệt vải vẫn tồn tại và phát triển ở vùng này.

Giáo sư Từ Chi cũng nhận xét: "Cạp váy Mường còn "găm" lại đến tận ngày nay một số mô típ hay bố cục vốn là hồi âm của nền văn minh cổ xưa"[1]. Và ông cũng cho rằng dưới con mắt người Mường, cạp váy là một biểu hiện

---

[1] Nguyễn Từ Chi, *Góp phần nghiên cứu văn hoá tộc người*. Sđd, 1966, tr. 11.

của truyền thống, của lối sống cha ông mà họ chưa đang tâm đoạn tuyệt hẳn.

Trên bình diện chung, hoa văn trên cạp váy Mường rất phong phú, đa dạng. Đồng bào Mường ở các địa phương có những cách gọi khác nhau và việc phiên âm chúng sang tiếng Việt chưa đồng nhất nhưng những tên gọi đó đã gắn với cây cỏ, hoa lá, chim thú, rồng, người... rất gần gũi với môi trường sống của đồng bào.

Mặt khác, hoa văn với tư cách là một loại hình nghệ thuật nó phản ánh tâm tư, tình cảm, óc thẩm mỹ, tài năng sáng tạo của người dệt. Cùng một loại hoa văn nhưng trong quá trình dệt, mỗi người luôn cải biên, cách điệu các chi tiết để tạo nên kiểu dáng hoa văn theo ý thích cá nhân. Những người già thường giữ phong cách, quy tắc truyền thống để bảo lưu kỹ thuật dệt và mẫu mực hoa văn đã được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong khuôn khổ "gia truyền" hay "tộc truyền". Các thiếu nữ trẻ khi dệt thường bay bướm, tự do phóng khoáng nên mẫu hoa văn thường xuyên bị biến cải, do đó chỉ một mẫu hoa văn con rồng nhưng Giáo sư Từ Chi đã thống kê được 14 loại khác nhau.Theo sự thống kê của chúng tôi, mặc dù đây chỉ là những con số thuần tuý, ước lệ vì chưa có điều kiện so sánh, đối chiếu nhưng tên gọi hoa văn trên cạp váy Mường rất phong phú.

Rang trên có các loại hoa văn quả mây, móc câu, chân mủng, kèo nhà, đồng tiền, ngôi sao, bướm, chuồn chuồn, hoa vuông thủng giữa, quả trám, hoa văn mặt phà...

Rang dưới có các loại hoa văn hình rồng, ngựa (*long mã*), rồng lượn, rồng cụt (hay rồng ngắn), rồng cái, rồng con, rồng ấp hay rồng ổ, xởng lội (con xởng giống), xởng vòng (như con bướm to), xởng tóc, xởng cụt, hươu đứng, hươu quỳ, hươu đứng dưới bóng cây chu đồng, chim gáy, chim cò, chim công đi ăn, chim công đang múa, chim cuốc, con ngan, con phượng, gà lôi, con nhện, con cá (đầu dài đuôi ngắn), con rùa, người cưỡi voi che dù, quả mây, quả ghén, quả quýt, quả vánh, lá ngói (hay na ngoi), cây bông, cây hoa, ngôi sao, núi mọc...

Hoa văn ở kăl (*cao*) có dải màu quả mây, dải màu và chân mủng, dải màu và hoa cà...

Nhìn chung trong cạp váy Mường, bộ phận rang trên và cao có hoa văn đơn giản, chủ yếu là hoa văn hình học và thực vật. Hoa văn có thể được bố cục rậm, rối mắt, kích thước nhỏ, cũng có thể được bố cục thưa thoáng; hoa văn to, hoa văn có kích thước lớn chỉ ở rang trên. Những hoa văn này rất gần gũi với kiểu hoa văn trên mặt phà của người Lào và hoa văn trên mặt chăn Thái. Màu sắc hoa văn thiên về hoa trắng trên nền đen. Hoa văn ở cao chủ yếu là những sọc màu nhỏ xen kẽ nhau, trên những sọc màu có điểm hoa văn thực vật.

Trong cạp váy, rang dưới luôn chiếm vị trí quan trọng và nổi bật nhất. Rang dưới không chỉ là bộ phận có kích thước rộng nhất mà nó còn có màu sắc nổi bật hơn so với rang trên và cao. Hoa văn thể hiện khá rành mạch, rõ ràng và chủ yếu là hoa văn động vật nổi trên nền các dải màu chạy ngang.

Về xuất xứ hoa văn trên cạp váy Mường, văn học dân gian Mường có truyên thuyết Khao Che Nghè Chông đánh nhau với vua Dịt Dàng để trả thù cho cha là Bù Lệnh Bù Lèm (Đá Đèn Đá Đẹt) và hình tượng con muông đin vin đượng vượng trở thành nguồn gốc các kiểu hoa văn trên cạp váy. Câu chuyện còn được lưu truyền trong mo *Đẻ đất đẻ nước*, mục săn muông có đoạn:

Thợ bên bắc nghe vua săn muông đã đổ

Đến xem đến ngó

Trở về dệt nên áo vóc gấm thêu rồng

Thợ bên đông đến xem đến ngó

Trở về dệt nên áo lông công thêu cá

Cô gái Rự, Xá, Mường, Lào

Nghe quân vua săn muông đã đổ

Hăm hở cầm go và thước

Dệt được hình trái trám, thạch sùng

Dệt nên hình vằn vàng hoa con cọp

Cô gái Mường Mộc, Mường Mang

Nghe vua săn muông đã đổ

Hăm hở cầm go cầm thước

Dệt được hình vằn sống lưng

Cô gái Mường Động, Mường Thàng, Mường Vang

Nghe vua săn muông đã đổ

Hăm hở cầm go cầm thước

Dệt được vằn thân muông

Cô gái Mường Bi, Mường Lỗ

Nghe vua săn muông đã đổ

Bước đến sau cùng

Không dệt được hình được dáng...

Hoa văn cạp váy Mường là một sáng tạo độc đáo của văn hoá Mường, nó thể hiện tài năng sáng tạo, tính kiên trì nhẫn nại của người phụ nữ. Cũng phải nói thêm rằng hoa văn cạp váy Mường đã tiếp thu nghệ thuật của các dân tộc anh em khác như mặt phà Lào, mặt chăn Thái...

- *Nét đẹp trong cách tạo dáng trang phục*: Trang phục phụ nữ Mường mới thoáng nhìn không diêm dúa về kiểu dáng cắt may, không rực rỡ loè loẹt về màu sắc, nó bình dị kín đáo nhưng không kém phần thanh lịch, duyên dáng.

Áo ngắn của phụ nữ thường may bó sát thân, khi mặc vừa chớm eo khéo khoe vẻ đẹp tự nhiên của người phụ nữ. Phụ nữ Mường thường dùng vải xanh, trắng, nâu, hồng nhạt để may áo ngắn. Họ rất kỵ màu đỏ, màu vàng đậm. Màu được chị em quý nhất là màu trắng, vàng nhạt, xanh sĩ lâm. Những màu đó vừa lâu phai vừa có cảm giác nhẹ nhàng, mát mẻ, tươi trẻ. Lọt giữa hai vạt áo nổi lên màu trắng thanh thoát của chiếc yếm trắng và đầu váy hoa để cho chị em phô được vẻ đẹp của cơ thể mà thiên nhiên đã ban tặng.

Váy phụ nữ Mường được chia thành hai phần chính: Phần từ hông trở lên, rực rỡ bởi bộ đầu váy (cạp váy) luôn chiếm tỷ lệ bằng 1/3 chiếc váy. Với những mẫu hoa văn dệt công phu, màu sắc trầm ấm hoặc rực rỡ đã góp phần tạo nên vẻ đẹp cho trang phục phụ nữ Mường. Giáo sư Từ Chi cho rằng: Cạp váy Mường không chỉ là kiểu thức ăn mặc, một lề thói trang trí. Đây là những yếu tố hằng xuyên của một lối sống, những gì không thể thiếu của một cách cảm thụ cái đẹp.

Phần thân váy là một khoảng lớn màu đen hoặc tím than, gấu váy có miếng vải nẹp lót được trang trí một cách kín đáo. Nẹp váy rộng 3 - 4cm được làm bằng vải đỏ, vải hồng hoặc trang trí một số bông hoa trắng do kỹ thuật thắt nút vải khi nhuộm. Trước khi nhuộm, muốn bông hoa trên

nẹp gấu vẫn giữ được màu trắng của vải như ban đầu phải thắt nút thật chặt. Với cách đó họ đã tạo nên những bông hoa to nhỏ, mau thưa khác nhau. Lúc cô gái ngồi, nẹp váy lộ từng đoạn khoe vài bông hoa, khi bước đi những bông hoa thoáng ẩn hiện trông rất vui mắt và tăng thêm vẻ duyên dáng cho cô gái.

Đi đôi với váy là bộ tênh khăn (thắt lưng). Tênh khăn được thắt đúng giữa eo trên nền cao váy, làm nổi eo người. Tênh đẹp nhất là tênh màu lá mạ vì nó tôn được màu đỏ, màu vàng của đầu váy, tôn được màu đen của thân váy. Trong cách may truyền thống, người Mường đã tạo cho y phục nét đẹp riêng. Áo ngắn tuy may bó sát thân nhưng lại kh^ng cài cúc để tạo sự thoải mái cho cơ thể. Váy được may chùng và rộng, khi đi chơi đi hội váy được thả trùm gót tạo sự uyển chuyển, thướt tha. Khi lao động nó dễ dàng được cuốn, giắt rất tiện lợi và thoải mái.

- *Y phục nam giới Mường* chủ yếu may bằng vải đen, vải xanh, những màu đó vừa phù hợp với cảnh quan nơi sinh sống của đồng bào, vừa phù hợp với điều kiện lao động hàng ngày của họ. Y phục nam giới được may rộng rãi, tạo sự khoẻ khoắn cho cơ thể và thuận tiện trong sinh hoạt.

Để có được một bộ trang phục là cả quá trình lao động

vất vả và kiên trì của người phụ nữ. Nó thể hiện rõ nét đẹp văn hoá trong cách nuôi dạy con cái trong gia đình Mường. Từ thế hệ này sang thế hệ khác, người mẹ đã tận tình truyền lại cho con kỹ thuật dệt vải, đặc biệt là nghệ thuật dệt cạp váy. Chiếc cạp váy còn là thước đo tài năng, đức hạnh của người phụ nữ, chính vì vậy việc dạy cho con cháu kỹ thuật dệt cạp váy là nét đẹp văn hoá của các bà mẹ xứ Mường.

Sắp đến tuổi trưởng thành, các em bắt đầu làm những sản phẩm dệt để thể hiện vai trò của nàng dâu đối với gia đình nhà chồng trong tương lai. Trong tục cưới xin của người Mường xưa, nhà trai không sắm quần áo cho cô dâu. Cô gái Mường phải tự trồng bông, nuôi tằm, dệt vải để lo áo váy, chăn gối cho mình và một số quà tặng gia đình nhà chồng.

Khi đưa dâu về nhà chồng, bao giờ cũng có ít nhất hai người khênh của hồi môn với vài chục chiếc gối do cô dâu tự làm tặng anh em họ hàng nhà chồng. Có vài chiếc khăn, màn, gối dựa lưng để biếu bố mẹ chồng tỏ lòng hiếu thảo của con dâu. Quan trọng hơn cả là số chăn, đệm, y phục đẹp lộng lẫy được trang trí trong buồng cô dâu nhằm khéo khoe với mọi người tài đức của cô dâu mà không một lời nào diễn tả được.

Tóm lại: Trang phục Mường nói riêng và trang phục các tộc người khác nói chung là một hiện tượng văn hoá vật chất vận hành sống động trong đời sống cư dân. Đi sâu nghiên cứu những giá trị văn hoá ẩn chứa trong trang phục để phục vụ cho chính cuộc sống hôm nay là việc làm có ý nghĩa to lớn và thiết thực.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI THỔ

Ở người Thổ, do nghề dệt vải không phát triển, chủ yếu mua quần áo may sẵn của các tộc người khác về dùng nên y phục của họ mang tính lệ thuộc và thiếu đồng nhất, có nơi mặc giống người Kinh, có nơi mặc giống người Thái hoặc người Mường.

Nhóm Tày Poọng cư trú ở thượng nguồn sông Cánh Tráp giáp biên giới Việt - Lào, từ huyện lỵ Tương Dương tỉnh Nghệ An phải đi bộ ba ngày đường mới đến bản của họ. Gần đây đồng bào biết trồng bông, kéo sợi dệt vải tự túc một phần nhu cầu mặc của mình. Tuy cách ăn mặc của họ rất giống nhóm Thái Hàng Tổng nhưng họ tự túc được vải, tự cắt khâu, thêu áo váy nên trang phục của họ cũng ẩn chứa những đặc điểm riêng.

I. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA PHỤ NỮ

Y phục truyền thống của phụ nữ Thổ gồm có khăn, áo, váy. (Xem ảnh 37).

- ***Khăn*:** Thường ngày phụ nữ Thổ đội khăn vuông màu trắng. Khăn rộng 70 x 70cm bằng một khổ vải. Trong đám tang họ đội khăn dài màu trắng như người Kinh

- ***Áo:*** Áo của phụ nữ Thổ bằng vải thô tự dệt màu trăng, may kiêu tứ thân mở ngực, cô tròn có đường viên nhỏ. Tay áo (*xiảo*) ngắn rộng. Thân áo sau (*xương sôống*) và hai vạt trước (*nong toọc*) bằng nhau. Hai tà áo trước không khâu nẹp mà chỉ viền mép vải. Áo không thùa khuy đơm cúc, chỉ đính hai hoặc ba đôi dây vải bằng sợi xe để buộc hai vạt áo với nhau. Áo may rất ngắn, khi mặc hở một phần cạp váy. Nhìn chung, áo phụ nữ Thổ may rất đơn giản nếu không nói là quá đơn giản.

- ***Váy*:** Phụ nữ Thổ thường sử dụng hai loại váy. Loại váy bằng sợi vải bông tự dệt màu trắng gọi là *pứn* - đây là loại váy cổ hơn. Xưa kia phụ nữ dân tộc Thổ chưa biết trồng bông dệt vải, họ mua vải mộc trắng về may váy. Váy được tạo thành bởi hai mảnh vải khâu khép kín lại theo chiều ngang, váy không có trang trí hoa văn.

Loại váy thứ hai là *pứn pơn*, *pứn* có nghĩa là váy, *pơn* có nghĩa là hoa văn chân váy. Lúc đầu đồng bào trao đổi

ghế mây, võng đay, bem với người Thái để lấy loại váy này về dùng. Sau này khi đã tự dệt được vải họ vẫn cắt may và thêu hoa văn hoàn toàn giống người Thái Hàng Tổng để mặc. (Xem ảnh 39).

Pứn pơn may bằng vải tự dệt, nhuộm đen. Chân váy thêu hoa văn bằng chỉ màu. Hoa văn chủ đạo là hình con rồng. Bên cạnh con rồng còn có hoa văn nhiều cánh, hoa hướng dương; dưới chân con rồng người ta dùng chỉ màu trắng thêu hoa văn hình tam giác chạy xung quanh chân váy. Loại váy này được người Thổ sử dụng rất phổ biến, nhất là trong các dịp cưới xin, hội hè.

II. Y PHỤC NAM GIỚI

Đàn ông dân tộc Thổ ăn mặc tương tự người Kinh với chiếc quần trắng vấn cạp, áo dài lương đen, đầu đội khăn nhiễu tím. Tuy vậy, y phục nam giới dân tộc Thổ ở bản Phồng xã Tam Hợp huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An vẫn có những yếu tố riêng. (Xem ảnh 38).

Áo (*áo nam*) được may bằng vải tự dệt màu trắng, kiểu tứ thân, cổ áo (*co ao*) tròn. Tay áo (*xiao*) dài, rộng. Áo xẻ tà ở nách, hai thân phía trước (*nong toọc*) không có túi áo. Loại áo này được đồng bào sử dụng rất phổ biến.

Quần (*quân nam*) được cắt may bằng vải tự dệt màu trắng. Quần được cắt may theo kiểu bổ đũng giống kiểu

nam giới vùng nông thôn miền xuôi. Ống quần rộng, cạp quần nhỏ có luồn dây rút bằng vải. Ngày nay, loại quần này chỉ có các ông già và người đứng tuổi mặc. Tầng lớp thanh niên mặc quần âu, áo sơ mi.

III. Y PHỤC TRẺ EM

Y phục trẻ em người Thổ không có gì đặc sắc, trẻ em nam cũng như trẻ em nữ người Thổ mặc giống trẻ em người Kinh.

IV. TRANG PHỤC CƯỚI XIN, LỄ HỘI

- Trong dịp cưới xin, lễ hội phụ nữ Thổ mặc áo dài năm thân dài tới mắt cá chân, thân thứ năm bên trong ngắn hơn thân ngoài khoảng 10cm. Ống tay dài và chật. Cổ cứng, tròn, cúc cài bằng đồng bên sườn phải. Áo năm thân may rất hẹp phía trên, nở phía dưới thân áo.

Áo năm thân được mặc với loại váy dài, may bằng vải đũi nhuộm đen (vải mua của người Kinh). Váy không thêu vẽ hoa văn, là loại váy kín. Khi may váy dài người ta thường khâu thêm hai bên cạnh váy mỗi bên một miếng vải đỏ hoặc đáp thêm hai nẹp vải đỏ chạy dọc từ cạp đến gấu váy. Váy dài, khi mặc kéo cao tới tận ngực. Mặc váy không dùng thắt lưng nên họ thường vặn ba mối ở giữa ngực. Khi mặc váy dài có thể che kín từ ngực đến chân nên người ta ít mặc yếm.

- Trang phục lễ hội nam giới: Trong dịp lễ tết, hội hè nam giới mặc áo dài lương đen cài cúc đồng ở sườn phải. Quần dài màu trắng kiểu chân què đũng rộng, ống rộng, đầu đội khăn xếp.

Nhìn chung, trang phục nam giới người Thổ rất gần gũi với trang phục Kinh và Mường.

V. TRANG SỨC

Phụ nữ Thổ, nhất là người già và trẻ em thường đeo vòng cổ, vòng tay bằng bạc vừa để trang trí vừa có tác dụng trừ gió, tránh tà ma. Người Thổ còn búi tóc, nhuộm răng đen, ăn trầu, xăm mình.

Xăm chữ, xăm hình là một quan niệm tôn giáo đã có từ lâu của người Thổ. Người nào đến tuổi trưởng thành mà trên tay chưa xăm được các chữ là chưa an tâm. Họ quan niệm nếu cánh tay chưa được xăm, khi chết Diêm Vương sẽ lấy xương cẳng tay làm cái chống chạn (cột chống ở hai đầu nhà) và con người sống ở thế giới bên kia không toàn vẹn.

Họ thường xăm ở tay các chữ "bản mệnh trường sinh", chữ "vương", chữ "thập ngoặc", những hình hoa chanh, hoa thị. Việc xăm chỉ được tiến hành vào ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch hàng năm, những ngày khác không được làm.

VI. TANG PHỤC

Khi cha mẹ chết, người Thổ ở vùng Thanh Hoá, Nghệ An có tập quán mặc tang phục như sau:

Con trai, con gái, con dâu người quá cố mặc áo chàm dài xổ chân (không vắt gấu). Cháu đích tôn, con rể mặc áo xổ trắng.

Con trai chống gậy tre nếu cha chết, chống gậy vông nếu mẹ chết; đầu đội mũ rơm.

Con dâu trưởng đội mũ nến hai ngọn, con dâu thứ đội mũ nến một ngọn.

Trong đám ma nếu mời thầy mo về làm lễ thì nghi lễ giống người Mường. Nếu mời thầy phù thuỷ về làm lễ thì nghi lễ giống người Kinh.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI CHỨT

Từ trước tới nay người Chứt không có tập quán trồng bông dệt vải. Trước năm 1945, họ phải dùng vỏ cây sui đập dập làm đồ che thân. Sau 1945, họ mua bán trao đổi vải với người Việt hay người Lào trong vùng để mặc. Vì vậy quần áo của họ rất đơn sơ, chủ yếu là y phục mặc hàng ngày.

.Y PHỤC CỦA PHỤ NỮ

Trang phục người Chứt cũng tuỳ thuộc vào từng nhóm. Bộ y phục của phụ nữ Chứt ở xã Dân Hoá huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình gồm có khăn, áo, váy.

- ***Khăn***: Là loại khăn trắng dài rất giống khăn của phụ nữ Mường. Khi đội, họ trùm lên đầu và thắt nút theo kiểu thắt vặn sau gáy.

- ***Áo*** (*ao*) được cắt may, khâu thêu giống áo phụ nữ Bru. Là loại áo tứ thân, cổ tròn do một miếng vải có thêu trang trí đính vào thân áo tạo thành cổ. Nẹp ngực cũng là một miếng vải rộng 2,5cm, dài 25cm được thêu trang trí đính vào. Trước kia trên nẹp ngực thường đính bảy hàng cúc bạc. Nay thường đính vài đôi dây vải để buộc hai vạt áo lại với nhau.

Hiện nay đa số phụ nữ may áo bằng vải hoa công nghiệp hoặc bằng vải của người Lào, cách may giống áo phụ nữ Kinh.

- ***Váy*** (*a phân*): Váy của phụ nữ Chứt rất đơn giản. Họ không có tập quán thêu thùa, trang trí hoa văn trên váy, màu sắc trên váy khá đa dạng, nó phụ thuộc vào tấm vải mà họ lựa chọn khi mua về may. Váy của phụ nữ Chứt là loại váy ống gồm ba bộ phận:

+ Cạp váy rộng 15cm, là một miếng vải rời và được khâu liền với thân váy.

+ Thân váy dài 60cm là một miếng vải có màu sắc khác với cạp váy và gấu váy.

+ Gấu váy rộng 15cm bằng vải thổ cẩm mua của người Lào được khâu liền với thân váy.

Nhìn chung, váy (*a phân*) của phụ nữ Chứt được cắt may đơn giản, không thêu thùa trang trí hoa văn. Hoa văn đã có sẵn trên tấm vải mà họ lựa chọn mua về may áo váy. Hiện nay phần lớn phụ nữ Chứt mặc giống người Kinh.

II. Y PHỤC NAM GIỚI

Trước kia, mùa hè nam giới dân tộc Chứt đóng khố cởi trần. Mùa đông mặc áo làm bằng vỏ cây. Hiện nay, họ mặc giống như nam giới dân tộc Kinh.

Chương II

TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ TÀY - THÁI

Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái ở Việt Nam có 8 dân tộc là: Tày, Nùng, Thái, Sán Chay, Giáy, Bố Y, Lào.

- **Người Tày** có 1.626.392 người (theo số liệu thống kê năm 2009), gồm các nhóm địa phương như Thổ, Ngạn, Phén, Thu Lao, Pa Dí. Người Tày cư trú tập trung ở các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái. Sau khi miền Nam giải phóng, một bộ phận chuyển cư tới Tây Nguyên và Nam Bộ.

- **Người Nùng** có 968.800 người (theo số liệu thống kê năm 2009), gồm các nhóm địa phương: Nùng Giang, Nùng Xuồng, Nùng An, Nùng Inh, Nùng Lòi, Nùng Cháo, Nùng Phàn Slình, Nùng Quý Rịn, Nùng Dín... Người Nùng cư trú tập trung ở các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Giang, Yên Bái, Quảng Ninh.

- **Người Thái** có 1.550.423 người (theo số liệu thống kê dân số năm 2009), gồm các nhóm địa phương: Thái Đen (Táy Đăm), Thái Trắng (Táy Đón hoặc Khao). Người Thái cư trú tập trung ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái và một số huyện của tỉnh Hoà Bình, một số huyện ở miền Tây Thanh Hoá, Nghệ An.

- **Người Sán Chay** có 169.410 người (theo số liệu thống kê dân số năm 2009) với nhóm địa phương: Cao Lan, Sán Chỉ. Đồng bào cư trú tập trung ở Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số tỉnh khác như Quảng Ninh, Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Giang, Lạng Sơn.

- **Người Giáy** có 58.617 người (theo số liệu thống kê dân số năm 2009), cư trú tập trung ở các huyện Bát Xát, Bảo Thắng, Mường Khương (Lào Cai); Yên Minh, Đồng Văn (Hà Giang); Phong Thổ, Mường Tè (Lai Châu).

- **Người Bố Y** có 2.273 người (theo số liệu thống kê dân số năm 2009), gồm các nhóm địa phương: Bố Y và Tu Dí. Đồng bào cư trú rải rác dọc biên giới Việt - Trung từ Phong Thổ (Lai Châu) đến Bảo Lạc (Cao Bằng).

- **Người Lào** có 14.928 người (theo số liệu thống kê dân số năm 2009), có các nhóm địa phương là Lào Bốc (Lào Cạn) và Lào Nọi (Lào Nhỏ). Người Lào cư trú ở các huyện Sông Mã (tỉnh Sơn La), Điện Biên (tỉnh Điện Biên), Phong Thổ, Than Uyên (tỉnh Lai Châu).

Các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái thường lập làng ở các triền đồi, ven thung lũng có những cánh đồng rộng, đất đai trù phú, màu mỡ rất thuận lợi để phát triển sản xuất, chăn nuôi gia súc, các ngành nghề thủ công.

Các cư dân nhóm Tày - Thái có truyền thống sản xuất lúa nước từ lâu đời, trong quá trình lao động họ đã sáng tạo nên những giá trị văn hoá đặc trưng phù hợp với cảnh quan môi trường cư trú. Đó là hệ thống mương, phai, lái, lín dẫn nước vào ruộng, là chiếc cọn đưa nước từ suối thấp lên ruộng cao. Việc áp dụng kỹ thuật trong sản xuất được chú ý nên năng suất cây trồng cao. Ngoài ra, do ở thung lũng nên họ cũng thành thạo việc khai khẩn đất dốc để sản xuất trên cạn như trồng lúa nương, ngô, khoai, sắn. Đáng chú ý nhất ở đây là người Tày, Nùng biết trồng rừng. Có những cánh rừng nhân tạo được kiến thiết thành ba tầng, tầng trên cùng là những cây trám đen, trám trắng; tầng giữa là cây hồi, tầng dưới là chè, quýt.

Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái vừa biết khai thác đất bằng để làm ruộng, vừa biết khai thác đất dốc để trồng cây công nghiệp. Họ là chủ nhân sáng tạo nền văn minh thung lũng.

Nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm khá phát triển để làm sức kéo, lấy phân bón ruộng, trao đổi hàng hoá và phục vụ

đời sống hàng ngày. Công việc thu hái lâm thổ sản, săn bắt, đánh cá diễn ra thường xuyên để cải thiện đời sống.

Xuất phát từ nền kinh tế mang tính tự cấp, tự túc đã tạo điều kiện cho nghề phụ gia đình phát triển, trong đó đáng kể nhất là nghề dệt vải và đan lát. Đồng bào trồng bông, dệt vải phục vụ cho nhu cầu gia đình và trao đổi. Thổ cẩm của đồng bào với nhiều mô típ hoa văn và gam màu rực rỡ, là món hồi môn của các cô gái đem về nhà chồng. Vải thổ cẩm được dùng làm mặt chăn, màn gió, khăn trải bàn, địu trẻ em... Vải thổ cẩm còn là mặt hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu được khách du lịch rất ưa chuộng.

Đồng bào nhóm Tày - Thái đan lát rất khéo, những rương để quần áo, mâm cơm, ghế ngồi, đồ đựng, dụng cụ để vận chuyển được đan bằng mây tre, đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật đan lát.

Các dân tộc thuộc nhóm Tày - Thái lập bản ở chân núi, trước bản là đồng ruộng sau bản là nương và rừng.

Đồng bào ở nhà sàn để tránh sự ẩm thấp của khí hậu và tránh thú dữ, nhà kết cấu bằng gỗ bền chắc.

Đồng bào ăn cơm tẻ là chính, trong những ngày lễ, tết đồng bào làm nhiều loại bánh bằng gạo nếp để cúng bái và ăn tết.

Cư dân nhóm Tày - Thái chủ yếu thờ tổ tiên. Đồng bào

quan niệm: Con người có phần hồn và phần xác, khi chết là chết phần xác còn phần hồn về sống với tổ tiên.

Trong tục lệ cưới xin của người Tày - Nùng, khi cô dâu chuẩn bị bước về nhà chồng có nghi lễ tách ma nhà bố mẹ đẻ và nhập hồn ma nhà chồng. Người Thái có tục ở rể, khi có con mới tổ chức lễ cưới chính thức để đưa cô dâu về cư trú bên nhà chồng.

Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái có kho tàng văn học dân gian phong phú. Kho tàng truyện cổ, dân ca, ca dao, tục ngữ... chứa đựng tính nhân văn sâu sắc và có ý nghĩa giáo dục cao về lòng dũng cảm, lòng yêu quê hương, tình yêu lứa đôi, cái thiện thắng cái ác, đề cao vai trò của nhân vật mồ côi...

Âm nhạc của đồng bào mang bản sắc dân tộc rất rõ nét. Cây đàn tính là nhạc cụ rất tiêu biểu, độc đáo của người Tày, Nùng. Người Sán Chay có trống tang sành. Người Lào, Lự có khèn bè, sáo trúc. Hát "sli", "lượn" là làn điệu dân ca đậm đà bản sắc dân tộc Tày, Nùng. "Khắp" là làn điệu dân ca phổ biến rộng rãi của đồng bào Thái. "Sình ca" - hát đối đáp nam nữ là hình thức sinh hoạt phong phú, hấp dẫn của người Sán Chay được nhiều người tham gia. Trong những dịp lễ tết, hội hè, người Lào thường tổ chức uống rượu cần và múa lăm vông.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI TÀY

Trong xã hội truyền thống của người Tày, gia đình nào cũng có xa kéo sợi và khung cửi dệt vải. Đồng bào thường chọn những nương đất tốt để trồng bông, trồng chàm làm nguyên liệu dệt và nhuộm vải. Ở một số địa phương, những nhà giàu hoặc những gia đình có đông con gái còn nuôi tằm dệt lụa để làm thắt lưng, may áo dài và làm màn tơ. Ngoài dệt vải thô để may y phục, đồng bào Tày - Nùng còn giỏi dệt vải thổ cẩm. Các công đoạn dệt vải và dệt thổ cẩm giống nhau, nhưng khác nhau về bố cục đồ án hoa văn và mô típ trang trí. Dệt vải thổ cẩm được thực hiện ngay từ khâu cài go trên khung cửi dệt. Sợi dệt đã được nhuộm màu trước, các nghệ nhân cài đặt các sợi màu tạo nên hoa văn. Hoa văn thổ cẩm được trang trí thành hàng, thành lớp, mô phỏng theo các loại hoa lá, cây cỏ gần gũi với thiên nhiên nơi cư trú của đồng bào như hoa lê (*bloóc lì*), hoa nhội (*bloóc phát*), hoa lá mía (*lài ỏi*), sao tám cánh (*pét kíp*), hình tam giác (*slam coóc*), đồng tiền (*lài chèn*)...

Dệt vải và may vá được coi là một trong những tiêu chuẩn giỏi lao động cũng như đức hạnh của người phụ nữ. Người Tày thường nói "*chiêm slao chiêm tin slửa*" - kén gái xem tà áo. Hoặc "*chiêm slao chiêm bươn Lạp*" - chọn dâu thì xem vào tháng Chạp. Để đánh giá đức hạnh và sự chăm chỉ siêng năng của cô gái định chọn về làm

dâu, khi đi chợ người ta chú ý xem cô gái ăn mặc như thế nào. Vào tháng Chạp trời giá rét, các cô gái đi chợ thường mặc áo ba lớp. Nếu cô nào mặc cả ba lớp áo mới chứng tỏ cô gái chăm chỉ, giỏi dệt vải và khéo may vá, có thể chọn làm dâu.

Đặc biệt các cô gái Tày cũng rất tự hào về đôi bàn tay làm việc, nhuộm chàm của mình. Nếu ai giỏi kỹ thuật pha chế màu để nhuộm vải sẽ tạo được màu đẹp, đặc sánh, khi nhuộm nước chàm bám chặt vào hai bàn tay ánh lên màu thẫm pha sắc tím - đó là màu đẹp. Nếu da tay xanh nhờ nhờ chứng tỏ người đó chưa giỏi chế biến chàm để nhuộm vải.

Vải tự dệt của người Tày có nhiều loại: Vải khổ rộng, vải khổ hẹp, vải thô, vải thổ cẩm... để may quần áo, chăn màn, ri đô cửa buồng, mặt địu, thắt lưng, gối, túi...

Từ sản phẩm vải tự dệt, với bàn tay khéo léo, phụ nữ Tày đã tạo nên nhiều loại trang phục để đáp ứng nhu cầu mặc của bản thân và gia đình.

I. TRANG PHỤC PHỤ NỮ

1. Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Tày vùng Cao Bằng, Bắc Kạn

Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Tày vùng Cao Bằng, Bắc Kạn gồm có nón lá, khăn đội đầu, áo cánh ngắn, áo dài, quần, thắt lưng.

- ***Nón lá*:** Phụ nữ cũng như nam giới Tày khi ra khỏi nhà thường đội chiếc nón lá cọ để che nắng, che mưa. Nón có đường kính 53cm, phần thân nón đan bằng lạt giang chẻ nhỏ, vót nhẵn, hoa văn cải theo lối mắt cáo tạo thành hình lục giác. Mỗi chiếc nón được lợp bằng hai tàu lá cọ nhỏ (lá bánh tẻ). Nón lá cọ của người Tày có sự phân biệt giữa nón của phụ nữ và đàn ông.

Nón nữ được đan công phu, dày dặn bằng loại nan nhỏ, mềm, bóng. Nón nam giới đan thưa bằng nan cứng và thô hơn. Nón lá cọ của người Tày đẹp, đội nhẹ và rất bền nên được người Tày và các dân tộc khác ưa dùng.

Người Tày rất giỏi dệt vải thổ cẩm. Họ đã tạo được nhiều loại thổ cẩm đẹp, nhưng trang phục của họ chủ yếu chỉ một màu chàm xanh hoặc đen. (Xem ảnh 62). Màu chàm đã gắn bó và đi vào cuộc sống ngàn đời của đồng bào. Màu chàm là màu của núi rừng, màu của ruộng lúa, nương ngô đã nuôi dưỡng cuộc sống của con người nơi đây, đã gắn kết họ với thiên nhiên và giúp họ hoà vào thiên nhiên. Màu chàm đối với người Tày thật đẹp và thiêng liêng, họ nâng niu trân trọng và coi đó là cái chất riêng của miền núi - của dân tộc mình.

Mời anh xơi miếng cơm lam
Của em cô gái áo chàm

Còn gì đẹp và ý nhị hơn thế nữa?

Bộ y phục của phụ nữ Tày ở xóm Bằng Viễn xã Phương Viên huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn gồm có khăn vấn, khăn vuông, áo cánh, áo dài, quần, thắt lưng.

Khăn đội đầu có hai loại: khăn dài vấn tóc và khăn vuông đội ngoài.

Khăn vấn tóc (*khân queng*) dài 76cm, rộng 15cm, bằng vải đen. Khăn vấn dùng để cuốn tóc và vấn quanh đầu rồi mới đội khăn.

Khăn vuông (*khân vuông*) rộng 80 x 80cm, bằng vải đen hoặc vải chàm. Khi dùng, gập đôi khăn theo đường chéo, đặt khăn lên đầu, hai đuôi khăn thắt mối sau gáy gần giống kiểu khăn vấn "mỏ quạ" của người Kinh.

- ***Áo cánh ngắn*** (*áo cánh*) bằng vải bông nhuộm chàm hay màu trắng. Áo bốn thân xẻ ngực, cổ tròn, nẹp cổ cao 2cm, hai vạt trước có hai túi nhỏ. Tay áo được may vừa vặn với cơ thể, thân áo hơi nhấn thêm eo để tôn những đường nét của phụ nữ. Áo cánh trắng được mặc bên trong áo dài màu đen.

- ***Áo dài*** (*slửa lì*) may bằng vải thô nhuộm màu chàm, dài 107cm, rộng 50cm (tuỳ người có kích thước khác nhau). Áo may kiểu năm thân, cổ tròn, nẹp cổ cao 2cm. Cổ áo không ôm sát vòng cổ mà hở một đoạn tạo cảm giác

mềm mại cho chiếc áo, đồng thời để cổ của chiếc áo cánh trắng bên trong nổi rõ trên nền đen của chiếc áo dài. Vạt áo bên phải ngắn, nhỏ, khi mặc nằm phía trong; vạt áo bên trái rộng, đính 5 chiếc cúc đồng, khi mặc cài cúc bên nách phải, thân áo hơi thắt co, áo xẻ nách cao để khoe tà áo cánh trắng mặc bên trong, tay áo dài may liền với thân có nối ở giữa cánh tay, cửa tay áo hẹp.

Áo phụ nữ Tày chỉ một màu chàm xanh đen, không thêu vẽ hoa văn. Khi đi chơi, đi hội phụ nữ thường mặc áo cánh trắng bên trong, áo dài đen bên ngoài để tăng thêm phần duyên dáng. Có lẽ vì vậy người Tày còn được gọi là người áo trắng (*cần slửa khao*) để phân biệt với người Nùng thường mặc áo màu chàm.

Ở một số nơi thuộc tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, chiếc áo dài nữ năm thân của phụ nữ Tày từ thắt lưng trở xuống may bằng vải khác màu. Loại áo này rất giống áo nữ người Sán Chay.

- ***Quần*** (*khóa*) bằng vải thô nhuộm chàm, may kiểu chân què, cạp lá toạ. Gần đây, phụ nữ thường dùng vải láng đen hoặc lụa đen để may quần và cắt theo kiểu bổ đũng, cạp luồn chun hay dây rút.

- ***Thắt lưng*** (*lặng*) bằng vải đen, dài 300cm, rộng 26cm, bằng một khổ vải. Khi dùng, gập nhỏ theo chiều dài

quấn quanh bụng hai vòng, hai đầu thắt lưng buông dài vắt mối sau lưng. Thắt lưng bó sát áo dài vào cơ thể có tác dụng tôn thêm chiều cao cho người mặc và tạo sự mềm mại, thanh thoát hơn.

Ngoài bộ trang phục truyền thống như trên, y phục phụ nữ Tày ở một số địa phương cũng có những đặc điểm riêng.

- *Váy:* Trước đây phụ nữ Tày mặc váy, hiện nay họ chủ yếu mặc quần, riêng phụ nữ Tày ở Lào Cai và Tuyên Quang vẫn mặc váy. (Xem ảnh 60). Váy Tày là loại váy kín gồm ba phần: cạp, thân và gấu váy. Cạp váy rộng 15 - 20cm là một mảnh vải rời, có thể là vải chàm, vải đỏ hoặc vải hoa được khâu ghép vào thân váy.

Thân váy bằng vải chàm may khép kín, chu vi váy do bốn mảnh vải khổ rộng 40 cm ghép theo chiều dọc. Chân váy được viền hoặc đáp thêm một miếng vải khác màu, vừa để cho phẳng váy, vừa tạo cách trang trí riêng. Khi mặc, váy được vấn mối về phía trước hoặc sang hông. Lúc ở nhà, đi chơi, đi chợ váy được thả dài tới mắt cá chân. Khi lao động ở nơi ruộng nước, bùn sâu... váy được quấn hai, ba lần cạp lên cho gọn hoặc túm một góc gấu lên cài vào cạp váy (mặc kiểu gập váy).

Khi mặc váy, phụ nữ Tày rất ý tứ trong mọi cử chỉ của

mình. Khi ngồi trên sàn, chị em thường ngồi duỗi chân ra phía trước, kéo váy che kín chân; khi ngồi xổm cũng ý tứ kéo váy che kín hai ống chân phía trước. Khi làm bếp, xe sợi... chị em thường ngồi trên chiếc ghế nhỏ khép hai bàn chân vào nhau. Những cử chỉ đó thể hiện sự tinh tế, kín đáo trong tính cách của phụ nữ Tày.

2. Trang phục của phụ nữ Tày (nhóm Pa Dí) ở huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai

Pa Dí là một nhóm địa phương của người Tày. Đồng bào cư trú ở huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai. Y phục của họ rất kín đáo, che kín toàn thân. Y phục của người Pa Dí khá độc đáo gồm: mũ đội đầu, áo, váy, tạp dề, giày vải. (Xem ảnh 61).

- ***Mũ*** (*băn*) được làm bằng vải, cốt bằng vỏ cây mai và trang trí nhiều hạt bạc. Theo tên gọi của đồng bào, mũ có các bộ phận như khung mũ, cái độn tóc, phăn câu, tạp hố, tai hố, que tre gài tóc.

Khung mũ hình mái nhà được làm bằng vải chàm rộng 40cm, dài 100cm. Vải làm khung mũ sau khi đã nhuộm chàm, người ta lấy củ *mạc u khoai* được trồng quanh nhà giã nhỏ, vắt lấy nước. Họ dùng chổi nhỏ bằng chít quét nhiều lần nước *mạc u khoai* vừa nhờn vừa dính lên hai mặt vải, phơi khô lại quét, khi nào vải cứng là được.

Mũ được khâu bằng hai lớp vải cứng như trên, tấm vải được gấp một bên nẹp vào 5cm, khâu đính chặt phần gập đó với một bên thân mũ tạo thành một đường gờ, phần vải còn lại cứ để dài như vậy. Cuối đoạn vải đính một cúc bạc để khi đội cài vào phần vải phía trong giữ cho mũ khỏi tuột.

Cái độn tóc bằng vải chàm xanh rộng 20cm, dài 1,2cm. Khi làm độn tóc, người ta trải một tấm vải ra, đặt rơm đã bện chặt lên trên mặt của 1/2 tấm vải sau đó dùng tay cuốn vải vào với rơm thật chặt, dùng kim đính lại sẽ tạo thành một chiếc độn tóc. Rơm độn bên trong chỉ bằng một nửa tấm vải, còn nửa kia để nguyên cả mảnh vải như vậy.

Phăn câu hình chiếc lưỡi cuốc uốn cong, một cạnh dài 20cm, một cạnh dài 10cm, rộng 6 - 7cm. Vào tháng Tám âm lịch, khi vỏ ngoài cây mai (cùng họ tre) đã già, đồng bào chặt mai về lột lấy phần vỏ cật sau đó cắt đúng kích thước của phần phăn câu. Họ dùng nhiều lớp vỏ mai để tạo cho phăn câu dày và cứng, sau đó uốn cong như hình chiếc cuốc. Tuy phăn câu đã được ghép nhiều lớp vỏ mai nhưng họ vẫn dùng hai lớp dày như thế để ghép lại cho dày và cứng thêm. Khi ghép, họ luồn hai sợi dây vải dài 80cm qua chỗ ghép đó. Giữa hai lớp ghép còn độn thêm một lớp vỏ mai nhỏ để phăn câu thật chặt. Cuối cùng dùng vải chàm bọc ngoài và khâu kín. Phăn câu còn có

một que tre dài 15cm, rộng 1,5cm để làm chỗ tựa cho phăn câu khi đội vào đầu.

Tạp hố là một bộ phận của mũ, được làm bằng nhiều miếng vỏ mai ghép lại, rất cứng. Tạp hố hình thang cân, cao 15cm.

Tạp hố chia thành hai phần: Phần vỏ mai được ghép dày, bên ngoài bọc vải xanh, trên mặt vải phía ngoài đính nhiều hạt bạc nhỏ, phía trong cũng đính hạt bạc tạo thành hai đường chéo góc, mỗi góc tạp hố đính một bông hoa đào bằng bạc. Phía trên cùng của tạp hố là một mảnh vải chàm rộng 4cm, dài 10cm khâu gắn với tạp hố.

Tai hố là một bộ phận của mũ gắn trước trán, làm bằng hai lớp vải xanh chồng lên nhau dài 25cm, rộng 7cm. Tai hố thêu hoa văn dích dắc bằng chỉ màu và đính nhiều hạt bạc trang trí.

Muốn đội được mũ phải có tóc dài, tóc được chải ngược búi thành búi và buộc trên đỉnh đầu. Dùng chiếc độn tóc nửa không có rơm phủ vòng quanh trán, phủ kín cả búi tóc vòng phía sau, đến đoạn có rơm quấn quanh chân tóc. Khi quấn, cho tạp hố quấn vào đó. Xỏ que tre vào ống vải độn tóc, đặt phăn câu lên búi tóc, cạnh ngắn ở trước trán, cạnh dài ôm khít vào gáy. Que tre được dựng lên ép vào búi tóc chống giữa cạnh ngắn của phăn câu ở trước đầu. Dùng hai dây của phăn câu vòng mấy vòng

quanh đầu cho chặt. Sau cùng, đội mũ hình nhà phía ngoài, cài chiếc cúc bạc được khâu ở cuối mũ vào một chiếc móc bạc khâu ở chiếc độn tóc phủ trùm trên búi tóc, rút chiếc tạp hố cho thò ra ngoài ở phía sau gáy.

Trước trán dùng hai dây ở đầu tai hố buộc chặt vào đầu để che bớt trán và tạo sự hài hoà cho khuôn mặt.

- ***Áo*** *(suy)* bằng vải chàm đen, là loại áo ngắn năm thân, xẻ nách, cúc cài bên nách phải. Áo dài 65 - 68 cm, rộng 45 - 50cm.

+ Cổ áo (*khô sư*) là loại cổ đứng cắt riêng, khâu ghép với thân. Cổ áo phía ngoài bằng vải chàm xanh (nay dùng vải đỏ). Cổ áo được đính kín hạt bạc tròn (trên 100 hạt). Sát cổ áo đính một khuy bạc to hình bầu dục để cài hai vạt với nhau, dưới nách có ba khuy bạc nhỏ hình hoa đào.

Áo phụ nữ Tày nhóm Pa Dí là loại áo có hai lớp vải, lớp vải bên trong là vải mỏng bất kỳ, vải ngoài màu chàm. Nẹp áo từ cổ xuống nách bên phải được trang trí công phu. Mảng trang trí này gọi là "*moọc nhân*" - *nhân* là bạc, *moọc* là hoa bắp. Moọc nhân thường được trang trí rồi mới đính vào áo.

Toàn bộ moọc nhân là một miếng vải chàm xanh hình thang cân, đáy lớn 37cm, đáy nhỏ 28cm, cạnh 12cm, trên được trang trí gần như kín những hạt bạc tạo thành bảy hình tam giác đối đầu nhau. Người Pa Dí giải thích:

Những hình tam giác trong moọc nhân là những bông hoa bắp (hoa ngô) là cây lương thực chính của đồng bào.

+ Tay áo (*khen sư*) dài 50cm, rộng nách 19cm, cửa tay 16cm. Tay áo được nối ở giữa cánh tay. Cửa tay áo nối thêm hai khoanh vải, khoanh màu trắng rộng 4 - 5cm, khoanh màu xanh rộng 5 - 6cm vòng quanh tay áo ở cả hai ống tay. Đường khâu chỗ giáp nách tạo thành đường gân nổi 1cm trên nách áo.

Áo nữ Pa Dí được xẻ tà cao 15cm, phía trên giáp đỉnh tà người ta để trống khoảng 8 - 10cm để làm túi đựng.

- ***Váy*** *(sưn)* bằng vải chàm, hình ống, dài 90cm, rộng 75cm đo bốn khổ vải rộng 40cm tạo thành. Váy gồm ba phần: Đầu váy, thân váy, chân váy.

+ Đầu váy (*mi sưn*) bằng vải trắng, rộng 10cm, đầu váy hẹp hơn thân váy.

+ Thân váy bằng vải chàm không thêu vẽ hoa văn.

+ Chân váy (*tìm sưn*) có chiều cao 11cm. Phía trên thêu năm đường chỉ màu xanh, vàng, trắng, hồng, đỏ. Tiếp đến là một mảnh vải trắng rộng 2cm đáp, chạy vòng quanh chân váy. Trên đường vải trắng thường thêu hình tam giác đối nhau bằng chỉ màu như *moọc nhân* hoặc hình bốn cánh trong bố cục hình vuông. Dưới cùng chân váy là mảnh vải xanh khâu ghép đè lên màu chàm, rộng 8cm.

Khi mặc váy, người ta kéo hai cạnh váy quấn chặt vào thắt lưng, phần thừa kéo sang sườn trái và gấp nếp ba lần như xếp li ở cạnh sườn, mỗi li rộng 6 - 7cm tuỳ mỗi người.

- ***Thắt lưng*** *(sái sưn)* được làm bằng vải chàm khổ nhỏ, hoặc chỉ là một dây vải tiết kiệm miễn sao buộc cho váy khỏi bị tụt.

- ***Tạp dề*** *(pí dâu)* dài 90cm (bằng chiều dài của váy), rộng 65 - 70cm. Cạp tạp dề (*hú pí dâu*) bằng vải lụa xanh Trung Quốc, hai đầu cạp là hai mảnh vải cứng hình tam giác (*pịch pí dâu*) có cạnh 15cm. *Pịch pí dâu* được làm riêng, quá trình làm cũng giống như làm tạp hố ở mũ. Trên bề mặt *pịch pí dâu* đính hai dây vải, mỗi dây dài 14,5cm, rộng 5cm để buộc tạp dề khi sử dụng. Gấu tạp dề được cắt vát thành hai cạnh để tạp dề có dáng "đuôi tôm".

Khi mặc trang phục, áo mặc trước, váy mặc sau rồi buộc thắt lưng, cuối cùng choàng tạp dề ra ngoài.

- ***Giày***: Phụ nữ Pa Dí còn tự khâu những đôi giày vải, đế giày làm bằng thân cây cọ (giày mũi hài) để đi trong nhà cho ấm hay đi chơi, đi hội.

Để nắm khái quát trang phục của người Tày (chủ yếu là trang phục phụ nữ) chúng tôi lập bảng so sánh như sau:

Bảng so sánh trang phục nữ Tày ở một số địa phương

Tiêu chí	Người Tày vùng Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên	Người Tày ở Tuyên Quang	Người Tày (Nhóm Pa Dí) ở Lào Cai
Khăn đội đầu	- Khăn vấn tóc - Khăn vuông đội ngoài	- Khăn vấn tóc - Khăn vuông đội ngoài	Đội mũ hình mái nhà, trang trí nhiều hạt bạc.
Áo	- Áo cánh tứ thân ngắn màu trắng, mặc trong. - Áo dài năm thân, mặc ngoài (áo màu chàm không thêu vẽ hoa văn).	- Áo ngắn tứ thân xẻ ngực.	- Áo ngắn năm thân cài cúc cạnh nách, áo trang trí nhiều hạt bạc.

Quần (hoặc váy)	Quần màu đen kiểu chân què hoặc bổ đũng, cạp luồn dải rút.	Váy ống, ngắn, độ xoè nhỏ.	Váy kín, dài, độ xoè lớn.
Thắt lưng	Bằng vải chàm; dài, rộng bằng khổ vải.	Bằng vải chàm; dài, rộng bằng khổ vải.	Thắt lưng nhỏ, ngắn, bằng vải chàm hoặc vải các màu.
Trang sức	Dùng một số đồ trang sức bằng bạc.	Dùng một số đồ trang sức bằng bạc.	Dùng nhiều đồ trang sức bằng bạc.

II. Y PHỤC NAM GIỚI

Y phục nam giới dân tộc Tày không có gì đặc biệt, về hình thức nó gần giống với y phục nam giới các dân tộc khác ở miền núi phía Bắc. Y phục nam Tày có: khăn đội đầu, áo cánh ngắn, áo dài, quần. (Xem ảnh 64).

- ***Khăn đội đầu*** (*khân*) bằng vải bông hoặc vải tơ tằm màu đen, khăn dài 2m, rộng 30cm. Khi đội, quấn nhiều vòng trên đầu, đuôi khăn giắt tạo thành hình chữ nhân.

- ***Áo cánh ngắn*** (*sửa cỏm*) bằng vải chàm, kiểu tứ thân

xẻ ngực. Cổ áo tròn có nẹp cổ cao 2cm, hai bên nẹp áo đính bảy hàng cúc vải. Hai vạt trước có hai túi nhỏ, thân nối với tay áo ở vai, áo rộng vừa phải, quanh cổ áo khâu lót trong miếng vải hình vành khuyên giữ cho áo đứng, phẳng, tiện cho việc mang vác trên vai. Áo xẻ tà hai bên, áo của nam giới Tày hơi rộng và dài.

- ***Áo dài:*** Trước kia, nam giới dân tộc Tày mặc áo dài kiểu năm thân bằng vải chàm hay vải lụa đen. Áo cài cúc vải hay đồng bên nách phải, áo dài quá đầu gối. Loại áo dài chỉ mặc trong dịp lễ tết, hội hè, cưới xin hay đi thăm viếng người thân nơi xa.

- ***Quần*** (*khóa*) bằng vải nhuộm chàm, kiểu chân què, cạp lá toạ, độ doãng của đũng vừa phải, ống quần rộng, gấu quần phủ tới mắt cá chân. Khi mặc, vắt mối quần về phía trước dùng dây vải thắt chặt.

Trước Cách mạng tháng Tám, ngày thường nam giới Tày đi chân đất. Khi đi chơi xa hay đi dự đám cưới, lễ hội họ mới đi giày vải. Đế giày được làm bằng bẹ măng rừng, bẹ móc hoặc khâu chồng nhiều lớp vải để đế cứng và bền. Thân giày cũng may bằng vải chàm theo kiểu mũi tròn, cổ cao có đính dây buộc. Khi đi đường xa, phải mang vác thì dùng *hài sảo* (dép bện bằng rơm).

Nhìn chung, trang phục của nam giới Tày tương đối giản dị về màu sắc, cách tạo hình, y phục hầu như không

trang trí hoa văn. Trang phục nam giới Tày không có sự khác biệt theo địa phương, theo nhóm. Đặc điểm để phân biệt tộc người so với trang phục của những người cùng giới thuộc các tộc người khác trong ngữ hệ, đặc biệt so với người Nùng, người Thái là không rõ rệt.

Y phục nam giới Pa Dí giống như y phục nam giới nhiều dân tộc khác ở miền núi phía Bắc, y phục của nam giới Pa Dí gồm áo dài năm thân cài khuy bên nách phải, mặc trong những dịp lễ tết hội hè; áo cánh ngắn tứ thân mở ngực; quần chân què, cạp lá toạ, ống rộng rất tiện lợi khi lao động, leo núi.

Trong ngày cưới, trong ngày lễ hội nam cũng như nữ dân tộc Tày nhóm Pa Dí vẫn mặc bộ y phục truyền thống như đã mô tả ở phần trên, chỉ khác là bộ y phục mới được mặc lần đầu màu sắc tươi đẹp. Trong ngày cưới, lễ hội phụ nứ Tày dùng đủ bộ nữ trang bằng bạc hoặc bằng nhôm để trang điểm cho mình thêm nổi bật.

III. ĐỒ TRANG SỨC

Trong những dịp lễ tết, hội hè, phụ nữ Tày thường dùng đồ trang sức như vòng cổ, vòng tay, xà tích bằng bạc để trang điểm.

- ***Vòng cổ*** có những kích cỡ khác nhau, hai đầu vòng được chạm hình đầu rồng.

- ***Bộ dây xà tích*** được đeo nhiều thứ như hộp đựng vôi,

con dao cau, hộp đựng thuốc lào. Dây xà tích của các thiếu nữ còn có que bạc lấy ráy tai, nhíp tỉa lông mày...

Khi nói tới đồ trang sức của phụ nữ Tày, không thể không nhắc tới chiếc túi đeo (*túi nải*), túi đựng trầu và chiếc phẻn dao.

- ***Túi nải*** bằng vải chàm có nhiều kích cỡ khác nhau.

Loại túi nhỏ (*ăn tày*) rộng 46cm, cao 33cm, hai bên miệng túi may vắt lên cao 17cm, quai đeo dài 52cm. Túi được ghép bởi hai miếng vải chéo góc, giữa miệng túi ghép mỗi bên một miếng vải hình tam giác cân, tại đây có đính một đôi dây vải để buộc miệng túi. Túi nhỏ đeo một bên vai. Túi chủ yếu đựng gương lược, áo mưa, đấu gạo hoặc nắm cơm khi đi chợ hay đi thăm bà con ở xa.

Loại túi to (*tầy páng*) về hình thức giống loại túi nhỏ nhưng kích cỡ to hơn, ở hai góc túi có khâu thêm hai tai vải để buộc hai quai túi và đeo như đeo ba lô ở sau lưng.

Túi vải không chỉ là đồ để đựng mà còn là vật trang trí cho bộ y phục của phụ nữ Tày.

- ***Túi đựng trầu*** (*tủi mjầu*) bằng vải nhuộm chàm. Túi do hai miếng vải hình bán nguyệt khâu ghép lại với nhau. Miệng túi rộng 12cm do một miếng vải xanh rộng 3cm khâu vòng quanh để miệng túi hơi khum vào, tạo thành cạp luồn dây.

- ***Phẻn dao*** của phụ nữ làm bằng gỗ có kích thước nhỏ, thanh thoát được cắt gọt rất công phu tạo thành hình cá, hình chim, con bướm... Theo các cụ già kể lại: Khoảng 100 năm trước đây ở vùng Cao Bằng bất cứ người phụ nữ Tày nào khi ra khỏi nhà đều đeo phẻn dao. Phẻn dao vừa có tác dụng trang trí, vừa là vật để giắt con dao - một dụng cụ rất cần thiết cho mọi hoạt động của con người. Điều đó thể hiện tính hay lam hay làm của người phụ nữ.

Trang sức của phụ nữ Pa Dí

Phụ nữ Pa Dí rất thích đeo đồ trang sức bằng bạc. Đồ trang sức của họ có nhiều nét giống trang sức của người H'mông, người Dao... cư trú sát biên giới Việt - Trung.

- ***Vòng tai*** (*vẻn hú*) bằng bạc, đường kính 4cm được uốn cong hai đầu. Đầu thứ nhất uốn cong vào 1,5cm, đầu kia uốn vào 1cm nhưng gắn liền vào đó là một khối bạc đặc, thuôn dài nhọn dần về phía đầu. Trên bề mặt của khối bạc có khắc những chấm nhỏ thẳng hàng theo chiều dọc, đầu khối bạc có bốn chấm tròn. Nhìn sơ qua khối bạc này rất giống hình bắp ngô.

- ***Vòng cổ*** có hai chiếc:

+ Vòng thứ nhất - *toỏng khô san khẩu*: *san* là ba, *khẩu* là móc vào nhau, san khẩu nghĩa là ba vòng móc vào nhau. Đây là một chiếc vòng cổ dài 45cm gồm 3 vòng móc vào nhau, nhưng mỗi vòng lại do 110 vòng nhỏ móc vào nhau

nên có tất cả là 330 vòng nhỏ. Mỗi vòng nhỏ có đường kính 0,5cm, tiết diện dây 0,2cm, các vòng nhỏ đánh kiểu vân chứ không nhẵn. Hai đầu vòng cổ có những chiếc móc nhỏ hình số tám móc nối tiếp với những cánh hoa sen, lá sen, cá chép, hoa bốn cánh... bằng bạc dát mỏng được chạm khắc rất công phu.

+ Vòng thứ hai - *toỏng khô chon phung*: *chon* là xuyên, *phung* là lỗ, chon phung tức là vòng xuyên qua lỗ. Vòng dài 45cm gồm 170 vòng nhỏ xuyên qua nhau tạo thành.

Hai loại vòng trên được phụ nữ Pa Dí đeo hàng ngày.

- ***Vòng tay:*** Phụ nữ Pa Dí thường đeo hai loại vòng tay:

+ Vòng đôi - *vẻn xoong pen*: *vẻn* là vòng, *xoong* là đôi, *pen* là ghép - tức là vòng ghép đôi. Loại vòng này thường đánh hở, có đường kính 6 - 7cm, tiết diện 1,2cm. Mặt vòng được chạm khắc hoa văn "*mọc mày hứng*" - hình hoa sen đang nở - cả vòng có ba bông hoa sen.

+ Vòng đơn - *vẻn ta pen:* đây là loại vòng khép kín, mặt vòng được trang trí đơn giản.

Đồ trang sức không chỉ có tác dụng trang điểm cho các cô gái Pa Dí thêm duyên dáng mà còn thể hiện khả năng kinh tế của họ khi ra ngoài xã hội.

Trang sức của nam giới Tày

Nhìn chung nam giới Tày ít dùng đồ trang sức, có một số người đeo vòng bạc. Đến tuổi trưởng thành họ bịt chiếc răng

nanh bên trái hàm trên bằng bạc hoặc vàng. Họ coi đó như là một tiêu chuẩn thẩm mỹ của nam giới. Một số ít nam giới Tày thích xăm hình mặt trời, xăm chữ nho trên cánh tay.

IV. TRANG PHỤC TRẺ EM

Do cư trú đan xen và có nhiều yếu tố văn hoá giống người Nùng nên trang phục trẻ em nam cũng như nữ người Tày cũng giống trang phục trẻ em người Nùng. Đó là chiếc mũ vải được tạo bởi nhiều mảnh vải màu ghép lại. Mũ được thêu điểm hoa văn kiểu đơn giản bằng chỉ màu. Quần áo trẻ em nam, nữ Tày được cắt may cùng kiểu với trang phục của người lớn cùng giới nhưng kích cỡ nhỏ hơn.

Ngoài mũ, áo, quần một số trẻ em trai và gái người Tày còn đeo trên ngực chiếc yếm bằng vải chàm để giữ cho chiếc áo bên trong đỡ bị bẩn và có tác dụng giữ ấm ngực khi trời lạnh. Đặc biệt trẻ em gái cũng như trai còn đeo vòng cổ, vòng tay bằng bạc để kỵ gió, trừ ma.

V. Y PHỤC MẶC TRONG TANG MA, TÍN NGƯỠNG

1. Y phục mặc trong tang ma

Y phục mặc trong tang ma của người Tày hoàn toàn là vải trắng.

Con trai người quá cố đội mũ đan bằng lạt thưa, quấn vải trắng, mặc áo quần trắng lộn ngược, tay chống một chiếc gậy.

Con gái, con dâu đầu đội khăn trắng trên chỏm gập nhọn, buông hai tua ra phía sau, mặc quần vải trắng.

Các cháu, chắt chít khăn màu xanh; dưới chắt chít khăn màu vàng.

Các loại áo tang đều không cài cúc, chỉ đính dây buộc và đều may trái, khi mặc các đường ghép vải ở mặt ngoài. Trong một đám tang người Tày, nhìn vào trang phục người ta có thể biết người chết đó có bao nhiêu con trai, con gái, cháu trai, cháu gái, chắt, chút chít…

2. Trang phục thầy tào dân tộc Tày

Nói đến trang phục và các dụng cụ tín ngưỡng của người Tày, Nùng là nói đến những người làm tào, then, mo, pụt… - tầng lớp "trí thức" có hiểu biết ít nhiều về giáo lý hoặc các phép thuật của tín ngưỡng. Thầy tào hành lễ trong các đám ma, cúng tà để chữa bệnh, cúng trong bốc mộ, cúng cầu yên, cầu phúc cho gia đình, làng bản. Thầy tào còn có thể kiêm nghề bói toán, xem đất, chọn ngày lành tháng tốt, xem số tử vi cho con gái để quyết định hôn nhân. Ngoài ra, thầy tào còn làm lễ cấp sắc cho các thầy mo, chính vì thế đồng bào Tày, Nùng thường gọi thầy tào là người mắt sáng - người có thể tiếp xúc với thần linh, ma quỷ.

Để trở thành thầy tào, nhất là những thầy tào có thứ bậc cao, phải qua học tập, rèn luyện gian khổ. Họ phải biết đọc chữ Hán, chữ Nôm để khi hành lễ phải đọc được sách

cúng. Trong khi hành lễ thầy tào phải dùng đến các bức tranh thờ, các loại nhạc cụ như thanh la, não bạt, chũm chẹo, trống, nhị, tù và... Trong những buổi hành lễ, thường có một vị thầy cả và 4 - 5 thầy phụ khác hợp sức thực hiện. Thầy tào là người có uy tín lớn trong xã hội Tày, Nùng.

Khi hành lễ, thầy tào mặc trang phục riêng, bộ trang phục của thầy tào dân tộc Tày ở huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng gồm có mũ và áo:

- ***Mũ ngũ nhạc*** (*mù slấy*) bằng vải lụa màu trắng, đỏ xanh, vàng ghép lại với nhau. Mũ rộng 25cm, cao 16cm gồm thân mũ và dải mũ.

Thân mũ (*mù*) là một mảnh vải dài 55cm, rộng 13cm được khâu thành hình bồ đài. Trên mũ có năm họa tiết hoa văn ghép vải, ô ngoài là hình vuông, trong là hình hoa lá cách điệu (ba hình đỏ xen kẽ hai hình đen).

Có hai dải mũ, mỗi dải rộng 12cm, dài 80cm, trên mặt vải có ghép những bông hoa bốn cánh bằng vải, trong các cánh có thêu chỉ đen tạo thành các đường gân. (Xem ảnh 67).

- ***Áo thầy tào*** (*slừa slấy mo*) bằng vải màu đen và màu đỏ. Áo dài 128cm, rộng 93cm. Áo may kiểu thụng không có tay, cổ áo liền nẹp ngực là một dải vải đỏ rộng 7cm, trên nẹp áo đính hai đôi dây vải để buộc khi mặc. Xung quanh áo cũng viền diềm vải đỏ rộng 7cm.

Trên nền vải đen của hai thân áo trước và thân áo sau

được thêu kín hoa văn. Hoa văn chủ đạo ở thân áo trước là bốn con rồng - mỗi bên hai con châu đầu vào nhau. Ngoài mô típ hình con rồng còn thêu xen kẽ các mô típ hình cá, hình quả bầu (*hồ lô*), hình vuông trong có gạch chéo, hình ngựa, hoa lá... được trang trí đối xứng giữa hai vạt áo. (Xem ảnh 66).

Mặt sau áo của thầy tào dân tộc Tày là cả một bức tranh sinh động về thế giới tâm linh. Mảng hoa văn trung tâm là hình núi cách điệu lá đề, trong đó có ba người ngồi trong lá đề. Tiếp theo là các mô típ hình người thể hiện ngôi vị của các bậc thần linh, ngoài ra còn có các con vật thuộc nhóm tứ linh như rồng, phượng, kỳ lân, rùa; các con vật khác như hổ, ngựa, cá, bướm và các loại hoa lá, hình học cách điệu... tất cả đã thể hiện tính khái quát và tính biểu tượng rất sâu sắc của tín ngưỡng dân gian Tày - Nùng. (Xem ảnh 68).

Loại trang phục này được thầy tào dân tộc Tày sử dụng trong đám ma, đám chay khi thực hiện các nghi lễ dẫn dắt hồn người chết về với tổ tiên ở thế giới bên kia.

3. Trang phục làm mo

Ngoài thầy tào, những người hành nghề tín ngưỡng ở người Tày - Nùng còn có mo, then, pụt...

Thầy mo dân tộc Tày chuyên cúng bái để chữa bệnh, nối số, trừ tà ma... Khi hành lễ, thầy không đọc sách,

chủ yếu là học thuộc lòng. Thầy mặc trang phục gồm có mũ, áo. Trang phục của thầy tào, thầy mo không có sự phân biệt. Sự khác nhau giữa họ là nội dung hành lễ. Thầy tào thực hiện những công việc có tầm quan trọng hơn thầy mo.

4. Trang phục làm then

Then là một hình thức sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng mang tính cộng đồng của đồng bào Tày - Nùng. Then chủ yếu do phụ nữ đảm nhiệm, cũng có then nam giới nhưng không phổ biến. Khi hành lễ, chủ yếu là truyền khẩu, không dùng sách. Người con gái sau khi lấy chồng mới được làm then (chủ yếu là do bên ngoài truyền then cho).

Then hành lễ để chữa bệnh, cầu yên, nối số, giải hạn, làm lễ chuộc hồn, đưa hồn lên cõi tiên, kể cả lễ 49 ngày của người chết. Nghi lễ then thường pha trộn giữa cúng bái và các hình thức sinh hoạt văn hoá như hát then với âm điệu du dương, hấp dẫn, thu hút nhiều người nghe mải mê từ chập tối đến sáng hôm sau.

Lẩu then (lễ cấp sắc) là nghi lễ trang trọng nhất của sinh hoạt then, là ngày hội của các bà then, mấy năm mới tổ chức một lần. Lẩu then thường tổ chức vào tháng Hai, tháng Ba âm lịch. Lẩu then là lễ cấp sắc cho các bà then (do bà then có phẩm cấp cao nhất cấp cho những người có phẩm cấp thấp hơn). (Xem ảnh 72).

Trong lẩu then, bắt buộc các bà then phải mặc trang phục làm then. Trong các dịp khác như chữa bệnh, bói toán... có thể vẫn mặc y phục thường ngày.

Trang phục làm then gồm có áo và mũ, còn quần chủ yếu vẫn là quần đen bình thường. Có nơi bà chủ hội then có thể mặc quần hay váy bằng vải đỏ.

- ***Áo*** then may bằng vải gấm đỏ, trên nền vải đỏ có dệt hình hoa lá và chữ Nho cách điệu màu vàng. Áo dài 98cm, rộng nách 40cm, rộng gấu 70cm. Áo kiểu năm thân, cài khuy bên nách phải, cổ tròn, nẹp cổ áo cao 3cm ôm sát cổ, áo xẻ tà cao. Sát cổ và ngực áo có hai chiếc cúc xương, cạnh nách đính ba đôi cúc vải. Tay áo dài, thuôn dần về phía cửa tay, tay liền với thân áo, có đường nối ở giữa cánh tay, cửa tay rộng 10cm. (Xem ảnh 75).

- ***Mũ*** làm then (*loại mũ tam kim*) gồm thân mũ và tua mũ. Thân mũ bằng vải đen rộng 29cm, cao 32cm, do nhiều lớp vải tạo thành để mũ cứng. Hai cạnh đỉnh mũ đính hai tua vải dài 33cm buông rủ về phía sau. Hai cạnh mặt trước mũ đính hai tua vải dài 30cm buông xuống trước ngực. Phía sau mũ có năm dải tua bằng vải đỏ, mỗi tua rộng 5cm, dài 120cm.

Trên thân mũ phía trước có thêu hai con phượng chầu bằng chỉ đỏ, vàng, trắng, xanh. Con phượng có thân nhỏ, đầu to, mỏ quặp, cổ dài, hai cánh và đuôi xoè rộng. Trên thân mũ có thêu hình hai cây thông cách điệu, những bông

hoa bốn cánh có hình dáng khác nhau, ngoài ra còn có hoa tám cánh, các chữ Nho cách điệu... Xung quanh diềm mũ phía dưới có trang trí một hàng tam giác cân bằng vải xanh, đỏ, trắng, vàng xen kẽ nhau.

Trên các dải mũ có thêu nhiều hoạ tiết hoa văn như hình con hổ mặt trắng thân khoang đen, hình ngựa thân vàng mặt xanh, ngựa phi nước đại, bướm bốn cánh... Trên từng dải mũ lại đính nhiều tua vải nhỏ, ở đầu mỗi tua nhỏ có đính mảnh gương tròn như hạt bắp. Ngoài ra, trên mũ then còn thêu điểm xuyết hình ngôi sao, hình mây, hình kỷ hà... tạo nên một bức tranh vừa thực vừa huyền ảo (Xem ảnh 76).

Khi hành lễ, bà then còn đi giày bằng vải đỏ hoặc vải xanh và sử dụng bộ đồ then gồm có dấu ấn làm then, chuông đồng, nhạc xóc bằng đồng, quạt giấy, túi vóc, khăn đệm nhạc xóc. (Xem ảnh 78).

Khi hành lễ, bà then còn sử dụng cây đàn tính với những giai điệu lúc khoan thai lúc êm đềm, khi dồn dập thôi thúc, cuốn hút đông đảo người đến xem, đến nghe then. Những ai có dịp thưởng thức một đêm then "kỳ yên", "giải hạn" hay " cấp sắc" đều thấy sự hâm mộ của đồng bào đối với then như thế nào. Then thu hút vào trong nội dung của mình rất nhiều vốn ca dao, dân ca - những lời ca đẹp nhất của dân tộc đã làm cho then mãi mãi là vốn quý, là niềm tự hào của hai tộc người Tày - Nùng.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI NÙNG

Y phục truyền thống của người Nùng khá đơn giản; thường làm bằng vải thô tự dệt nhuộm chàm, không thêu dệt hoa văn mặc dù kỹ thuật thêu dệt của họ thể hiện trên các loại thổ cẩm đạt trình độ cao.

Nhìn tổng thể, y phục các nhóm Nùng tương đối đồng nhất. Phụ nữ mặc áo năm thân, cài cúc bên nách phải, áo dài quá mông. Nam giới mặc áo cổ đứng, xẻ ngực, có hàng cúc vải; quần chân què cạp lá toạ...

Bên cạnh những yếu tố chung, y phục các nhóm địa phương của người Nùng cũng có những nét riêng độc đáo. Những nét riêng đó đã tô điểm cho hoa văn Nùng nói riêng và văn hoá các dân tộc Việt Nam nói chung thêm phong phú, đa dạng.

I. TRANG PHỤC PHỤ NỮ

1. Trang phục phụ nữ Nùng An

Trước đây trong mỗi gia đình người Nùng đều có khung cửi dệt vải. Ở nhiều gia đình, mỗi người con gái có một khung cửi riêng, họ đã sản xuất đủ vải để may mặc. Trong các nhóm Nùng thì người Nùng An và Nùng Phàn Slình dệt được nhiều vải nhất nên ít khi họ mặc quần áo rách hay bạc màu.

Gần đây người Nùng An ở xã Phúc Sen huyện Quảng

Uyên tỉnh Cao Bằng còn tự tạo ra một số máy thủ công có thể cán bông, kéo sợi, dệt vải với chất lượng khá cao. Ngoài dệt vải họ còn dệt nhiều thổ cẩm có mẫu mã hoa văn đẹp.

Bộ y phục nữ Nùng An ở Phúc Sen (Quảng Uyên - Cao Bằng) có nón đội đầu, khăn quấn tóc, khăn vấn, khăn trùm, áo, quần, dây lưng, tạp dề, đệm vai. (Xem ảnh 85).

- ***Nón đội đầu*** (*mào pạt*): Người Nùng An nói riêng, dân tộc Nùng nói chung đều giỏi đan lát. Ngoài việc đan các đôi dậu, lồ, sọt... để phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong gia đình, đồng bào còn đan nón để đội đầu tránh nắng mưa. Trong những lúc nông nhàn họ còn đan nón để bán và trao đổi.

Nón của người Nùng An có hai lớp, phía trong và phía ngoài được đan bằng nan tre (*mạy cháo*) - đan kiểu mắt cáo, tạo ra hình lục giác. Hai lớp nan này được đan rời nhau (lớp phía trong đan thưa hơn lớp phía ngoài).

Sau khi đã đan xong hai lớp nan, họ lấy lá cây mai (mạy mai) đã phơi khô lợp lần lượt từ đỉnh nón xuống lớp nan phía trong thật cẩn thận và khít để khi trời mưa nón không bị dột, sau đó đặt lớp nan phía ngoài lên để ép lá lại. Những nan đan còn thừa được đan cài cẩn thận tạo thành một cái vành rộng 2cm gọi là *pín mào*.

Nón được đồng bào Nùng ưa dùng vì lòng nón rộng vừa che được nắng, mưa vừa thoáng mát khi đội.

Bộ y phục của người Nùng An ở bản Phia Chang xã Phúc Sen huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng có kích thước và đặc điểm cụ thể như sau:

- ***Khăn cuốn tóc*** (*heo ráu*) dài khoảng 90cm, rộng 16cm bằng vải chàm, khăn không trang trí hoa văn (*heo ráu*) dùng để cuộn tóc thành dây tròn dài rồi quấn vòng quanh đầu.

- ***Khăn vấn*** (*bây khăn*) bằng vải thô nhuộm chàm dài 260cm, rộng 25cm, hai đầu viền chỉ, khăn không thêu vẽ hoa văn. Khi dùng, khăn vấn được gấp lại theo chiều dọc chỉ còn 6,5cm. Khăn vấn giống như khăn xếp của người Kinh. Khi vấn, tay trái cầm một đầu khăn áp vào trán, tay phải cầm khăn vấn từ trái sang phải, cứ như vậy đến khi hết, lấy đầu khăn gài vào lớp xếp phía trong của khăn vấn.

- ***Khăn trùm*** (*kằn ná*) dài 80cm, rộng 36cm, bằng vải bông nhuộm chàm. Hai đầu khăn có tua dài 2cm, khăn không thêu vẽ hoa văn. Kằn ná được trùm bên ngoài khăn quấn tóc và khăn vấn, hai đầu buộc thắt phía sau gáy.

- ***Áo*** (*pu*) bằng vải bông nhuộm chàm, dài 78cm, rộng 45cm, là loại áo năm thân dài quá mông từ 15 - 20cm.

Cổ áo (*hồ pu*) là loại cổ đứng hình tròn, nẹp cổ cao 2,5cm bằng vải xanh có đường khâu ghép theo chiều dọc, bên trong cổ áo đáp vải màu trắng hình lá sen gọi là *púc pu*.

Cúc áo (*núc cắt*) bằng nhôm gồm năm chiếc, cúc cài bên nách phải, khuy cài bằng vải.

Tà áo xẻ cao, đỉnh tà khâu chỉ màu xạnh gọi là *nốn pu*. Mép trong mỗi bên tà áo viền vải màu xanh và trắng gọi là *slây pù*.

Tay áo (*khen pu*) dài 36,5cm, rộng 17cm. Tay áo nối với thân cách nách 5cm. Hai cửa tay phía trong nẹp vải trắng rộng 4cm để tăng độ bền cho áo.

Áo phụ nữ Nùng An chỉ một màu chàm, không thêu vẽ hoa văn.

- ***Quần*** (*vạ*) bằng vải thô nhuộm chàm, quần dài 64cm, cạp quần (*ráu vạ*) rộng 3cm, ống quần (*tha vạ*) rộng 30cm, độ doãng của đũng quần lớn, rất thuận tiện khi leo dốc. Quần nữ Nùng An chỉ một màu chàm nguyên không thêu vẽ hoa văn.

- ***Dây lưng*** (*bây slai*) bằng vải thô nhuộm chàm, dài 178cm, rộng 18cm, khi sử dụng gấp đôi theo chiều dọc quấn hai vòng quanh bụng để giữ quần không bị tụt. Dây lưng của phụ nữ Nùng An không thêu vẽ hoa văn.

- ***Tạp dề*** (*pần poọc*) bằng vải chàm, dài 97cm, rộng 78cm gồm hai phần cạp và thân.

Cạp (*sau*) rộng 78cm, dài 7cm bằng vải thô màu trắng, hai đầu đính hai dây vải màu trắng dài 100cm, đầu có tua

dài 2cm, trên dây có dệt hoa văn vạch / / / / / / / / / tiếng Nùng An gọi là *khen lài* màu đen.

+ Thân tạp dề dài 90cm, rộng 78cm màu chàm, không thêu vẽ hoa văn. Khi dùng đặt tạp dề trước bụng, quấn hai đầu dây qua lưng hai vòng rồi buộc thắt ở trước bụng.

Người Nùng An khi lao động, làm vườn, chăn lợn, gà... đều đeo tạp dề trước bụng để khỏi bẩn quần áo.

- ***Đệm vai*** (*táp bạ*) bằng vải thủ công nhuộm chàm, hình trăng khuyết có đường kính 30 - 35cm, khâu nhiều lớp tạo độ dày. Xung quanh viền hai đường chỉ song song màu đỏ, trắng (*máy đỉnh*) và màu xanh (*sỉnh hen*), hai đầu đệm vai thường đơm cúc cài. Khi dùng, choàng vào cổ để vai áo không bị sờn khi gồng gánh, mang vác; xong việc tháo ra cất đi.

2. Y phục nữ Nùng Giang

Ngày thường cũng như trong ngày cưới, lễ hội, phụ nữ Nùng Giang chỉ mặc duy nhất một loại y phục. Trong ngày cưới, lễ hội họ mặc những bộ y phục mới. Bộ y phục của phụ nữ Nùng Giang xã Lăng Yên huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng gồm có khăn, áo, quần, thắt lưng, giày vải.

- ***Khăn*** (*căn*) dài 70cm, rộng 27cm bằng vải sợi bông tự dệt. Trên khăn có nhiều đường kẻ ngang, dọc màu trắng xen màu xanh chàm. Màu xanh chàm là sợi đã nhuộm trước khi dệt, màu trắng là sợi nguyên của bông.

Cách đội khăn: Khăn để nguyên, quấn quanh đầu một vòng, hai đầu khăn gài vào nhau phía sau gáy. Khi ở nhà, đi chợ hay trong lễ hội phụ nữ Nùng Giang chỉ sử dụng loại khăn này.

- ***Áo*** (*shứ*) bằng vải chàm, dài 72cm , rộng 56cm, áo may kiểu năm thân, mỗi thân rộng 25cm, phần trên áo thắt lại, phần dưới loe ra, áo xẻ tà cao 25cm. Từ thân trước bên phải có hai đường vải khâu nổi chạy vòng quanh cổ xuống tới ngực trước thân trái. Áo có 5 đôi cúc vải cài khuy cạnh nách phải. Tay áo dài 32cm, cửa tay rộng 14cm, đầu ống tay nối ba vòng vải quanh tay áo. Áo phụ nữ Nùng Giang không thêu hoa văn.

- ***Quần*** (*khoa*) bằng vải chàm, dài 98cm, rộng 45cm. Quần kiểu chân què, cạp lá tọa bằng vải thô trắng. Ống quần rộng 33cm, đũng quần rộng tạo sự thoải mái khi mặc nhất là khi leo núi. Quần không thêu vẽ hoa văn.

- ***Thắt lưng*** bằng vải chàm cũng giống như thắt lưng phụ nữ các nhóm Nùng khác.

- ***Giày*** (*dài*): Phụ nữ Nùng Giang không chỉ làm ra y phục mặc hàng ngày, mà còn tự khâu giày vải để đi cho ấm chân. Hiện nay những người biết làm giày vải không nhiều, chỉ những người đứng tuổi, người già mới dùng giày vải, lớp trẻ dùng dép nhựa, giày da.

Giày nữ Nùng Giang có các bộ phận như đế giày, quai giày, mũi giày.

Đế giày (*táy dài*) dày 0,5cm gồm nhiều lớp vải thô liên kết với nhau bằng nhiều đường chỉ khâu.

Mặt giày (*nả táy*) bằng vải màu xanh hoặc đen, phía trong lót vải thô màu trắng.

Quai giày (*quai táy*) bằng vải màu vàng hoặc vải khác màu với mặt giày, có tác dụng ôm giữ chân không bị tuột. Quai giày có một nút vải để cài.

Mũi giày (*táy đăng*) được khâu hếch lên so với đế để khi đi ít bị vấp vào đá hay mô đất trên đường.

3. Y phục nữ Nùng Inh

Cũng như nhiều nhóm Nùng khác, ngày thường cũng như trong ngày cưới, lễ hội phụ nữ Nùng Inh chỉ mặc một loại y phục. Bộ y phục của họ gồm có khăn, áo, quần, thắt lưng, tạp dề.

- ***Khăn*** (*khâu chin*) bằng vài chàm, hình vuông có kích thước 76 x 76cm. Khăn không thêu vẽ hoa văn. Khi đội gấp chéo khăn trùm lên đầu và buộc thắt ở sau gáy - gần giống cách đội khăn của người Kinh nhưng không tạo dáng mỏ quạ.

- ***Áo*** (*slứ*) bằng vải chàm, dài 76cm. Áo may kiểu năm thân, cúc cài cạnh nách nhưng không có đường nối giữa

thân. Thân áo là mảnh vải liền, bên nách phải có một thân phụ nhỏ ngắn, khi mặc nằm ở phía trong, thân trái trùm ra ngoài, cúc cài cạnh nách phải.

Áo nữ Nùng Inh may thụng, dài trùm kín mông. Cổ áo tròn, bên trong đáp miếng vải hình lá sen ở quanh cổ, tà áo xẻ cao 30cm.

Tay áo (*khen slư*) dài, tay áo liền với thân nối ở giữa tay, cửa tay áo hẹp. Áo phụ nữ Nùng Inh toàn bộ màu chàm, không thêu vẽ hoa văn.

- ***Quần*** (*khoa*) bằng vải chàm, dài 89cm, rộng 48cm. Quần may kiểu chân què, cạp lá tọa, đũng rộng, ống quần rộng 35cm. Quần màu chàm không thêu vẽ hoa văn.

- ***Thắt lưng*** (*pắng*) bằng vải chàm, dài 317cm, rộng 37cm (bằng một khổ vải). Thắt lưng không thêu vẽ hoa văn, khi dùng gập nhỏ theo chiều dài, quấn hai vòng quanh bụng và thắt buộc sau lưng, giữ cho quần áo ôm chặt vào cơ thể.

- ***Tạp dề*** (*pi gun*) dài 83cm, rộng 46cm gồm hai phần cạp và thân tạp dề. Cạp bằng vải khác màu với thân, rộng 7cm, hai đầu của cạp đính hai dây đan bằng len hoặc dây vải để buộc khi sử dụng.

Thân tạp dề bằng vải chàm, dài 73cm, khi đính vào cạp thân tạp dề được xếp nhiều ly theo chiều ngang do đó thân tạp dề rộng hơn cạp. Khi dùng, đặt tạp dề giữa bụng, dùng

hai đầu dây đính liền cạp, vòng hai vòng qua lưng và buộc thắt ở trước bụng.

Người Nùng Inh không chỉ dùng tạp dề khi làm công việc gia đình mà còn dùng trong khi sản xuất nông nghiệp để quần áo sạch sẽ khi lao động.

4. Trang phục nữ Nùng Dín

Y phục nữ Nùng Dín có một số đặc điểm khác với y phục các ngành Nùng khác. Bộ y phục của họ gồm có trâm cài tóc, khăn đội đầu, áo, váy, tạp dề, đệm vai, xà cạp. (Xem ảnh 90).

- ***Trâm cài tóc*** (*shủ*): Phụ nữ Nùng Dín thường để tóc dài, búi ngược lên đỉnh đầu. Thường ngày họ vấn khăn, ít dùng đồ trang sức. Trong những dịp lễ tết, hội hè, cưới xin họ búi tóc cài trâm. Trâm cài tóc trước kia bằng bạc, nay bằng nhôm hoặc các hợp kim khác. Phụ nữ Nùng Dín một lúc dùng bốn chiếc trâm. Hai trâm nhỏ hình bán nguyệt cắm phía trước búi tóc gọi là *cù tiêng shủ*, một cái hình bán nguyệt to gấp đôi cắm phía sau búi tóc gọi là *ba gác shủ*, một chiếc hình bướm cắm sau gáy gọi là *ti bi shủ*.

Các cô gái Nùng Dín khi chưa lấy chồng thường dùng bộ trâm của mẹ. Nếu gia đình khá giả, họ có một bộ trâm riêng. Khi lấy chồng, gia đình nhà chồng phải mua một bộ trâm đem đến nhà gái trước ngày cưới. Phong tục này ngày nay vẫn duy trì.

- ***Khăn đội đầu*** (*bầu*) có hai loại, loại dùng ngày thường và loại dùng trong ngày cưới, lễ hội.

Khăn dùng thường ngày (*bẩu pạ*) có kích thước giống khăn ngày cưới, dài 200cm, rộng 25cm, khăn hoàn toàn là màu chàm không thêu vẽ hoa văn.

Khăn dùng trong ngày cưới (*bẩu chíp*) bằng vải chàm, dài 200cm, rộng 25cm được gắn thêm hạt bạc to tạo thành hai mảng hoa văn *pạc môi* và *thẳng khăn*. *Pạc môi* là hoa văn hình chữ nhật rộng 7 x 10cm, khi đội mảng hoa văn này nằm trước trán. *Thẳng khăn* là hoa văn hình vuông rộng 8 x 8cm, khi đội nằm ở sau gáy.

- ***Áo*** (*shựa*): Ngày thường phụ nữ Nùng Dín thường mặc hai loại áo, áo bốn thân mặc ngoài và áo năm thân mặc trong.

Áo bốn thân có hai lớp vải, lớp ngoài vải dày, lớp trong vải mỏng. Cổ áo tròn, nẹp cổ cao 2,5 - 3cm. Tay áo liền với thân, ống tay rộng. Đầu ống tay đáp một khoanh vải khác màu *(hài nhưa)* thường là màu xanh trên nền áo chàm. Áo có hàng cúc bạc 12 chiếc cài giữa ngực. Áo bốn thân ngắn, khi mặc chỉ dài đến thắt lưng. (Xem ảnh 91).

Loại áo năm thân *(shưa pài)* mặc trong áo bốn thân. Áo may rất ngắn, chỉ che kín bụng. Cổ áo liền với nẹp ngực, áo có hai đôi cúc vải cài cạnh nách phải. Loại áo năm thân mặc lúc đi ngủ và rất tiện cho các bà mẹ đang nuôi con bú.

Áo mặc trong ngày cưới gọi là *may chất sựa*. Loại áo này được trang trí những hạt bạc đính trên cổ áo, hai nẹp ngực và gấu áo tạo thành những mảng hoa văn màu trắng trên nền vải chàm.

Dải hoa văn hai bên nẹp ngực gọi là *nà chất* làm nền cho hàng cúc bạc. Dải hoa văn gắn vào cổ áo gọi là *hô môi*. *Hô môi* là một băng vải rộng bằng cổ áo, trên đó gắn các hạt bạc theo hình răng cưa, mỗi hình có 12 hạt. Gấu áo (*may chất*) được thêu đường thẳng song song xen kẽ đường răng cưa với các màu xanh, đỏ, vàng. Mép gấu áo gắn những mảnh bạc hình răng cưa. Hiện nay tuy bạc rất hiếm và đắt nhưng đồng bào cũng không bỏ được *nà chất* và *hô môi* trang trí trên áo cưới. Màu trắng của hoa văn bạc nổi trên nền màu chàm tối của nền áo đã tạo cho chiếc áo cưới vẻ trang trọng, lịch sự và gây chú ý cho mọi người. Trên chiếc áo cưới, ngoài 11 chiếc cúc bằng bạc nhỏ (*chất mặc mau*) còn có một chiếc cúc lớn (*chất ăn náu*). Theo quan niệm của đồng bào chiếc cúc to là mẹ, 11 chiếc cúc nhỏ là con. Phải chăng đây là biểu tượng của tình yêu, của sự sinh sôi nảy nở.

- ***Váy*** (*slịn*): Trong các ngành Nùng chỉ có phụ nữ Nùng Dín mặc váy. Váy của họ được tạo bằng bảy khổ vải chàm, mỗi khổ rộng 40cm. *Slịn* là loại váy cuốn có hai lớp vải, lớp ngoài dày, lớp trong mỏng. Váy có bốn phần:

Cạp váy (*thu slịn*) là một băng vải rộng 2cm, dài 160cm, gắn với đầu váy làm dây buộc ở ngay thắt lưng.

Đầu váy (*hô slịn*) là mảnh vải rộng 10cm nối liền thân váy với cạp váy. Đầu váy rộng vừa đúng eo người mặc.

Thân váy do bảy khổ vải khâu nối với nhau tạo thành. Chu vi của váy rất rộng, từ 280 - 320cm. Khi khâu ghép với đầu váy, thân váy phải chiết ly rất nhiều sao cho vừa với độ dài của đầu váy, do đó váy của phụ nữ Nùng Dín có độ xoè rất lớn, mỗi váy thường nặng từ 2,5 - 3kg.

Gấu váy được viền hoặc táp thêm một dải vải đỏ rộng 3cm ở phía trong để tăng độ bền và tạo nét thẩm mỹ riêng.

Khi mặc, phần cạp váy và đầu váy được gấp lại rồi giắt vào bên hông. Cách cuốn váy như vậy vừa kín đáo vừa thuận tiện khi đi lại. Lúc lao động, muốn gọn người ta túm gốc dưới gấu váy kéo ngược lên và gấp thành một túm giắt sau lưng. Váy ôm gọn lấy cơ thể, phần gấp đó được gọi là *pản phái* - túi váy.

- ***Thắt lưng*** (*thải tam*) bằng vải bông hoặc vải tơ tằm, rộng 3cm, dài 160cm. Thắt lưng của người trung niên, cao tuổi chỉ nhuộm chàm không có hoa văn. Thắt lưng của thiếu nữ dệt hoa văn cầu kỳ, đầu kết tua. Hoa văn thường là hình chim, rắn đôi, răng trâu... với các đường chỉ trắng, vàng, đen, xanh, đỏ xen kẽ nhau.

Khi dùng thắt lưng, nếu là loại có hoa văn thì hai đầu thắt lưng được thả trước bụng; loại không có hoa văn giắt kín bên hông.

- ***Tạp dề*** (*bền giáo*) là một miếng vải hình chữ nhật có kích thước 60 x 100cm, hai đầu cạnh nhỏ khâu dải vải để buộc vào thắt lưng khi sử dụng.

- ***Đệm vai*** (*vì cùn*) là miếng vải hình lá sen được khâu ghép nhiều lớp tạo thành độ dày. Khi dùng trùm kín hai vai, chính giữa đệm vai khoét lỗ tròn ôm sát cổ. Khi mang vác, gồng gánh người ta đeo đệm vai để đỡ hại vai áo và để đỡ đau vai.

- ***Xà cạp*** (*khà piểng*) thường làm bằng vải thô màu trắng hoặc màu chàm, có chiều rộng 15cm, chiều dài 80cm, một đầu có đính dây buộc. Khi dùng, cuốn từ cổ chân đến đầu gối để chống gió sương, rét buốt, chống muỗi vắt... và giữ cho chân thon dài, trắng trẻo.

- ***Giày vải*** (*củ hài*) làm bằng vải, đế thấp, mũi hài rất giống giày của các nhóm Nùng khác và giống giày của phụ nữ Tày.

Nhìn chung, trang phục của các nhóm Nùng khá đa dạng và phong phú mang phong cách từng vùng, từng nhóm (được thể hiện khá rõ trên trang phục phụ nữ). Trang phục phụ nữ Nùng đạt trình độ khá cao về kỹ thuật tạo hình, cách trang trí và tiện sử dụng trong đời sống hàng

ngày. Tuy cư trú xen cài với người Tày nhưng phong cách trang phục của phụ nữ Nùng vẫn đậm đà cá tính, góp phần tạo nên bản sắc văn hoá của vùng văn hoá Đông Bắc nói riêng và đất nước nói chung. Chúng tôi giới thiệu bảng so sánh trang phục phụ nữ một số nhóm Nùng nhằm giới thiệu những yếu tố chung và những nét riêng độc đáo của trang phục Nùng.

Bảng so sánh trang phục nữ một số nhóm Nùng

Tiêu chí	Nùng An	Nùng Dín	Nùng Giang	Nùng Inh
Khăn đội đầu	- Khăn dài, màu chàm không thêu hoa văn. - Có ba loại: Khăn cuốn, khăn vấn, khăn trùm.	- Ngày thường đội khăn màu chàm không thêu hoa văn. - Ngày hội búi tóc cài 4 chiếc trâm. - Ngày cưới dùng khăn dài màu chàm, đính nhiều hạt bạc.	Khăn dài, màu trắng dệt xen nhiều đường kẻ ngang bằng chỉ xanh chàm.	Khăn vuông, màu chàm đen, khi đội gấp chéo thắt sau gáy.

Áo	- Áo 5 thân, vải chàm, dài kín mông, cúc cài cạnh nách, xẻ tà. - Cổ áo đáp vải xanh	- Ngày thường mặc áo năm thân bên trong, tứ thân bên ngoài. Áo tứ thân may hai lớp vải, có 12 cúc bạc, cài giữa ngực. - Ngày cưới mặc áo tứ thân có 12 cúc bạc (1 to, 11 nhỏ). Cổ áo, gấu áo trang trí nhiều hạt bạc. Gấu áo thêu chỉ màu và ghép các đường răng cưa bằng vải xanh, đỏ, vàng.	- Áo năm thân, vải chàm, phần trên thắt, dưới loe. Có 2 đường vải khâu nối chạy quanh cổ xuống nách áo bên trái. - Cửa tay áo đáp 3 vòng vải khác màu.	Áo năm thân, vải chàm. Áo may thụng dài quá mông, cúc cài cạnh nách

Quần (hoặc váy)	Quần vải chàm, kiểu chân què, cạp lá toạ.	Váy cuốn có 2 lớp vải. Váy chiết ly có độ xoè rất lớn.	Quần vải chàm, kiểu chân què, cạp lá toạ.	Quần vải chàm, kiểu chân què, cạp lá toạ.
Thắt lưng	Bằng vải chàm, không thêu hoa văn (không có sự phân biệt giữa già, trẻ)	- Người già dùng thắt lưng chàm - Thiếu nữ dùng thắt lưng dệt hoa văn bằng chỉ màu.	Thắt lưng bằng vải chàm (không có sự phân biệt giữa trẻ, già).	Thắt lưng vải chàm (không có sự phân biệt giữa trẻ, già).
Tạp dề	Cạp màu trắng, thân màu chàm.	Bằng vải trắng hoặc vải chàm.		Cạp bằng vải khác màu, thân màu chàm.
Đệm vai	Dùng đệm vai khi mang vác.	Dùng đệm vai khi mang vác.		
Xà cạp		Quấn xà cạp khi mặc váy.		

II. Y PHỤC NAM GIỚI

Y phục nam giới dân tộc Nùng giống y phục nam giới của nhiều dân tộc ở miền Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc. Y phục nam dân tộc Nùng khá giống nhau giữa các nhóm, gồm có khăn đội đầu, áo năm thân cài khuy cạnh nách, quần chân què cạp lá toạ.

- ***Áo*** (*pu*) bằng vải thô nhuộm chàm dài 70cm, rộng 60cm. Áo may kiểu năm thân dài chấm hông, áo hẹp ngang nên khi mặc bó sát người.

Cổ áo (*hô pu*) tròn, nẹp cổ áo cao 2cm, bên trong nẹp cổ đáp vải trắng gọi là *púc pu*.

Cúc áo (*cắt pu*) bằng đồng đính bên thân trái. Khuy cài bằng vải đính trên thân áo. Ngực áo bên phải có một túi vải màu trắng. Chiếc túi này thường để đựng tiền và những giấy tờ quan trọng. Khi cài cúc, túi bị che bởi thân trái trùm lên.

Áo xẻ tà (*tép pu*), đỉnh tà khâu chỉ xanh, vàng. Mép trong của mỗi bên tà được viền vải xanh hoặc vải trắng (*sây pu*). Tay áo (*khen pu*) dài 40cm, rộng 20cm, tay nối với thân cách nách 5cm, tay được may thon dần về phía cửa tay. Áo nam giới dân tộc Nùng chỉ một màu chàm, không thêu vẽ hoa văn.

- ***Quần*** (*vạ*) bằng khổ vải thô nhuộm chàm, kiểu chân què cạp lá toạ. Quần dài 90cm (thân quần dài 70cm, cạp

quần màu trắng dài 20cm). Cạp quần được nối với thân bằng hai đường chỉ may ngang. Ống quần (*thà vạ*) rộng 36cm, đũng quần có độ doãng lớn, rất phù hợp khi leo núi. Quần nam giới và các nhóm Nùng khác không thêu vẽ hoa văn. Ngày thường cũng như ngày lễ họ mặc một loại trang phục nói trên, điều khác duy nhất chỉ là mới hơn, đẹp hơn. (Xem ảnh 93).

III. ĐỒ TRANG SỨC

Người Nùng cả nam và nữ đều dùng đồ trang sức bằng kim loại. Đồ trang sức của họ có nhiều loại trong đó tiêu biểu là vòng tay, vòng cổ, xà tích. Một số nam giới và trẻ em còn đeo vòng chân.

- ***Vòng tay*** (*kon*) là loại trang sức được nhiều người ưa thích. Vòng tay là dây bạc tròn được uốn hình tròn, vừa với cổ tay người sử dụng.

Bên cạnh chức năng trang sức, vòng tay bằng bạc còn là vật "bảo mệnh" cho mọi người để tránh gió độc, trừ ma.

Trong đám cưới, vòng tay là vật không thể thiếu. Cô dâu phải đeo từ một đến bốn chiếc vòng tay.

- ***Vòng cổ*** (*vàn hồ*): Cũng như nhiều tộc người khác, trẻ em Nùng từ nhỏ đã được đeo vòng cổ, ít nhất là một chiếc, nhiều thì ba đến bốn chiếc. Người Nùng quan niệm vòng cổ là vật "bảo mệnh", nhất là đối với các em nhỏ và người già.

Vòng cổ là dây bạc tròn có tiết diện từ 3 - 6mm, được

uốn hình tròn, có nhiều loại lớn, nhỏ khác nhau. Hai đầu giao nhau được uốn cuộn thành lỗ tròn ở mỗi bên.

Trong đám cưới, lễ hội, cô dâu hay các cô gái thường dùng một đoạn dây (*sải vàn hồ*) màu đỏ, dài 70cm, xỏ vào lỗ trên vòng cổ để khi đeo sợi dây này được thả xuống giữa lưng.

- ***Xà tích*** (*xác nhầu*): Cùng với vòng cổ, vòng tay, xà tích là một trong số những đồ trang sức không thể thiếu đối với nữ giới người Nùng.

Xà tích là chuỗi dây bạc được liên kết bởi các vòng tròn nhỏ tạo thành dây bốn cạnh vừa mềm mại vừa vững chắc. Xà tích dùng để treo các đồ dùng cá nhân như hộp đựng trầu, dao, nhíp...

Khi sử dụng, hai đầu xà tích được gài vào bên phải thắt lưng, phần giữa buông xuống tạo thành hình cánh cung.

- ***Bịt răng vàng:*** Khi đến tuổi trưởng thành, cả nam và nữ người Nùng đều có thói quen bịt răng vàng. Chiếc răng được bịt vàng là răng nanh hàm trên ở phía bên phải. Đây là một tập quán, một sở thích và một quan niệm thẩm mỹ từ bao đời nay của người Nùng.

IV. TRANG PHỤC CƯỚI XIN, LỄ HỘI

1. Trang phục cưới xin, lễ hội của phụ nữ

Cùng giống như một số tộc người khác thuộc nhóm

ngôn ngữ Tày - Thái, đồng bào Nùng không có kiểu quần áo riêng dùng trong cưới xin, lễ hội. Kiểu cách cắt may quần áo cưới cũng như quần áo bình thường, song vải được chọn là vải tốt nhất. Màu sắc của quần áo cưới, lễ hội cũng là màu chàm nhưng phải là màu đẹp đạt tiêu chuẩn do đồng bào quy định.

Bộ quần áo mặc trong ngày cưới của phụ nữ Nùng được trang trí nhiều hơn. Cách trang trí chủ yếu là ghép vải. Giáp cổ áo của thân áo trước được ghép bằng vải láng đen công nghiệp rộng 5 - 6cm. Miếng ghép được đặt ở chính giữa cổ chạy vòng sang nách phải. Cửa hai ống tay áo cũng được ghép mảnh vải láng đen bóng, rộng 8 - 10cm. Tại đỉnh chỗ xẻ tà cả bên phải và bên trái chị em còn thắt quả chỉ con màu xanh hay màu đỏ để trang trí cho áo thật đẹp.

Quần mặc trong ngày cưới cắt may hoàn toàn giống quần thường ngày nhưng vải mới và có màu sắc đẹp. Có thể nói đây là bộ quần áo đẹp nhất. Về sau trong những dịp hội hè, lễ tết hay đi chợ các cô gái cũng dùng bộ quần áo này.

Trong ngày cưới, cô dâu còn đội chiếc nón lá mới, đi tất và giày vải mũi cong. Theo phong tục, trong ngày cưới cô dâu không dùng thắt lưng, nhưng sau đó họ dùng thắt lưng cho gọn gàng và thuận tiện cho việc nội trợ ở nhà cũng như khi đi làm đồng.

2. Trang phục cưới xin, lễ hội của nam giới Nùng

Quần áo mặc trong lễ cưới, lễ hội của nam giới được cắt may hoàn toàn giống quần áo mặc thường ngày song vải là loại tốt nhất và màu cũng đẹp nhất. Áo được trang trí thêm hai quả chỉ màu xanh hay đỏ đính vào chỗ xẻ tà áo.

Trong ngày cưới, ngày hội ngoài bộ quần áo truyền thống, nam giới thường để đầu trần và dùng ô đen che nắng, họ cũng đi tất và giày vải cho trang trọng.

V. TRANG PHỤC TRẺ EM

Lúc mới lọt lòng, các em bé trai cũng như gái dân tộc Nùng chưa có y phục riêng. Trẻ em thường được quấn trong những chiếc áo cũ của bố mẹ. Áo cũ vải sờn mỏng, mềm không làm hại da trẻ em. Khi lên hai, ba tuổi chúng được mẹ may quần áo giống như người lớn.

1. Bộ y phục của trẻ em trai Nùng (Xem ảnh 94)

- **Mũ** (*tầu*) được tạo thành bởi những mảnh vải hình tam giác khâu quây tròn, thắt dần và túm lại trên đỉnh. Mũ gồm ba phần chỏm, thân, vành.

Chỏm mũ (*chọi tầu*) là một túm vải tròn màu xanh, đỏ. Túm vải này chỉ đính trên mũ của trẻ em trai.

Thân mũ do tám mảnh vải chàm hình tam giác ghép lại với nhau, các cạnh xiên khâu lại tạo thành hình chóp. Trong tám mảnh mũ thì sáu mảnh được thêu hình hoa lê

(*mạc lây*), hai mảnh thêu hình đồng tiền (*lùa slìn*) bằng chỉ màu hồng, trắng, vàng, xanh.

Vành mũ (*dín tầu*) là hai mảnh vải chàm, dải trên rộng 2,5cm, dải dưới rộng 3,5cm. Hai dải này được khâu ghép với nhau và nối hai đầu thành vòng tròn có đường kính 17cm, đây cũng là độ rộng của vành mũ.

- ***Áo*** (*pu*) bằng vải thô nhuộm chàm, là loại áo ngắn năm thân, dài 35cm, rộng 2cm. Cổ áo (*hô pu*) là loại cổ tròn. Cúc áo (*căt pu*) gồm bôn chiếc băng nhôm đính cạnh thân bên trái, khuy cài bằng vải đính cạnh cổ và nách bên phải. Mép ngoài thân trước ở bên phải được viền hai đường chỉ màu xanh, vàng chạy song song gọi là *tẹp long*.

Tà áo xẻ cao, đính tà khâu chỉ xanh. Mép trong mỗi bên tà viền bằng vải xanh, trắng gọi là *slây pu*.

Tay áo (*khen pu*) dài 16,5cm, rộng 12cm, nối với thân ở cạnh nách. Khác với áo em gái, áo trẻ em trai đầu ống tay không viền vải.

- ***Quần*** (*vạ*) bằng vải thô nhuộm chàm, may kiểu chân què, cạp lá toạ. Quần dài 43cm, ống rộng 22cm. Cạp quần (*rau vạ*) bằng vải thô trắng, rộng 4,5cm.

Y phục của trẻ em trai dân tộc Nùng hình thức hoàn toàn giống y phục của người lớn.

2. Bộ y phục trẻ em gái Nùng An nói riêng và các nhóm Nùng khác nói chung gồm có mũ, áo, quần. (Xem ảnh 95).

- ***Mũ*** (*tầu*) là những mảnh vải hình tam giác (thường gồm 6 - 8 mảnh), khâu quây tròn, túm lại trên đỉnh tạo thành. Mũ chia thành ba phần chỏm, thân, vành.

Chỏm mũ (*chọt tàu*) là một mảnh vải tròn được khâu vào giữa đỉnh mũ, trên miếng vải có thêu bông hoa tám cánh (*vạ tôm*) bằng chỉ xanh, hồng. Tâm của bông hoa đính những tua chỉ màu xanh, hồng.

Thân mũ do tám mảnh vải chàm hình tam giác liên kết với nhau, trong đó bốn mảnh thêu hình lá tre (*vá may*), bốn mảnh thêu hoa tám cánh (*vạ tôm*) bằng chỉ màu xanh, hồng.

Vành mũ (*pín tầu*) là hai dải vải chàm, dải trên rộng 2,5cm, dải dưới rộng 4cm được khâu nối với nhau ở cạnh dài và cuộn lại thành vòng tròn có đường kính 15cm - đó là độ rộng của vành mũ.

- ***Áo*** (*pu*) bằng vải thô màu chàm, dài 42cm, rộng 33cm. Áo may kiểu năm thân, cài cúc cạnh nách. Cổ áo (*hô pu*) là loại cổ đứng, trên cổ nẹp vải xanh và hai đường chỉ khâu song song chạy vòng quanh cổ áo. Cúc áo (*cắt pu*) là loại cúc đồng gồm bốn chiếc được đính cạnh thân bên phải, khuy cài (*núc cắt*) bằng vải đính cạnh nách trái. Mép thân trước ở bên phải, phía ngoài đính hàng cúc đồng, phía trong viền vải màu xanh gọi là *long tẹp*. Tà áo xẻ cao, đỉnh tà khâu chỉ xanh gọi là *slây pu*. Tay áo *(khen pu)* dài 17cm được nối với thân gần nách, rộng 12cm và

thuôn dần về phía cửa tay. Đầu hai ống tay được viền hai vòng vải xanh, trắng để trang trí gọi là *tẹp khiển*. Áo trẻ em Nùng không thêu vẽ hoa văn.

- ***Quần*** *(vạ)* bằng vải thô nhuộm chàm, dài 41cm, rộng 24cm. Quần trẻ em gái Nùng cắt may giống của người lớn. Quần may kiểu chân què, cạp lá tọa, cạp quần *(rau vạ)* rộng 3cm bằng vải thô trắng. Quần không thêu vẽ hoa văn.

VI. TRANG PHỤC TRONG TANG MA, TÍN NGƯỠNG

1. Y phục trong tang ma

Trong đám ma người Nùng, ngoài các lễ vật phải có thì quần áo tang ma là dấu hiệu thể hiện đức hiếu của con cháu đối với ông bà, bố mẹ. Khi trong gia đình có người qua đời, gia chủ bắn ba phát súng báo cho dân làng biết, lúc này con cháu người quá cố phải lộn trái bộ quần áo đang mặc để chịu tang (do chưa kịp may quần áo tang). Sau đó những bà cao tuổi, những phụ nữ có kinh nghiệm trong làng đến hộ đám bắt đầu cắt khâu tang phục.

Quần áo tang truyền thông của người Nùng là màu trắng tự nhiên của vải bông. Vải may quần áo tang chủ yếu là vải tự dệt hoặc vải diềm bâu, không có sự phân biệt về giới tính, về kiểu cắt may, về chất liệu và cách mặc.

Áo tang là áo trùm đầu gối, xẻ ngực, không dùng cúc cài mà dùng dây buộc chéo từ cổ sang nách phải (giống áo thường ngày của nữ giới). Áo tang được mặc từ lúc phát

tang đến lúc an táng xong, sau đó mặc thêm ba ngày nữa đến khi làm xong lễ *khay tu mò* mới được cởi ra.

Quần tang cũng là vải trắng dệt rất thưa, cắt khâu kiểu chân què, khâu rất sơ sài.

Khăn tang: Trong thời gian tang lễ, nữ giới đội khăn trắng (khăn vấn màu trắng), khăn vuông cũng màu trắng. Nam giới không có mũ tang, họ chỉ buộc một mảnh vải trắng ngang đầu.

Trong suốt thời gian tang ma, con cháu không được phép cởi quần áo tang ra để giặt.

Ở những vùng sống đan xen với người Tày, áo tang của người Nùng kể cả nam và nữ là loại áo ngắn tứ thân mở ngực. Áo nữ nẹp cổ nhỏ, áo nam nẹp cổ to, không đính cúc mà dùng dây buộc.

Con trai người quá cố đội mũ bện bằng dây chuối, tay chống gậy tre. Cả con trai, con gái, con dâu dùng dây chuối bện làm thắt lưng.

Đối với người Nùng, trong thời gian tang lễ không được chải tóc, cắt tóc, cạo râu... nói chung là không được làm đẹp.

Con trai, con gái, con dâu, cháu chắt, các em... của người quá cố phải đội khăn tang. Những bậc anh chị của người quá cố không phải chịu tang. Sau khi an táng,

giường của người quá cố phải tháo chân ra, còn giát giường được đặt xuống nền nhà, chủ gia đình phải nằm ngủ tại đó.

Ở người Nùng, vợ con và cháu đích tôn của người quá cố phải để tang ba năm, còn con cháu bằng hệ chỉ để tang một năm.

2. Y phục thầy cúng của người Nùng

Thầy cúng khi hành lễ không dùng sách, chủ yếu là học thuộc lòng. Thầy cúng chuyên cúng bái để chữa bệnh, nối số, trừ tà ma... Quy mô hình thức lễ nhỏ, nghi lễ đơn giản, thời gian lễ ngắn, thường 1 ngày 1 đêm. Khi hành lễ, ngoài trang phục, thầy cúng còn dùng chiếc chiêng đồng hoặc trống nhỏ.

Bộ trang phục thầy cúng người Nùng gồm có mũ, áo, quần.

- ***Mũ*** (*con linh*) của thầy cúng người Nùng thường làm bằng dải vải tự dệt, nhuộm chàm, dài 60cm, rộng 40cm. Phía đỉnh mũ được cắt uốn lượn hình dãy núi. Phia sau mũ đính đôi dây vải để buộc khi đội. Phần giữa dải mũ được đáp một mảnh vải tự dệt màu chàm dài 20cm, trên mặt có thêu trang trí các hoạ tiết sau:

Trên ba đỉnh chính giữa của mũ có đính ba chiếc gương tròn có đường kính 0,5cm. Các thầy cúng cho rằng đó là ba người ma mà mắt trần không nhìn thấy. Tên gọi

của ba người tính từ trái sang phải là: Thượng Thanh (*Sưng Shinh*), Ngọc Thanh (*Nhục Shinh*), Thái Thanh (*Thái Shinh*).

Hoạ tiết hoa văn chính của mũ là hình hai con phượng chầu hình tròn nhật nguyệt.

Khi sử dụng, phần chính giữa mũ có thêu hoa văn được áp vào trán và dùng dây buộc sau gáy.

- ***Ao** (pu lài)* băng vải bông màu trăng hoặc màu vàng, rộng 80cm, dài 100cm. Đây là loại áo choàng không có tay, xẻ ngực, cổ áo liền với thân, áo không có cúc cài, chỉ dùng hai dây vải buộc giữa ngực áo. Mép vải hai bên nách được khâu liền với nhau ở phần dưới, phần trên để trống làm ống tay áo. Khi mặc, áo trùm tất cả các loại áo bên trong một cách thoải mái.

Các loại hoạ tiết hoa văn thêu trên áo thầy cúng là một bức tranh sinh động về thế giới tâm linh. Với trình độ hạn hẹp, chúng tôi chưa thể giải mã trọn vẹn bức tranh toàn cảnh đó.

Chỉ thêu các hoạ tiết hoa văn trên trang phục thầy cúng Nùng là loại chỉ tơ tằm với các màu trắng, đỏ sẫm, vàng tươi xen ghép nhau. Hoa văn thêu trên lưng áo tập trung vào các hình tượng như:

Hình người lính, nông dân.

Hình ngựa, hình người cưỡi ngựa.

Hình chim dậu, hình con rồng.

Trung tâm là hình lá đề ở giữa có ghi ba chữ "*Đại La Thiên*" - theo đồng bào đây là nơi cư ngụ cuối cùng của các thầy tào cao tay nhất. (Xem ảnh 96).

Hoạ tiết thêu trên ngực áo: Hai bên ngực là hai dải vải chàm được đáp theo chiều dọc áo và thêu ở mỗi bên một con rồng (*tu lồng*). Xung quanh điểm thêm các vì sao (*đao bí*) bằng chỉ trắng. Theo thầy cúng Nùng cho biết, đó là hình tượng rồng bay lên trời cao vào lúc ban đêm. (Xem ảnh 97)

Khi mặc *pu lài* thầy cúng mặc áo cánh màu trắng dài tay ở bên trong.

- ***Quần:*** Khi thầy cúng hành lễ, ông ta mặc quần vải chàm là loại quần vẫn mặc thường ngày của nam giới Nùng.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI THÁI

I. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA PHỤ NỮ

Người Thái sinh sống ở nước ta phân thành nhiều nhóm địa phương, sự khác biệt giữa họ là sắc thái văn hoá thể hiện qua tiếng nói, phong tục, nghi lễ, tập quán...

trong đó dễ phân biệt hơn cả là bộ trang phục cổ truyền, đặc biệt là y phục của nữ giới.

1. Y phục thường ngày của phụ nữ Thái Đen (Xem ảnh 101)

Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Thái Đen ở xã Thôn Mòn huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La có khăn piêu, áo ngắn, váy, thắt lưng.

- ***Khăn*** (*piêu*) bằng vải chàm đen, dài 120cm, rộng 40cm. Hai đầu khăn piêu được thêu cầu kỳ, màu sắc rực rỡ. Phần thêu hoa văn có kích thước 40 x 45cm. Hoạ tiết trang trí chủ yếu là hình cây thông, khau cút, quả trám, con nhện đất (*to cu*), con cua (*bô pu*) bằng chỉ đỏ, trắng, xanh, tím... Mỗi chiếc khăn có đường nét hoạ tiết hoa văn khác nhau.

Theo các cụ già cho biết, trước kia khăn piêu thêu rất đơn giản, nó chỉ là những cặp lẵng piêu tạo thành các hình vuông, hình chữ nhật rỗng. Dần dần việc thêu hoa văn trên khăn piêu được cải tiến ngày càng cầu kỳ, phong phú, đa dạng hơn.

Các cụ già thường dùng khăn *piêu xiểu* là loại khăn không trang trí các *tai piêu* ở hai đầu khăn, chỉ có các núm bông nhỏ và ít trang trí hoa văn. (Xem ảnh 103).

Các thiếu nữ sử dụng loại *piêu cứt* là loại khăn được

trang trí những chùm tai piêu nhìn giống như những chồi lá non nhú ra ở hai đầu khăn. (Xem ảnh 102).

Khăn piêu xiếu là loại khăn có trước piêu cút hiện nay. Hai đầu khăn piêu xiếu chỉ trang trí những núm vải bông nhỏ - loại khăn này hiện nay chỉ có người già mới sử dụng. Khăn piêu cút ra đời sau, nó được trang trí nhiều tai piêu - hay còn gọi là hu piêu.

Để tạo ra một chiếc piêu cút là cả một quá trình lao động cần cù, chịu thương, chịu khó của các cô gái. Chính quá trình lao động này đã tạo nên nét đẹp trong cốt cách tâm hồn của họ. Chỉ qua cách tết tai piêu và làm cút piêu của người phụ nữ Thái chúng ta cũng hiểu rõ điều đó. Sau khi đã hoàn chỉnh các mô típ hoa văn trang trí trên hai đầu khăn piêu, người phụ nữ dùng vải đỏ viền hai đầu khăn lại (viền cả diện tích trang trí hoa văn), tiếp đó viền thêm những màu khác như màu xanh, màu tím... cho khăn nổi bật hơn. Đoạn khăn thêu trang trí và được viền vải đỏ gọi là *cóp piêu*.

Khi khăn đã viền xong, dùng một dải vải đỏ khác gập làm tư thành một dải dài và nhỏ để tết tai piêu - hay còn gọi là hu piêu.

Cách tết tai piêu: Gập một sợi dây vải một đầu ngắn, một đầu dài. Tay trái cầm đầu ngắn, tay phải cầm đầu dài, dùng ngón tay trỏ của tay trái quấn một vòng tại chỗ gập

của hai đầu vải sau đó xoay một vòng về phía người tết sẽ được tai piêu thứ nhất. Lấy đầu vải dài bên tay phải luồn qua tai piêu thứ nhất kéo một vòng tròn nhỏ nữa sẽ được tai piêu thứ hai. Vặn tai piêu thứ hai này y như thế và xoay tai piêu thứ nhất cũng quay về phía trong người, dùng tay phải luồn đầu dây dài qua tai thứ hai và kéo tiếp một vòng tròn nữa sẽ có tai piêu thứ ba, tai này cũng được xoay y hệt hai tai trên, sau đó dùng tay trái giữ ba tai vừa tết xong, dùng tay phải luồn đầu dây ngắn qua tai thứ ba nhưng lần này không kéo lên trên mà để buông xuống. Cuối cùng lật ngược tai piêu vừa làm xong, kéo một chân của tai thứ nhất luồn đầu dây ngắn buông xuống ở trên vào, hai tay cầm hai đải vải kéo tai thứ nhất lên cho nó cao hơn hai tai kia sau đó thít chặt hai đầu dây lại, thế là được một tai piêu hoàn chỉnh với ba vòng tròn và một mối gập tư ở giữa. Hai đầu dải vải đỏ thừa để buông xuôi, phần dải vải đỏ thừa này gọi là *khà cút piêu* hay cuống của cút piêu.

Khi đã tết xong tai piêu, dùng kim đính tai piêu và hai đải khà cút piêu vào một góc khăn, cả bốn góc khăn đều làm như vậy.

Ở hai đầu khăn khà cút piêu có các vòng tre nhỏ cuốn tròn 3 - 4 vòng như chiếc cúc áo, sau đó dùng chỉ màu đỏ, tím, vàng thêu bọc lại. Mỗi màu chỉ tạo thành một hình tam giác, khi chiếc cút được thêu kín tạo thành bông hoa

nhiều cánh và chỉ thừa một vòng nhỏ ở ngoài, đấy chính là *cút piêu*. Chỉ những người đã thành thạo việc thêu thùa và có đôi tay khéo léo mới làm được tai piêu và thêu cút piêu. Nếu khăn piêu có nhiều tai piêu người Thái Điện Biên gọi là piêu cút pua có nghĩa là loại piêu có nhiều tai piêu. Khăn piêu không chỉ có tác dụng đội đầu để che nắng, che gió mà còn là vật trang điểm của các cô gái Thái. Các cô gái rất tự hào khi đội những chiếc khăn piêu đẹp thêu nhiều hoa văn. Các chàng trai có thể lựa chọn cho mình người bạn trăm năm khéo léo, tinh tế khi nhìn vào chiếc khăn đội đầu của các cô gái.

- ***Áo*** *(xửa cỏm)* bằng vải thô nhuộm đen, áo may kiểu tứ thân, dài 43cm, rộng 33,5cm, tay dài 47cm, áo xẻ ngực. Cổ tròn có nẹp cao 2,5cm, khi mặc cổ áo ôm sát.

Nẹp áo đính hai hàng cúc bạc (nay dùng nhôm) được trang trí rất đẹp chủ yếu là hình mai rùa, hình bướm. Áo (*xửa cỏm*) của phụ nữ may bó sát thân, làm nổi bật các đường nét cơ thể người phụ nữ.

Qua việc tìm hiểu cách cắt may xửa cỏm, chúng tôi thấy một điều lý thú mà người Thái dùng để phân biệt tính chất của từng loại áo.

Những chiếc *xửa cỏm* viền chân cổ bằng vải đỏ là áo của các cô gái mới lấy chồng (thiếu phụ trẻ). Đường viền đó người ta gọi là *cỏ lươi* - cổ viền. Sự quy định đó có tính

chất truyền thống đã đi vào tập tục của người Thái. Dân gian Thái có câu "*me pá ló có lươi*" tức là người đàn bà trẻ cổ vằn như cổ con chim cu.

Chim cu là loại chim rất gần gũi với cuộc sống thường nhật của người Thái. Do yêu thích loài chim này, họ coi đó là hình tượng của sự thuỷ chung. Hình tượng ấy đã đi vào thơ ca dân gian Thái. Trong *Xống chụ xôn xao* (*Tiễn dặn người yêu*), chị dâu có dặn cô em chồng là:

"... Nghe con chim cu trên ngọn cây cúc cu

Cũng đừng khóc cô ơi

Cây tre nó thành giấy,

Cây nứa nó thành ống

Con gái thành nàng dâu

Bố gả chồng cho, đừng chối cô à!...[1]

Đến nay, tập tục này vẫn được thực hiện rất chặt chẽ, các cô gái chưa chồng không được dùng áo cổ viền vải đỏ.

Các cô gái chưa chồng chỉ có thể cải tiến viền vai tức là thêm phần vai bồng để áo thêm đẹp và trẻ trung.

- ***Váy*** (*xỉn*) bằng vải thô nhuộm chàm, dài 90cm, rộng 73cm. Là loại váy ống hình trụ, cạp váy và gấu váy bằng

---

[1] Mạc Phi, *Tiễn dặn người yêu - Xống chụ xôn xao*, NXB Văn học, H.1973, tr.74.

nhau. Cạp váy cao 15cm bằng vải thô trắng, thân váy do bốn khổ vải chàm đen tạo thành, váy không trang trí hoa văn.

Khi mặc, kéo hai điểm cạp váy bó sát người ở cạnh sườn bên phải, phần váy thừa gập về trước bụng và dùng thắt lưng thắt chặt phía ngoài, kéo mép áo (*xửa cỏm*) phủ lên trên.

- ***Thắt lưng*** (*xài ẻo*) bằng vải tơ tằm nhuộm chàm màu xanh lá cây (đối với thiếu nữ), nhuộm màu tím (đối với phụ nữ trung niên và người già). Thắt lưng dài 120 - 150cm, rộng 8 - 10cm. Các cô gái trẻ thường nhuộm hoặc táp thêm hai đầu thắt lưng hai đoạn vải đỏ cho đẹp. Phần vải đỏ được phụ nữ giắt trước bụng hoặc lệch sang bên hông. Thắt lưng không có trang trí ở hai đầu. Khi dùng chị em thường giấu hai đầu thắt lưng vào các vòng quấn quanh người.

Sự quy định màu sắc thắt lưng là bất di bất dịch: Trẻ em và thiếu nữ dùng thắt lưng xanh; người đứng tuổi, người già dùng thắt lưng tím.

2. Y phục thường ngày của phụ nữ Thái Trắng
(Xem ảnh 109)

Y phục, tiếng Thái Trắng gọi là *xỉn xửa* gồm áo cánh, thắt lưng, áo dài (phụ nữ Thái Trắng không đội khăn).

Bộ y phục của phụ nữ Thái Trắng ở bản Bun xã Bum Nưa huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu có kích thước và những đặc điểm sau:

- *Áo* (*xửa*) bằng vải trắng tự dệt để nguyên màu trắng của bông. Áo may kiểu tứ thân, dài 50cm, rộng 37cm. Áo không xẻ tà, khi mặc bó sát thân. Cổ áo hình trái tim, liền nẹp với ngực. Nẹp ngực là một dải vải màu đen rộng 2,4cm chạy suốt từ gấu tà áo bên phải vòng qua cổ đến gấu tà áo bên trái. Tay áo liền với thân có đoạn nối ở giữa cánh tay, may thon dần về phía cửa tay.

Giống như áo phụ nữ Thái Đen, áo nữ Thái Trắng cũng có bộ cúc bằng bạc (nay là kim loại trắng), cúc áo có nhiều loại, chủ yếu là cúc hình mai rùa, hình bướm được chạm trổ rất công phu. Mỗi áo thường dùng 11 - 13 chiếc cúc. Số bộ cúc bướm nhất thiết phải là số lẻ. Người Thái quan niệm số lẻ là số của sự sống, là biểu hiện của sự chưa hoàn chỉnh đang tiếp tục vươn lên... do vậy, không chỉ cúc áo mà bậc cầu thang, chấn song, số gian nhà sàn cũng là số lẻ.

Áo trẻ em gái có số cúc ít hơn người lớn, thường là 7 hoặc 9 bộ cúc.

- *Váy* (*xỉn*) bằng vải chàm đen, là loại váy kín hình ống. Váy gồm ba phần cạp váy, thân váy, gấu váy.

Cạp váy *(hô xỉn)* bằng vải thô nhuộm chàm xanh, cao 10cm.

Thân váy *(pưm xỉn)* được ghép bằng bốn khổ vải thô nhuộm đen theo chiều dọc, mỗi khổ 37cm, thân váy dài 90cm.

Gấu váy *(pàn xin)* được gấp lại khoảng 2cm và khâu lại. Váy phụ nữ Thái Trắng không trang trí hoa văn. Khi mặc, kéo hai điểm cạp bỏ sát người cạnh sườn bên phải. phần váy thừa gấp về phía trước bụng và dùng thắt lưng quấn chặt phía ngoài, kéo mép áo phủ lên trên.

- ***Thắt lưng*** (*si lôông bứng*) được làm bằng vải tơ tằm hoặc vải phin, vải láng có màu vàng, xanh, đỏ, đen. Thắt lưng dài 100cm gồm hai lớp vải, lớp bên trong (mặt trái) là vải láng màu đen, lớp ngoài (mặt phải) bằng vải khác màu.

Si lôông bứng được phụ nữ Thái Trắng dùng thường ngày. Trong những dịp lễ tết. đặc biệt trong ngày cưới cô dâu bắt buộc phải dùng loại thắt lưng này, đây là một phong tục truyền thống hiện nay vẫn được duy trì.

3. Y phục thường ngày của phụ nữ Thái nhóm Man Thanh

Theo ký ức của cụ già và câu chuyện kể về bản mường, tộc người Man Thanh ở miền tây tỉnh Nghệ An là một bộ phận của người Thái ở Mường Then (Mường Thanh) vùng lòng chảo Điện Biên, Tây Bắc di cư dọc sông Nậm Rốm đến định cư ở đây đã nhiều đời. Trang phục của phụ nữ nhóm Man Thanh mang đậm tính địa phương và thể hiện sắc thái riêng của nhóm rất rõ rệt, nó khác hẳn trang phục của phụ nữ Thái Tây Bắc. (Xem ảnh 112).

Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Thái nhóm Man Thanh ở xã Tam Hợp huyện Tương Dương Nghệ An gồm áo váy, thắt lưng.

- ***Áo*** (*xửa khò*) là loại áo truyền thống được phụ nữ Thái Man Thanh sử dụng từ những năm 1940 trở về trước. Loại áo này đã ít dần, ngày nay họ mặc kiểu áo bà ba giống người Kinh.

Xửa khò là loại áo ngắn tứ thân không xẻ tà, dài 41cm, rộng 56cm. Cổ áo may liền với nẹp áo tạo thành đường thẳng. Bên trong nẹp áo táp mảnh vải trắng tự dệt rộng 4cm, phía ngoài táp thêm mảnh vải đỏ, hai bên mép vải đỏ khâu thêm hai đường vải trắng.

Áo có hai cúc đồng *(mắc toòng)*, ống tay áo *(khen xửa)* hẹp. Cổ tay áo nối thêm ba đoạn vải màu đen, màu chàm. Loại áo này nay chỉ mặc khi cúng tổ tiên và thực hiện các nghi lễ tôn giáo khác.

- ***Váy mặc thường ngày*** (*xỉn nản xeo*), *xỉn* là váy, *nản xeo* là hoa văn chân váy. Váy dài 80cm, gồm ba phần: cạp váy, thân váy, chân váy.

Cạp váy (*hua xỉn*) bằng vải thô nhuộm chàm màu nâu non, rộng 20cm.

Thân váy (*xỉn hốc*) là một khổ vải liền dệt bằng sợi tơ tằm nhuộm chàm. Thân váy có điểm thêm các sợi chỉ màu vàng tạo thành các vạch cách đều nhau ngang thân váy.

Chân váy (*xỉn xeo*) được thêu nhiều hoạ tiết hoa văn đẹp bằng chỉ xanh, vàng, đỏ, trắng... Phần giáp thân váy là những bông hoa dâu da (*hon hỏ*) cách điệu, tiếp đó là hình hoa văn xương cá (*tu pa*) thêu bằng chỉ tơ tằm màu đen, chạy cắt ngang phía dưới là hình bờm con ngựa (*kỏ mong mạ sảng*), tiếp đến là hình xương rắn (*xem lạc ngù*) chạy cắt ngang váy, phần dưới cùng là hoa văn quả trám nối nhau liên tiếp.

Trước đây *xỉn nản xeo* là loại váy dùng cho người bình dân, tầng lớp quý tộc dùng loại váy hoa (*xỉn mục hốc*). Hiện nay mọi phụ nữ Thái Man Thanh đều dùng váy *xỉn nản xeo* để mặc hàng ngày.

- ***Thắt lưng*** *(sai anh)* của phụ nữ Thái Man Thanh còn giữ được những nét đặc trưng của văn hoá Thái. Thắt lưng là 166 sợi dây màu trắng xe lại. Thắt lưng khi cuốn vào giống như các con sợi. Thắt lưng không chỉ giữ cho váy khỏi bị tuột, nó còn tô điểm thêm vẻ đẹp cho bộ váy áo. Loại thắt lưng này rất đặc trưng, nó khác thắt lưng của các nhóm Thái khác. (Xem ảnh 111).

4. Y phục thường ngày của phụ nữ Thái nhóm Hàng Tổng

Người Thái Hàng Tổng cư trú ở thung lũng các dãy núi ven các con sông Nậm Mơ, Nậm Mơn, sông Cả, sông Cánh Tráp, ở miền tây Nghệ An. Nghề trồng bông dệt vải

của họ khá phát triển, không chỉ đáp ứng nhu cầu may mặc của cư dân mà còn là hàng hoá trao đổi với các dân tộc khác trong vùng như Khơ Mú, Ơ Đu, Tày Poọng...

Trong các mặt hàng vải của người Thái Hàng Tổng, tiêu biểu nhất là chân váy (*tin xỉn*), một chân váy đẹp ngang giá một tạ thóc.

Chân váy được dệt hoa văn rất công phu bằng chỉ tơ tằm đã nhuộm màu xanh, đỏ, tím, vàng thẫm... Người thợ dệt, với đôi bàn tay khéo léo, trí tưởng tượng phong phú, bằng kinh nghiệm thực tiễn trong cuộc sống họ đã tạo nên những chân váy đẹp với những bông hoa hướng dương, hoa ban, các loài chim, loài bướm, các con vật như rồng, hổ, hươu, nai, voi, cá sấu, hoa văn hình mặt trời...màu sắc rực rỡ, hài hoà.

Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Thái Hàng Tổng ở xã Tam Hợp huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An gồm có khăn đội đầu, áo, váy, thắt lưng.

- ***Khăn đội đầu*** (*khăn tải*) bằng vải tơ tằm , rộng 34cm, dài 168cm. Khăn chia thành hai phần, phần màu chàm chiếm một nửa khăn, nửa còn lại nhuộm màu gụ tươi, phần này gọi là "*tải*". Bên đầu khăn tải thêu những hình bướm, hình tam giác, con voi cách điệu bằng chỉ các màu. Ngoài ra, còn có bốn lớp hoa văn dệt ngang gọi là "*tải*

nọi", đầu khăn còn ghép hai mảnh vải màu chàm, màu trắng, ngoài cùng có đính tua chỉ màu.

Sau khi búi tóc, cài trâm, phụ nữ Thái Hàng Tổng mới đội *khẳn tải*. Loại khăn này ít dùng, nó chỉ đội trong các dịp lễ tết, hội hè. Đặc biệt trong ngày cưới, cô dâu bắt buộc vẫn phải dùng hai chiếc khăn. Một chiếc đội trên đầu, một chiếc vắt chéo qua vai.

- ***Áo*** (*xửa mẹ nhinh*) - *xửa* là áo, *mẹ nhinh* là phụ nữ. Áo may bằng vải thô màu trắng (*phén hao*), dài 52cm, rộng 36cm, may kiểu tứ thân mở ngực, xẻ tà. Cổ áo (*co xửa*) hình tròn. Tay áo (*hen xửa*) ngắn, ống rộng. Áo không đơm cúc cài khuy mà buộc bằng dây vải. Áo may rất đơn giản, không thêu vẽ hoa văn, không nhuộm màu.

- ***Váy*** (*xỉn khải*) - *xỉn* là váy, *khải* là phần hoa văn chân váy. Váy may bằng vải thô nhuộm chàm, hình ống, trên dưới bằng nhau, dài 109cm, rộng 60cm. Váy gồm ba phần: cạp váy, thân váy, chân váy.

Cạp váy (*hua xỉn*) rộng 20cm, bằng vải thô tự dệt màu trắng.

Thân váy (*tô xỉn*) bằng vải màu chàm không thêu vẽ hoa văn.

Chân váy (*tin xỉn*) được thêu dệt cầu kỳ, hoa văn trang trí đẹp, tính nghệ thuật cao. Phần trên chân váy gọi là "*khải tớp*" được dệt bằng các loại sợi màu khác nhau.

Phần dưới chân váy được gọi là "*khải nọi*" cũng được dệt bằng sợi màu khác nhau nhưng có sự phân biệt rõ ràng giữa khải tớp và khải nọi.

Trên mặt khải nọi có dùng chỉ trắng thêu hình chữ U đối diện liên tiếp, theo quan niệm của đồng bào đó là chân con nhái (*tín khiết*). Mảng hoa văn quan trọng nhất trên chân váy là hình con cá sấu (*ưa chi khe*). Đồng bào cho rằng cá sấu thể hiện sự uy nghi của loài vật sống nơi biển cả mênh mông. Bên cạnh cá sấu là hình sóng nước, quả trám, cây cỏ, tảo rêu... góp phần tô điểm thêm cho hoa văn cá sấu.

- ***Thắt lưng*** (*sai ảnh*) bằng vải tơ tằm nhuộm màu đỏ nhạt, không thêu vẽ hoa văn, dài 200cm, rộng 36cm. Khi mặc xong váy, thắt lưng được buộc vào cạp váy. Hai đầu thắt lưng được rút thắt cạnh sườn bên phải sao cho một đầu dài, một đầu ngắn.

II. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA NAM GIỚI

Trang phục thường ngày cũng như trang phục lễ hội của nam giới Thái ở các ngành, các vùng cơ bản giống nhau. Sự giống nhau đó được thể hiện ở kiểu dáng cắt may, cách sử dụng trang phục... Bộ y phục thường ngày của nam giới dân tộc Thái ở bản Nà Huối xã Chiềng Bằng huyện Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La gồm có khăn đội đầu, áo cánh ngắn, quần. (Xem ảnh 106).

- ***Khăn*** (*khằn trọc*) bằng vải chàm đen, rộng 33cm, dài 120cm, không trang trí hoa văn. Khi lao động, trong sinh hoạt hàng ngày, nam giới Thái quấn khăn (*khằn trọc*) một cách đơn giản theo kiểu chữ nhân để che nắng trong mùa hè, tránh rét trong mùa đông.

Khi bước vào tuổi 14, 15 các thành viên nam của cộng đồng Thái bắt đầu đội khăn, có lẽ đây là dấu hiệu của tuổi trưởng thành. Ngày nay nam giới Thái ít đội khăn.

- ***Áo*** (*xửa*) bằng vải chàm đen, dài 75cm, rộng 48cm. Cổ áo (*co xửa*) là loại cổ tròn, đứng, cao 0,3cm, rộng 16,5cm. Quanh cổ áo được lót một miếng vải tròn bên trong cho phẳng bền. Tay áo (*khen xửa*) dài 35cm, cửa tay rộng 14,5cm. Áo mở ngực, ở hai thân áo trước (*tang ná*) có hai túi dưới, áo có bốn khuy để cài hai vạt áo với nhau.

Thân áo sau (*tang lăng*) được ghép bằng hai khổ vải, đường ghép ở giữa sống lưng. Áo xẻ tà cao 15,5cm để khi mặc thoải mái và thoáng hơn.

- ***Quần*** (*xuổng*) bằng vải chàm đen, may kiểu bổ đũng, dài 94cm, rộng 48cm. Cạp quần *(hô xuổng)* liền với quần, rộng 2,5cm để luồn dải rút. Dải rút được tết bằng sợi bông. Thân quần do bốn khổ vải nhỏ tạo thành. Quần được may vừa với người mặc, không rộng như quần của nam dân tộc Nùng.

III. TRANG PHỤC LỄ HỘI

1. Trang phục lễ hội của phụ nữ

Trang phục lễ hội của phụ nữ Thái Đen

Trong các dịp cưới xin, lễ tết, hội hè phụ nữ Thái Đen mặc *xửa cỏm* mới tinh, đen nhánh, thắt lưng xanh, váy mới mặc lần đầu.

Đặc biệt trong ngày cưới, cô dâu bắt đầu búi tóc (*tằng cẩu*), đây là dấu hiệu báo cho mọi người biết cô gái đã có chồng. (Xem ảnh 105). Trong ngày cưới, các cô gái không đội khăn piêu trên đầu mà quàng trên vai, phong tục đó đánh dấu một mốc quan trọng trong bước ngoặt cuộc đời của người con gái.

Ngoài bộ trang phục trên, cô dâu còn khoác ngoài một chiếc áo *xửa chai* hay *xửa luông* (áo lớn). (Xem ảnh 104). Áo *xửa chai* của phụ nữ Thái Đen ở xã Chiềng Bằng huyện Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La, được may bằng vải chàm đen, kiểu năm thân. Áo dài 107cm, rộng 45 - 50cm. Cổ áo (*cò xửa*) là loại cổ tròn ôm sát cổ, nẹp cổ cao 2,5cm. Thân áo bên phải đơm năm cúc đồng (cổ và ngực hai chiếc, nách ba chiếc), cúc cài bên nách trái. Tà áo được xẻ rất cao, khi bước đi tà áo tung bay theo gió tạo sự uyển chuyển, mềm mại cho người mặc.

Tay áo (*khen xỉa*) liền với thân được nối giữa cánh tay. Tay áo được may thuôn dần về phía cửa tay, cửa tay áo rộng 9cm.

Dọc hai bên sườn cả thân trước và thân sau được táp thêm bốn dải vải tơ tằm rộng 3cm chạy dọc theo thân áo. Trên bốn dải vải có dệt hoa văn hình tam giác, chữ nhật, kẻ dọc bằng chỉ các màu. Bốn dải vải tạo cho chiếc áo lễ hội của người Thái thêm đẹp và trang trọng. Theo quan niệm của người Thái, những dọc vải đó còn có ý nghĩa người con gái đó có đạo đức, có nhà cửa.

Việc may chiếc áo dài xửa chai dùng trong ngày cưới rất được coi trọng. Đồng bào phải nhờ những người biết xem ngày, giờ tốt để cắt áo. Khi chọn được ngày tốt - ngày sẽ đem lại hạnh phúc, giàu có - người mẹ mới cho con gái được cắt may áo.

Xửa chai sau này còn được dùng để báo hiếu cha mẹ chồng trong ngày tang ma (nếu là con dâu cả).

Trang phục cưới xin, lễ hội của phụ nữ Thái Trắng

Trong các dịp cưới xin, lễ hội, phụ nữ Thái Trắng khoác thêm chiếc áo dài *xửa luông*. Áo may kiểu chui đầu hình ống, áo thụng, cổ áo hình trái tim. Thân áo trước *(tang nà)* bằng vải sa tanh đen có trang trí hoa văn cân đối, giống nhau giữa hai vạt áo. Hai bên nách trang trí miếng vải phin

hình tam giác cân cao 9cm, rộng 17cm. Người Thái gọi miếng trang trí này là *"én"*. Trên miếng "én" có thêu hoa văn hình mái nhà sàn bằng chỉ màu xanh, tím, hồng.

Thân áo phía sau *(tang lăng)* bằng vải thô đen. Mặt trái của áo ghép 6 dải vải màu xanh, hồng, vàng dọc theo thân áo ở phía trước và phía sau. Tác dụng của việc trang trí này là khi lộn áo ra sẽ tạo thành chiếc khăn thắt lưng nhiều màu sắc. Theo quan niệm của người Thái Trắng, những cô gái mới về làm dâu nếu dùng thắt lưng bằng chiếc áo dài lộn trái là thể hiện sự tôn trọng chồng và gia đình nhà chồng.

Chính vì vậy, trong những ngày lễ tết, cưới xin chiếc áo dài được mặc bên ngoài chiếc áo cóm. Khi trở thành nàng dâu mới về nhà chồng họ lộn áo ra và tạo thành chiếc thắt lưng buộc ngang cạp váy. (Xem ảnh 108)

Trang phục cưới xin, lễ hội của phụ nữ Thái nhóm Man Thanh

Trong những dịp lễ tết, hội hè, cưới xin phụ nữ Thái Man Thanh sử dụng loại váy hoa (*xỉn mục hốc*). *Xỉn mục hốc* dệt bằng sợi tơ tằm nhuộm chàm và thêu hoa văn. Váy dài 103cm, rộng 67cm.

Cạp váy (*hua xỉn*) bằng sợi bông nhuộm màu nâu non,

dài 40cm. Phụ nữ Thái nhóm Man Thanh kiêng mặc váy cạp màu trắng.

Thân váy (*xỉn hốc*) dệt bằng sợi tơ tằm nhuộm màu chàm xen với tơ tằm nhuộm màu vàng tạo thành các vạch vàng chạy song song ngang thân váy. Trên thân váy còn có 10 đường vạch dệt bằng sợi màu trắng gọi là đường mục (*tàng mục*) chạy song song ngang thân váy, do đó váy có tên là *xỉn mục*.

Chân váy (*xỉn xeo* hay *xỉn hốc*) được thêu hoa văn dâu da (*hon hỏ*) kết hợp với *tàng mục* - hình mào con rồng, *hon ngược* - hình bờm ngựa, phía dưới cùng là hoa văn hình quả trám.

Trước đây váy xỉn mục hốc chỉ dành riêng cho con gái nhà quý tộc, hiện nay mọi phụ nữ Thái Man Thanh đều mặc váy xỉn mục hốc trong các dịp cưới xin, lễ tết, hội hè.

2. Trang phục lễ hội của nam giới

Trong những ngày lễ tết, hội hè nam giới Thái Đen thường quấn khăn kiểu khăn xếp như người Kinh, mặc áo dài kiểu người Kinh trước năm 1945, cho trang trọng.

- ***Khăn*** dùng trong lễ hội gọi là *khằn pau* làm bằng vải chàm đen, dài 167cm, rộng 33,5cm. Khi dùng được gấp đôi theo chiều dọc và quấn theo kiểu khăn xếp của người

Kinh, tức là quấn nhiều vòng tạo thành các nếp xếp lên nhau một cách cẩn thận và trang trọng.

- ***Áo dài*** (*xửa bạt*): đây là loại áo truyền thống được dùng vào những dịp cưới xin, lễ hội. Áo bằng vải chàm đen nhánh, may kiểu năm thân, cài cúc bên nách phải, áo dài 80cm, rộng 52cm. (Xem ảnh 107).

Cổ áo (*co xửa*) là loại cổ tròn cao 5cm, rộng 17cm để áo phẳng và đẹp.

Tay áo (*khen xửa*) dài 36cm, được may thuôn dần về phía cửa tay, cửa tay rộng 10cm, phía trong có lót một miếng vải rộng 5,5cm tạo cho ống tay phẳng và bền hơn.

Thân áo trước (*tang xả nửa*) được ghép bởi hai khổ vải, đường ghép chạy từ giữa chân cổ áo đến gấu áo. Áo có năm chiếc cúc đồng, khuy cài bằng nút vải. Trên thân áo phụ có một chiếc túi nhỏ để đựng tiền. Áo xẻ tà cao 27cm, để khi mặc thoải mái và thoáng hơn.

- ***Quần*** (*xuổng*) may bằng vải chàm đen bóng, kiểu cắt may hoàn toàn giống quần mặc thường ngày, điều khác cơ bản là quần mới và màu sắc đẹp.

Để có cái nhìn tổng thể về trang phục Thái, chúng tôi giới thiệu bảng so sánh trang phục phụ nữ một số ngành Thái ở Việt Nam.

Bảng so sánh trang phục phụ nữ một số ngành Thái ở Việt Nam

Tiêu chí	Thái Đen	Thái Trắng	Man Thanh	Hàng Tổng
Khăn đội đầu	- Khăn dài màu đen, hai đầu thêu hoa văn. - Khăn thiếu nữ thêu nhiều, cầu kỳ. - Khăn của người có tuổi thêu ít, đơn giản. - Khăn dùng đội hàng ngày. Trong ngày cưới quàng trên vai.	Không đội khăn.		- Khăn dài, nửa đen, nửa gụ tươi. Đầu khăn màu gụ thêu hoa văn và dệt sọc ngang. - Ngày thường ít đội khăn. Chủ yếu đội trong lễ, tết. - Ngày cưới dùng 2 khăn, 1 đội đầu, 1 vắt vai.

Áo ngày thường	Áo ngắn tứ thân, màu đen, không xẻ tà. Cổ tròn, nẹp cổ cao 2,5cm. Cài cúc bạc giữa ngực.	Áo ngắn tứ thân, màu trắng, không xẻ tà. Cổ thìa, (trái tim), nẹp áo màu đen. Cúc cài bạc giữa ngực.	Áo tứ thân không xẻ tà. Tay áo đáp thêm 3 vòng vải khác màu. Áo có hai cúc đồng đính ở phía trên. - Nay dùng áo bà ba.	Áo tứ thân màu trắng không xẻ tà. Cổ tròn, áo không có cúc cài, dùng dây buộc.
Y phục lễ hội: Áo lễ hội	Áo dài màu đen kiểu 5 thân, cổ tròn, tà xẻ cao.	Áo dài màu đen chui đầu (*pon cho*), cổ trái tim. Mặt trong của áo ghép 6 dải vải các màu.	Trong lễ hội phụ nữ mặc váy hoa (*xỉn mục hốc*) được dệt sọc màu và hoa văn rực rỡ.	
Váy	Váy ống, màu chàm	Váy ống, màu chàm	Váy ống, màu chàm	Váy ống, màu chàm

	đen, cạp bằng vải trắng. Váy không thêu vẽ hoa văn.	đen. Cạp váy bằng vải chàm xanh. Váy không thêu hoa văn.	đen. Chân váy thêu hoa văn rực rỡ.	đen, cạp váy vải thô trắng, chân váy thêu hoa văn rực rỡ.
Thắt lưng	- Bằng vải tơ tằm. - Thiếu nữ dùng thắt lưng màu xanh, 2 đầu nối thêm đoạn vải đỏ. - Người đứng tuổi dùng thắt lưng màu tím.	- Bằng nhiều loại vải màu đen, đỏ, xanh, vàng. - Thắt lưng có 2 lớp vải (trong đen, ngoài vải khác màu). - Ngày thường dùng một thắt lưng. - Ngày cưới dùng 2 thắt lưng.	Thắt lưng bằng sợi xe lại (gồm nhiều đây lẻ tạo thành con sợi to).	Bằng vải tơ tằm màu đỏ nhạt, không thêu vẽ hoa văn.

IV. ĐỒ TRANG SỨC CỦA PHỤ NỮ

Phụ nữ dân tộc Thái nói chung và phụ nữ nhóm Thái Đen, Thái Trắng nói riêng đều thích dùng đồ trang sức để trang điểm, làm đẹp, nhất là trong các dịp lễ tết, hội hè, cưới xin.

Đồ trang sức của họ trước đây hầu hết bằng bạc trắng và sản xuất hoàn toàn bằng kỹ thuật thủ công như rèn, gò, hàn. Ngày nay người ta đã kết hợp giữa kỹ thuật thủ công với máy móc như hàn hơi, mạ kền, mạ đồng, mạ vàng... để sản xuất đồ trang sức bằng hợp kim.

Dù bằng bạc hay hợp kim, đồ trang sức của người Thái có mẫu mã khá đa dạng, bao gồm xà tích, vòng tay, hoa tai, trâm cài tóc...

- ***Xà tích*** *(sọi)* được tạo bởi những vòng kim loại nhỏ, khép kín lồng vào nhau và nối với nhau theo từng cặp song song tạo nên sợi dây có 4 cạnh vừa mềm mại vừa cứng cáp. Chiều dài của xà tích là 79cm (loại xà tích này nhiều dân tộc khác cũng dùng).

Một phụ nữ có thể sử dụng từ 2 - 4 dây xà tích. Người ta liên kết với nhau và quấn xung quanh người ngoài cạp váy. Hai đầu dây xà tích được giắt vào thắt lưng, lệch về phía bên phải hoặc bên trái tuỳ theo ý thích của từng người. Đầu dây xà tích còn đeo thêm một số đồ dùng cá

nhân như dụng cụ lấy ráy tai, nhíp tỉa lông mày, hộp đựng vôi, hộp đựng thuốc lào ăn trầu...

- ***Vòng tay*** (*má khẻn họp*) được tạo bởi ba miếng kim loại mỏng chồng lên nhau cuốn thành một chiếc vòng có bản rộng 1,5cm, đường kính 6cm. Trên các bản vòng có nhiều mối hàn liên kết ba bản vòng với nhau. Phía ngoài vòng khắc chạm các hình uốn lượn và những vạch song song tạo nên dải hoa dây chìm. Toàn thân vòng được mạ một lớp kim loại màu sáng. Phụ nữ Thái thường đeo một hoặc hai vòng trên cả hai tay.

- ***Hoa tai*** (*oóng hu pay*) được làm bằng hợp kim có màu trắng đục, trọng lượng nhẹ. Hoa tai hình trụ, dài 1,5cm, hai đầu xoè rộng hơn phần giữa. Hai đầu hoa tai có hai vòng tròn đồng tâm nổi và khắc chìm các vạch ngang liên tiếp.

Hầu hết phụ nữ Thái từ nhỏ đã có tục xâu tai, khi có điều kiện họ đều đeo hoa tai hoặc khuyên để trang điểm làm đẹp cho mình. Khi đeo, họ lách đầu nhỏ qua lỗ tai và xoay cho phần thu nhỏ của hoa tai nằm gọn trong dái tai, hai đầu xoè nằm phía ngoài dái tai để hoa tai không bị rơi.

- ***Trâm cài tóc*** (*may hắt cẩu*) là một thanh kim loại tròn dài 12,5cm, một đầu nhỏ nhọn, một đầu to tròn mài nhẵn. Trước kia đồng bào thường gắn trên đầu to của trâm một đồng tiền cổ bằng bạc, nay có thể gắn với mảnh kim loại

tròn mỏng có hình đồng tiền cổ hoặc đúc thành thỏi đặc mài nhẵn và hàn thêm một vòng tròn nhỏ để buộc dây giữ, phòng khi trâm tuột khỏi tóc sẽ không bị rơi.

Trâm cài tóc là đồ trang sức đặc biệt dành cho phụ nữ Thái khi họ đã có chồng. Thời con gái họ buông tóc, khi lấy chồng tóc được búi ngược trên đỉnh đầu (*tằng cẩu*) và dùng trâm cài vào búi tóc.

Tằng cẩu là một tục lệ cổ xưa của người Thái, đó là dấu hiệu của những phụ nữ đã có chồng.

Trang sức của phụ nữ Thái Man Thanh

Sử dụng đồ trang sức là một tập quán từ lâu đời của phụ nữ Thái Man Thanh. Vòng cổ, vòng tay là những vật dụng quen thuộc mà mọi phụ nữ từ già đến các em nhỏ đều quen dùng.

Vòng cổ (*pò khò*) trước kia bằng bạc trắng, nay chủ yếu bằng nhôm hoặc hợp kim. Vòng cổ hình tròn, hai đầu để hở có thể mở rộng khi đeo vào cổ. Hai đầu vòng thường chạm khắc hoa văn hình đuôi cá (*ta pa*).

Các cụ già, trẻ em đeo vòng cổ bằng bạc với mục đích trừ gió độc, kỵ ma. Thanh niên nam nữ chưa chồng đều đeo vòng cổ để tăng thêm vẻ duyên dáng. Khi các cô gái đi lấy chồng họ đều thách nhà trai từ 1 - 2 chiếc vòng cổ bằng bạc.

Vòng tay (*pò khen*) được làm bằng bạc hoặc kim loại, đường kính 7cm, bên trong vòng tay được vuốt tròn, bên

ngoài trên hình xương cá có chạm khắc các hình tam giác, đồng bào gọi là mắt con sâu (*mác ta bảng*), hai đầu nối của vòng giống hình đuôi tôm.

Phụ nữ nhóm Man Thanh ở miền Tây Nghệ An có tập quán đeo vòng tay từ lâu đời, vòng tay là đồ trang sức không thể thiếu đối với chị em, nhất là những thiếu nữ chưa chồng. Phụ nữ nhà giàu đeo bạc, nhà nghèo đeo vòng kim loại. Trong ngày cưới nhất thiết nhà trai phải đưa sang nhà gái một đôi vòng tay bằng bạc trắng. Đôi vòng tay của cô dâu vừa là đồ trang sức trong ngày cưới, vừa là tài sản quý giá trong cuộc sống của họ.

V. TRANG PHỤC TRẺ EM

Theo phong tục của người Thái, khi trong gia đình có người sinh con họ đều làm *tạy ho* là vật tượng trưng cho giới tính của người Thái. *Tạy* của nam và *ho* của nữ; vật tượng trưng chung của cả hai giới là chiếc túi vải chứa vật linh thiêng như một bùa hộ mệnh và một chiếc quạt nan biểu hiện cho sự cưu mang sức khoẻ. Riêng cho đàn ông là cái cung, cái cung và ống tên biểu hiện cho sự lao động và chinh chiến. Riêng cho đàn bà là cái *clếp* và một cái bu gà. *Ho* còn có nghĩa là tô (*ổ*) tựa như tổ chim treo trên cành, trong đó chim mẹ ấp trứng, sinh nở và nuôi con - một hình tượng mang tính biểu trưng về giới tính của người Thái.

Trong cuộc đời, mỗi người Thái chỉ có một *tạy* hay

một *ho*. Giàn *tạy* là số thành viên nam được sinh ra trong một gia đình, còn *ho* thì có sự biến động, Khi các cô gái Thái đi lấy chồng, trong các bước hôn lễ có nghi thức cuối cùng bắt buộc phải làm gọi là *phái xửa*: trao áo và trao linh hồn. Lễ này có thể làm sau hôm cưới. Khi họ chọn được ngày lành tháng tốt, nhà trai sửa soạn mâm cỗ sang nhà gái cúng bàn thờ xin *ho* của cô dâu về. Sau nghi lễ này, mọi điều liên quan đến một đám cưới mới kết thúc. *Tạy* và *ho* được gìn giữ suốt đời, khi chuyển nhà cũng phải chuyển theo, đến khi chết *tạy* và *ho* được rút khỏi mái nhà ném xuống đất.

Như vậy ngay từ khi mới lọt lòng, sự phân định về giới tính của người Thái đã khá rõ ràng; việc dạy dỗ, chăm sóc và giáo dục giới tính cho các em gái được các bà, các chị quan tâm từ tuổi ấu thơ.

Các em gái Thái khi còn nhỏ thường mặc loại áo liền váy để không bị tụt. Cũng có em mặc áo váy riêng như người lớn. Các em gái dưới 6 tuổi, áo không có hàng khuy bướm (*mák pém*) mà chỉ cài bằng cúc xương hay buộc bằng dây vải. Các em thường đeo vòng vía ở cổ hoặc sợi dây chỉ đeo bùa ở cổ tay. Vòng vía thường đeo thêm một vài vật "kỵ ma" do thầy cúng cho.

Các em gái từ 7 - 10 tuổi bắt đầu tập dệt vải, thêu thùa và mặc trang phục giống như người lớn.

Quần áo trẻ em nam cũng may cùng kiểu với quần áo

người lớn. Riêng áo không có "quả chỉ" ở hai cạnh sườn. Ở người Thái Trắng Lai Châu trước đây, trẻ em cũng quấn khăn chàm hoặc đội mũ vải chàm được ghép nhiều màu...

Ở tuổi thanh niên, các cô gái mới lớn bắt đầu ý thức về đẹp về trang phục. Đặc biệt, khi tự khâu áo váy, thêu khăn các em thận trọng từng đường kim mũi chỉ, từng nước nhuộm vải... sao cho trang phục của mình không thua chị kém em. Các chàng trai cũng dành những bộ quần áo mới, lịch sự để mặc đi chơi sau những giờ lao động.

VI. TANG PHỤC

Khi trong gia đình không may có người qua đời, người chết được tắm rửa sạch sẽ và được mặc quần áo mới. Nếu là phụ nữ ngoài áo cóm, váy mới còn khoác thêm ngoài chiếc áo *xửa chai* - áo dài mặc trong ngày cưới. Mặt che bằng một chiếc khăn *piêu* gọi là *piêu pốc nả*, trên đầu đậy thêm một chiếc khăn như khi còn sống vẫn đội. Hai chiếc khăn này không nhất thiết phải đẹp nhưng phải mới.

Nếu là nam giới thì mặt người qua đời đậy một chiếc *piêu*, ngoài bộ quần áo mới phải khoác thêm *xửa hi* là chiếc áo dài do con dâu tặng bố chồng trong ngày cưới. Trước kia xửa hi dùng trong lễ tết, hội hè nay chỉ mặc khi chết.

Áo dài *xửa hi* dài 90cm, loe phía gấu, bóp phía nách.

Ngực rộng 48cm, tay dài 70cm, cửa tay rộng 14cm. Cách cắt may xửa hi giống xửa chai nhưng không cầu kỳ bằng.

Việc may tang phục chỉ được tiến hành khi có người qua đời, không được may trước. Vải may tang phục chủ yếu là vải trắng.

Khi bố mẹ chết, các con trai mặc áo đại tang là loại áo choàng rộng bằng bốn khổ vải. Áo dài 140cm thực chất là những tấm vải khâu ghép hai cạnh sườn, can tay, thân áo trên dưới bằng nhau, cổ áo khoét rộng, dùng dây vải buộc. Đầu đội khăn trắng (*khằn pau*), thắt sau gáy. Qua chiếc khăn này người ta phân biệt được họ nội, họ ngoại của người quá cố.

Hàng cháu không phải mặc áo tang, chỉ dùng khăn tang. Các cháu bên họ nội đội khăn trắng trên đầu - *vả hùa lón đón* - họ đầu trắng. Các cháu bên họ ngoại thắt khăn trắng ngang lưng - *vả hùa lắm đăm* - họ đầu đen. Con rể cũng coi là họ ngoại quần áo vẫn mặc bình thường chỉ buộc khăn trắng ngang lưng.

Ở người Thái Đen, khi bố mẹ chồng chết người con dâu cả phải mặc *xửa chai* - áo dài đen và đội khăn piêu đen như ngày thường để "hầu" cha mẹ khi lên mường Trời. Theo quan niệm của người Thái, con dâu lúc đó mới thực sự làm dâu.

Trước khi đi làm dâu, người con dâu cả thường may

hai chiếc áo *xửa hiếu luông* - áo báo hiếu loại lớn để đem theo về nhà chồng. Khi bố hoặc mẹ chồng chết, con dâu cả tặng một chiếc áo cho người chết và đem treo ở nhà mồ, một chiếc "*làm cơm*" cúng ma bố mẹ chồng.

Xửa hiếu luông là loại áo dài thụng, xẻ nách, có nhiều sọc ngũ sắc, cúc bằng dải vải màu.

Các cô dâu thứ mặc *xửa cỏm* trắng, không có khuy bạc mà dùng dây buộc, áo may sơ sài không khâu gấu, không dựng cổ áo. Đầu đội khăn trắng, mặc váy đen bình thường.

Các cô dâu thứ còn may *xửa nhinh* - một loại áo nhỏ, không có chức năng sử dụng mà chỉ là áo thờ. Xửa nhinh được may bằng vải đen, áo cắt may đơn giản mang tính ước lệ. Áo dài 80cm, rộng 78cm, tay dài 52cm , cửa tay bằng nách rộng 16cm, áo khoét cổ thìa để chui đầu. Áo xửa nhinh được ghép nhiều màu rực rỡ, người Thái quan niệm những màu sắc đó làm cho ma sợ.

Áo xửa nhinh thực chất là loại áo ấm, trước kia khi đến mùa đông cả đàn ông và đàn bà đều khoác loại áo này, ngày nay không dùng nữa mà dùng áo bông, áo nhung thay thế.

Theo quan niệm của người Thái, xửa nhinh là nơi trú ngụ của linh hồn người mới qua đời. Hồn đó chưa kịp lên "mường then" nên khi đưa ma người ta đem xửa nhinh ra

treo ở nhà mồ cho hồn trú ngụ. Nhìn vào số áo treo ở nhà mồ, người ta biết người quá cố có bao nhiêu con dâu.

Khi cha mẹ đẻ chết, con gái cũng mặc áo đại tang như anh em trai, đầu đội khăn trắng.

Ở Quỳ Châu - Nghệ An, đồng bào Thái có tập tục riêng trong việc để tang. Nhìn chung, y phục trong tang ma đều dùng vải trắng, không được đeo bất kỳ một loại trang sức nào. Nhìn vào quần áo trong một đám ma có thể xác định được ai là người ngoài dòng họ, ai là người trong họ. Người ngoài họ, lúc bà con trong bản và ngoài bản đến chia buồn, phúng viếng, họ vẫn mặc quần áo bình thường. Riêng phụ nữ đầu để trần không đội khăn, họ được gọi là những người "đầu đen". Người trong họ bao gồm các bậc em, vợ con, cháu của người quá cố, kể cả em rể, con rể và cháu rể, đó là họ "đầu trắng" và phải tuân thủ cách ăn mặc như sau:

- Con trai mặc quần áo trắng, chít khăn trắng, thắt lưng trắng, áo xổ gấu, không cài cúc mà thắt buộc bằng dây vải. Riêng áo còn đính thêm một miếng vải trắng xẻ làm ba gắn phía sau lưng áo.

- Các em trai, cháu trai ruột chỉ mặc áo trắng và chít khăn trắng.

- Riêng con rể cả phải mặc quần áo trắng, khăn và dây lưng trắng để phục dịch trong quá trình làm ma và làm chay.

- Tất cả phụ nữ, kể cả vợ, con, cháu, con dâu, em dâu, đều mặc áo trắng xổ gấu, đầu quấn khăn trắng hoặc xoã tóc.

- Ở người Thái các bậc anh, chị của người quá cố không phải mặc quần áo tang. Đàn ông chỉ chít khăn trắng, đàn bà xoã tóc. Tất cả quần áo, khăn và dây lưng đều cắt khâu từ vải thô màu trắng do tang chủ chuẩn bị và họ hàng mang đến.

Riêng nhóm Tày Mười, các chàng rể và họ hàng chỉ chít khăn trắng, còn các cô dâu của dòng họ (trừ con dâu của người quá cố) thì mặc áo ngắn chui đầu màu đỏ. Riêng cô dâu cả của dòng họ phải mặc áo dài cộc tay chui đầu, màu đỏ.

Áo dài cộc tay là một mảnh vải đỏ gập đôi, phía trước khoét một lỗ hình trái tim để chui đầu, hai bên nách được khâu liền với nhau. Chỗ nách được cắt hơi vát để vừa chui lọt hai cánh tay. Áo không có khuy cài và chỉ dài đến eo. Áo dài cộc tay chui đầu màu đỏ cũng được cắt may tương tự như áo ngắn tay nhưng dài quá gối.

Hai loại áo trên đây chỉ dùng trong đám ma của nhóm Tày Mười (ở hai nhóm Thái còn lại không có). Trong đám ma, các dâu, rể của dòng họ phải mặc tang phục và thực hiện nghi lễ "dâu rể ma" - diễn các trò vui để đám ma bớt nặng nề, họ quệt nhọ nhau, thậm chí chòng ghẹo nhau mà không sợ bị mắng.

VII. TRANG PHỤC LIÊN QUAN ĐẾN TÍN NGƯỠNG

Ở người Thái, những người làm nghề cúng bái được gọi là ông "một", bà "một". Trong xã hội Thái không có ông "một" bà "một" chuyên nghiệp mà chỉ có tính chất nghiệp dư, họ vẫn là người nông dân nên trang phục của họ không mang tính chất chuyên nghiệp.

Khi cúng, họ vẫn mặc quần áo bình thường nhưng có thêm chiếc khăn đội đầu màu đỏ, khi đội phủ lên đầu che cả mặt. Họ còn dùng một chiếc đai lưng bằng vải đỏ rộng 15cm. Cả khăn và đai lưng được trang trí ghép vải tạo thành hình hoa ban, cây cỏ, lúa gạo, con thuồng luồng, rắn... tất cả hợp thành một lực lượng có đủ sức mạnh để đuổi tà ma.

Khi tiến hành nghi lễ, ông bà "một" còn đeo thêm chiếc bùa *"bổng kin phí, phí kin bổng"* vào đai lưng. Họ đọc thần chú, huy động những lực lượng siêu nhiên là những vật trang trí được ghép trên khăn, trên đai nhằm hỗ trợ ông bà "một". Khi cúng, họ còn đặt chiếc áo của người bệnh lên mâm đồng để gọi hồn của người ốm trở về - vì áo là nơi trú ngụ của hồn người.

Loại khăn, đai dùng khi cúng của ông bà "một" hiện nay hầu như không còn, chủ yếu do các cụ già mô tả lại.

Thầy cúng người Thái ở Phong Thổ - Lai Châu thường mặc quần trắng, áo đen hoặc chàm, thắt đai lưng, vai vắt

một chiếc khăn màu sáng. Đầu đội mũ vải phía trên to, vành mũ là một chiếc đai được trang trí xung quanh. Sau mũ là 10 tua vải được sắp xếp theo 5 lớp phủ từ trên xuống tới gần gót chân.

Ở người Thái Nghệ An, chỉ các thầy mo cao tay và có uy tín mới có y phục riêng (mo tàng nhào, mo mường). Áo hành lễ này là loại áo dài màu đen. Trên thân áo (cả phía trước và phía sau), người ta thêu thành hàng, thành lớp hình các con thú, các động vật thiêng như rồng, rắn, rết, chim phượng hoàng. Đặc biệt là các con vật vô hình trong vũ trụ, trong đó có cả sao chổi mà họ gọi là *pô choạng pà*. Rất tiếc là loại áo này đến nay không còn lưu giữ nữa, hoặc nếu có cũng khó có thể được xem. Theo họ, những con vật thêu trên áo, tượng trưng cho sức mạnh và tạo sự huyền bí cho thầy mo - người có thể đi lại giữa đất với trời, giao dịch với các then ở vòm trời trong quá trình dẫn hồn người chết về với tổ tiên.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI SÁN CHAY

Là cư dân sản xuất nông nghiệp, người Sán Chay từ lâu đời đã thành thạo việc trồng bông, kéo sợi, dệt vải, nhuộm màu để tự túc nhu cầu may mặc của cư dân.

Người Sán Chay thường dệt vải khổ rộng 40cm, vải xấu hay đẹp phụ thuộc vào tay nghề của người dệt. Khi vải dệt xong có màu trắng, đó là màu nguyên của bông. Muốn cắt may y phục và các vật dụng khác đồng bào phải nhuộm màu. Người Sán Chay thường dùng các màu chàm, nâu, đen, đỏ, vàng, tím để may y phục, trong đó màu chàm và màu nâu được đồng bào ưa chuộng hơn cả.

Nguyên liệu nhuộm màu chàm được lấy từ cây chàm (*căn chàm*). Cây chàm rất dễ trồng, đồng bào thường gieo thành bãi, khi chàm mọc cao xanh tốt, đồng bào cắt về ngâm vào chum nước, sau đó cho một lượng nhất định vôi và tro bếp vào ngâm cùng. Khi lá chàm nhũn ra, dùng đoạn cây khuấy đều cho đến khi thấy nước có màu đỏ là được. Sau đó lọc sạch cặn bã và dùng nước đó nhuộm vải. Vải nhúng vào nước chàm cho ngấm thật đều, ngày phơi nắng, đêm ngâm chàm đến khi nào được màu như ý mới thôi. Sau khi vải nhuộm xong thường được ngâm tiếp vào nước lá trầu không (*căn lản*) hoặc nhúng bùn để màu không phai.

Muốn nhuộm màu nâu, người ta lấy củ nâu già (*cần đau*) về giã nhỏ ngâm nước, khi màu đặc đồng bào cho vải vào ngâm, đêm ngâm ngày phơi nắng đến khi được màu như ý mới thôi.

Người Sán Chay còn sử dụng nhiều loại cây, củ trong

thiên nhiên để nhuộm màu xanh, đỏ, vàng, tím. Các màu này thường để trang trí thêm cho y phục.

I. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA PHỤ NỮ

Dân tộc Sán Chay có hai nhóm là Cao Lan và Sán Chỉ, y phục của họ ngoài những yếu tố chung còn mang những đặc trưng riêng. Để tiện nghiên cứu, chúng tôi đi sâu mô tả y phục của cả hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ

1. Y phục thường ngày của phụ nữ Sán Chỉ

Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Sán Chỉ gồm có khăn, áo, váy

- ***Khăn*** (*thào páo*) bằng vải bông tự dệt nhuộm chàm, là loại khăn dài từ 1,2cm đến 1,5cm, rộng 35cm. Khăn không thêu vẽ hoa văn. Khi dùng hai tay cầm hai đầu khăn, đặt điểm giữa khăn ở trên trán, hai đầu khăn được bắt chéo sau gáy và hắt ngược hai đầu khăn ra hai bên tai.

- ***Áo*** (*chịp sam*) bằng vải bông tự dệt, là loại áo dài may kiểu tứ thân, xẻ tà cao, không có cúc cài. Áo dài 110cm, rộng 60cm. Áo được nối thân, phần nối thường nằm ở giữa ngực hay bụng. Nửa trên là vải màu nâu thì nửa dưới là màu đen chàm hoặc ngược lại.

Khi mặc, hai thân trước (*sám hệnh*) được buộc lại với nhau trước bụng, không dùng thắt lưng vẫn tạo được sự kín đáo cho phụ nữ.

- ***Váy*** (*thin khoản*) bằng vải tự dệt màu đen, dài 75cm, cao rộng 45cm, là loại váy khép mí, phía trên cạp có chỗ để luồn dải rút. Nhìn tổng thể, váy hình ống, phần cạp thu nhỏ hơn so với dưới gấu váy.

2. Y phục thường ngày của phụ nữ Cao Lan (Xem ảnh 115)

Bộ y phục truyền thống mặc thường ngày của phụ nữ Cao Lan ở xã Kim Phú huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang gồm có khăn đội đầu, áo, yếm, váy, thắt lưng, xà cạp.

- ***Khăn đội đầu*** (*pá khoắn láu*) bằng vải chàm đen, dài 265cm, rộng 33cm bằng một khổ vải tự dệt. Khăn không thêu vẽ hoa văn, khi đội quấn nhiều vòng xung quanh đầu, hai đầu khăn được vắt về hai phía tai.

- ***Áo*** (*pù*) bằng vải bông nhuộm chàm và nhuộm nâu. Là loại áo dài may kiểu năm thân, cài cúc bên nách phải. Áo xẻ tà cao, áo nối thân, ở giữa ngực, trên đường nối may bằng vải màu nâu, phía dưới màu chàm. Áo dài 104cm, nách rộng 55cm.

Cổ áo (*hò pù*) là loại cổ tròn có hò. Tay áo (*khen pù*) dài 47cm được may thuôn dần về phía cổ tay, cửa tay áo rộng 13cm. Khuy áo (*mập pù*) là kiểu khuy tròn đính ngang, nút cài bằng vải màu chàm, áo có ba khuy.

- ***Yếm*** (*có*) bằng vải mộc trắng, kích thước 34 x 34cm. Đầu trên yếm khoét hình bán nguyệt ôm sát cổ, mép ngoài

viền vải đỏ, hai đầu đường viền vải đỏ đính hai sợi dây vải để buộc, dây dài 32cm. Khi mặc, hai sợi dây này buộc phía sau gáy. Hai góc đối diện giữa ngực đính hai sợi dây, dây dài 53cm bằng vải trắng, hai dây này buộc sau lưng để yếm bó sát vào ngực.

- ***Váy*** (*pổn bín*) bằng vải chàm đen, dài 72cm, cạp rộng 50cm. Váy may khép kín tạo thành hình ống, phía trên cạp được chiết một số nếp để thu nhỏ hơn so với gấu váy. Cạp váy (*lấu bín*) rộng 2cm bằng vải trắng để luồn dải rút.

Thân váy (*bín*) dài 70cm do hai khổ vải ghép lại theo chiều dọc tạo thành hình ống.

Gấu váy (*tên bín*) rộng 0,6cm được móc trang trí bằng chỉ màu đỏ.

- ***Thắt lưng*** (*slai bín*) gồm hai chiếc, một chiếc may bằng vải phin dài 297cm, rộng 32cm, một chiếc bằng lụa màu hồng dài 301cm, rộng 40cm.

Thường ngày, phụ nữ Cao Lan chỉ dùng một chiếc thắt lưng chàm; trong ngày cưới, lễ tết, hội hè họ dùng hai, ba chiếc thắt lưng với nhiều màu khác nhau.

- ***Xà cạp*** (*cau kích*) bằng vải trắng, dài 91cm, rộng 26cm, đầu nhỏ đính dây buộc dài 65cm, rộng 1cm. Khi dùng, xà cạp được quấn lần lượt từ cổ chân lên hết bắp chân, sau đó dùng dây quấn lại cho khỏi tụt. Xà cạp dùng để bảo vệ đôi chân khi lao động.

II. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA NAM GIỚI

Nam giới nhóm Cao Lan và Sán Chỉ mặc khá giống nhau. Trang phục của họ đơn giản hơn nhiều so với trang phục nữ. Một bộ y phục thường ngày của nam giới Sán Chay gồm có áo và quần.

- ***Áo***: Hàng ngày, khi lao động sản xuất và sinh hoạt, nam giới Sán Chay mặc áo cánh ngắn bằng vải chàm, vải đen. Áo may kiểu tứ thân, mở ngực. Loại áo này rất giống áo của nam giới Tày, Nùng...

- ***Quần*** bằng vải nâu, may kiểu chân què, cạp lá toạ, độ doãng của đũng lớn nên rất thuận tiện và thoải mái khi lao động. Hiện nay nam giới Cao Lan - Sán Chỉ mặc giống nam giới người Kinh.

III. TRANG PHỤC LỄ HỘI, CƯỚI XIN CỦA PHỤ NỮ

1. Trang phục lễ hội của nhóm Sán Chỉ

Người Sán Chỉ sống đan xen với nhiều tộc người khác, do ảnh hưởng của sự giao thoa văn hoá nên trang phục cổ truyền của họ bị mai một đi nhiều, hiện nay chỉ còn bộ trang phục nữ mặc trong lễ hội còn giữ được sắc thái xưa. Bộ lễ phục gồm có khăn, áo, yếm, váy, thắt lưng, xà cạp.

- ***Khăn*** (*thào páo*) bằng vải chàm xanh, dài 150cm, rộng 35cm. Khăn không thêu vẽ hoa văn. Khi đội, khăn được quấn nhiều vòng quanh đầu theo kiểu bắt chéo, hai đầu khăn được bắt ngược về phía trước sang hai bên tai.

- ***Áo*** (*nanh sám*) bằng vải chàm, là loại áo kiểu tứ thân, áo rộng 60cm, dài 110cm. Cổ áo (*sám canh*) liền với thân, được táp thêm một miếng vải chàm vòng quanh cổ, đường viền quanh miếng vải chàm bằng chỉ đỏ. Nẹp ngực từ chân cổ áo trở xuống bằng vải trắng, trên hai nẹp ngực có thêu hoa văn, hoa văn hai bên nẹp ngực thường giống nhau. Hoạ tiết hoa văn thường là hoa văn tám cánh (*pặt cạc va*), hình vuông, các đường chỉ màu đen, xanh, đỏ nằm ngang. (Xem ảnh 116)

Tay áo (*sám chân*) liền với thân áo, có đoạn nối ở giữa cánh tay. Gấu tay áo thường có hai đường khâu nổi bằng chỉ màu để trang trí.

Nách áo (*slây ka*) được đắp thêm hai miếng vải trắng hình chữ nhật để trang trí. Hai thân áo trước cân xứng nhau, nẹp thân áo thường được đắp lên một miếng vải cùng màu với áo. Tại các góc phía dưới gấu áo cả phía trước và sau có đính vải trắng hình vuông 5 x 5cm để trang trí. Hai bả vai của thân áo sau là hai mảng hoa văn với hoạ tiết hình vuông, hình chữ nhật, dưới nách phía sau có điểm hai chấm hoa văn tám cánh (hoa hồi).

- ***Yếm*** (*thự thau pụ*): Mặt yếm bằng vải trắng, hai dây yếm bằng vải chàm. Yếm hình vuông có kích thước 33 x 33cm. (Xem ảnh 117).

Trên mặt yếm thêu nhiều họa tiết hình hoa tám cánh

(*hoa hồi*), hình vuông (*piệc tiệp va*), hình tam giác cân (*lắc hộp va*), đường hoa văn tám cánh (*pặt cạc va*) chạy dưới cùng... Hai nẹp vải xanh trên hai cạnh của yếm gọi là *hắc niệp thau pụ*. (Xem ảnh 118).

Hai dây yếm dài 30cm, rộng 5cm, hai đầu phía trên dây yếm thêu hoa văn tam giác cân bằng chỉ trắng, đỏ, đen gọi là *lắc hộp va*, cũng trên hai dây yếm ở phần giáp mặt yếm có thêu nhiều hoạ tiết dấu nhân (*piệc tiệp va*) - hoa móng trắng. Ở phần giữa dây yếm có đính hai sợi dây nhỏ, khi mặc buộc phía sau gáy, hai góc đối xứng với mặt yếm đính hai dây vải để buộc sau lưng. Dây yếm thả buông phía ngoài áo dài.

- ***Váy*** (*thiu khoăn*) bằng vải chàm, là loại váy khép mí tạo thành hình ống. Váy gồm ba phần cạp váy, thân váy, gấu váy.

Cạp váy (*khoăn thau*) thường là vải khác màu với thân váy, cạp váy rộng 10cm, trên cùng viền một đường vải mộc trắng để luồn dải rút.

Thân váy (*khoăn*) do hai khổ vải chàm ghép dọc tạo thành.

Gấu váy (*khoăn cẹc*) được gấp nhỏ 1 hoặc 2cm và khâu bằng chỉ đen hoặc chỉ màu.

- ***Thắt lưng*** (*neo phô*) bằng vải tơ tằm, dài 250cm, rộng khoảng 20 - 30cm. Phụ nữ Sán Chỉ ưa dùng thắt lưng có

màu xanh, hồng, đỏ. Khi mặc áo, người ta thường kéo hai tà áo chồng lên nhau (áo không có khuy cài), sau đó dùng từ hai chiếc thắt lưng có màu sắc khác nhau để thắt ngoài, chiếc nọ đáp lên chiếc kia, chỉ để hở ra 2 - 3cm. Người ta thắt nút ở bụng và để hai đầu buông thõng xuống quá gối.

- ***Xà cạp*** (*kẹc cau*) bằng vải trắng hoặc chàm xanh, không thêu vẽ hoa văn. Xà cạp là một đoạn vải dài hình tam giác, tại góc nhọn của xà cạp có đính một sợi dây dài để buộc. Trên toàn bộ chiều dài của dây có dệt hoa văn (*nga chay va*) là một loại hoa rừng thường có ở vùng đồng bào cư trú. Xà cạp dùng để bảo vệ đôi chân trong quá trình lao động, sinh hoạt.

Bộ lễ phục của phụ nữ Sán Chay hiện nay chỉ mặc trong những dịp quan trọng như ngày cưới, lễ tết, hội hè.

2. Trang phục lễ hội của nhóm Cao Lan

Trong ngày cưới, lễ tết, hội hè phụ nữ Cao Lan mặc bộ trang phục nhìn chung khá giông bộ thường phục, duy chỉ có chiếc áo dài *pù dăn dinh* - áo "uyên ương" - còn giữ được những nét văn hóa truyền thống của dân tộc. Áo được cắt may, trang trí công phu và khá đẹp. (Xem ảnh 120).

Áo *pù dăn dinh* bằng vải màu chàm, dài 101cm, rộng 47cm (tuỳ người có kích cỡ khác nhau). Là loại áo tứ thân mở ngực, xẻ tà đến sát nách, tay áo liền với thân, có đoạn

nối ở giữa cánh tay, cửa tay áo rộng 9cm. Hai nẹp áo trước ngực được thêu hoa văn hình sao tám cánh bằng chỉ đỏ, trắng, vàng. Ngoài hoa văn thêu còn ghép thêm những miếng vải màu đỏ, trắng, đen để trang trí. Hai bên nách áo đáp thêm một miếng vải trắng hình chữ nhật, chúng có thể tạo thành hai chiếc túi nhỏ để đựng những vật kỷ niệm nhỏ. Bên dưới thêu hoa văn, thường là dấu thập ngoặc hay hình chữ nhật bằng chỉ màu đỏ, trắng. Ở các góc gấu áo có khâu thêm một miếng vải trắng hình vuông để trang trí cho chiếc áo thêm đẹp.

Áo *pù dăn dinh* thường mặc trong ngày cưới, lễ tết, hội hè. Khi mặc áo *pù dăn dinh*, phụ nữ Cao Lan mặc cùng với váy, khăn, thắt lưng mới có màu sắc tươi đẹp. Trang phục lễ hội của phụ nữ Cao Lan nhìn tổng thể giống trang phục lễ hội của phụ nữ nhóm Sán Chỉ.

Phụ nữ Sán Chay (kể cả nhóm Cao Lan - Sán Chỉ) thường có hai bộ đồ cưới, một bộ sau khi cưới được dùng trong những dịp lễ tết hội hè - bộ này có thể mặc đến rách, một bộ để dành đến khi chết mặc về thế giới bên kia.

Ngoài bộ trang phục truyền thống như trên, các cô gái Sán Chay (Cao Lan - Sán Chỉ) khi sắp lấy chồng đều chuẩn bị cho mình một chiếc bao phục (*pao phôi*). Bao phục là một mảnh vải vuông có kích thước 84 x 82cm. Bao phục làm bằng vải nâu, các cạnh được khâu viền mép.

Ở một góc của bao phục có đính một sợi dây dài 197cm, rộng 0,8cm. Sợi dây được dệt bằng tay rất công phu, tỉ mỉ. Trên suốt sợi dây là những hoa văn quả trám do sự phối màu của chỉ đỏ, đen, trắng tạo thành.

Bao phục dùng để gói của hồi môn của cô dâu trong ngày cưới. Khi gói đồ vào bao phục, người ta dùng sợi dây quấn xung quanh cho chắc chắn. Bao phục được coi là một loại trang sức của các cô gái Sán Chay. Hiện nay phụ nữ không sử dụng bao phục nữa, chỉ còn một số cụ già giữ lại làm kỷ niệm.

IV. ĐỒ TRANG SỨC CỦA PHỤ NỮ

Phụ nữ Sán Chay (cả nhóm Cao Lan, Sán Chỉ) đều sử dụng một số đồ trang sức bằng bạc để trang điểm như khuyên tai, vòng cổ, vòng tay, nhẫn, xà tích, trâm cài tóc.

- ***Khuyên tai*** (*slặc*) thường được làm bằng bạc theo kiểu vòng tròn nhỏ, hai đầu uốn tròn để buộc chỉ. Khuyên tai khá nặng, nếu đeo lâu ngày dái tai bị xệ xuống.

- ***Vòng cổ*** (*chệch kiềng*) bằng bạc trắng, kiểu thanh tròn, hai đầu gấp lại. Vòng cổ thường để trơn hoặc chạm hoa văn đơn giản hình dây nho, lá nho. Các cô gái đeo từ 1 - 3 vòng cổ. Trong ngày cưới, nhà gái thường thách nhà trai một số đồ trang sức như vòng tay, vòng cổ, khuyên tai (đồ thách cưới có thể thay đổi tuỳ theo từng gia đình)

- ***Nhẫn*** (*sáu kheng*) bằng bạc trắng, kiểu dẹt, trên mặt nhẫn thường chạm khắc hoa văn hình quả trám, hình hoa hồi.

- ***Vòng tay*** có hai loại, một loại vòng để trơn, một loại dẹt rộng 1 - 1,5cm thường chạm hoa văn phong lan, con rồng. Khi đeo vòng tay, nếu là loại dẹt chỉ đeo một vòng bên tay trái, còn vòng tròn thì đeo một vòng bên tay phải, hai vòng bên tay trái.

Vòng tay cũng như vòng cổ, ngoài chức năng thẩm mỹ, nó còn có tác dụng kỵ gió, trừ ma. Trẻ em nhỏ, người già hay ốm yếu thường đeo vòng cổ và vòng tay (vòng vía), đồng bào coi đó như một thứ bùa để chống ma tà.

- ***Xà tích*** (*ngăn sliu*) bằng bạc trắng, mỗi bộ có từ 3 - 5 dây, dây hình vuông bốn cạnh, vừa mềm mại vừa cứng cáp. Mỗi dây có hai khoá hình vành khuyên ở hai đầu. Khi sử dụng, một đầu khóa móc vào cạp váy, một đầu móc các vật nữ trang như bộ chìa khoá, hộp đựng trầu cau, cối giã trầu, dao con... Xà tích để buông đến gần đầu gối. Bộ xà tích trước tiên thể hiện tay hòm chìa khoá của các cô gái mới lớn, những người mẹ trong gia đình, đồng thời nó còn là đồ trang sức thể hiện tính thẩm mỹ cao. Trên bộ quần áo màu chàm nâu, bộ xà tích nổi lên như một nét chấm phá, tạo nên hiệu quả thẩm mỹ đặc biệt, tạo cho bộ trang phục của phụ nữ có nét đẹp riêng. Thường ngày, phụ nữ Sán Chay ít dùng bộ xà tích, trong những dịp cưới xin, lễ tết,

hội hè họ mới đeo xà tích để làm duyên đồng thời chứng tỏ điều kiện kinh tế của mỗi gia đình.

- ***Trâm:*** Phụ nữ Cao Lan, Sán Chỉ để tóc dài, búi sau gáy. Để giữ tóc khỏi tuột, họ dùng trâm cài xuyên qua búi tóc. Trâm được làm bằng bạc hoặc xương, có tiết diện hình chữ nhật, một đầu to, một đầu nhỏ, dài 8 - 10cm. Đầu to của trâm được đính một chuỗi hạt cườm, khi trâm cài vào búi tóc thì chuỗi hạt cườm được quấn quanh búi tóc giữ cho tóc không bị tuột.

V. TRANG PHỤC LỄ HỘI CỦA NAM GIỚI

Cũng giống như nhiều dân tộc thiểu số ở nước ta, trang phục nam giới Sán Chay trong lễ hội cũng rất đơn giản về kiểu dáng cắt may và không thêu vẽ hoa văn. Bộ trang phục dùng trong cưới xin, lễ tết, hội hè của họ gồm có khăn, áo ngoài, áo trong, quần.

- ***Khăn*** (*thao páo*) bằng vải chàm đen, dài hơn 1m, rộng 34 - 40cm bằng một khổ vải nhỏ. Khi đội, khăn được quấn quanh đầu thành từng lớp như kiểu khăn xếp của người Kinh. Trước đây nam giới Sán Chay từ 15 tuổi trở lên bắt đầu dùng khăn. Hiện nay loại khăn này ít được sử dụng, chỉ có các cụ già dùng trong dịp cưới xin, lễ tết, hội hè.

- ***Áo*** (*nanh sung sam*) mặc trong lễ hội của nam giới có hai loại, một loại may bằng vải trắng, một loại may bằng vải đen. Kiểu cắt may hai loại áo này hoàn toàn giống

nhau, đó là loại áo năm thân, nẹp cổ cao 2,5cm cài khuy bên nách phải. Áo dài 85cm, rộng 53cm (tuỳ người cụ thể có kích cỡ khác nhau). Áo không thêu vẽ hoa văn. Khi mặc, áo trắng mặc trong, áo đen mặc bên ngoài. Loại áo lễ hội thường may bằng vải tơ tằm hay vải lụa, loại vải này đồng bào không tự sản xuất được, họ phải mua của các dân tộc láng giềng về dùng.

- ***Quần*** (*thiu hấu*) được may bằng vải trắng, kiểu chân què cạp lá toạ hoặc luồn dải rút. Quần dài 90 - 100cm, cạp dài 50cm, ống quần may rộng. Quần này mặc với áo dài trong ngày cưới, lễ tết, lễ hội.

VI. TRANG PHỤC TRẺ EM

Cũng như nhiều dân tộc khác, trẻ em Sán Chay lúc mới lọt lòng không có y phục riêng, chúng được cuốn trong những chiếc áo cũ, vải mềm của bố mẹ. Khi còn nhỏ, các em được bố mẹ sắm cho một số đồ dùng bằng bạc như vòng cổ, vòng tay để kỵ gió, trừ ma. Một trong những đồ dùng quan trọng nhất của trẻ là chiếc mũ đội đầu bằng vải.

Mũ trẻ em Sán Chay tiếng Cao Lan gọi là "*ăn mẩu*". Mũ cao 14,5cm, rộng 23cm do sáu múi vải xanh, đỏ, đen hình tam giác ghép lại.

Chóp mũ *(tềnh mẩu)* là một cục vải tròn màu đỏ, đính giữa mũ.

Vành mũ *(tên mẩu)* rộng 3,5cm bằng vải chàm chạy

vòng quanh mũ. Trên vành mũ có trang trí những mảnh vải gấp nhỏ hình quả núi *(láu đoi)*. Phía dưới vành mũ có may đường viền mũ bằng vải đỏ.

Hiện nay mũ này vẫn được trẻ em Sán Chay dùng đội đầu.

Trẻ em gái Sán Chay từ 10 tuổi trở lên có bộ y phục giống người lớn bao gồm khăn đội đầu, áo, yếm, váy, thắt lưng, xà cạp. Kiểu cắt may và tên gọi bộ y phục hoàn toàn giống bộ y phục của người lớn (kích thước phụ thuộc vào lứa tuổi). Y phục trẻ em gái không thêu vẽ hoa văn.

Hiện nay xu hướng mua quần áo may sẵn trên thị trường cho trẻ em mặc ngày càng phổ biến.

VII. TRANG PHỤC CỦA THẦY CÚNG

Thầy cúng người Sán Chay được xã hội trọng vọng và tôn kính. Thông thường, mỗi xóm hay mỗi dòng họ có một ông thầy cúng. Thầy cúng là người hiểu biết rộng, đọc thông viết thạo chữ Hán Nôm. Theo quan niệm của người Sán Chay, làm thầy cúng không phải vì mục đích kiếm sống mà họ có nhiệm vụ giúp đỡ mọi người. Công việc của thầy cúng rất vất vả, họ hành nghề theo yêu cầu của dân bản. Ngoài yếu tố mê tín, người Sán Chay nói riêng và nhiều tộc người khác nói chung thường nghe theo thầy cúng lý giải mọi việc. Khi trong nhà có việc, mọi người đều mời thầy cúng về cúng bái. Thầy cúng được coi là sợi

dây liên lạc giữa người sống và người chết, họ có khả năng sai khiến linh hồn người chết hoặc trừ đuổi ma tà, quỷ quái làm hại người dương gian.

Để trở thành thầy cúng, họ phải theo học những thầy cúng cao tuổi có nhiều kinh nghiệm. Khi thành nghề, phải được các thầy cúng cao tay cấp sắc cho. Muốn hành nghề, thầy cúng phải có một số đồ nghề, trong đó quan trọng nhất là bộ trang phục mặc khi hành lễ. Thầy cúng của người Sán Chay được chia thành nhiều loại: Thầy cúng cao tay, thầy cúng trung bình (mới vào nghề), những người đang học nghề. Mỗi cấp bậc khác nhau đều có trang phục riêng.

1. Trang phục của thầy cúng cao tay

Theo quan niệm của người Sán Chay, thầy cúng cao tay là thầy cúng bậc cao nhất, trải qua thời gian tu luyện đã lâu, họ có thể cúng các việc lớn như ma chay, nhảy tam thanh. Bộ y phục của họ gồm có mũ và áo.

- ***Mũ*** (*sliu diu*) bằng vải chàm rộng 35cm, cao 25cm. Mũ hình ống gọi là "*thông thiên*", phần trên mũ cắt uốn lượn hình dãy núi. Mặt trước của mũ thêu hình ba vị Tam Bảo (*slam pao*). Tính từ trái sang phải là các vị Thái Thanh (*Thái Sênh*), Ngọc Thanh (*Nhộc Sênh*), Thượng Thanh (*Sừng Sênh*). Hai bên mũ có đính hai đôi dây buộc, khi sử dụng có thể nới ra hay thắt lại cho vừa đầu người đội. (Xem ảnh 124).

Mặt sau của mũ thêu hình hai con phượng *(phông vung)* chầu nhật nguyệt (đó là một hình tròn chia làm hai nửa, nửa thêu chỉ trắng ghi chữ nhật, nửa thêu chỉ đỏ thêu chữ nguyệt). (Xem ảnh 125)

Loại mũ này chỉ dành cho thầy cúng khi hành lễ tại đám ma, đám chay hoặc tết nhảy tam thanh.

- ***Áo*** (*phạc phộc*) thường may bằng vải màu vàng, là loại áo dài năm thân cài khuy đồng bên nách phải.

Cổ áo *(xám canh)* là loại cổ tròn có hò cao 2cm ôm sát cổ. Phía trước cổ có đính các chùm tua chỉ, theo quan niệm của đồng bào đó là chùm râu thánh đế. Giữa ngực áo có vẽ hình ba vị Tam Bảo, tính từ trái sang phải đó là Thái Thanh (*Thái Sênh*), Ngọc Thanh (*Nhộc Sênh*), Thượng Thanh (*Sừng Sênh*).

Tà áo trước bên phải vẽ hình Thánh Triệu, tà áo bên trái vẽ hình Thánh Đặng. Dải sọc trước ngực là bệ ngồi của "Tam Bảo", trên sọc đen bên phải có chữ "Pháp chủ", bên trái có chữ "Tam vị". (Xem ảnh 126).

Trên vai trái có chữ "Tổ sư", vai phải có chữ "Pháp phục" chạy vòng theo đường gấu áo có hàng chữ tạm phiên âm là "Bách nhật nguy hư mỡ ngưu, đầu kỳ mì tâm phương đế thang các".

Mặt sau của áo, phía giáp cổ thêu những vây rồng màu đen là cờ thánh đế hay còn gọi là cờ thất tinh. Vạt áo phải

phía sau về hình thanh ma, vạt áo trái về hình thanh quan. Trên ống tay áo bên phải có hình hổ phục thánh đế, bên trái có hình rồng chầu thánh đế. (Xem ảnh 127).

Bộ y phục của thầy cúng cao tay chỉ mặc khi cúng những việc quan trọng như đám ma, đám chay hoặc nhảy tam thanh.

Nhảy tam thanh là nghi lễ dành riêng cho đám ma của các thầy cúng. Các ông thầy cúng của người Sán Chay được gọi là người của Ngọc hoàng Thượng đế, do đó khi chết ông thầy được Tam Thanh đón đi. Hành trình của nhảy tam thanh chính là đường đi của vong hồn lên thiên đàng (khi đưa vong hồn đi xong, ba đạo tràng nhảy tam thanh phải nhảy trở về nếu không hồn họ cũng bị ở lại cùng vong hồn đã chết). Trong khi nhảy, các đạo tràng mặc y phục của thầy cúng cao tay, vừa nhảy họ vừa đọc thần chú và sử dụng các nhạc cụ như chiêng, trống. Khi ấy trẻ em đứng xung quanh cầm cờ quạt và các bức tranh vẽ những đồ dùng cấp cho người chết như rồng, phượng, trâu, ngựa, quân binh... số lượng nhiều hay ít tuỳ thuộc vào phẩm chức của ông thầy đã được phong khi còn sống.

2. Trang phục của thầy cúng loại trung bình (mới hành nghề).

Loại trang phục này được may kết hợp bằng hai loại vải: vải chàm và vải nâu. Bộ y phục gồm có khăn và áo.

- ***Khăn vấn đầu*** *(thâu páo)* bằng vải màu hồng dài 1,2m, rộng 9cm. Mặt phải khăn thêu hình tròn nhật nguyệt ở giữa khăn, hai đầu khăn một bên thêu con rồng, một bên thêu con phượng quay đầu chầu vào hình tròn nhật - nguyệt. (Xem ảnh 129).

Khi sử dụng, đặt hình tròn nhật - nguyệt vào giữa trán, kéo hai đầu khăn buộc thắt sau gáy và buông thõng sau lưng.

- ***Áo*** (*tẩu phộc sam*) bằng vải màu chàm và màu nâu. Màu chàm là màu chủ đạo, màu nâu dùng để viền xung quanh màu chàm.

Hai thân trước, trên vải chàm thêu hoa văn hình động vật cân xứng nhau. Nếu tính từ trên vai trở xuống là con rồng (*chệch long*) tiếp đến là cá chép (*chệch nhôi*), mâm rượu (*chau khoanh*), ngựa (*chệch mỏ*). (Xem ảnh 130).

Thân áo sau được thêu rất nhiều hoạ tiết hoa văn, mỗi hoa văn thể hiện một khía cạnh nhận thức về thế giới tâm linh của người Sán Chay. (Xem ảnh 131).

Trên cùng là các con phượng (*phung*) quay đầu xuống lá đề, trên lưng phượng là các vị thánh thần đại diện cho tầng trời. Giữa lưng áo là một hình lá đề to, giữa có hàng chữ Nho *Đại la thiên* (*tởi lo thin*), hai bên lá đề là hình tượng của rồng, phượng cách điệu. Hình tượng người được thêu thành những tầng lớp khác nhau thể hiện ngôi

vị của các bậc thần linh, ngoài ra còn có các con vật khác như hổ, ngựa và hai ngôi sao bốn cánh trong vòng tròn. Dưới cùng là hình tượng núi Ngũ Hành Sơn. Trên dãy núi có thêu hàng chữ Nho từ trái sang phải là *Long hổ sơn* (*Long hấu san*), *Quân thái sơn* (*Quản lan san*), *Vũ đang sơn* (*Phu tang san*). Chạy dọc hai bên cạnh áo từ bả vai xuống gấu mỗi bên có 14 vòng tròn nhỏ, trong mỗi vòng tròn có thêu chữ. Theo quan niệm thì đó là 28 vì tinh tú của vũ trụ bao la.

Loại y phục này dành cho những thầy cúng mới vào nghề, họ thường mặc khi nhảy múa trong đám ma, đám chay...

3. Trang phục của người đang theo học làm thầy cúng

Theo quy định của người Sán Chay, những người đang học nghề thầy cúng có trang phục riêng, những bộ y phục này không có hoa văn chỉ có chữ ở trước ngực và sau lưng, mỗi bộ gồm có khăn, áo, thắt lưng.

- ***Khăn*** được may bằng vải hồng, vàng, dài 60cm, rộng 9cm. Trên mặt khăn có thêu hình con rồng chầu mặt nhật - nguyệt. Khi dùng, khăn được thắt ngang quanh đầu, buộc mối sau gáy, hai đầu khăn buông thõng sau lưng.

- ***Áo*** may bằng vải các màu như xanh, vàng, đỏ, hồng..., kiểu cách hoàn toàn giống áo của thầy cúng cao tay hoặc cấp trung bình. Áo không thêu hoa văn, chỉ viết

chữ. Nếu có thêu chỉ thêu những hoa văn hình học như hình tròn, hình vuông, hoa tám cánh... (Xem ảnh 132).

- ***Thắt lưng*** (*chập săn*) thường được làm bằng vải phin màu vàng, đoạn giữa rộng 15cm, hai bên thon dần và dài 250cm. Mặt phải của phần giữa thắt lưng có thêu hình phượng, rồng chầu lá hương, thỉnh thoảng điểm thêm bông hoa hồi (*pặt cạc va*). (Xem ảnh 133).

Những người đang học nghề thầy cúng thường mặc loại trang phục này giúp việc cho thầy cúng cao tay trong đám tang, đám chay như gõ trống, thổi kèn, mài mực, chuẩn bị giấy để viết sớ... Chỉ khi nào học hành đã thành đạt, được các thầy cúng cao tay thừa nhận họ mới được chuyển sang mặc y phục dành cho thầy cúng loại trung bình.

VIII. TANG PHỤC

Theo phong tục của người Sán Chay, khi trong nhà có người thân mất, gia chủ phải may tang phục cho mọi người. Tang phục may bằng vải tự dệt màu trắng. Kiểu cắt may rất đơn giản.

- ***Áo*** may kiểu tứ thân, mở ngực, buộc dây khi mặc áo. Áo không có cầu vai, không có đường xẻ ở sống lưng. Áo nữ dài đến bắp chân, áo nam dài bằng áo mặc thường ngày. Gấu áo để xổ không viền gấu.

- ***Quần*** may kiểu chân què, trước đây là cạp lá toạ, sau dùng dải rút.

- ***Khăn tang:*** Con trai dùng vuông vải túm bốn góc chụp lên đầu. Con gái khâu thành chóp phủ từ đầu xuống bắp chân; con dâu buộc khăn dài ngang đầu, thả hai đuôi khăn xuống ngang vai. Người Sán Chay mặc áo tang như áo thường ngày đến khi rách thì đốt đi và đoạn tang.

Quần áo tang không bao giờ được may trước, khi trong nhà có người chết, các cụ già trong làng đến để đính những mũi kim đầu tiên lên tang phục, sau đó các "mẹ già" khâu tiếp. Khi các mẹ già khâu phải đặt một quả trứng , một bát gạo, kim chỉ để làm lễ. Khi nào đào huyệt phải mang các thứ trên đựng vào sàng mang theo ra nơi đào huyệt.

Người chết được tắm rửa bằng lá thơm, mặc quần áo cưới nếu là phụ nữ, mặc quần áo mới may nếu là nam. Sau đó trải các mảnh vải trắng xuống nhà cho người chết nằm. Dùng các mảnh vải khác phủ kín từ đầu đến chân, nam giới phủ vải theo số chẵn, nữ giới phủ vải theo số lẻ. Những mảnh vải này do con cháu và người trong họ mang tới. Một số họ chỉ dùng vải của con gái, con dâu, con trai để phủ qua mặt còn vải của người con nuôi, con rể chỉ được quan niệm như một lễ trả hiếu bố mẹ. Sau đó phủ chăn lên trên, chăn phủ phải là vải không có hoa, chỉ

là màu xanh hay màu trắng, rồi chăng màn để tránh mèo nhảy qua. Khi chọn được giờ tốt mới liệm người chết vào quan tài.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI GIÁY

Từ lâu đời, người Giáy đã biết trồng bông, kéo sợi dệt vải để phục vụ nhu cầu may mặc của cộng đồng. Có một số phụ nữ Giáy biết dệt vải thổ cẩm làm mặt chăn, mặt địu nhưng không phổ biến.

Khoảng hơn 20 năm trở lại đây, nhất là sau chiến sự biên giới 1979 hầu hết nhà cửa, đồ dùng sinh hoạt của người Giáy bị tàn phá. Thêm vào đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, nghề dệt vải của người Giáy bị mai một dần. Hiện nay người Giáy chủ yếu mua vải công nghiệp về cắt khâu trang phục theo kiểu truyền thống của dân tộc mình.

I. TRANG PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA PHỤ NỮ

Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Giáy ở xã Mường Hum huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai gồm có khăn đội đầu, áo, quần, túi đeo. (Xem ảnh 135).

- ***Khăn đội đầu*** (*khan vuông*) bằng vải chàm màu đen, không thêu vẽ hoa văn, là loại khăn vuông có kích thước

65 x 72cm. Phụ nữ Giáy không có thói quen dùng khăn vấn tóc, họ dùng sợi bông màu đỏ, màu hồng quấn tóc trần quanh đầu và đội khăn vuông bên ngoài.

- ***Áo*** (*pưa*) bằng vải đen, dài 72cm, rộng 53cm. Là loại áo năm thân xẻ nách, dài che kín mông. Tay áo dài liền với thân có nối ở giữa tay, cửa tay rộng 13cm.

Cổ áo *(khó pưa)* tròn, hò cao 3cm. Cổ áo, nẹp ngực, cửa tay đáp vải trắng hoặc xanh. Cổ áo có hai nút cài bằng vải, từ nẹp ngực sang nách phải đính ba đôi dây buộc. Áo phụ nữ Giáy phía dưới xoè rộng, hai bên tà được cắt lượn lên hai bên sườn giống áo phụ nữ Nùng.

- ***Váy:*** Phụ nữ Giáy cư trú ở Hà Giang mặc váy che kín gối, váy xoè tương đối rộng giống váy phụ nữ H'mông. Nhóm Giáy vùng Lào Cai, Lai Châu mặc quần, nhưng nhiều tài liệu lại nói họ đều mặc váy. Phải chăng xa xưa người Giáy đều mặc váy.

Quần làm bằng vải chàm đen dài 84cm, ống rộng 32cm. Quần may kiểu chân què cạp luồn dải rút. Loại quần này được phụ nữ Giáy mặc hàng ngày.

- ***Túi đeo*** bằng vải đen hình chữ nhật rộng 25 - 30cm, dài 35 - 40cm. Dây túi dệt bằng chỉ màu luồn vào miệng túi theo kiểu dải rút. Hai đáy được thêu hình răng chó (*hẻo ma*) uốn trên đường chỉ màu xoè ra như hai chiếc quạt hoa

nhỏ. Đây là hoa văn phổ biến trong nghệ thuật trang trí của người Giáy, nó được dùng thêu trên gối, rèm cửa buồng của vợ chồng mới cưới hay mũ trẻ em.

II. TRANG PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA NAM GIỚI

Thường ngày, nam giới Giáy mặc áo ngắn bằng vải chàm, áo xẻ tà, mở khuy ngực, tay áo dài và hẹp. Đầu vấn khăn. Quần lá toạ bằng vải chàm, nay luồn dải rút, ống quân rộng.

III. TRANG PHỤC CƯỚI XIN, LỄ HỘI

Tiêu chuẩn chọn dâu của người Giáy là chọn người con gái có tính cần cù, siêng năng lao động, sức khoẻ tốt, biết thêu thùa may vá, hiền hậu, không có ma cà rồng và có chút nhan sắc.

Trong đám cưới, cô dâu mặc y phục mang kiểu dáng của y phục thường ngày. Cái khác cơ bản là nó mới may, được mặc lần đầu, có màu sắc đẹp.

Người Giáy có tập quán khi cô dâu sắp đến nhà chồng họ thường chụp lên đầu một cái khung bằng tre và phủ vải đỏ lên, vải đỏ rủ xuống che kín mặt. Người Giáy cho rằng làm như vậy sau này vợ chồng mới hoà thuận, làm ăn sung túc.

Trong đám cưới, cô dâu dùng đồ trang sức bằng bạc do nhà trai dẫn lễ mang sang. Vòng đeo cổ thường được đánh

bằng tám đồng bạc trắng, một đôi hoa tai mỗi chiếc bằng một đồng bạc trắng.

Cô dâu cũng đem theo của hồi môn về nhà chồng, tuỳ theo kinh tế của từng gia đình nhưng thông thường phải có từ 1 - 2 chiếc khăn bông, 1 - 2 chiếc màn đôi, một chiếc màn gió, một tấm vải vuông và một số đồ dùng cần thiết khác.

Trước kia nam giới Giáy có nhiều người để tóc dài búi sau gáy. Khi cưới xin, lễ hội họ mặc áo dài chấm gối xẻ nách, ống tay rộng; đầu vấn khăn; mặc quần may kiểu lá toạ, ống quần rộng.

Ngày nay trong cưới xin, lễ hội họ mặc áo cánh ngắn mở ngực xẻ tà, vấn khăn, quần chân què cạp lá toạ hoặc luồn dải rút. Quần áo mặc trong cưới xin, lễ hội là quần áo mới, màu sắc đẹp.

IV. Y PHỤC TRẺ EM

Trẻ em trai cũng như gái người Giáy khi mới sinh không có y phục riêng. Chúng được quấn trong những chiếc áo cũ mềm của cha mẹ. Y phục chủ yếu của trẻ là chiếc mũ vải nhiều màu, hình tròn do nhiều mảnh vải hình tam giác ghép lại. Trên mũ có thêu điểm vài bông hoa hình răng chó (*hẻo ma*). Mũ có tác dụng che thóp cho trẻ. Ngoài ra các em đeo vòng cổ hoặc vòng tay bằng bạc để kỵ gió, trừ ma. Khi lên 7 - 8 tuổi các em mặc như người lớn.

V. Y PHỤC DÙNG TRONG TANG MA

Khi trong nhà có người qua đời, người Giáy mới may tang phục. Tang phục được may đơn giản và chủ yếu bằng vải trắng. Áo may kiểu tứ thân mở ngực, buộc dây khi mặc, gấu áo để xổ không viền gấu. Quần tang màu trắng kiểu chân què, cạp lá toạ, nay dùng dải rút.

Con trai, con gái, con dâu mặc đủ bộ quần áo tang. Các cháu chỉ chít khăn tang.

Theo phong tục của người Giáy, khi quan tài người chết được hạ huyệt, con trai cả của người quá cố bốc một nắm đất ở mộ bỏ vào gấu áo tang đằng sau lưng, lấy tay giữ để không bị rơi và đi về nhà (không được quay mặt lại). Khi con cháu về đến nhà họ cởi khăn tang buộc vào chiếc cột giữa nhà, ba hôm sau mới được cởi đi giặt. Trước kia, con cháu chịu tang bố mẹ ba năm, nay chỉ còn một năm, sau một năm thì đoạn tang.

Trong những ngày còn tang, con cháu không được cười đùa, không được ngồi ghế cao, phải ăn chay, không được nằm giường, nhất là không nằm cùng vợ con.

VI. TRANG PHỤC THẦY CÚNG

Những người hành nghề cúng bái ở người Giáy có nhiều loại như mo, tào, chỉm (then) và thầy bói. Mo và tào thường lập thành từng tốp từ vài ba người đến bảy, tám người. Nhân dân gọi họ là "chau mo" (phường tào,

phường mo). Tuy vậy, những ông thầy tào, thầy mo nổi tiếng của người Giáy không nhiều, có khi cả huyện chỉ có một, hai người.

Khi hành lễ các ông tào, ông mo thường đội mũ và mặc y phục giống áo thầy mo, thầy tào của người Tày, Nùng (những loại áo, mũ này thường do gia truyền hay tộc truyền).

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI BỐ Y

I. TRANG PHỤC PHỤ NỮ BỐ Y (NHÓM PU NÀ)

Qua việc khảo sát thực tế, chúng tôi thấy y phục của phụ nữ Bố Y (nhóm Pu Nà) cư trú ở bản Xéo Xin Chải xã Tam Đường huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu trong khoảng một thế kỷ gần đây có nhiều biến đổi, có thể tạm chia thành ba giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1 cách đây gần 100 năm, bộ y phục của phụ nữ Bố Y gồm có khăn đội đầu, áo trong, áo ngoài, váy to, váy nhỏ, tạp dề, giày vải.

- Giai đoạn 2 cách đây khoảng trên dưới 40 năm, bộ y phục nữ Bố Y gồm có khăn, áo trong, áo ngoài, quần.

- Giai đoạn 3 gần đây nhất bộ y phục gồm có khăn, áo, quần.

1. Bộ y phục cổ truyền cũa phụ nữ Bố Y cách đây khoảng 100 năm

Bộ y phục cổ truyền của phụ nữ Bố Y ở xã Tam Đường huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu Cách đây khoảng 100 năm có những đặc điểm sau:

- ***Khăn đội đầu*** (*ba can*) bằng vải nhuộm chàm, là loại khăn dài 300cm (bằng hai sải vải), chiều rộng 33cm (bằng một khổ vải). Hai đầu khăn được khâu vắt mép bằng chỉ màu ghi, cạnh mép khăn dùng chỉ màu khâu thưa để đường chỉ nổi rõ có tính chất trang trí cho khăn. Khi dùng, họ gập đôi khăn theo chiều dọc rồi quấn xung quanh đầu, đuôi khăn ngoài cũng có thể giắt hoặc buông. Loại khăn này hiện nay vẫn được sử dụng. (Xem ảnh 139).

- ***Áo trong*** (*pủ đý*) là loại áo kiểu tứ thân mở ngực, có một chiếc cúc đồng cài giáp cổ. Hai vạt áo trước có hai túi nhỏ cân xứng nhau để đựng tiền và đồ lặt vặt. Cổ áo liền với nẹp ngực được đáp bằng vải xanh chàm, cửa tay áo đáp khoanh vải màu xanh rộng 10cm, hai đâu khoanh vải xanh viền một đường vải trắng 1cm. Đây là loại áo được coi là lâu đời nhất trong bộ y phục cổ truyền của phụ nữ Bố Y. Theo người già kể lại, loại áo này được sử dụng phổ biến đầu thế kỷ XX. Hiện nay, áo *pủ đý* không còn sử dụng nữa mà cất kỹ trong rương hòm, khi chủ nhân quá cố sẽ mặc sang thế giới bên kia. (Xem ảnh 140).

- ***Áo ngoài*** (*pủ pấp*) bằng vải thô nhuộm chàm, dài 60cm, rộng 54cm (tuỳ người cụ thể có kích thước khác nhau). Áo may kiểu tứ thân, không có cúc cài, chỉ có một đôi dây vải, một chiếc đính phía dưới vạt áo trái, một chiếc đính nơi xẻ tà bên nách phải, khi mặc áo, chúng được buộc lại với nhau. (Xem ảnh 141).

Cổ áo (*vừa pủ*) liền với nẹp ngực, được khâu táp hai miếng vải xanh nhạt, nẹp áo trước ngực bằng vải đỏ. trên nẹp vải đỏ thêu hoa văn, đồng bào gọi là con rồng *(lùng)*. Nẹp áo dưới ngực bằng vải xanh lơ, trên thêu hoa văn hình răng cưa (*vùa lùng*).

Tay áo liền với thân, cửa tay rộng 16cm có nẹp vải trắng bên trong, bên ngoài dùng vải màu khâu sa mũi tạo thành ba chấm liên tiếp để trang trí. Giáp cửa tay có đáp ba khoanh vải màu xanh sĩ lâm, màu trắng, màu xanh lơ vòng quanh tay áo.

- ***Váy to*** (*vấn lậu*) hay còn gọi là váy dài, bằng vải thô nhuộm chàm, dài 86cm, cạp váy rộng 32cm. Là loại váy mở không khép mí, váy to may hết 10,5m vải. (Xem ảnh 143).

Váy gồm ba phần: cạp váy, thân váy, gấu váy.

Cạp váy (*roi vấn*) bằng vải thô màu trắng, hai cạnh cạp có đính hai dây vải để buộc.

Thân váy (*coóng vấn*) bằng vải thô nhuộm chàm.

Thân váy được gấp nếp mới đính vào cạp nên váy có độ xoè khá lớn.

Gấu váy (*pấp vấn*) là mảnh vải được dệt bằng chỉ màu xanh, đỏ, tím, ghi, tạo thành những đường kẻ nhỏ khâu ghép vào thân váy, gấu váy cũng được gấp nếp như thân váy.

Váy to dùng che trước bụng, loại váy này trước kia dùng trong những dịp lễ tết, hội hè, cưới xin. Hiện nay không dùng nữa. Nó được cất kỹ để mặc vào lúc quá cố.

- ***Váy nhỏ*** (*vấn biên*) bằng vải thô nhuộm chàm dài 50cm, cạp váy rộng 27cm. Váy nhỏ gồm ba phần: cạp váy, thân váy, gấu váy. (Xem ảnh 142).

Cạp váy (*roi vấn*) bằng vải thô nhuộm chàm màu xanh, hai cạnh cạp váy đính hai dây vải để buộc khi mặc.

Thân váy (*coóng vấn*) được cấu tạo khác váy to. Phía giáp cạnh váy là một miếng vải chàm gấp nếp nhỏ xít vào nhau theo chiều dài của váy. Tiếp đến là mảnh vải màu đỏ đồng bào gọi là "tục vấn", tục vấn nằm giữa váy và cũng được gấp nếp theo chiều dài của váy. Dưới tục vấn là dải vải thô nhuộm chàm cũng được gấp nếp theo chiều dài của váy.

Gấu váy (*pấp vấn*) liền với thân váy được khâu viền ở phía trong. Loại váy ngắn này hiện nay phụ nữ Bố Y không còn sử dụng nữa. Nó được các cụ già cất giữ dành cho ngày quá cố.

Cách mặc váy truyền thống của phụ nữ Bố Y: Trước hết đặt váy to vào giữa bụng và buộc dây sau lưng, sau đó đặt váy nhỏ vào giữa lưng và buộc dây trước bụng. Bộ váy truyền thống của phụ nữ Bố Y thực chất là hai mảnh vải xếp nếp khép lại, khi mặc tạo thành kẽ hở (váy hở) ở hai bên hông để đi lại dễ dàng.

- ***Tạp dề*** (*vẩy dao*) bằng vải thô nhuộm chàm, dài 112cm (từ yếm đến đỉnh quai), rộng 78cm. Tạp dề gồm hai phần: yếm che và dây đeo.

Yếm che bằng vải chàm, chính giữa yếm có thêu hoạ tiết hoa văn, đồng bào gọi là "*mai tỉn củ cáo vẩy dao*" hình con cua cách điệu. (Xem ảnh 144).

Dây đeo bằng vải chàm được đính hai bên cạnh nhỏ của tạp dề, khi dùng được buộc vòng qua cổ. Dây buộc sau lưng được đính trên hai cạnh to của tạp dề, khi dùng buộc thắt sau lưng.

Tạp dề là một bộ phận không thể thiếu của bộ nữ phục truyền thống dân tộc Bố Y. Tạp dề được đeo ngoài áo và váy trong những dịp hội hè, lễ tết, cưới xin. Hiện nay nó không được dùng nữa, các cụ bà cất đi để mặc khi quá cố.

- ***Giày vải*** (*hạy đáy*) là loại giày cổ hơn so với các loại giày dép hiện nay của người Bố Y. Giày làm bằng vải đỏ, xanh, đen, là loại giày mũi cong (*mũi hài*) dài 27cm, rộng

8cm. Mũi giày bọc vải đỏ, dùng chỉ thêu hình con bướm (*hạy đáy pú pạ*). Má giày làm bằng vải xanh lơ, dùng chỉ màu thêu hình hoa bướm. Gót giày bằng vải đen, cổ giày viền vải đỏ. Dùng dây kim tuyến khâu viền ở gót, cổ và mũi giày. Phía trong giày được lót bằng vải xanh. (Xem ảnh 143, 148).

Đế giày (*tý hạy*) được làm bằng vải tự dệt màu trắng hoặc xanh, đen (tuỳ ý thích từng người). Bên trong lớp giày được lót bằng nhiều lớp mo tre. Các mảnh mo tre được cắt thành hình bàn chân và được ép lại bằng bột ngô nấu đặc, sau đó dùng vải bọc kín bên ngoài, chỉ khâu đế giày phải là loại chỉ tốt được chập và xe lại nhiều lần.

Khi làm hoàn chỉnh phần đế giày và thân giày, người ta dùng chỉ khâu chìm ở phía trong đính đế giày với thân giày để tạo thành một chiếc giày hoàn chỉnh.

Trước kia, giày vải được phụ nữ Bố Y dùng trong lễ tết, hội hè. Đặc biệt, trong bộ trang phục ngày cưới cô dâu Bố Y không thể thiếu đôi giày vải.

Ngày nay, giày vải không còn sử dụng nữa. Thông thường sau ngày cưới các cô gái cất kỹ vào rương hòm để làm kỷ niệm.

2. Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Bố Y (cách đây trên dưới 50 năm)

Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Bố Y cách đây

trên dưới 50 năm gồm có khăn quấn đầu, áo trong, áo ngoài, quần.

- ***Khăn*** quấn đầu bằng vải thô nhuộm chàm, dài 140cm, rộng 33,5cm. Khăn không thêu vẽ hoa văn, khi đội, gấp đôi theo chiều dài của khăn và quấn nhiều vòng quanh đầu.

- ***Áo trong*** (*pủ cha dả*) bằng vải thô màu trắng, là loại áo tứ thân, cộc tay, mở ngực, có cúc cài giữa ngực. Hai thân trước đáp hai túi nhỏ. Cổ áo (*vừa pủ*) là một mảnh vải gập đôi rộng 2,8cm, dài 34cm. Khi mặc áo ngoài, phần cổ áo trong sẽ lộ ra ngoài. Khi ở nhà phụ nữ Bố Y thường chỉ mặc áo trong.

- ***Áo ngoài*** (*pủ cha dả*) bằng vải thô nhuộm chàm, là kiểu áo năm thân, khuy cài bên nách phải, giống kiểu áo của phụ nữ dân tộc Giáy. (Xem ảnh 145).

Cổ áo (*vừa pủ*) bằng vải thô nhuộm chàm gập đôi, rộng 3,5cm dài 30cm. Dưới cổ áo có đáp mảnh vải xanh sĩ lâm vòng quanh cổ rộng 6cm và dài đến nách phải. Tiếp giáp với dải vải sĩ lâm là hai nẹp vải xanh nhỏ làm viền. Áo có 6 hàng cúc vải màu vàng đính cách đều nhau từ cổ xuống đến chỗ xẻ tà bên nách phải.

Tay áo liền với thân, dài 58cm được nối giữa tay. Cửa

tay đáp vòng vải xanh sĩ lâm rộng 3,8cm và có hai nẹp nhỏ chạy song song làm viền trang trí.

- ***Quần*** *(vã chạ vả)* bằng vải thô nhuộm chàm, may kiểu chân què, cạp lá toạ, đũng rộng. Khi mặc, họ vắt chéo cạp quần vừa chặt bụng rồi giắt vào phía trong cho khỏi tụt. (Xem ảnh 145).

3. Y phục phụ nữ Bố Y hiện nay

Bộ y phục phụ nữ Bố Y hiện nay gồm có khăn, áo, quần. (Xem ảnh 146).

- ***Khăn*** là loại khăn len vuông Trung Quốc mua sẵn ở thị trường. Sau khi vấn tóc quanh đầu họ gập đôi khăn theo cạnh chéo, khăn được đội ngang đầu, thắt mối sau gáy.

- ***Áo*** *(pủ nả)* được may bằng các loại vải các màu từ vải thô nhuộm chàm đến vải phin màu, vải ny lon. Áo dài 75cm, rộng 44cm, may kiểu năm thân, cài cúc bên nách phải. Áo pủ nả của phụ nữ Bố Y được may theo kiểu áo phụ nữ Giáy, loại áo này được phụ nữ Bố Y từ trẻ đến già mặc hằng ngày.

- ***Quần*** *(cóng vá)* dài 102cm, rộng 54cm, ống rộng 38cm, được may bằng nhiều loại vải, tuy nhiên nó vẫn giữ được sắc thái truyền thống như: cạp quần bằng vải thô tự dệt nhuộm chàm; cắt kiểu chân què, cạp lá toạ, khi mặc vặn nút bằng chính cạp quần chứ không dùng dải rút.

II. TRANG PHỤC NAM GIỚI

Cũng giống như nhiều dân tộc khác, y phục nam giới Bố Y gồm chiếc áo tứ thân mở ngực và chiếc quần chân què cạp lá toạ, độ doãng của đũng lớn.

Bộ y phục truyền thống của nam giới dân tộc Bố Y cư trú tại bản Xéo Xin Chải xã Tam Đường huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu gồm có áo, quần. (Xem ảnh 152).

- ***Áo*** (*pủ chạ bào*) bằng vải thô nhuộm chàm, dài 59cm, rộng 47cm. Áo may kiểu tứ thân mở ngực, cúc cài giữa ngực, áo có bảy đôi cúc bằng vải.

Cổ áo rộng 3,7cm, phía trong cầu vai được lót mảnh vải thô trắng có chiều rộng 7cm chạy xung quanh cổ áo. Áo xẻ tà hai bên nách, tà xẻ cao 3cm.

Hai thân trước có đáp hai túi đối xứng nhau, trên ngực trái có đáp thêm một túi nhỏ.

Tay áo (*cheng pủ*) dài 69cm được nối ở giữa cánh tay, cửa tay rộng 17cm tạo sự thoải mái khi mặc.

- ***Quần*** (*vã chạ bào*) bằng vải thô nhuộm chàm, dài 92,5cm. Quần may kiểu chân què, cạp quần (*cào vã*) kiểu lá tọa cao 11,5cm. Ống quần (ka vã) rộng 35cm, độ doãng của đũng lớn. Khi mặc, gấp chéo cạp quần lại cho vừa bụng rồi vặn giắt vào phía trong, không dùng dải rút.

Trước kia, trong những dịp lễ tết, hội hè, cưới xin nam giới Bố Y thường đi dép vải thêu hoa văn rất đẹp, nay loại dép này không sử dụng nữa. (Xem ảnh 151).

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI LÀO

I. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA PHỤ NỮ

Phụ nữ Lào nổi tiếng là những người dệt vải khéo tay. Sản phẩm dệt của họ có thể so sánh với hàng thổ cẩm đẹp nhất của người Thái, người Tày. Sản phẩm dệt không chỉ phục vụ nhu cầu của cộng đồng mà còn là hàng hoá trao đổi.

Trang phục phụ nữ Lào tuỳ từng vùng có những nét khác biệt nhưng nhìn chung vẫn thống nhất, khá giống trang phục phụ nữ Thái.

1. Trang phục phụ nữ Lào ở Sông Mã - Sơn La

Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Lào ở Sông Mã - Sơn La gồm có khăn đội đầu, áo ngắn, áo dài, váy. (Xem ảnh 153).

- ***Khăn đội đầu*** (*khẳn hoa lầm*) bằng vải chàm đen, rộng 40cm, dài 194cm. Khăn không thêu vẽ hoa văn, khi dùng khăn được quấn nhiều vòng quanh đầu.

- ***Áo:*** Trước đây phụ nữ Lào có hai loại áo, áo ngắn và áo dài.

Áo ngắn (*slửa sẳn*) về tổng thể giống áo "cóm" của người Thái. Tuy nhiên áo không có khuy cài, chỉ dùng hai khuy bạc đính ở cổ. Hiện nay, loại áo này ít dùng, phụ nữ Lào mặc áo ngắn có hàng cúc bạc như áo phụ nữ Thái.

Áo dài (*slửa lao*) bằng vải chàm may kiểu tứ thân, mở ngực, cài cúc. Phía sau có đường nối giữa lưng. Loại áo này hiện nay phụ nữ ít mặc, chủ yếu họ mặc chiếc áo cóm bó sát người giống áo người Thái có hàng khuy bạc hay nhôm cài trước ngực.

- ***Váy*** của phụ nữ Lào ở Sông Mã - Sơn La rất phong phú, khi mặc được kéo cao tới tận ngực. Có bốn loại váy chính là *sỉn kếp khau, sỉn ta mí, sỉn tà lẳn, sỉn tin lào*. Tuy tên gọi khác nhau nhưng đều là váy ống có ba phần: cạp váy (*hua sỉn*), thân váy (*pưn sỉn*), gấu váy (*tin sỉn*).

Mỗi loại váy đều thể hiện sự phát triển nghề dệt của dân tộc Lào. Từ loại váy gấu không có hoa văn đến loại gấu có hoa văn đơn giản rồi phức tạp, có loại dùng hàng ngày, có loại dùng trong lễ hội, cưới xin...

Hoa văn trang trí trên váy phụ nữ Lào rất đa dạng nhưng chủ yếu vẫn là loại hoa lá, cỏ cây, hình học, chim thú... Mỗi thời kỳ, phụ nữ Lào lại sáng tạo ra một loại hoa văn cầu kỳ, tinh tế hơn để làm đẹp cho bản thân và cộng đồng.

2. Trang phục phụ nữ Lào ở Mường Luân - Điện Biên, Lai Châu

Trang phục của người phụ nữ Lào ở Mường Luân-Điện Biên có sự phân biệt về tên gọi theo lứa tuổi. Áo của thiếu nữ được thêu hoa văn rực rỡ và gọi là "*sửa phú nhính*", áo bà già gọi là "*sửa phú thây*" ít trang trí hoa văn hơn mặc dù kiểu dáng cắt may của họ hoàn toàn giống nhau. (Xem ảnh 154, 155, 156).

Bộ y phục của phụ nữ Lào gồm có khăn, áo, váy, thắt lưng.

- ***Khăn đội đầu*** (*khạt húa*) bằng vải bông nhuộm chàm, là loại khăn dài, kích thước từ 270 - 300cm, rộng 35 - 40cm bằng một khổ vải tự dệt.

Hai đầu khăn thêu hoa văn bằng chỉ đỏ, xanh, vàng, trắng với những hình học và băng dải khác nhau, tên gọi cũng khác nhau, 4cm ngoài cùng của khăn được ghép ba dải vải màu đỏ, xanh, loại hoa văn ghép vải này đồng bào gọi là "khép".

Cách sử dụng: Gập đôi khăn thành bốn phần bằng nhau theo chiều dọc, quấn ba vòng khăn trên đầu, đầu khăn có thêu hoa văn vắt về phía sau gáy, một đầu vắt qua đỉnh đầu về phía trước trán.

- ***Áo*** (*sửa phú nhính*) bằng vải thô nhuộm chàm, may

kiểu tứ thân xẻ ngực, cổ áo liền với nẹp ngực, áo không đơm cúc cài, khi mặc vắt chéo hai vạt và buộc thắt lưng.

Cổ áo (*kho sửa*) kéo dài từ gấu bên trái qua vòng cổ đến gấu áo bên phải là dải hoa văn dệt có tác dụng vừa làm cổ áo vừa làm nẹp áo.

- ***Váy*** (*sin sửa*) được làm bằng vải chàm, dài 90cm, rộng 67cm do bốn vòng vải khác nhau khâu nối tiếp tạo thành. Váy hình ống, phần cạp váy rộng hơn chân váy chút ít. Váy gồm ba phần : cạp váy, thân váy, chân váy.

Cạp váy (*hoá sỉn*) là hai mảnh vải bông nhuộm chàm ghép lại.

Thân váy (*tô sỉn*) do hai mảnh vải dệt hoa văn kẻ sọc tạo thành. Tô sỉn có 17 dải vải ngang màu xanh, vàng pha kim tuyến nằm xen kẽ cách đều nhau (rộng 62cm), nền của mảng hoa văn sọc là màu đỏ.

Chân váy (*tin sỉn*) được thêu hoa văn khá đa dạng. Mảng hoa văn giáp chân váy là những hình tam giác nhỏ thêu chỉ đỏ chạy nối tiếp nhau gọi là "*loóc cáp*", tiếp đến là những bông hoa quả bầu (*mác tàu lãm*) thêu chỉ xanh, đỏ, tím, vàng. Trung tâm chân váy thêu hai con rồng, hai đầu ngoảnh ra hai bên, đuôi cuốn vào nhau. Phía hai bên đầu rồng thêu hoa văn hình thoi, người Lào gọi là hoa sao (*loóc lao*). Ngoài ra còn có hoa văn cầu vồng (*thỏng*

hung), hoa văn dải màu xanh (*mau sỉn*), màu đỏ (*mau leng*), màu đen (*mau lăm*)... Tất cả hoà quyện tạo sự rực rỡ cho váy.

- Thắt lưng (*xạ eo*) làm bằng vải thô nhuộm chàm màu xanh (*mau sỉn*) dài 170 - 200cm, rộng 8,5cm, hai đầu được ghép thêm hai mảnh vải đỏ (*mau leng*) để trang điểm thêm.

Cách sử dụng: Sau khi đã mặc xong trang phục, thắt lưng được gấp đôi theo chiều dọc, hai vạt áo được vắt chéo, dùng thắt lưng buộc ngoài váy và áo, hai đầu thắt lưng thắt trước bụng.

II. Y PHỤC THƯỜNG NGÀY CỦA NAM GIỚI

Y phục thường ngày của nam giới Lào gồm có khăn đội đầu, áo, quần. Tên gọi y phục của nam giới Lào cũng có sự khác biệt theo lưa tuổi.

- ***Khăn đội đầu*** của người già gọi là *khạt húa phu thăm*, của thanh niên gọi là *khạt húa phu sai*. Nhìn chung, hai loại này khá giống nhau, khăn bằng vải thô tự dệt màu trắng dài từ 70 - 150cm, rộng 37cm. Hai đầu khăn có trang trí hoa văn hình vuông, hình chữ nhật và những kẻ sọc.

Cách sử dụng: Gấp khăn làm bốn phần bằng nhau theo chiều dọc và quấn xung quanh đầu. Đầu khăn ngoài cùng được giắt vào trong cho khỏi tuột.

- ***Áo của người già*** gọi là *sửa phu thăm*, áo của thanh niên gọi là *sửa phu sai* tuy cách cắt khâu và kiểu dáng của chúng hoàn toàn giống nhau. Áo bằng vải nhuộm chàm, dài 58cm, rộng 53cm. Là loại áo tứ thân xẻ ngực, không xẻ tà. Cổ áo (*kho sửa*) là mảnh vải chàm gập đôi rộng 8cm, dài 48cm. Khi mặc, cổ áo được bẻ ra ngoài. Hai thân áo trước có khâu đắp hai túi nhỏ. Ống tay áo dài, cửa tay rộng để dễ cử động. Khuy áo là những đôi dây chỉ xe, khi mặc buộc hai đầu dây với nhau,

- ***Quần của người già*** gọi là *sôông phu thăm* được làm bằng vải thô nhuộm chàm với kỹ thuật khâu tay, kiểu chân què gồm có bốn mảnh vải khâu ghép lại. Cạp quần kiểu lá toạ, gần đây luồn dây rút. Loại quần của người già đũng rộng có độ doãng lớn tạo sự thoái mái cho người mặc. (Xem ảnh 162).

- ***Quần của thanh niên*** (*sôông phu sai)* bằng vải chàm, thường cắt kiểu bổ đũng như quần của nam giới người Kinh, cạp luôn dây rút. Loại quân này khi mặc trông gọn gàng nên thanh niên thích sử dụng. (Xem ảnh 163).

III. TRANG PHỤC TRONG LỄ HỘI, CƯỚI XIN

1. Trang phục trong lễ hội, cưới xin của phụ nữ

Trong ngày hội, phụ nữ Lào thường mặc bộ y phục đẹp do chính bàn tay họ tạo ra. Về cơ bản, bộ y phục mặc

trong lễ hội cũng giống như bộ y phục thường ngày, chỉ khác là nó được trang trí đẹp hơn.

- ***Áo*** phụ nữ mặc trong ngày hội gọi là *sửa phú nhinh kin chiêng* - sửa là *áo*, *phú nhinh* là phụ nữ, *kin chiêng* là ăn tết.

Áo lễ hội là áo cánh năm thân, tổng thể chiếc áo giống hình dạng con ong. Toàn thân áo được trang trí hoa văn nhiều màu, vạt áo mặc trước và mặc sau được lượn tròn sang hai bên hông.

Cổ áo hình trái tim nẹp một dải vải hoa dệt kéo dài từ sát vạt áo phía trước vắt qua cổ sang vạt áo đối diện. Nẹp cổ gọi là *lai hông thiên* - hoa nến. Tại đây có đính hai dây vải hoa loe dần về phía đuôi và một vòng khuyết để cài khuy. Từ đoạn nối ở bên sườn trái cũng đính hai dải vải tương tự, mỗi dải có ba bông tua, ở phần đuôi có đính một cúc nhựa làm khuy cài giữ áo ôm vào thân.

Trên cánh tay sát bả vai thêu nhiều vòng quanh ống tay với các hình đốt gọi là *đác ngù* - xương rắn và hình tròn liên tiếp gọi là *mác ta bủng* - mắt con sâu.

Đường nối giữa thân phụ bên phải được thêu hình đốt, kèm theo là một dải vải dệt hình chữ nhân gạch giữa xen hình quả trám (*lai nghẹm ngành* - hoa thè lè) và một hàng cúc bằng mảnh kim loại gồm 15 mảnh tam giác và hai mảnh hình tròn gọi là *mác lao*.

Xung quanh thân áo, ở giữa thắt lưng có táp một dải vải hoa nhiều màu. Dải vải uốn theo hình tròn của vạt áo, lượn cao ở mặt trước gặp nhau tại tụ điểm của đường viền cổ áo và các dải vải trang trí.

Phần dưới cùng của vạt áo (bên dưới đường viền quanh thân) ở sườn phải có thêm hai đường chỉ màu xanh đỏ hình đốt và gắn bên cạnh mỗi đường thêu bốn mảnh nhôm tròn. Phía sau lưng có ba sọc, sọc giữa gắn sáu mảnh nhôm hình tam giác. Hai sọc bên gắn bốn mảnh tròn. Những mảnh kim loại có tác dụng trang trí cho áo thêm đẹp.

- ***Váy*** mặc trong lễ hội gọi là *sỉn có* - *sỉn* là váy, *có* là hoa. Váy chia thành hai phần:

+ Thân váy (*tin sỉn*) là một khổ vải chàm khâu hai đầu với nhau tạo thành hình ống. Dọc thân đáp một mảnh vải hoa nhiều màu gồm sáu sọc. Sọc thứ hai bên phải dệt hình dấu nhân xen hình tam giác bằng chỉ các màu gọi là *lai láo tờ* - hoa các loại. Sọc thứ hai bên trái dệt hoa văn uốn lượn, viền bo hình chấm và hình sóng nước gọi là *lai nghẹm ngành* - hoa thè lè.

+ Cạp váy (*hua sỉn*) dài hơn thân váy. Cạp váy chia hai phần. Đầu cạp dệt bằng vải bông nhuộm chàm màu đỏ thẫm, phần cạp dệt bằng sợi tơ tằm tạo thành bốn sọc màu chạy vòng quanh gọi là *khẳn*. Phần hoa tiếp theo gọi là *có*

gồm ba hàng, hàng giữa là hoa (*lai lóc may*) - hoa các loại, hai hàng bên gọi là *lai piêu*.

Nhìn tổng thể, váy của phụ nữ Lào hình trụ cân đối, màu sắc tương phản đen - đỏ. Trong ngày hội, ngày tết là dịp để nữ thanh niên khoe tài, khoe sắc bằng bộ y phục đẹp do chính bàn tay khéo léo của họ tạo nên.

Các chàng trai thấy cô gái nào váy càng đẹp thì họ càng té nước nhiều (tết Bun pi may vào tháng Ba của Lào tương đương với tháng Tư âm lịch). Các cô gái rất hãnh diện khi được các chàng trai té nước nhiều bởi đó là phần thưởng, là sự ái mộ của các chàng trai đối với họ.

Cũng chính vì lẽ đó, phụ nữ Lào rất siêng năng dệt vải, họ đua nhau dệt nhiều vải đẹp để may những bộ y phục đẹp mặc trong lễ hội.

- ***Túi đeo*** (*thông*) là đồ đeo truyền thống của người Lào. Đồng bào có thói quen khi ra khỏi nhà trên người phải có gùi, giỏ hoặc túi đeo. Túi không chỉ đeo khi đi hội hè, lễ tết, đi chợ mà còn đeo đi làm nương, đi săn bắn...

Túi còn là đồ trang trí của các chàng trai, cô gái Lào. Túi được dệt bằng sợi đã nhuộm các màu khác nhau. Việc nhuộm màu trên túi rất công phu, nó thể hiện trình độ dệt vải thủ công đã ở giai đoạn phát triển cao của người Lào.

Túi được tạo thành bởi hai khổ vải khâu lại, bên ngoài

miệng túi có táp thêm một miếng vải dệt hoa văn hình quả bầu (*lai nậm tẩu*). Hai đáy túi đính ba chùm hoa vải màu cắt nhỏ gọi là *phủi.*

Quai túi bằng một khổ vải thổ cẩm, rộng 17cm được gập đôi khâu vào 2 bên thân túi làm cho túi chắc chắn và đẹp.

Hiện nay, túi Lào đã trở thành hàng hoá bán ở một số chợ phiên các tỉnh Sơn La, Lai Châu. Đồng bào các dân tộc khác cũng rất thích sử dụng túi đeo của người Lào.

- ***Khăn xéo*** (*khăn tay*): Phụ nữ Lào ngoài bộ áo váy, khăn đội đầu, thắt lưng, túi đeo, khi đi dự tiệc cưới họ còn mang theo chiếc khăn xéo.

Khăn xéo là loại khăn dùng chỉ màu luồn đan vào mặt vải bông trắng, khăn có kích thước rộng 38cm, dài 50cm. Hai đầu khăn được viền bằng chỉ đỏ, xanh, vàng và thêu mô típ chạc cây, mỗi đầu khăn thêu ba cây. Mỗi cây có một thân ở giữa, các cặp cành cây mọc đối xứng hai bên. Phần ngọn cây thêu hình quả trám *(mác cưởm).*

Khăn xéo là một trong những của hồi môn của các cô gái Lào đem theo về nhà chồng làm quà tặng bố mẹ, anh em bên chồng của cô dâu trong ngày cưới.

Khăn xéo dùng để rửa mặt hoặc mang theo khi đi dự hội, tiệc cưới.

- Trang sức của phụ nữ Lào

Ngày xưa, phụ nữ Lào thường đeo vòng tay, vòng cổ, xà tích, cài tóc bằng trâm bạc trắng. Đồ trang sức vừa có tác dụng chống gió độc, kỵ tà ma và thể hiện sự giàu có của họ.

Ngày nay, do bạc ít nên họ mua đồ trang sức bằng nhôm, đồng, hợp kim... bán sẵn ở chợ về dùng.

2. Trang phục lễ hội của nam giới

Bộ trang phục dùng trong lễ hội của nam giới Lào hoàn toàn giống trang phục mặc hàng ngày của họ. Điểm khác cơ bản là nó được may bằng vải chàm có màu sắc đẹp, mới được sử dụng lần đầu hoặc còn rất mới.

IV. TRANG PHỤC TRẺ EM

Cũng giống nhiều tộc người khác, trẻ em Lào lúc mới sinh ít mặc quần áo.

- ***Địu:*** Điều đáng lưu ý là ở người Lào nói riêng và các tộc người nhóm Tày - Thái nói chung là họ có truyền thống địu trẻ em.

Khi con gái sắp sinh con đầu lòng, bà ngoại chuẩn bị một món quà cho cháu - đó là chiếc địu, đây là một tập quán đẹp, hiện nay một số gia đình vẫn duy trì. Trẻ em sau khi sinh chừng một tháng chúng thường được địu trên lưng mẹ. Khi địu, trẻ được ủ ấm dễ ngủ, ít khóc, người mẹ có thể làm được nhiều việc.

Địu tiếng Lào gọi là *pha na* gồm bốn bộ phận: thân, đuôi, dây, tua địu.

Thân địu là bộ phận quan trọng nhất, trên thân địu có mặt địu. Mặt địu (*na pha na*) là một tấm vải dệt hoa văn có chiều rộng 23cm, dài 29cm. Hoa văn giữa mặt địu hình quả trám *(mươm cưởm)* và hoa văn hình chìa khoá (*khó cà chê*) được dệt bằng chỉ màu đen và màu trắng. Một cạnh của mặt địu được ghép mảnh vải bông tự dệt nhuộm chàm gấp đôi tạo nên đuôi địu. Khi địu, phần đuôi địu sẽ ôm qua mông đứa trẻ.

Dây địu (*súi pha na*) là hai dải vải bông nhuộm chàm được cắt theo hình cánh én nhỏ dần về hai phía. Dây địu có tác dụng quấn và buộc cho đứa trẻ khỏi bị tụt khỏi lưng.

Cách địu: Buộc địu và chỉnh thân địu nằm giữa lưng, đặt đứa trẻ nằm lên lưng, hai chân trẻ vắt sang hai cạnh sườn người địu, choàng thân địu qua người đứa trẻ, vắt dây địu qua vai vòng về phía trước, sau đó bắt chéo hai dây địu trước ngực, vòng lại qua nách về sau lưng, quấn kiểu vặn thừng trên lưng đứa trẻ; luồn dây qua đùi trẻ về phía trước và buộc hai đầu dây trước bụng người địu.

Việc địu trẻ cũng có một số hạn chế như người địu rất mất sức, tư thế gò bó, khó thở nhất là địu những đứa trẻ đã lớn và mập. Trẻ em bị địu nhiều dễ bị gù lưng và chân vòng kiềng.

- ***Mũ hoa*** (*mò có*): Trẻ em Lào gái cũng như trai từ lúc mới sinh đến 6 tuổi thường đội mũ hoa bằng vải để che thóp.

Thông thường, khi may mũ cho trẻ em, các mẹ các chị phải tìm chọn những mảnh vải đẹp để trang trí. Những gia đình nghèo không có điều kiện dệt nhiều vải hoa thì họ dùng vải nhiều màu khâu ghép tạo thành mũ. Loại mũ đó gọi là *mù đất nọi* - mũ trẻ em

Loại mũ hoa gồm có hai lớp vải, lớp trong là vải đen, lớp ngoài gồm nhiều mảnh vải hoa ghép lại để trang trí. Mũ có hình bán cầu, đường kính 20cm, cao 14cm. Trên đỉnh mũ khâu một ngôi sao năm cánh bằng năm mảnh vải xanh, đỏ, trắng. Giữa ngôi sao đắp một mảnh vải đỏ hình tròn, giữa mảnh vải đỏ khoét lỗ, luồn 10 tua vải phin đính chặt bên trong, buông tua ra ngoài mũ. (Xem ảnh 160).

Thân mũ gồm năm mảnh vải chàm đen ghép xen kẽ với những mảnh vải phin hoa màu xanh lơ. Mỗi đường ghép được thêu một đường gân bằng chỉ xanh, đỏ, trắng. Tiếp về phía dưới là một dải hoa văn rộng 5cm dệt bằng vải tơ tằm nhuộm nhiều màu tạo thành mô típ hoa văn hình tam giác, hình quả trám tạo thành các sọc song song gọi là *loóc kẻo khưa* - hoa thuỷ tinh dây. Mép mũ được viền bằng vải phin đỏ. Loại mũ này trẻ em nữ và nam đều dùng đội đầu khi còn nhỏ.

Y phục trẻ em gái Lào

Trẻ em gái Lào khi đã lớn 7 - 10 tuổi có bộ y phục riêng, bộ y phục này hoàn toàn giống với y phục của người lớn về kiểu dáng cắt may và chất liệu, gồm có khăn, áo, váy, thắt lưng.

- ***Khăn quấn đầu*** (*khạt hua phù nhinh nọi*) bằng vải chàm dài 344cm, rộng 40cm. Hầu hết khăn đội đầu của trẻ em hay người lớn đều có kích thước tương đối thống nhất.

Khi làm một chiếc khăn, người ta thường dùng sải tay để đo vải, chiều dài khăn thường là hai sải rưỡi, sau đó dỡ một đoạn từ 12 - 15cm ở hai đầu khăn để tạo thành các tua gọi là *phủi*. Cuối cùng dùng chỉ đồng màu khâu tạo thành hai đường gân nổi hình bông hoa lúa ở ngang hai đầu khăn sát với tua.

Khi sử dụng, người ta gấp khăn thành bốn theo chiều dọc rồi quấn quanh đầu đến hết khăn, hai đầu khăn được giắt vào hai bên trán.

- ***Áo*** (*sửa phù nhinh nọi*) bằng vải bông nhuộm chàm, dài 45cm, rộng 34cm. Áo may kiểu tứ thân, một thân sau và ba thân trước. Thân áo cắt theo dáng thắt lưng ong, vạt áo cắt lượn tròn lên hai bên sườn.

Cổ áo (*khò sửa*) là một nẹp vải hổa *lai bắp sí - hoa bốn vỏ* kéo dài từ hai vạt áo, nơi có dây tua buộc thay cho cúc, vòng qua cổ tạo thành một dải hoa chéo trên ngực.

Tay áo (*khen sửa*) thêu hoa văn *đác ngù - xương rắn* ở phần sát nách. Phần thân phụ phía trước nối với thân trước bên phải bằng một đường chỉ thêu hình xương rắn bằng chỉ các màu và một dải vải thêu rộng 1cm nền xanh với các loại hoa, bướm.

Xung quanh thân áo nơi thắt eo có một dải vải viền gồm 5 sọc hoa, khi mặc hai đầu vải gặp nhau ở nơi buộc tua và hai đầu đường viền cổ áo. Mỗi bên tà áo có khâu thêm ba dải vải phin theo hình rộng dần về phía tà áo, mỗi dải áo gắn ba bông tua bằng các mụn vải nhỏ. Tà áo bên phải đính thêm một dải vải phin đỏ làm dây buộc với dải bên tà trái để giữ áo ôm vào cơ thể.

Khi mặc áo, người ta vắt chéo thân áo phải sang bên trái rồi buộc hai dây vải lại.

- ***Váy*** (*sỉn có phù nhinh nọi)* là loại váy của em gái mặc hàng ngày cũng như trong các dịp lễ tết, hội hè... Váy bằng vải bông và tơ tằm, dài 67cm, rộng 57cm gồm hai phần thân váy và cạp váy.

Thân váy (*tin sỉn*) bằng vải chàm đen. Dọc theo thân trước đắp thêm một mảnh vải phin hoa gồm 6 sọc màu.

Cạp váy (*hua sỉn*) bằng vải tơ tằm do đồng bào tự nuôi tằm, kéo tơ và nhuộm màu. Hoa văn trên cạp váy là các loại hoa ước lệ theo cách gọi của đồng bào. Hoa văn gồm ba dải ngang khép kín. Dải hoa to gọi là *lai cắp sí – sâu*

bốn cánh và hoa văn khác thể hiện một loại sâu hay dũi phân (khác với họ bọ hung).

Ngoài hoa văn dệt, trên cạp váy còn có các sọc màu chạy ngang gọi là *khẳn.*

Đồng bào thường gọi loại váy có hoa văn là *sỉn có*, váy không có hoa văn mà chỉ có các sọc màu chạy ngang cạp váy là *sỉn khẳn.*

- ***Thắt lưng*** (*se eo phù nhinh nọi*) bằng vải bông trắng, dài 130cm, rộng 12cm. Thắt lưng là một tấm vải được dệt theo một khổ nhất định thường rộng bằng nửa gang tay hoặc rộng hơn một chút. Chiều dài thắt lưng tuỳ theo lứa tuổi.

Trong những ngày thường, các em gái dùng loại thắt lưng không thêu hoa văn. Trong dịp lễ tết, các em dùng thắt lưng tết hoa văn ở hai đầu. Hoa văn dệt trên hai đầu thắt lưng không cố định, nó tuỳ thuộc vào ý thích của từng người. Hai đầu cuối của thắt lưng là những tua chỉ được xe hình vặn thừng.

Khi dùng, thắt lưng được gấp làm bốn theo chiều dọc và đặt ngoài váy áo. Nếu là thắt lưng thường thì giấu hai đầu vào trong, là thắt lưng hoa hai đầu được buông trước bụng.

Y phục trẻ em trai Lào

Bộ y phục trẻ em trai Lào từ 7 - 12 tuổi gồm có khăn đội đầu, áo, quần, thắt lưng.

- ***Khăn đội đầu và thắt lưng*** của các em trai Lào không có gì đặc biệt, nó chỉ là một dải vải màu đen không thêu vẽ hoa văn.

- ***Áo*** (*sửa đếch nọi*) bằng vải chàm đen, cắt may kiểu tứ thân, mở ngực, xẻ tà. Áo dài 43cm, rộng 34cm.

Cổ áo (*khò sửa*) là loại cổ đứng cao 3cm, dài 30cm. Trên cổ thêu hoa văn hình rồng theo chiều dài bằng chỉ màu xanh, đỏ, trắng gọi là *đốc hua đeng - hoa đầu nhọn*, hai thân trước đáp hai túi nhỏ, trên miệng túi có thêu hình *đốt xương rắn (đác ngù)* bằng chỉ màu và một dải hoa văn hình tam giác xếp liền nhau gọi là *mác tủm* - cánh hoa quả sổ.

Đường gân nối giữa ba thân áo thêu chỉ trắng, xanh, đỏ, vàng, tím theo hình chấm tròn liên tiếp gọi là *mắc ta bủng - mắt con sâu.*

Phần xẻ tà hai bên sườn thêu hoa văn hình đốt bằng chỉ các màu. Loại áo này được các em trai mặc trong những ngày thường hoặc những ngày tết, ngày lễ hội.

- ***Quần*** (*sổng đếch nọi*): Trẻ em Lào mới sinh không mặc quần, từ 2 - 5 tuổi mặc quần có dây đeo cổ. Trẻ em từ 7 - 12 tuổi mặc quần, khi mặc phải dùng một chiếc thắt lưng buộc quanh cạp để quần khỏi tụt.

Quần trẻ em may bằng vải chàm dài 70cm, rộng 36cm, ống rộng 18cm. Đây là loại quần cạp liền không có cạp

riêng, ống liền, không có túi. Phần đũng quần được ghép một mảnh vải khác, hình quả trám làm cho đũng rộng ra, khi các em chạy nhảy đũng quần không bị rách.

TRANG PHỤC TỘC NGƯỜI LỰ

I. TRANG PHỤC PHỤ NỮ

Người Lự có truyền thống trồng bông, nuôi tằm, kéo sợi dệt vải phục vụ nhu cầu may mặc của cộng đồng. Người Lự ít mua hoặc trao đổi vải về dùng. Hầu hết các loại y phục và các đồ dùng bằng vải đều do bàn tay khéo léo của họ tạo nên. Bộ y phục truyền thống của phụ nữ Lự thường được trang trí nhiều đồng xu bạc vòng quanh cổ áo, thân áo và tà áo. Họ cũng rất thích đeo đồ trang sức như vòng tay, vòng cổ, vòng tai... Bộ y phục của thiếu nữ Lự ở bản Nà Khum xã Bản Hon huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu gồm có khăn đội đầu, áo, váy, thắt lưng, túi đeo. (Xem ảnh 167,169).

- ***Khăn đội đầu*** (*khạt hô*) bằng vải thô nhuộm màu đen, dài 414cm, rộng 27cm, hai đầu khăn có tua dài 20cm. Trên nền đen của hai đầu khăn dệt xen 18 đường chỉ trắng to nhỏ khác nhau và hai đường chỉ vàng chạy ngang tô điểm cho khăn.

Khi sử dụng, khăn được gấp bốn theo chiều dọc và được quấn quanh đầu nhiều vòng búi nghiêng về bên trái đầu.

- ***Áo*** (*sở*) bằng vải chàm đen, là loại áo tứ thân. Ảo do 6 miếng vải cắt theo hình rẻ quạt liên kết với nhau tạo thành (vạt áo xoè rộng so với eo). Áo phụ nữ Lự trước kia được trang trí nhiều xu bạc vòng quanh cổ áo, tà áo, thân áo. Ngày nay chủ yếu là hoa văn dệt kết hợp với hoa văn ghép vải.

Cổ áo (*kho sở*) liền với nẹp ngực gồm năm miếng vải khác màu chạy suốt từ cổ tới gấu áo. Miếng vải ở giữa được đáp những hình quả trám màu xanh, đỏ nối tiếp nhau.

Tay áo (*khen sở*) dài, được may thon dần về phía cửa tay, phần giáp bả vai thêu hoa văn vòng quanh ống tay, gần cổ tay viền một vòng vải hoa nhỏ.

Thân áo (*tô sở*): Trên thân áo bên trái thêu một đường thẳng nhỏ hình gióng trúc chạy từ cổ xuống dưới vạt áo bằng chỉ các màu. Chạy vòng quanh dưới eo từ phía trước ra phía sau là hoa văn ghép vải, đồng bào gọi đó là *con suối uốn lượn*. Dưới hoa văn ghép vải là những hình tam giác thêu bằng chỉ các màu, tiếp đến là đường thêu hình gióng trúc chạy theo hình rẻ quạt sát gấu áo.

Khi mặc, người ta vắt chéo thân bên trái sang sườn phải và buộc hai dây vải hoa được đính ở cạnh áo với

nhau. Dải dây bên phải có năm tua bằng sợi len các màu xâu những hạt cườm bằng nhôm. Dây được buông tới gần đầu gối, khi bước đi hai dải dây nhún nhảy đung đưa tạo sự uyển chuyển cho chị em.

- ***Váy*** (*xỉn*): Hàng ngày phụ nữ Lự thường mặc từ hai đến ba chiếc váy cùng một lúc. Chúng được lồng vào nhau thành nhiều tầng, mỗi chiếc cách nhau từ 3 - 4cm theo chiều cao dần. Đồng bào quan niệm mặc như vậy vừa kín đáo, vừa đẹp, vừa có thể thay đổi cho nhau khi chiếc váy ngoài đã cũ.

+ Chiếc váy ngoài cùng được tạo bởi ba miếng vải khác nhau, váy dài 97cm, rộng 54cm. Váy hình ống và chia làm ba phần.

Cạp váy (*húa xỉn*) bằng vải thô nhuộm nâu.

Thân váy (*phưn xỉn*) bằng vải tơ tằm được dệt trên một khung cửi riêng, kỹ thuật dệt phức tạp đòi hỏi sự khéo léo của người dệt để tạo thành những hoa văn theo ý thích của từng người.

Thân váy được cải hoa văn thành hai phần rõ rệt. Nửa thân tiếp giáp với cạp váy bằng vải tơ tằm màu nâu sạm trên có dệt xen tám sọc màu vàng và đỏ chạy song song theo chiều ngang của váy. Nửa thân sau giáp với chân váy bằng vải tơ tằm có dệt hoa văn, thêm vào đó là những

phần thêu bằng len. Hoa văn nổi bật ở thân váy là hình quả trám cao 10,5cm, xen kẽ giữa hai quả trám là hình hai người quay ngược đầu vào nhau tay dang ra hai bên.

Chân váy (*tin xin*) bằng vải thô nhuộm đen, gấu váy viền bằng vải hoa rộng 1cm. Phía sau chân váy ở khoảng giữa váy có khâu nối 9 ô vải các màu hình thoi theo chiều dọc từ giữa thân váy xuống gấu váy nhằm giúp vảy thêm nổi bât.

+ Váy mặc giữa không có cạp. Thân váy tương tự chiếc váy ngoài. Phần trên cũng dệt đan xen trên nền nâu sạm bảy sọc màu vàng và đỏ, phía dưới dệt quả trám to nối liền nhau, giữa quả trám là hoa bốn cánh. Phía trên và phía dưới quả trám to là những quả trám nhỏ chạy theo chiều ngang, hai đầu quả trám là sao tám cánh màu vàng.

Chân váy bằng vải thô nhuộm đcn, giữa váy phia sau đính tám ô vải khác nhau theo chiều đứng của váy. Gấu váy viền vải đỏ, cao 0,5cm.

+ Váy mặc trong: Cạp váy bằng vải thô nhuộm màu nâu không thêu vẽ hoa văn. Thân váy bằng vải tơ tằm nhuộm màu nâu thẫm, phần tiếp giáp với cạp váy có 7 đường chỉ màu vàng và đỏ chạy ngang thân váy. Phần dưới ở chính phía trước có 11 ô quả trám bằng vải đính nối tiếp nhau theo chiều đứng của váy. Trong mỗi ô lại có bốn quả trám nhỏ các màu. Phía trên và dưới được trang trí các

hình tam giác nối liền nhau tạo thành đường diềm vòng quanh thân váy.

Chân váy bằng vải thô nhuộm đen, gấu váy viền hai đường vải nhỏ màu đỏ và trắng. Ở khoảng giữa phía sau chân váy có 8 ô vải khác màu ghép vào nhau chạy dọc từ thân váy trở xuống.

- ***Thắt lưng*** (*sa hang*) bằng vải chàm đen hoặc vải tơ tằm nhuộm màu nâu hoặc đỏ thâm. Thắt lưng dài khoảng một sải tay (150cm) có tác dụng giữ váy khỏi tụt.

Cách mặc trang phục của phụ nữ Lự: Váy trong được mặc trước, tiếp đến váy giữa sau cùng đến váy ngoài. Sau khi đã chỉnh đốn ba váy đúng vị trí, họ dùng thắt lưng buộc chặt, cuối cùng mặc áo phủ phía ngoài.

Loại y phục truyền thống trên hiện nay vẫn được phụ nữ Lự từ trẻ đến già sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

- ***Túi thổ cẩm*** (*thung phạc*): Người Lự coi chiếc túi đeo làm bằng thổ cẩm là vật trang sức không thể thiếu đối với cả nam và nữ. Mỗi khi đi chợ, đi chơi xa họ thường khoác túi trên vai. Trong túi đựng gương lược, áo mưa, khăn tay... là những đồ dùng cá nhân cần thiết của mỗi người.

Túi có hai phần, quai túi và thân túi, nhưng chúng đều cắt từ một khổ vải nên hoa văn trang trí giống nhau.

Hoa văn trang trí chủ đạo trên túi của người Lự là các

đường chỉ màu đen, đỏ, xanh, vàng, trắng chạy song song xen kẽ nhau được lặp đi lặp lại tạo thành mảng hoa văn hài hòa tươi tắn.

Riêng phần miệng túi (*pác thung*) được ghép thêm những miếng vải nhỏ các màu chạy theo chiều ngang của túi. Mỗi góc túi được khâu ba chùm tua len các màu để trang trí.

II. TRANG PHỤC NAM GIỚI

Bộ y phục nam giới Lự gọi là *sở tiếu páo* gồm có khăn đội đầu, áo, quần. (Xem ảnh 170).

- ***Khăn đội đầu*** (*khạt hô*) bằng vải thô nhuộm chàm màu đen. Là loại khăn dài trên 350cm, rộng bằng một khổ vải nhỏ 29cm, hai đầu khăn có tua dài 18cm. Gần sát tua có 5 đường kẻ sọc trắng dệt xen kẽ trên nền đen theo chiều ngang của khăn. Đường sọc chính giữa rộng nhất (2,3cm) giữa đường sọc này dệt xen một đường chỉ nhỏ màu nâu và vàng.

Nam nữ dân tộc Lự đều dùng loại khăn như nhau nhưng cách cuốn và đội lại khác nhau. Nam giới khi đội gấp khăn theo chiều dọc, rộng 5cm sau đó quấn như kiểu khăn xếp của người Kinh. Khi quấn hết khăn họ dùng những tua của khăn buộc các vành khăn lại với nhau ở phía gáy và trình các sọc trắng ở trước trán.

- *Áo (sở)* bằng vải thô màu đen, kiểu tứ thân mở ngực, vai áo rộng 56cm. Cổ áo (*kho sở*) hình tròn ôm sát cổ. Áo đính năm đôi cúc vải (*tôm*), cúc áo được khâu trang trí bằng những đường chỉ xanh, đỏ, trắng, vàng. Áo không khoét nách. Tay áo (*khen sở*) nối liền với thân, tay được nối ở giữa và may thon dần về phía cửa tay. Hai thân áo trước có đáp hai túi vải (*thung sở*) đối xứng nhau, trên miệng túi thêu một mảng hoa văn rộng 1,5cm bằng các sọc màu xanh, đỏ, trắng, vàng. (Xem ảnh 171).

- ***Quần*** (*tiếu*) bằng vải thô tự dệt, nhuộm màu đen, cắt may kiểu chân què, cạp lá toạ rộng 15cm bằng vải mộc trắng.

Hai ống quần gần sát gấu táp vòng vải đen rộng 9cm. Trên vòng vải đen này thêu hoa văn hình tam giác nhỏ nối liền nhau tạo thành hình răng cưa vòng quanh ống quần. Từ đường răng cưa chạy thẳng xuống dưới gấu thêu hình gióng trúc nhỏ (*mạy khum*) bằng chỉ màu xanh, đỏ, trắng, vàng. (Xem ảnh 171).

Ngoài bộ y phục trên, khi đi chơi, đi chợ, đi thăm họ hàng ở xa nam giới Lự cũng đeo trên vai chiếc túi thổ cẩm để đựng đồ tư trang và trang điểm thêm cho bản thân.

III. TRANG PHỤC TRẺ EM

1. Trang phục trẻ em gái

Bộ y phục trẻ em gái tiếng Lự gọi là *sở xỉn no ón nọi* gồm có khăn, áo, váy, thắt lưng. (Xem ảnh 172).

- ***Khăn đội đầu*** (*khạt hô*) bằng vải chàm đen, dài 382cm, rộng 28cm, ở hai đầu khăn có tua dài 15cm. Gần với tua ở hai đầu là một mảng dệt trang trí rộng 18cm gồm 5 đường màu trắng chạy theo chiều ngang của khăn. Đường chỉ trắng ở giữa rộng nhất (3cm). Chính giữa đường chỉ trắng to này có dệt một đường chỉ nhỏ màu nâu vàng.

Khi đùng, gấp khăn làm 3-4 lần theo chiều dọc và quấn khăn trên đầu rất cầu kỳ tạo thành nhiều vòng và búi nghiêng về phía bên trái đầu.

- ***Áo*** (*sở*) bằng vải chàm nhuộm đen dài 34cm, rộng 30cm. Là loại áo tứ thân mở ngực, cổ áo liền với nẹp ngực. Nẹp ngực là một miếng vải hoa rộng 4cm chạy từ gấu áo bên trái vòng qua cổ sang gấu áo bên phải. Cách gấu áo 9cm là hoa văn ghép vải chạy vòng quanh chỗ giáp eo theo hình con suối lượn. Mảng hoa văn ghép vải rộng 3cm.

Tay áo (*khen sở*) dài 19cm, cửa tay rộng 10,5cm. Đường khâu nối tay với thân được thêu các hình số 8 nằm ngang nối tiếp nhau chạy vòng quanh ống tay bằng chỉ màu xanh, đỏ, trắng, vàng.

Khi mặc, thân áo bên trái được vắt chéo sang sườn phải và buộc với nhau bằng hai dây vải đính ở đỉnh tà dưới nách, hai dây vải thả xuống ngang đầu gối.

- ***Váy*** (*xỉn*) dài 46cm, rộng 47cm, là loại váy ống gồm hai phần thân váy và chân váy.

Thân váy (*phưn xỉn*) cao 27cm được dệt bằng sợi tơ tằm. Thân váy gồm hai phần: trên là màu nâu, giáp chân váy là màu đen. Trên mảng màu nâu có dệt xen các đường chỉ trắng và đỏ chạy song song ngang thân váy. Trên phần vải có bốn đường màu nâu, bốn đường màu xanh liền nhau chạy quanh thân váy.

Chân váy (*tin xỉn*) cao 19cm được dệt bằng sợi màu đen, dưới gấu váy được bao quanh bởi một đường vải hoa nhỏ màu đỏ. Phía sau chân váy ở khoảng giữa được ghép 7 miếng vải hoa các màu tạo thành mảng hoa văn ghép vải rộng 16cm. Dưới mảng hoa văn này liền với gấu là các mảnh tam giác được khâu nối liền và xen kẽ nhau tạo thành mảng hoa văn dài 18cm, cao 2cm.

- ***Thắt lưng*** (*sa hạng*) bằng vải bông màu trắng, dài 132cm, rộng 17cm (rộng bằng một khổ vải nhỏ), hai đầu kết tua dài 15cm. Thắt lưng có ba mảng hoa văn. Ở hai đầu giáp tua có mảng hoa văn rộng 14cm được dệt bằng chỉ đỏ, xanh, vàng tạo thành hàng hoa văn hình vuông nổi bật ở chính giữa, hai bên hình vuông có hai hàng chữ T chạy song song theo chiều ngang thắt lưng.

Giữa thắt lưng được dệt các đường chỉ màu xanh thẫm,

đỏ, vàng, xanh lá cây chạy song song theo chiều ngang thắt lưng, cả mảng hoa văn này rộng 4,5cm.

Khi mặc y phục, váy được mặc trước, dùng thắt lưng quấn chặt để váy khỏi tụt, mặc áo phủ ngoài thắt lưng, cuối cùng quấn khăn nhiều vòng quanh đầu và búi nghiêng về phía bên trái.

2. Y phục trẻ em trai

Bộ y phục trẻ em trai tiêng Lự gọi là *sở tiêu no ón nọi* gồm có khăn đội đầu, áo, quần. Nhìn chung, cách cắt may và trang trí hoa văn trên y phục của trẻ em nam và người lớn tương đối giống nhau, điểm khác nhau duy nhất là kích thước to nhỏ khác nhau. (Xem ảnh 174)

- ***Khăn đội đầu*** (*khạt hô*) bằng vải thô nhuộm chàm đen dài 344cm, rộng 28cm. Hai đầu khăn có tua dài 16cm, hai đầu khăn được trang trí các đường sọc màu trắng, nâu, vàng chạy song song ngang khăn, mảng trang trí này rộng 17,5cm.

Khi dùng gấp đôi khăn theo chiều dọc, rộng 5cm sau đó quấn nhiều vòng quanh đầu như kiểu khăn xếp của nam giới Kinh

- ***Áo*** (*sở*) bằng vải chàm đen, dài 54cm, rộng ngực 39cm. Là loại áo tứ thân, cổ tròn, mở ngực, hai thân trước có đáp hai túi rộng 16cm, sâu 12cm. Cổ áo thêu hàng chữ

M bằng các loại chỉ màu chạy suốt theo cổ áo. Trên hai túi thêu các hình số 8 nằm ngang nối tiếp nhau chạy suốt miệng túi bằng chỉ các màu.

Ống tay áo (*khen sở*) dài 39,5cm được nối ở giữa cánh tay, cửa tay rộng 13,7cm. Tay áo không thêu hoa văn.

- ***Quần*** (*tiểu*) bằng vải chàm đen, may kiểu chân què, cạp lá toạ,dài 88cm, rộng bụng 41,5cm. Cạp quần cao 15cm bằng vải thô màu trắng.

Ống quần dài 73cm, rộng 24cm sát gần gấu được khâu đắp thêm một miếng vải rộng 8cm trên đó thêu hoa văn hình tam giác nhỏ nối tiếp nhau bằng chỉ các màu xanh, đỏ, trắng, vàng.

Chương III

MỘT VÀI NÉT VỀ GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM NGÔN NGỮ TÀY - THÁI

"Ăn ngon mặc đẹp" là mong ước tự bao đời của mỗi con người, mỗi dân tộc. Để đạt được mong ước đó, con người không ngừng lao động sáng tạo để chinh phục và thích ứng với thiên nhiên, tạo ra của cải vật chất phục vụ cho chính cuộc sống của bản thân, gia đình và xã hội.

Do sự phân công lao động xã hội mang tính tự nhiên, nghề dệt vải là công việc của phụ nữ. Những người đàn ông, những người chồng chỉ giúp đỡ vợ con trồng bông, trồng chàm và thu hoạch chúng mà thôi.

Các em gái được các bà, các mẹ, các chị kèm cặp, hướng dẫn trồng bông, dệt vải, may vá, thêu thùa trang phục ngay từ khi còn thơ ấu. Tục ngữ Thái có câu: "*Xíp ết hụ khát choọng, xíp xong hụ tắm húk*", có nghĩa là 11 tuổi biết độn tóc, 12 tuổi biết ngồi khung dệt vải.

Trong cộng đồng các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày

Thái, từ gia đình đến xã hội đều khuyến khích những người thêu giỏi và dệt đẹp. Họ cũng phê bình những người chưa làm được, hay nói cách khác là chưa chăm chỉ, chưa làm đúng những mẫu mã thêu dệt truyền thống của cha ông. Trong thực tế, các cô gái phải chăm chỉ làm việc, học tập cách dệt, cách thêu do các bà, các mẹ, các chị dạy cho. Họ coi đó là một chuẩn mực đạo đức, một phẩm chất, tư cách tộc người nhất là đối với các cô gái chưa chồng.

Với bàn tay khéo léo, óc thẩm mỹ tinh tế đồng bào nhóm Tày - Thái đã tạo nên những bộ trang phục có kỹ - mỹ thuật cao, tạo nên những loại vải thổ cẩm có hoa văn tinh tế, rực rỡ... Nghề dệt vải không những đáp ứng nhu cầu mặc mà còn đáp ứng nhu cầu làm đẹp của con người.

Giá trị thẩm mỹ trang phục nhóm Tày - Thái có thể được nhìn nhận ở nhiều góc độ như nghệ thuật tạo hình trang phục, màu sắc trang phục, nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục, nét đẹp trong cốt cách tâm hồn của người làm ra trang phục, sự giao lưu văn hoá giữa các tộc người...

Nghệ thuật tạo hình trang phục

Trang phục là một trong những biểu hiện độc đáo của văn hoá tộc người, gắn liền với quá trình phát triển tộc người. Việc tạo hình trang phục phụ thuộc vào quan niệm thẩm mỹ, vào thói quen và phụ thuộc vào đặc điểm nhân

chủng của từng tộc người. Việc tạo hình trang phục trước hết phải đáp ứng được yêu cầu sử dụng của cư dân sau đó phải phù hợp với môi trường sinh sống của họ.

Kỹ thuật tạo hình trang phục các tộc người nhóm Tày - Thái rất đa dạng. Chiếc áo dài của phụ nữ Tày là loại áo năm thân có năm cúc bằng vải hoặc bằng đồng cài bên nách phải, cổ áo tròn, ống tay hẹp và hơi thắt eo. Chiếc áo dài của phụ nữ Tày, phụ nữ Sán Chay khi mặc được chiếc thắt lưng ôm bên ngoài tôn thêm chiều cao và sự mềm mại thướt tha cho người phụ nữ.

Áo phụ nữ Nùng là loại áo năm thân, cổ đứng, tà xẻ cao. Áo may rộng và ngắn hơn áo dài Tày, áo chỉ dài quá thắt lưng hoặc che kín mông, khi mặc áo tạo sự thoải mái và khoẻ mạnh cho người phụ nữ. Kỹ thuật tạo hình áo phụ nữ Giáy cũng giống áo phụ nữ Nùng.

Chiếc áo (*xửa cỏm*) của phụ nữ Thái đã trở thành một trong những ấn tượng quan trọng, một đặc trưng khi nói về vẻ đẹp trang phục của phụ nữ. *Xửa cỏm* là loại ngắn, may bó sát thân, khi mặc làm nổi rõ những đường nét tự nhiên của cơ thể.

Áo cánh năm thân của phụ nữ Lào, Lự bao giờ cũng may thắt phần trên, loe phần dưới tạo dáng " thắt đáy lưng ong"- một nét đẹp truyền thống của phụ nữ Á Đông, đây cũng là niềm mong ước của các chàng trai khi kén chọn người bạn trăm năm.

Phụ nữ Tày và Nùng trước kia chủ yếu mặc váy nay chuyển sang mặc quần (trừ nhóm Nùng Dín, người Tày vùng Tuyên Quang, Lào Cai). Váy của phụ nữ Thái là loại ống trên dưới bằng nhau. Cạp váy thường đáp ở phía ngoài một miếng vải khác màu. Gấu váy phía bên trong được chắp bằng vải đỏ làm cho gấu váy phẳng chắc và tạo được vẻ đẹp kín đáo. Khi mặc, cạp váy được quấn chặt vào eo người, phía dưới mở rộng tạo cho phụ nữ có dáng "thắt đáy lưng ong". Váy của phụ nữ Lào, Lự cũng là loại váy ống như váy của người Thái nhưng được dệt hoa văn và ghép vải nhiều màu trông rất rực rỡ.

Váy của phụ nữ Nùng Dín là loại váy xếp nếp không hở mí, còn váy của phụ nữ Giáy, Bố Y là loại váy mở, cạp váy rộng hơn vòng bụng khoảng 1,5 lần. Váy được xếp nếp sao cho chiều rộng phần thân váy rút gọn lại vừa bằng chiều dài của cạp váy rồi nối lại với nhau. Hai cạnh váy đính dải vải làm dây buộc, khi mặc vòng hai dây qua người một vòng và thắt mối ở trước bụng. Đặc biệt, váy của phụ nữ Bố Y còn đính 5 - 6 đôi dây nhỏ bằng chỉ xe theo hai cạnh của váy, khi mặc buộc lại để khi đi lại, cúi người xuống vẫn tạo sự kín đáo cho người mặc.

Trang phục của nam giới nhóm Tày - Thái tương đối giống nhau, chúng được tạo dáng khoẻ khoắn và đơn giản. Việc cắt may đơn giản, không cầu kỳ như trang phục nữ.

Trang phục dùng trong lễ hội, cưới xin của cả nam và

nữ các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái được tạo hình mang tính trang trọng hơn. Chủ yếu là loại áo dài năm thân cài khuy bên nách phải, ngoài ra người Thái còn có thêm loại áo chui đầu, người Sán Chay có áo dài xẻ ngực...

Áo mặc thường ngày và mặc trong lễ hội của nhóm Tày - Thái nhìn chung không có cầu vai, tay áo may bó và thuôn dần về phía cửa tay. Điều đó vừa thể hiện tâm lý thị hiếu tộc người, vừa thể hiện trình độ phát triển của kỹ thuật dệt vải thủ công của họ - đó là loại vải có kích thước phổ biến chỉ rộng 40cm.

Màu sắc trang phục

Các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái là cư dân sản xuất lúa nước kết hợp với nương rẫy, bởi vậy trang phục truyền thống của họ là bằng chứng của trình độ sản xuất và tìm tòi sử dụng thành thạo một số loại cây cối trong thiên nhiên nơi đồng bào sinh sống để làm ra trang phục và tạo màu để nhuộm vải. Màu sắc được đồng bào ưa thích và dùng phổ biến nhất là màu chàm. Màu chàm xen với màu xanh của cây rừng tạo nên sự hài hoà trong màu sắc, thể hiện sự hoà nhập thích nghi của con người với thiên nhiên. Màu chàm khi mặc lao động không bị nhựa cây dây bẩn, nếu bị bẩn cũng dễ giặt sạch. Màu chàm của các tộc người cũng có những sắc độ khác nhau

bởi cách pha chế màu và cách thức nhuộm chàm ở mỗi tộc người cũng có sự khác nhau.

Sắc chàm của người Sán Chay, người Tày bao giờ cũng thẫm hơn người Thái, người Nùng. Màu chàm của người Nùng cũng rất phong phú có các gam màu nhu xanh nhạt, xanh đen, xanh tím than, xanh phớt nâu, xanh phớt hồng... các sắc độ này được tạo nên trên cơ sở kỹ thuật phối màu giữa màu chàm với các màu khác. Chẳng hạn, để có màu xanh đen, người ta đem vải sau khi nhuộm được màu chàm nhấn xuống bùn vài lần rồi nhuộm chàm lại. Vải chàm nhuộm qua nước củ nâu, nước cánh kiến có màu phớt hồng...

Phụ nữ Nùng Giang thích dùng màu chàm xanh nhạt, Nùng Dín dùng màu thẫm hay tím than, Nùng Lòi dùng màu xanh đen hay phớt nâu để may trang phục. Việc sử dụng màu sắc ở mỗi tộc người tuy có những sắc độ riêng nhưng đồng bào không sử dụng những màu tương phản để may một bộ trang phục. Ví dụ không mặc áo xanh với quần đỏ hoặc ngược lại mà thường dùng quần và áo chung một màu hoặc màu gần giống nhau.

Việc sử dụng những hạt bạc để trang trí trên khăn, áo nữ Nùng Dín, trên mũ và áo người Tày nhóm Pa Dí, trang trí hàng khuy bạc trên áo phụ nữ Thái đã làm tăng hiệu quả thẩm mỹ cho trang phục, đồng thời thể hiện quan niệm về nhân sinh quan, thế giới quan của các tộc người.

Áo cóm của phụ nữ Thái được đính hàng khuy bướm *(mák pém)* trắng tinh. Về ý nghĩa của *mák pém* có nhiều ý kiến giải thích khác nhau.

Có ý kiến cho rằng *"mák"* tức là quả, mọi sự nảy sinh đều bắt đầu từ quả. Người phụ nữ Thái là người đảm nhận thiên chức tái tạo giống nòi, *"mák"* là vật biểu tượng cho thiên chức đó, vật đó được đặt nơi chiếc áo. Theo quan niệm của người Thái, áo là nơi trú ngụ của hồn người, *"mák"* cũng là mong ước làm mẹ của người phụ nữ, do đó họ dùng *"mák"* để cầu mong cho sự sinh sôi. Còn *"pém"* có nghĩa thực là bám chặt, những chiếc khuy bướm có hình dáng mỏng, dẹt nên khi nó được đính vào áo tạo cho người ta có cảm giác như chúng thực sự bám chặt vào áo.

Ý kiến khác cho rằng, hàng cúc bướm là tượng trưng cho sự kết hợp giữa nam và nữ để duy trì giống nòi. *"Mák pém"* bên khuyết áo biểu thị cho con gái (giống cái), nó được đính bên phải, người Thái gọi là *"tô mák pém me"* - *tô me* là con cái. *"Mák pém"* bên cài áo biểu thị cho con trai (giống đực), người Thái gọi là *"tô mák pém po"* - *tô po* là con đực, nó được đính ở bên trái. Mặt khác, màu trắng óng ánh của *"mák pém"* biểu tượng cho dòng sữa mẹ nuôi con và người phụ nữ Thái đã đeo vật tượng trưng đó trên người.

Người Tày nhóm Pa Dí ở Lào Cai trang trí hạt bạc trên

mũ đội đầu, trên vạt áo trước ngực theo hình bông hoa chuối, hoa đào, hoa bắp ngô là những cây cối gắn bó mật thiết với cuộc sống thường nhật của họ. Cây ngô là cây lương thực chính trong cuộc sống của con người sinh sống ở vùng núi cao.

Có thể nói, trang phục các tộc người nhóm Tày - Thái có sự gắn bó mật thiết với môi trường, với cảnh quan thiên nhiên nơi cư trú của họ, chủ yếu là vùng thung lũng đất đai màu mỡ, cây cối xanh tươi. Quá trình tạo ra trang phục và sử dụng trang phục là cả một quá trình ứng xử, thích nghi, hoà nhập với thiên nhiên của con người sinh sống ở đây.

Hoa văn trang trí trên trang phục

Nếu so sánh trang phục của cư dân nhóm ngôn ngữ Tày - Thái với trang phục cư dân ngôn ngữ nhóm H'mông - Dao, Tạng - Miến thì trang phục của họ ít trang trí hoa văn. Người Nùng, người Lự, người Lào chủ yếu sử dụng cách trang trí ghép vải. Người Thái thêu hoa văn tập trung ở khăn piêu; người Tày nhóm Pa Dí, người Nùng Dín trang trí bằng hạt bạc; người Sán Chay trang trí hoa văn trên áo, yếm, dây buộc xà cạp, bao phục... Các hoạ tiết trang trí hoa văn trên trang phục đều gần gũi với con người và môi trường sinh sống của họ. Từ các loại cây cỏ hoa lá như hoa hồi, hoa móc, hoa ban, hoa bầu đến con cá, con cua, con rồng, nhện đất, con ngựa, con gà rồi hình vuông, hình tròn,

hình tam giác, hình chữ nhật... tất cả đều có thực trong cuộc sống, được con người cải biên, cách điệu theo trình tự tư duy từ cụ thể đến trừu tượng để tạo nên những hoa văn là nơi ẩn chứa thế giới tâm hồn của con người. Hoa văn được lưu truyền từ đời này qua đời khác nhưng dưới bàn tay khối óc của từng người cụ thể, nó được biến cải, bổ sung hoàn thiện dần. Hoa văn do người già dệt mang tính quy phạm truyền thống, người trẻ dệt bay bướm rực rỡ hơn.

Hoa văn hình người cũng được thể hiện trên trang phục của người Tày, Nùng, Sán Chay nhưng nó không được dùng tuỳ tiện ở nhiều nơi mà chủ yếu được thể hiện trên diềm ri-đô, cửa buồng, trang phục thầy cúng. Hình người được thể hiện với nhiều kích cỡ to nhỏ khác nhau tuỳ theo địa vị cao hay thấp của biểu tượng (theo quan niệm của đồng bào). Chẳng hạn, quan chức bao giờ cũng được thêu to hơn quân lính. Trên trang phục thầy cúng còn trang trí chữ Nho, có chữ để nguyên bản, có chữ được cách điệu. Việc trang trí hoa văn trên trang phục thầy cúng và những người hành nghề tôn giáo như mo, then, tào, pụt trước hết thể hiện sự tôn trọng của cộng đồng đối với tầng lớp "trí thức" này, sau nữa thể hiện sự uy nghiêm thần bí của thế giới tâm linh đang hàng ngày hàng giờ chi phối cuộc sống của con người.

Hoa văn trang trí trên trang phục còn thể hiện quan niệm về cái đẹp hài hoà, đó là sự phối hợp năm màu cơ bản một cách nhuần nhị, tinh tế trong quá trình thêu dệt trang phục. Hoa văn còn phản ánh quá trình hoạt động sản xuất của những con người với nền sản xuất nhỏ mang tính tự cấp tự túc, cuộc sống còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, năng suất lao động được chăng hay chớ. Người ta có thể tranh thủ trong lúc nông nhàn, tranh thủ sớm, trưa, chiều, tối hoặc có thể ngồi hàng ngày, hàng tuần thậm chí hàng tháng để sản xuất ra một bộ trang phục, dù giá cả của nó thấp hay cao.

Người Thái, người Sán Chay có kỹ thuật thêu độc đáo, đó là thêu ở mặt trái hoa văn hiện lên mặt phải (giống người H' mông). Với phương pháp thêu này, họ không cần khung thêu mà chủ yếu dựa vào trí nhớ song không phải vì thế mà tuỳ tiện, khi thêu họ phải tưởng tượng rất nhiều. Khi thêu các mô típ hoa văn phải có độ khái quát cao, đồng thời bỏ qua các chi tiết nhỏ nhất để bố cục tổng thể của tác phẩm thêu cân đối, màu sắc hài hoà. Hoa văn, ngoài việc thể hiện tâm tư tình cảm của người tạo ra nó, còn là một trong những chuẩn mực đánh giá tài năng, sự thông minh, khéo léo của người phụ nữ.

Hoa văn trên trang phục các tộc người còn phản ánh trình độ phát triển của xã hội. Trước kia chỉ những người

thuộc tầng lớp trên giàu có mới được mặc những bộ trang phục đẹp, thêu nhiều hoa văn. Những người nghèo hoặc tầng lớp bình dân nếu mặc chúng có thể bị phạt nặng hoặc bị chê cười. Những năm tháng sau này, nhất là khi miền Bắc được giải phóng, mọi người mọi tầng lớp có thể may sắm và mặc những bộ trang phục đẹp. Mặt khác, khi xã hội càng phát triển, kỹ thuật dệt và làm ra trang phục ngày càng trở nên phong phú đa dạng hơn. Người già có trang phục riêng, thanh niên nam nữ, trẻ em có trang phục riêng của họ. Trang phục mặc thường ngày bình dị; trang phục cưới xin, lễ hội được thêu thùa cầu kỳ và đẹp đẽ, như vậy trang phục ngày càng đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của con người.

Nét đẹp trong cốt cách tâm hồn của người làm ra trang phục

Quá trình sáng tạo ra trang phục là cả một quá trình rèn luyện đức tính kiên trì nhẫn nại, sự thông minh, khéo léo của các cô gái. Thế hệ đi sau ngoài việc tiếp thu, bảo lưu những giá trị truyền thống của cha ông họ còn cải biến và phát triển thêm những giá trị văn hoá mới. Khăn piêu của người Thái ở Điện Biên trước kia thêu hết sức đơn giản, nó chỉ là những cặp lẵng piêu tạo thành các hình vuông và hình chữ nhật rỗng. Ngày nay, khăn piêu được thêu cầu kỳ, bên trong các hình vuông, hình chữ nhật được thêu điểm xuyết hình hoa ban, con nhện đất (*tô cu*), con cua (*bô pu*)...

Ở người Sán Chay, trình độ dệt dây xà cạp và dây buộc bao phục của họ rất cao. Dây xà cạp và dây buộc bao phục là một sản phẩm đặc biệt với kỹ thuật dệt điêu luyện. Dây có chiều rộng phổ biến 1,2 - 2cm, chiều dài tuỳ ý thích của từng người. Dây được dệt bằng những loại chỉ tự xe đã nhuộm màu sẵn, họ không dệt bằng khung cửi mà dệt bằng tay. Việc dệt dây buộc xà cạp và bao phục thường do các bà, các mẹ dệt vì họ là những người rất kiên trì và nhiều kinh nghiệm trong công việc này.

Phụ nữ Tày, Nùng ít trang trí hoa văn trên trang phục (trừ nhóm Pa Dí) nhưng họ đã tạo nên nhiều loại vải thổ cẩm đẹp để làm vỏ chăn, ri đô, cửa buồng, màn, gối, túi, địu trẻ em... không những đáp ứng nhu cầu của bản thân và gia đình mà còn là mặt hàng thủ công mỹ nghệ được các dân tộc khác ưa chuộng. Nó cũng là một phần của cải để dành khi con cái trưởng thành, cho con làm của hồi môn trong ngày cưới hoặc làm vật tặng bố mẹ, bạn bè, người yêu, họ hàng nhà chồng.

Phụ nữ Lào, Lự mặc những bộ trang phục được thêu, dệt hoa văn tươi sáng, rực rỡ. Ngoài kỹ thuật thêu, dệt họ còn khéo léo trang trí cho bộ váy thêm rực rỡ với kỹ thuật ghép vải màu.

Có thể nói học dệt, học thêu, học cắt may khâu vá là công việc của cả đời người phụ nữ. Nếu như sáu, bảy tuổi các em bắt đầu làm quen với việc hái bông, nhặt bông, xe

sợi, dệt vải thì khi lên 10 - 12 tuổi các em bắt đầu làm quen với việc thêu thùa, cắt khâu trang phục. Mọi công việc đều tuần tự đi từ dễ đến khó, từ giản đơn đến phức tạp. Lúc đầu các em chỉ tập thêu những đường thẳng hay những mô típ hoa văn đơn giản, dần dần biết xử lý những đồ án bố cục hoa văn phức tạp, biết xử lý màu sắc, tạo màu để tạo nên những tác phẩm thêu dệt ngày càng đẹp và tinh xảo.

Quá trình học dệt, học thêu cũng là quá trình rèn luyện đôi bàn tay khéo léo, óc thẩm mỹ tinh tế, luyện đức tính kiên trì nhẫn nại của người phụ nữ...Những đức tính tốt đẹp đó là nguồn của cải vô giá để họ bước vào đời, tạo lập và xây dựng cuộc sống gia đình. Khi có con, con cháu họ lại có trách nhiệm dạy dỗ, dìu dắt, nâng đỡ các thế hệ cháu con làm tốt những công việc mà cha ông họ đã làm.

Hơn ai hết chính người phụ nữ, những người bà, người mẹ, người chị, không chỉ là người đã góp phần quan trọng trong việc giữ gìn, bảo lưu, phát triển những giá trị văn hoá truyền thống quý báu của cha ông mà họ còn là những người có nhiệm vụ nuôi dưỡng, giáo dục, rèn luyện những phẩm giá nhân bản của con người, của cộng đồng dân tộc.

Giá trị thẩm mỹ của trang phục nhóm Tày - Thái biểu hiện sự giao lưu văn hoá giữa các tộc người

Do cùng cộng cư trên một vùng lãnh thổ, cùng sống đan xen hoà nhập với nhau trong từng làng bản, từng cụm

dân cư nên trang phục của cư dân Tày - Thái cũng chịu tác động đa chiều của "làn sóng" giao thoa văn hóa giữa các tộc người trong nhóm và với các cư dân các nhóm ngôn ngữ khác, tuy nhiên ở từng tộc người, từng vùng văn hoá những nét văn hoá chung ấy được biểu hiện rất độc đáo phù hợp với điều kiện sinh sống, với trình độ văn hoá, với tính cách tâm lý riêng.

Có nhà nghiên cứu cho rằng: "Trang phục dân tộc là yếu tố văn hoá thường ít bị thay đổi, nó được coi là một trong những đặc điểm quan trọng của tộc người và cũng thường là điểm xuất phát để xây dựng nên những giả thiết về tộc người này, tộc người nọ (về số lượng nó cũng chiếm một tỉ lệ đáng kể trong văn hoá vật chất nói chung). Mặt khác, trang phục dân tộc cũng còn phản ánh mối quan hệ tương hỗ giữa các dân tộc trong một khu vực, hoặc một vùng nào đó" [1].

Ý kiến trên phần nào cũng nằm trong nhận thức chung của khoa học lịch sử và dân tộc học cho rằng nhiều dân tộc ở nước ta từ xa xưa vốn có chung một nguồn gốc. Qua quá trình phát triển lâu dài của lịch sử ở mỗi thành phần dân tộc, yếu tố văn hoá truyền thống được bảo lưu ở những mức độ khác nhau. Bên cạnh cái chung, những yếu tố văn

---

[1] Khổng Diễn, *Vài nét về địa lý học tộc người và việc nghiên cứu ở nước ta*, Tạp chí Dân tộc học số 01 - 1981.

hoá riêng ngày càng hình thành và nảy nở tạo nên bản sắc riêng của mỗi tộc người.

Sự tương đồng trong trang phục của cư dân nhóm Tày - Thái được thể hiện rõ nhất ở việc sử dụng màu sắc. Màu sắc chủ đạo là màu chàm. Trong xã hội cổ truyền, đồng bào từ già đến trẻ, cả nam và nữ đều mặc quần áo bằng vải tự dệt nhuộm chàm.

Chàm là loại cây dễ trồng, thời gian sinh trưởng ngắn, dễ chế biến, dễ bảo quản. Sau khi chế được cao chàm đồng bào thường phơi khô làm thuốc nhuộm để dùng dần. Khi nhuộm vải, cao chàm khô được pha chế với tỷ lệ 0,4 ki-lô-gam ngâm với 50 lít nước tro lọc sẽ được nước chàm đặc để nhuộm vải.

Quần áo chàm khi còn mới mặc trong cưới xin, lễ hội trông rất đẹp và nền nã. Màu chàm còn có tác dụng tôn thêm làn da trắng hồng của các chàng trai, cô gái mới lớn. Khi quần áo đã cũ thì mặc đi làm, trong quá trình lao động nếu bị bẩn hay bị nhựa cây dây vào cũng dễ giặt và không bị lộ bẩn.

Việc chọn màu chàm để may trang phục của cư dân Tày - Thái được bắt nguồn từ cơ sở vật chất cơ bản đó là nền sản xuất nhỏ tự cấp tự túc, nền sản xuất đó gắn liền với lao động sản xuất lúa nước kết hợp với sản xuất nương rẫy. Giữa màu xanh trùng điệp của núi rừng, của cây cỏ hoa lá vùng thung lũng, màu sắc quần áo chàm như hoà

vào cảnh sắc thiên nhiên và rất phù hợp với điều kiện sinh sống của cư dân nông nghiệp.

Nét đẹp của trang phục nhóm Tày - Thái không phải là sự du nhập của văn hóa bên ngoài vào mà thực tiễn cho thấy từ nguồn nguyên liệu đến nghệ thuật tạo hình, cách trang trí trang phục đều do bàn tay, khối óc của họ tạo ra. Những giá trị văn hoá đó có "bản lĩnh bản sắc" được hình thành, tồn tại và phát triển qua nhiều thế hệ. Nó là nguồn nội lực, bảo đảm cho bản sắc văn hoá dân tộc được bảo vệ và phát triển cùng với sự phát triển của lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam.

Nằm trong bối cảnh Đông Nam Á, các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái cũng như các dân tộc khác ở nước ta vốn sinh sống và phát triển trong nền "văn minh lúa nước", "văn minh thực vật nhiệt đới", họ đã học hỏi và chịu ảnh hưởng lẫn nhau về cách thức sử dụng nguồn nguyên liệu dồi dào và kỹ thuật tạo hình trang trí trang phục để tự bảo vệ mình trong môi trường sinh thái khắc nghiệt, nhiệt độ nóng lạnh thất thường, độ ẩm lúc ẩm thấp lúc khô hanh và côn trùng nhiều.

Cùng với sự phát triển của xã hội, trang phục của cư dân Tày - Thái ngày càng đa dạng về loại hình, phong phú về chức năng sử dụng và có nhiều yếu tố giống với trang phục của cư dân nhóm Việt - Mường, Môn - Khmer và các nhóm ngôn ngữ khác.

Ở vùng Tây Bắc Việt Nam, trang phục của người Thái khá giống trang phục của người Kháng, Xinh Mun, Khơ Mú là những người bạn láng giềng sống đan xen lâu đời với họ. Phụ nữ Kháng cũng búi tóc thả sau gáy, mặc áo cánh ngắn xẻ ngực với hàng "cúc bướm", mặc váy đen và dùng thắt lưng vải có nối vải khác màu ở hai đầu như phụ nữ Thái. Phụ nữ Xinh Mun và một số phụ nữ Lào ở Sông Mã - Sơn La mặc áo váy được tạo hình trang trí như người Thái, chỉ có chiếc khăn đội đầu hình nón của phụ nữ Lào là khác. Phụ nữ Khơ Mú mặc trang phục rất giống phụ nữ Thái về cách thức tạo hình, trang trí, chất liệu, màu sắc tuy nhiên họ vẫn giữ được cách trang trí hàng tiền bạc và vỏ ốc trên áo cánh.

Ở vùng Mai Châu, phụ nữ Thái mặc áo chui đầu xẻ ở lưng hoặc vai giống người Mường ở Ngọc Lặc - Thanh Hoá. Cạp váy của họ cũng dệt hoa văn công phu nhiều màu sắc như phụ nữ Mường.

Trang phục của người Thái nhóm Hàng Tổng, Tày Mười ở Thanh Hoá, Nghệ An chịu ảnh hưởng rất lớn của trang phục người Thổ (nhóm Việt - Mường) và ảnh hưởng văn hoá Lào, sự ảnh hưởng này được biểu hiện rõ nhất trên chiếc váy của phụ nữ (chân váy dệt hoa văn rực rỡ).

Áo phụ nữ Tày khá giống áo dài của phụ nữ Kinh tụy nhiên cổ áo của phụ nữ Kinh bó sát vòng cô còn cổ áo của người Tày thấp và để hở một đoạn trước cổ. Khi phụ

nữ Kinh mặc áo dài họ không mặc áo cánh bên trong, phụ nữ Tày mặc áo cánh trắng bên trong áo dài. Cổ áo và tà áo cánh trắng "cố tình" khoe sắc trên nền chàm thẫm đã tạo nên nét chấm phá mạnh về nét đẹp thẩm mỹ cho người mặc. Khi mặc áo dài phụ nữ Kinh không dùng thắt lưng, bởi áo của họ may khít vào người còn áo của phụ nữ Tày may rộng, khi mặc họ dùng thắt lưng thắt chặt bên ngoài tạo dáng "thắt đáy lưng ong" để tôn thêm chiều cao cho cơ thể.

Trang phục trong lễ hội, cưới xin của nam giới nhiều tộc người nhóm Tày - Thái cơ bản giống trang phục của người Kinh, đó là chiếc áo dài năm thân cài khuy bên nách phải, chiếc quần trắng cạp to không có dải rút mà thắt bằng thắt lưng vải, đầu đội khăn xếp hoặc quấn khăn hình chữ nhân.

Do sống đan xen với người H'mông, người Dao đồng thời thường xuyên quan hệ trao đổi buôn bán với nhiều tộc người trên biên giới Việt - Trung, trang phục của phụ nữ Tày nhóm Pa Dí ở Lào Cai có trang trí mảng hoa văn ở khăn đội đầu và ngực áo. Việc trang trí mảng hoa văn bạc, xu bạc của họ rất gần gũi với người Dao, người Hà Nhì, La Hủ... Tuy nhiên chiếc mũ hình mái nhà có gắn hạt bạc của họ rất độc đáo. Đồ trang sức của người Pạ Dí cũng rất giống đồ trang sức của người H'mông cùng sinh sống trong vùng...

Với vài đối sánh như trên, cho thấy sự phát triển của nền kinh tế thị trường, xu hướng giao lưu văn hoá, xu hướng xích lại gần nhau về văn hoá giữa các khu vực, các vùng, các tộc người đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Vì vậy việc nghiên cứu, sưu tầm, gìn giữ và giới thiệu trang phục truyền thống của các tộc người là việc làm bức xúc của ngành văn hoá thông tin, đặc biệt là ngành bảo tồn bảo tàng Việt Nam. Một dân tộc chỉ thực sự phát triển khi biết duy trì và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống để phục vụ cho chính cuộc sống hôm nay. Đảng ta cho rằng đổi mới phải bắt nguồn từ mảnh đất văn hoá, truyền thống văn hoá của dân tộc vì đó là nguồn lực "nội sinh", là nền tảng và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới và mở cửa hội nhập của thế giới.

Chương IV

XÂY DỰNG SƯU TẬP TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG, TÀY - THÁI TẠI BẢO TÀNG VĂN HOÁ CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

I. VÀI NÉT VỀ SƯU TẬP TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG, TÀY - THÁI TẠI BẢO TÀNG VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam được xây dựng từ năm 1960, có chức năng nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày và tuyên truyền phát huy vốn di sản văn hoá truyền thống của 54 thành phần dân tộc Việt Nam trên phạm vi toàn quốc.

Trong quá trình lựa chọn, thu thập hiện vật dân tộc học đặc biệt là nghiên cứu, sưu tầm trang phục truyền thống của các tộc người, Bảo tàng luôn lưu ý đến mối quan hệ qua lại giữa các hiện vật đơn lẻ để làm cơ sở xây dựng các

bộ sưu tập hiện vật đặc trưng phục vụ cho công tác trưng bày. Ngoài ra bảo tàng cũng thu thập các tài liệu hiện vật bình thường, đơn giản nhưng mang tính phổ biến, mang tính truyền thống của các dân tộc để làm giàu kho cơ sở và phục vụ công chúng.

Trong tổng số các hiện vật đã sưu tầm và gìn giữ tại Bảo tàng, sưu tập trang phục các dân tộc luôn chiếm vị trí quan trọng. Tầm quan trọng của sưu tập trang phục không chỉ thể hiện ở số lượng hiện vật, mà trang phục các dân tộc gần như chiếm vị trí quan trọng nhất trong mọi hoạt động của Bảo tàng từ việc nghiên cứu, sưu tầm, lựa chọn những bộ trang phục đẹp mang tính đặc trưng để nhập vào kho đến việc quản lý và khai thác nội dung hiện vật trong kho cơ sở, việc nghiên cứu xây dựng các tổ hợp trưng bày làm nổi bật chủ đề trọng tâm... Tại các phòng trưng bày, sưu tập trang phục luôn chiếm vị trí nổi bật nhất bởi màu sắc hoa văn và kiểu dáng đa dạng của chúng. Trang phục đem đến cho người xem lượng thông tin đa chiều giúp họ dễ tiếp thu, dễ phân biệt tộc người này với tộc người khác thông qua kỹ thuật tạo dáng, màu sắc trang trí và cách phục trang của từng tộc người.

Trang phục là một hiện tượng văn hoá vật chất có những giá trị đặc biệt nổi trội so với các giá trị văn hoá vật chất khác vì nó gắn bó mật thiết với đời sống con người,

phản ánh thông tin đa chiều qua giá trị sử dụng, qua nếp sống văn hoá và giá trị thẩm mỹ. Trang phục luôn gắn với quan niệm về triết lý nhân sinh quan, vũ trụ quan của các tộc người. Trang phục được sáng tạo, chắt lọc, tích tụ qua nhiều thế hệ để định hình một phong cách trang phục riêng cho từng tộc người, từng vùng văn hoá. Mỗi một tộc người không chỉ có một bộ, một loại trang phục mà có nhiều chủng loại khác nhau, chúng chứa đựng những giá trị văn hoá đặc sắc của cả một cộng đồng, một dân tộc.

Trong tiến trình phát triển, hoà nhập dù có nhiều điểm tương đồng nhưng mỗi dân tộc vẫn giữ được những nét riêng trong kiểu dáng cắt may, trong cách trang trí, thêu dệt hoa văn. Đặc biệt, trang phục phụ nữ còn bảo lưu đậm nét những yếu tố văn hoá truyền thống của các tộc người. Chính những điều đó là một trong những nguồn sử liệu quan trọng để nghiên cứu lịch sử tộc người, làm sống lại quá khứ dân tộc.

Trong quá trình nghiên cứu, sưu tầm, xây dựng sưu tập trang phục, Bảo tàng luôn chú ý tới các khía cạnh của trang phục như trang phục theo lứa tuổi (trẻ em, thanh niên, người già), theo giới tính (đàn ông, đàn bà), theo chức năng xã hội (y phục thường ngày, y phục lễ hội, y phục tôn giáo tín ngưỡng).

Một bộ trang phục hoàn chỉnh gồm có y phục (khăn đội

đầu, áo, váy, quần, xà cạp, thắt lưng...) và đồ trang sức (vòng cổ, vòng tai, vòng tay, đồ đội đầu, túi đeo...). Một bộ trang phục được coi là hoàn hảo khi nó được sưu tầm trọn bộ trong một gia đình. Tuy cùng một loại trang phục của một dân tộc nhất định nhưng dưới bàn tay thể hiện của từng người, từng gia đình những yếu tố văn hoá ẩn chứa trong trang phục được biểu hiện ra khá đặc trưng và có những nét riêng, nếu sưu tầm những hiện vật đơn lẻ trong nhiều gia đình, nhiều địa phương sau đó ghép thành một bộ sưu tập thì những thông tin về chúng ít nhiều bị sai lệch.

Việc sưu tầm của Bảo tàng trong những năm qua, đặc biệt trong 10 năm trở lại đây chủ yếu vẫn mang tính quảng canh trên diện rộng nhằm đáp ứng nhiệm vụ trước mắt là xây dựng các phòng trưng bày, kịp thời phục vụ khách tham quan, khắc phục hiện tượng để chỗ trống trong hệ thống trưng bày. Do đó có nhiều dân tộc mới tổ chức sưu tầm được một lần trong một địa bàn hẹp. Có dân tộc sưu tầm được hai, ba lần ở những địa phương khác nhau nhưng chủ yếu cũng chỉ phục vụ công tác trưng bày. Việc thu thập tài liệu hiện vật về từng dân tộc nhìn chung chưa trọn vẹn. Nhiều bộ trang phục còn thiếu đồ trang sức hoặc chưa đủ bộ.

Nhìn vào kết quả sưu tầm hiện vật trang phục nhóm ngôn ngữ Việt - Mường và Tày - Thái đang lưu giữ tại Bảo tàng chúng tôi bước đầu có những nhận xét sau:

- Trang phục phụ nữ luôn chiếm số lượng lớn so với trang phục nam giới, bởi lẽ trong quá trình khảo sát, sưu tầm trang phục nữ luôn được chú ý nhiều hơn vì chúng còn giữ được những yếu tố văn hoá truyền thống tộc người trong cách sử dụng màu sắc, trong kiểu dáng cắt may, trong trang trí hoạ tiết hoa văn... Còn trang phục nam giới các tộc người phía Bắc nhìn chung khá giống nhau, mặt khác xu hướng mua quần áo may sẵn, quần áo bộ đội về mặc ngày càng trở nên phổ biến ở nam giới các dân tộc.

Trong trang phục nữ thì y phục thường ngày có số lượng lớn hơn y phục lễ hội rất nhiều. Thực tế đó có thể lý giải theo hai cách: ở nhiều tộc người, trang phục thường ngày và trang phục lễ hội chỉ là một, điều khác duy nhất là trong lễ hội chị em mặc những bộ trang phục có màu sắc đẹp, còn mới và đeo nhiều đồ trang sức. Nguyên nhân thứ hai là những bộ trang phục dùng trong cưới xin, lễ hội được các bà, các mẹ rất trân trọng giữ gìn. Nó chỉ mặc một thời gian ngắn trong dịp cưới, sau đó được cất cẩn thận trong rương trong hòm, khi chết mới lấy ra mặc cho người quá cố. Đồng bào quan niệm: khi chết nếu mặc những bộ trang phục trong ngày cưới, vợ chồng mới tìm thấy nhau ở thế giới bên kia. Do đó, họ không dễ bán hoặc tặng.

- Trang phục của những người hành nghề tín ngưỡng như trang phục thầy tào, thầy cúng, thầy mo, bà then... có

số lượng rất ít. Hiện nay Bảo tàng mới sưu tập được loại trang phục này của ba dân tộc Tày, Nùng, Sán Chay. Sở dĩ có tình trạng trên, theo chúng tôi: lực lượng hành nghề tín ngưỡng chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong cộng đồng dân cư. Mặt khác, trong thời kỳ chống mê tín dị đoan trước đây các hiện vật có liên quan đến tín ngưỡng không được phân loại cụ thể, tất cả đều bị tịch thu và phá huỷ. Chỉ có một số ít được chuyển giao về Bảo tàng. Cũng cần nói thêm rằng trang phục của thầy mo, tào, pụt, không có sự khác biệt lớn. họ có thể mặc cùng một loại trang phục để tiến hành các nghi lễ khác nhau.

- Trong những năm trước đây, khi trưng bày những bộ trang phục của thầy mo, thầy tào, bà then trong Bảo tàng, nhiều ý kiến cho rằng lợi bất cập hại vì như vậy vô tình làm cho mê tín dị đoan trỗi dậy. Cần có nhận thức đúng đắn rằng việc sưu tầm và trưng bày các hiện vật đó trong bảo tàng là cần thiết, nó có ý nghĩa trong việc gìn giữ và giới thiệu di sản văn hoá các dân tộc nói chung. Thực tế đã chứng minh rằng, hiện nay giới trẻ của nhiều dân tộc không thể hình dung được những bộ trang phục dùng khi hành lễ của dân tộc mình như thế nào. Nếu có chăng đó chỉ là những bộ áo dài may kiểu năm thân như áo dài của nam giới người Kinh xưa kia.

- Trang phục truyền thống của các dân tộc được sưu

tầm trong thời gian gần đây thể hiện rất rõ yếu tố giao lưu văn hoá giữa các tộc người. Hiện tượng dùng vải công nghiệp để may trang phục, dùng vải hoa khâu ghép trong các bộ phận trang phục thay cho hoa văn dệt, hoa văn thêu ngày càng phổ biến. Những bộ trang phục được khâu bằng tay ngày càng ít dần, thay thế vào đó là những bộ trang phục được may bằng máy công nghiệp... Chính những điều đó đã làm cho chất dân tộc, chất truyền thống ngày càng mai một dần.

Trong cuộc sống hiện nay, nhiều nét đẹp về văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần của các dân tộc thiểu số nói chung đang ngày càng biến đổi. Khi đến các vùng dân tộc kể cả vào những dịp lễ tết, hội hè, phiên chợ... chúng ta ít thấy những người mặc đủ bộ trang phục cổ truyền của dân tộc mình.

Mặc dù Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến việc gìn giữ và bảo tồn vốn di sản văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số, rất quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào miền núi, nhưng trong thực tế, hiện tượng rời xa vốn văn hoá truyền thống dân tộc ngày càng gia tăng; xu hướng nhập ngoại, sùng bái đồ ngoại, bắt chước lai căng... đã huỷ diệt vốn văn hoá cổ truyền của cha ông. Chính vấn đề này đòi hỏi các nhà nghiên cứu dân tộc học cần tiếp tục tìm hiểu, khai thác sâu hơn những gì

đang tồn tại trong cuộc sống hàng ngày của các tộc người. Công tác bảo tàng hãy góp phần làm sống lại những giá trị văn hoá qúy báu của cha ông để nó phục vụ cho chính cuộc sống ngày hôm nay và phục vụ cho sự phát triển bền vững của đất nước, của dân tộc trong tương lai.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG SƯU TẬP TRANG PHỤC CỦA BẢO TÀNG VĂN HOÁ CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

Trong quá trình hình thành và xây dựng các sưu tập hiện vật bảo tàng, sưu tập trang phục luôn chiếm vị trí quan trọng trong mọi hoạt động của Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam.

Hiện nay hiện vật là chất liệu vải trong kho Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam có trên 3.000 hiện vật, đây là loại hiện vật có số lượng lớn và chủ yếu là trang phục của 54 thành phần dân tộc Việt Nam gồm nhiều ngành nhóm địa phương.

Việc xây dựng sưu tập trang phục các tộc người và nhóm ngôn ngữ ở nước ta là một nhu cầu khách quan để tiếp cận chân dung văn hoá của các dân tộc nhưng nó là một quá trình lâu dài, phức tạp cần tới sự đóng góp ý kiến của nhiều nhà khoa học. Căn cứ vào nội dung cụ thể và hình thức hoạt động của một bảo tàng lịch sử xã hội, thực chất là một bảo tàng chuyên ngành dân tộc học, trong hoạt

động thực tiễn của mình. Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam đã và đang có định hướng cụ thể để xây dựng các bộ sưu tập trang phục của các tộc người, khi tiến hành công việc này cần tập trung giải quyết các vấn đề khoa học cơ bản sau đây:

- Xác định các thành tố của y phục và trang sức của một tộc người cụ thể có nghĩa là xem những yếu tố nào của y phục (khăn, mũ, áo, quần...) và đồ trang sức (vòng cổ, vòng tay, vòng chân,...) có hay không có ở tộc người đó để có kế hoạch nghiên cứu, sưu tầm bổ sung hoàn chỉnh bộ sưu tập.

- Xác định ở một người cụ thể (phụ nữ, đàn ông, trẻ em...) của một tộc người có bao nhiêu bộ trang phục dùng trong ngày thường, lễ hội, cưới xin, tang ma... Nghiên cứu kỹ thuật cắt may, màu sắc, cách trang trí hoa văn trên các bộ trang phục đó. Đây là vấn đề rất khó nhưng nếu làm được sẽ góp phần làm tăng giá trị của sưu tập.

- Xác định cách thức ăn vận y phục và trang sức của các tộc người, các đối tượng cụ thể (nam, nữ, trẻ em...) trong từng hoàn cảnh cụ thể như hàng ngày, lễ hội, cưới xin, tang ma... nhằm hiểu thêm phong tục tập quán có liên quan đến trang phục.

Từ những vấn đề khoa học cơ bản như trên chúng ta đã có thể xây dựng sưu tập trang phục theo các tiêu chí sau:

- Xây dựng sưu tập hiện vật theo từng tộc người

Trong một số tộc người có thể xây dựng sưu tập theo từng nhóm địa phương. Đây có thể được coi là một đặc thù, một kiểu sưu tập dễ thực hiện. Mỗi tộc người đều có yếu tố văn hoá đặc trưng riêng, đặc biệt trang phục được coi là một thành tố quan trọng phân biệt tộc người này với tộc người khác, có nhiều tên gọi dân tộc được gắn liền với trang phục như: Người H'mông Hoa mặc váy thêu hoa văn rực rỡ, người Dao Đỏ mặc áo gắn nhiều núm bông đỏ trước ngực... Loại sưu tập này có thể thực hiện được vì phạm vi của nó vừa và nhỏ.

- Xây dựng sưu tập hiện vật dựa vào nhóm ngôn ngữ

Ngôn ngữ là sản phẩm văn hoá đặc thù, là một trong những tiêu chí quan trọng để tìm ra quan hệ nguồn gốc lịch sử tộc người. Ngôn ngữ gắn liền với xã hội, nghiên cứu ngôn ngữ sẽ hiểu được xã hội, hiểu được lịch sử quan hệ xã hội.

Hệ thống trưng bày của Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam chủ yếu dựa trên hệ thống phân loại ngôn ngữ do Viện Dân tộc học đề ra. Với 5 phòng trưng bày chính là phòng văn hoá nhóm ngôn ngữ Việt - Mường; phòng văn hoá nhóm ngôn ngữ Tày - Thái; phòng văn hoá nhóm ngôn ngữ Kađai, H'mông - Dao, Tạng - Miến; phòng văn hoá nhóm ngôn ngữ Malayô Pôlynêdi, Hán - Hoa, như vậy

nội dung trưng bày của Bảo tàng không chỉ dựa trên sự phân loại ngôn ngữ mà còn kết hợp với yếu tố văn hoá vùng miền (đưa nhóm Tạng - Miến từ ngữ hệ Hán - Hoa vào cùng phòng với nhóm Kađai, H'mông - Dao ngữ hệ Nam Á vì cả ba nhóm này đều cư trú ở vùng núi cao phía Bắc Việt Nam).

Tuy nhiên xây dựng sưu tập hiện vật dựa trên tiêu chí nhóm ngôn ngữ sẽ tạo nên những bộ sưu tập hiện vật quá lớn vì trong mỗi nhóm lại chứa nhiều chủ đề nội dung khác nhau nên rất khó theo dõi và bảo quản hiện vật.

- Xây dựng sưu tập dựa vào loại hình công dụng của hiện vật

Phương pháp này sẽ tạo nên sự phong phú đa dạng cho sưu tập và dễ đối chiếu so sánh giữa các tộc người, giữa các vùng, các thời kỳ lịch sử. Với phương pháp này chúng ta có thể xây dựng được các bộ sưu tập: trang phục cưới xin, trang phục lễ hội, trang phục tín ngưỡng... một cách khá trọn vẹn. Tuỳ theo yêu cầu nội dung của từng cuộc trưng bày chúng ta có thể giới thiệu sưu tập đó theo những phạm vi rộng hay hẹp khác nhau (theo tộc người, theo vùng văn hoá hay theo nhóm ngôn ngữ). Ví dụ, có thể giới thiệu sưu tập đồ nấu rượu của các dân tộc nhóm Tày - Thái hoặc sưu tập đồ nấu rượu của các dân tộc vùng Việt Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên, miền Bắc, miền Trung, miền Nam hoặc cả nước Việt Nam.

- **Xây dựng sưu tập dựa trên chất liệu hiện vật** như đồ vải, đồ giấy, đồ sành sứ, đồ mây tre đan...

Trong quá trình xây dựng sưu tập có thể kết hợp các tiêu chí trên nhằm tạo hiệu quả cao cho công tác trưng bày và bảo quản hiện vật. Ngoài ra, việc xây dựng sưu tập còn dựa vào các tiêu chí như phản ánh theo giới tính (trang phục đàn ông, trang phục đàn bà, trang phục trẻ em...); phân biệt theo các tầng lớp xã hội (trang phục triều đình, trang phục bình dân, trang phục vua quan, trang phục nông dân); phân theo hoạt động xã hội (trang phục lao động, trang phục hội hè, trang phục trong hôn nhân, trang phục trong tang ma...); phân theo kĩ thuật cắt may và hình thức (áo xẻ ngực, áo chui đầu, áo xẻ nách, quần ngắn, quần dài, quần xẻ đũng, lá toạ, váy ống, váy quấn...); phân theo vùng văn hoá (vùng Đông Bắc, Tây Bắc, đồng bằng, trung du...) nhằm tạo nên hệ thống phân loại chính, kèm theo hệ thống phân loại phụ để vừa bảo đảm mục đích bảo quản tốt nhất cho hiện vật vừa bảo đảm mục đích sử dụng chúng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và giáo dục khoa học.

Sự phân loại và hệ thống hoá hiện vật trong kho bảo tàng là phương tiện cần thiết để nghiên cứu so sánh giữa các hiện vật để xây dựng các sưu tập có ý nghĩa khoa học độc lập, giúp cho công tác tra cứu khai thác sử dụng được thuận lợi, tạo điều kiện để bảo quản hiện vật lâu dài.

Các giải pháp xây dựng sưu tập hiện vật đã trình bày ở trên chỉ mang ý nghĩa tổng quát. Qua hoạt động thực tiễn của Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam chúng tôi thấy có một số hiện vật thường chứa thông tin đa chiều, các yếu tố văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hoá xã hội đan xen trong một hiện vật ở những góc độ khác nhau biểu đạt những ý nghĩa khác nhau.

Ví dụ chiếc áo của thầy tào dân tộc Tày thuộc lĩnh vực văn hóa vật chất nhưng mô típ hoa văn trên áo lại thể hiện yếu tố thẩm mỹ, nghệ thuật tạo hình dân gian (thuộc văn hóa tinh thần). Do đó trong quá trình xây dựng sưu tập có thể kết hợp một số tiêu chí với nhau, theo truyền thống chúng ta thường chia hiện vật theo hệ thống chung, rồi lại chia theo hệ thống phụ tuỳ theo dấu hiệu đặc trưng của từng hiện vật. Như vậy rất phù hợp với mục đích bảo quản, khai thác, sử dụng và phát huy tác dụng của các hiện vật bảo tàng.

Xây dựng sưu tập theo nhóm ngôn ngữ sẽ tạo nên một sưu tập lớn (cực đại). Trong sưu tập "cực đại" lại chứa đựng nhiều sưu tập nhỏ với những cấp độ khác nhau. Nếu chỉ dừng ở cấp độ "cực đại" thì rất khó thực hiện hoàn chỉnh một bộ sưu tập cụ thể.

Loại sưu tập theo nhóm ngôn ngữ ít được thực hiện trong kho bảo quản, nó chỉ hình thành khi bảo tàng tổ chức

các cuộc triển lãm giới thiệu đặc trưng văn hoá các dân tộc Việt Nam. Trong quá trình triển lãm, cán bộ trưng bày đã xây dựng các tổ hợp hiện vật để làm nổi bật đặc trưng văn hóa của một nhóm ngôn ngữ hay một vùng văn hoá. Các tổ hợp hiện vật trưng bày chỉ mang tính tạm thời, sau các cuộc triển lãm nó lại được trả về kho cơ sở để bảo quản theo sưu tập chất liệu hay theo dân tộc.

Sưu tập hiện vật xây dựng theo tiêu chí dân tộc cũng là một loại sưu tập lớn vì nó bao trùm các khía cạnh của cuộc sống tộc người. Một số dân tộc có nhiều nhóm địa phương, văn hoá của họ cũng có những nét rất khác nhau nên mỗi nhóm lại hình thành những sưu tập nhỏ riêng.

Việc lập sưu tập hiện vật theo dân tộc tạo điều kiện tìm ra nét đặc trưng riêng của từng nhóm địa phương do đó có thể lựa chọn được hiện vật điển hình để trưng bày.

Chẳng hạn, nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer có 21 tộc người cư trú suốt từ Bắc vào Nam, văn hoá của họ có nhiều nét tương đồng với văn hóa của một số nhóm khác. Khi trưng bày, không thể giới thiệu đầy đủ 21 tộc người của nhóm. Dựa vào sưu tập theo dân tộc có thể lựa chọn những hiện vật điển hình để trưng bày.

Sưu tập hiện vật được xây dựng theo chức năng sử dụng hoặc chất liệu hiện vật là loại sưu tập ở cấp độ trung bình dễ xây dựng, dễ hoàn chỉnh.

Từ những phân tích trên có thể rút ra những kết luận sau:

- Bộ sưu tập lớn (cực đại) chứa nhiều sưu tập nhỏ ở những cấp độ khác nhau. Đơn vị sưu tập cuối cùng gọi là cực tiểu.

- Xuất hiện càng nhiều dấu hiệu tạo thành sưu tập thì quy mô của nó càng nhỏ và càng dễ thực hiện.

- Càng ít dấu hiệu tạo thành dấu hiệu sưu tập thì quy mô của nó càng lớn và càng khó thực hiện ở dạng hoàn chỉnh lý tưởng.

- Trình tự xây dựng nên đi từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn.

Như vậy sự hình thành sưu tập có thể bằng nhiều con đường:

- Có một hoặc nhiều dấu hiệu giống nhau

- Được hình thành do cùng phản ánh một chủ đề, một sự kiện nào đó.

- Được hình thành do cùng một chất liệu hoặc cùng một công dụng.

Thực tế, trong các bảo tàng có những sưu tập bao gồm nhiều loại hiện vật có chất liệu khác nhau do đó việc đánh số hiện vật và vào sổ phải chính xác và rõ ràng. Những

hiện vật có chất liệu khác nhau sẽ đưa vào bảo quản ở những kho khác nhau nhưng chúng vẫn nằm trong một bộ sưu tập. Mỗi hiện vật của sưu tập đều được đánh số chung theo thứ tự ghi trong sổ kiểm kê bước đầu. Tuy nhiên để nắm rõ sưu tập có bao nhiêu hiện vật đơn lẻ nên dùng luỹ thừa bằng số từ hàng đơn vị để ghi số cho từng hiện vật.

Ví dụ bộ trang phục của cô dâu Dao Đỏ có 15 hiện vật đơn lẻ. Sô kiêm kê bước đâu của bộ trang phục là 2537. Khi đánh số cho từng hiện vật cụ thể sẽ theo phương thức sau: khăn đội đầu 25371, áo ngắn 25372, áo dài 25373, thắt lưng 25374...

Khi xây dựng xong các bộ sưu tập người ta thường nghiên cứu và xuất bản catalogue ảnh cho từng sưu tập, nhất là những sưu tập có giá trị. Đây là một công bố khoa học để giao lưu, trao đổi với các nhà sưu tập, các bảo tàng trong nước và trên thế giới. Khi công bố catalogue ảnh về sưu tập hiện vật người ta thường sử dụng ảnh có kích cỡ 12 x 18cm về từng hiện vật đơn lẻ trong sưu tập và kèm theo những thông tin về hiện vật đó như tên gọi hiện vật, chất liệu (đơn chất hoặc đa chất liệu), hình dáng, hoa văn, kích thước, đặc điểm riêng (nếu có), thời gian chế tác, nơi chế tác, chủ nhân làm ra nó (nếu có), ý nghĩa, cách sử dụng. Cuối cùng là số đăng ký của hiện vật trong kho bảo tàng hay trong sưu tập.

Việc sử dụng sưu tập hiện vật còn có ý nghĩa rất lớn đối với những hoạt động khác của bảo tàng, đặc biệt là công tác trưng bày và tuyên truyền giáo dục.

Trưng bày là cách thức thể hiện rõ nhất kết quả hoạt động của các khâu công tác khác của bảo tàng. Các sưu tập hiện vật là một trong những điều kiện tiên quyết tạo nên sự độc đáo cho mỗi bảo tàng. Chúng tôi đặt giả thiết có hai bảo tàng cùng một loại hình đưa ra nội dung trưng bày giống nhau (chẳng hạn Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam và Bảo tàng dân tộc học) chính điều đó đã làm cho sức hấp dẫn của hai bảo tàng giảm sút đáng kể. Để giảm bớt sự trùng lặp đơn điệu giữa hai bảo tàng này và khẳng định được nét độc đáo riêng của từng bảo tàng nên chăng chúng ta cần lựa chọn phương pháp chỉ trưng bày những vấn đề mà bảo tàng có nhiều hiện vật nhất, có những bộ sưu tập phong phú độc đáo nhất, không nên trưng bày dàn trải. Chính những bộ sưu tập quý hiếm, độc đáo sẽ làm cho Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam khác với Bảo tàng Dân tộc học và các phần trưng bày dân tộc của bảo tàng các tỉnh.

Về mặt lý luận là như thế nhưng trên thực tế hiện vật dân tộc là hiện vật đương đại vẫn tồn tại trong cuộc sống hàng ngày của các dân tộc. Việc lựa chọn và xây dựng những bộ sưu tập mang tính đặc trưng riêng cho từng bảo

tàng là điều khó khăn nhưng không phải là không làm được. Trong quá trình trưng bày chúng ta nên kết hợp hai yếu tố: yếu tố thứ nhất là dựa vào sưu tập hiện vật độc đáo đó, yếu tố thứ hai là giới thiệu vấn đề gì nên giới thiệu thật tỉ mỉ chi tiết - giới thiệu cả một quá trình từ A đến Z, không nên cái gì cũng đưa và cái gì cũng hời hợt.

Ví dụ khi giới thiệu nghề dệt vải của người Tày cần giới thiệu cách trồng bông chàm, thu hoạch bông chàm, phương pháp chế biến nguyên liệu, các công đoạn kéo sợi, dệt vải, nhuộm màu, đến các sản phẩm do nghề dệt làm ra, việc trao đổi buôn bán trên thị trường, công việc may vá thêu thùa làm ra trang phục...

Bằng cách trưng bày như vậy sẽ giúp cho công tác tuyên truyền giáo dục trong bảo tàng đạt hiệu quả cao. Qua những hiện vật gốc, đặc biệt là những bộ sưu tập hiện vật trưng bày trong bảo tàng sẽ giúp khách tham quan hiểu rõ về một chủ đề nào đó của lịch sử văn hoá tộc người, hiểu được nét đặc trưng văn hoá của một dân tộc hay một vùng lãnh thổ mà họ chưa có điều kiện đặt chân tới.

Khi tới tham quan bảo tàng, khách tham quan cảm nhận một sự thật bình dị nhưng lý thú là có nhiều hiện vật trưng bày trong bảo tàng vẫn tồn tại trong cuộc sống hàng ngày. Sau buổi tham quan bảo tàng chắc chắn trong mỗi người sẽ có những suy nghĩ và ý thức trân trọng, giữ gìn bản sắc văn hoá của chính mình, của chính dân tộc mình.

Tóm lại, xây dựng sưu tập hiện vật bảo tàng là con đường phải đi, là mục tiêu vươn tới của mỗi bảo tàng, việc làm đó giúp cho các bảo tàng tự khẳng định vị thế của mình trong hệ thống bảo tàng chung của cả nước.

Trong quá trình xây dựng sưu tập đã cho thấy sự đa dạng và rất phong phú của hiện tượng văn hoá trang phục trong đời sống các tộc người ở nước ta. Trang phục không chỉ thoả mãn nhu câu mặc của con người mà thông qua nó các tộc người đã gửi gắm vào đó nhiều nếp sống, nhiều thông tin lịch sử và quan niệm thẩm mỹ, triết lý của mình về thế giới xung quanh. Chính điều đó đã làm cho hiện tượng văn hoá trang phục các tộc người ở Việt Nam trở thành sưu tập hiện vật vô giá phản ánh sắc thái văn hoá của các tộc người Việt Nam trong lịch sử và hiện tại. Sưu tập trang phục trở thành sưu tập quý hiếm và hấp dẫn khách tham quan trong và ngoài nước ở mọi lứa tuổi khi đến với Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam.

Một số kiến nghị

Trong bối cảnh tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường, nhiều bộ trang phục truyền thống quý giá của các tộc người bị mai một dần. Muốn tìm kiếm những bộ trang phục quý để trưng bày trong Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam chúng ta cần coi trọng công tác nghiên cứu cơ bản để nhận diện chính xác và hiểu biết hiện tượng văn

hoá trang phục của các tộc người Việt Nam. Trên cơ sở đó định hướng nghiên cứu, sưu tầm bổ sung hoàn thiện các bộ trang phục truyền thống các tộc người. Những bộ trang phục quý không còn tồn tại trong cuộc sống hiện nay cần nghiên cứu, phục chế trên cơ sở đảm bảo tính nguyên gốc và trung thực.

Đối với số hiện vật hiện đang có trong kho cơ sở (nhất là các bộ trang phục) cần khẩn trương xây dựng các bộ sưu tập hiện vật dựa theo tiêu chí tộc người kết hợp với chất liệu và công dụng của chúng để phục vụ có hiệu quả...

Việc sưu tập hiện vật bảo tàng, nhất là sưu tập trang phục không chỉ giúp chúng ta nắm được thực trạng sưu tập trang phục của các tộc người để có kế hoạch sưu tầm và bổ sung mà còn có ý nghĩa khoa học trong việc bảo quản, tra cứu và phát huy tác dụng của chúng trong các khâu công tác của bảo tàng.

Xây dựng hoàn chỉnh các sưu tập hiện vật quý sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của công tác trưng bày và tuyên truyền bởi các sưu tập hiện vật là một trong những điều kiện quan trọng tạo sự độc đáo, hấp dẫn cho mỗi bảo tàng.

KẾT LUẬN

Trang phục là thành tố quan trọng của văn hóa tộc người, nó vận hành sống động trong cuộc sống cư dân. Để có những bộ trang phục che thân, đồng bào các tộc người đặc biệt là chị em phụ nữ đã trải qua quá trình tìm tòi học hỏi và sáng tạo lâu dài. Từ việc tìm đất phát nương trồng bông, trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt vải, tìm kiếm màu nhuộm, sáng tạo mẫu mã hoa văn... đã hình thành nên nghề dệt vải ở nhiều dân tộc. Đây thực sự là một cuộc cách mạng đánh dấu bước phát triển vượt bậc của con người, từ chỗ "ăn lông ở lỗ" đã biết sản xuất ra vải để che thân. Trang phục trước hết giúp cho con người tránh được sự xâm hại của côn trùng và tránh được khí hậu giá rét, ẩm ướt, nóng nực của môi trường.

Cùng với sự phát triển của cuộc sống, nhu cầu mặc của cư dân nhóm Việt - Mường, Tày - Thái không ngừng biến đổi. Từ chỗ mặc đơn giản với những loại vải thô cứng dần dần công nghệ dệt vải được cải tiến đã tạo nên nhiều mẫu mã hoa văn đẹp. Kiểu dáng cắt may trang phục cũng được lựa chọn, cải biên phù hợp với tâm lý, thị hiếu, óc thẩm mỹ, phong tục tập quán, điều kiện kinh tế tự cấp tự túc của

cư dân. Trang phục ngày càng đáp ứng nhu cầu "làm đẹp" của con người.

Trang phục nhóm Việt - Mường, Tày - Thái là sản phẩm văn hoá có lịch sử ra đời và phát triển sớm. Nhiều ý kiến đặt vấn đề hoa văn trên cạp váy Mường có trước hay xuất hiện song song với hoa văn trống đồng Đông Sơn. Dù xuất hiện trước hay sau hoa văn trống đồng thì hoa văn trên vải của người Mường nói riêng và các tộc người nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, Việt - Mường nói chung là một trong những nguồn sử liệu quý hiếm khi nghiên cứu về lịch sử văn hoá tộc người.

Trang phục nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái tuy giản dị, mộc mạc nhưng chứa đựng những giá trị đặc trưng riêng, đã tạo được sự độc đáo trong kiểu dáng cắt may, trong bố cục đồ án hoa văn trên trang phục, điều đó chứng tỏ sức mạnh trường tồn của giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn một phần trên trang phục của các tộc người.

Trang phục nhóm Việt - Mường, Tày - Thái đa dạng về chủng loại, phong phú về hình thức không những đáp ứng được nhu cầu sử dụng mà còn thoả mãn nhu cầu thẩm mỹ và nhu cầu tín ngưỡng của các cư dân.

Ngoài giá trị vật chất, trang phục còn phản ánh giá trị tinh thần, xã hội. Trong chu kỳ đời người, trong sinh hoạt văn hoá cộng đồng, trong nhân sinh quan, vũ trụ quan của các tộc người Việt - Mường, Tày - Thái trang phục có ý nghĩa và giá trị to lớn. Trang phục dùng trong tôn giáo tín

ngưỡng có sự phân biệt đẳng cấp rõ ràng. Những người hành nghề tín ngưỡng có phẩm hàm cao được xã hội coi trọng. Khi hành lễ họ mặc những bộ trang phục riêng, chính những bộ trang phục đó đã nâng cao uy tín, sự kính trọng của cộng đồng đối với họ. Sự linh thiêng trong buổi lễ được tăng lên, họ được coi là cầu nối giữa trần gian và âm giới, là người thay trời hành đạo, xua đuổi được các loại ma tà quỷ quái, đem lại sự bình yên, sức khoẻ và hạnh phúc cho con người.

Trang phục lễ hội được cắt may cầu kỳ và trang trí đẹp. Khi "diện" bộ trang phục đẹp trong những dịp sinh hoạt văn hoá cộng đồng, đồng bào rất tự hào. Trang phục trước hết thể hiện điều kiện kinh tế của bản thân và gia đình họ.

Hơn nhau tấm áo manh quần

Cởi ra mình trần ai cũng như ai.

Sau nữa, trang phục còn ngầm khoe tài năng, sự khéo tay hay làm của chủ nhân chúng. Đặc biệt các cô gái chưa chồng khi đi dự hội họ rất tự hào về bộ trang phục đẹp của mình. Các chàng trai thường chú ý và tìm cách làm quen với họ. Nhiều cặp vợ chồng đã nên duyên trong những dịp vui chung của cộng đồng.

Trang phục dành cho người quá cố, không chỉ thể hiện đạo lý, tình cảm của người sống đối với người chết mà còn thể hiện tập tục, ước nguyện tìm thấy người thân (vợ - chồng) ở thế giới bên kia.

Trang phục cư dân nhóm Việt - Mường, Tày - Thái thể hiện rất rõ yếu tố giao lưu giữa các tộc người, các nhóm ngôn ngữ. Từ bao đời nay sự kết hôn giữa các tộc người thường xuyên diễn ra, mặt khác sự cộng cư, đan xen trên một địa bàn sinh sống (làng, bán, xã, huyện...) đã đẩy mạnh sự giao lưu, hoà nhập văn hoá - đó là điều không thể tránh khỏi. Trang phục Mường có nhiều nét tương đồng với trang phục người Kinh và người Thái. Trang phục Thái, Lào rất giống trang phục người Kháng, Xinh Mun (nhóm Môn - Khmer), trang phục nữ Sán Chay rất giống trang phục nữ Sán Dìu (nhóm Hán - Hoa)... Sự giao lưu văn hoá đã góp phần làm phong phú, đa dạng bản sắc văn hoá Việt Nam.

Cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế thị trường, nhiều yếu tố văn hoá truyền thống bị mai một trong đó có trang phục. Một đất nước, một dân tộc chỉ có thể phát triển bền vững khi biết khơi dậy những giá trị văn hoá truyền thống quý báu của cha ông để làm giàu cho chính cuộc sống hôm nay.

Một thực tế đang diễn ra, ở nhiều tộc người hiện nay đã vắng bóng những bộ trang phục truyền thống trong cuộc sống hàng ngày. Nhiều người, nhất là chị em phụ nữ rất ngại mặc trang phục truyền thống khi ra ngoài xã hội, họ cảm thấy lạc lõng hoặc lo địa vị thấp kém hơn người. Xu hướng may mặc giống người Kinh, giống người miền xuôi ngày càng tăng lên.

Mặt khác cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, ở một số địa phương đã phát triển những cơ sở sản xuất hàng thủ công để bán cho khách du lịch hoặc xuất khẩu. Đây là việc làm tích cực tạo công ăn việc làm và góp phần xoá đói giảm nghèo ở nông thôn. Bên cạnh mặt tích cực, những cơ sở này đã sản xuất gia công hàng loạt, sản phẩm làm ra mang tính hàng hoá, hàng công nghiệp. Nhiều bộ trang phục sản xuất ra được cải biên khác xa với trang phục truyền thống về chất liệu, màu sắc, cách thức cắt may. Hiện tượng dùng vải công nghiệp may y phục, dùng vải hoa khâu ghép vào các bộ phận y phục khá phổ biến ở các tộc người.

Đứng trước thực tế đó, việc nghiên cứu, sưu tầm trang phục truyền thống có giá trị đích thực để trưng bày giới thiệu trong các bảo tàng ngày càng trở nên khó khăn. Mặc dù có nhiều cố gắng, cán bộ bảo tàng đã dành nhiều tâm huyết đến các vùng xa xôi hẻo lánh - nơi kinh tế thị trường chưa xâm nhập mạnh để thu thập tài liệu hiện vật quý cho bảo tàng nhưng kết quả thu được chưa đáp ứng nhu cầu công việc đề ra.

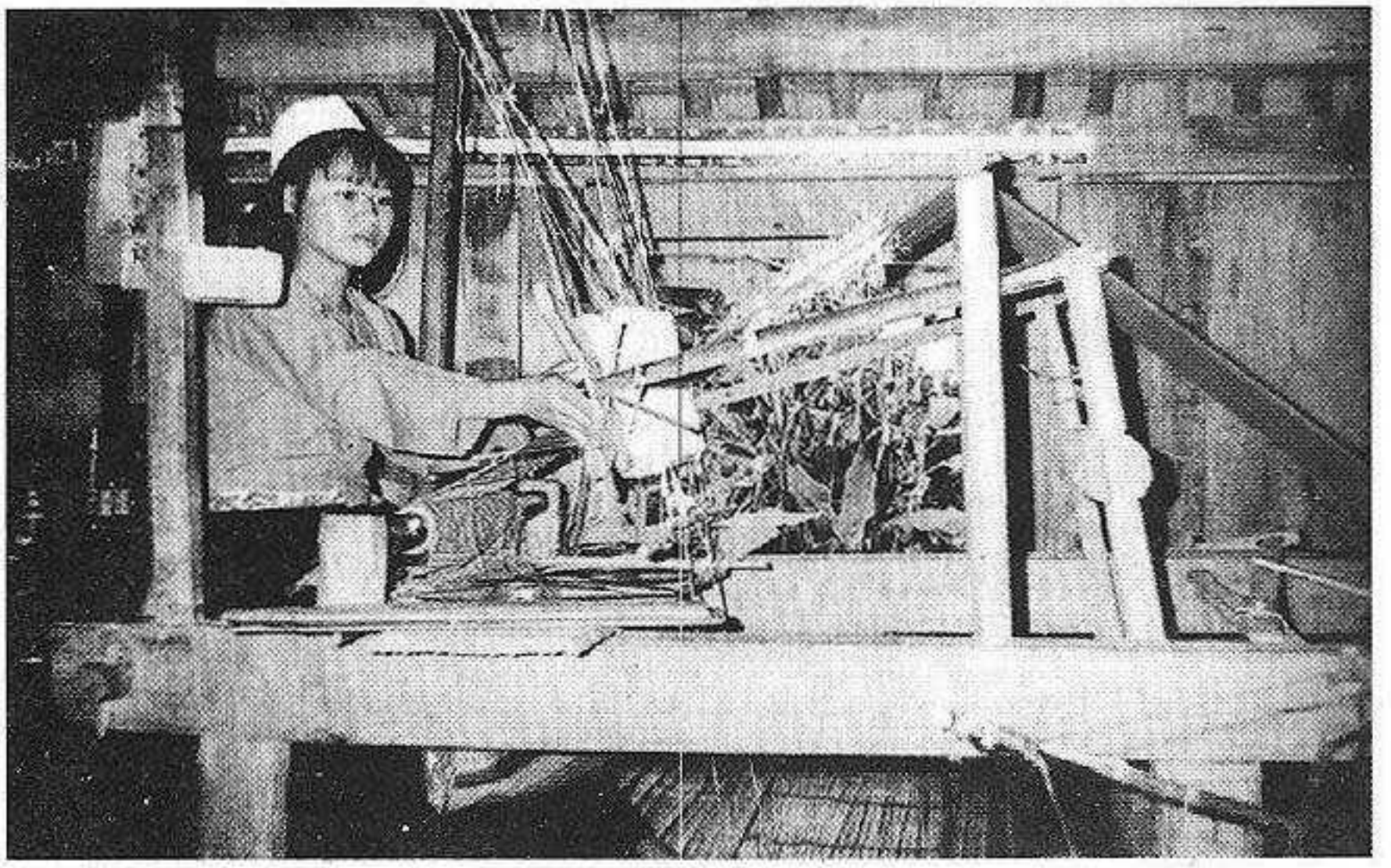
Trong những năm tới chúng ta cần có những giải pháp và cách làm có hiệu quả hơn để lưu giữ lại được một bộ phận chân dung văn hoá các dân tộc đó là trang phục.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH
VỀ TRANG PHỤC CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ
NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG VÀ TÀY - THÁI

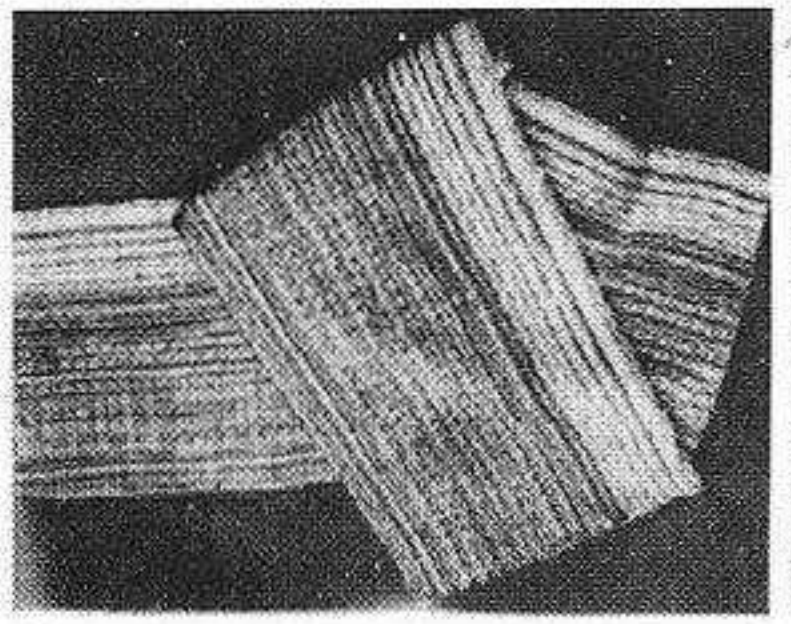
Ảnh: - ĐỖ THỊ HÒA

- TƯ LIỆU BẢO TÀNG

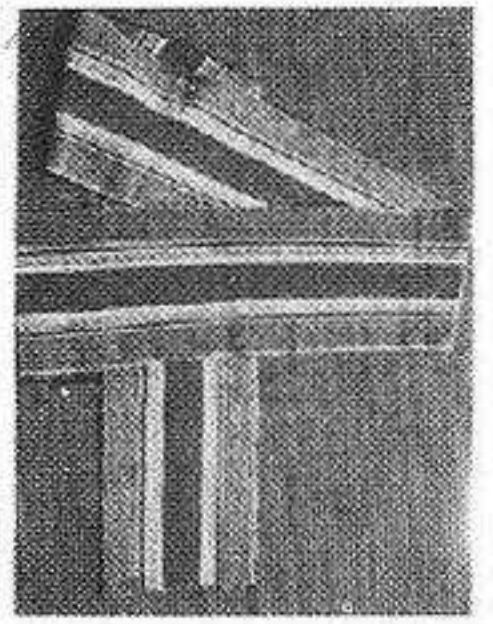
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI MƯỜNG



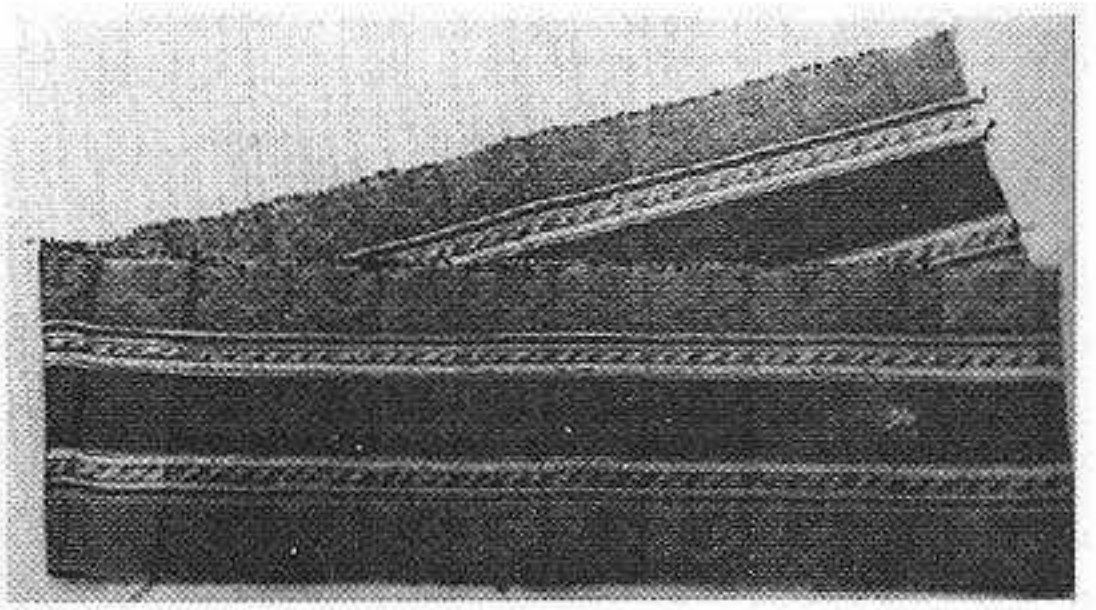
Ảnh 1: Nghề dệt thủ công truyền thống của người Mường



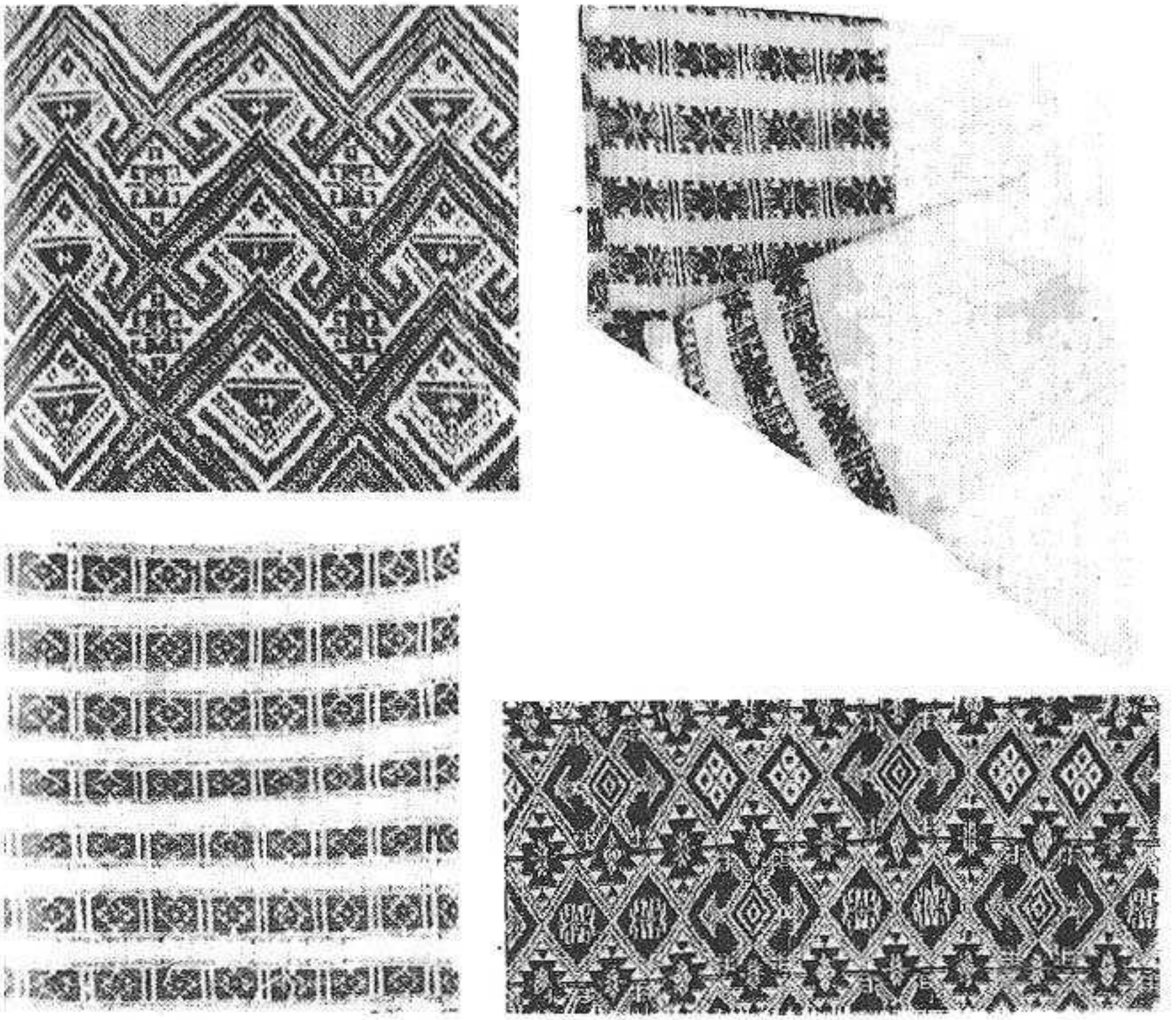
Ảnh 2: Một mẫu cạp váy người Mường Phú Thọ



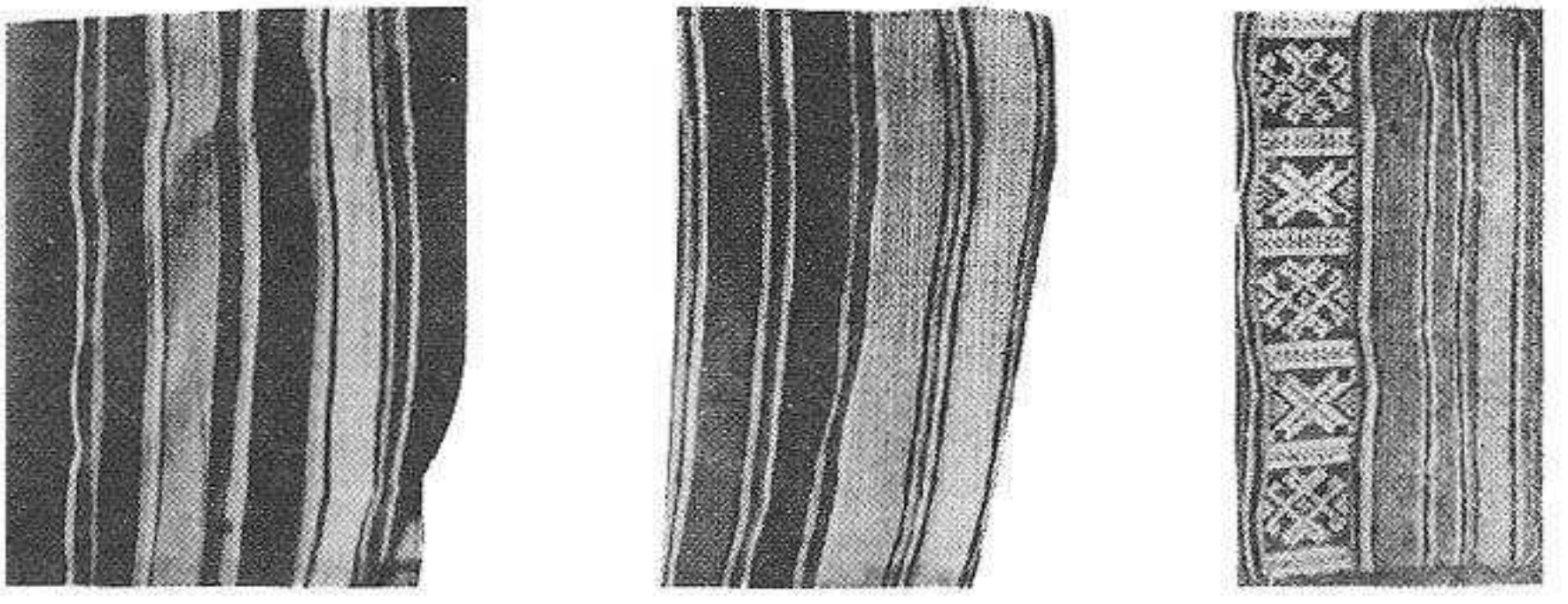
Ảnh 3: Một mẫu cạp váy người Mường Hòa Bình



Ảnh 4: Một mẫu cạp váy người Mường Thanh Hóa



Ảnh 5: Một số mẫu thổ cẩm làm mặt chăn của người Mường

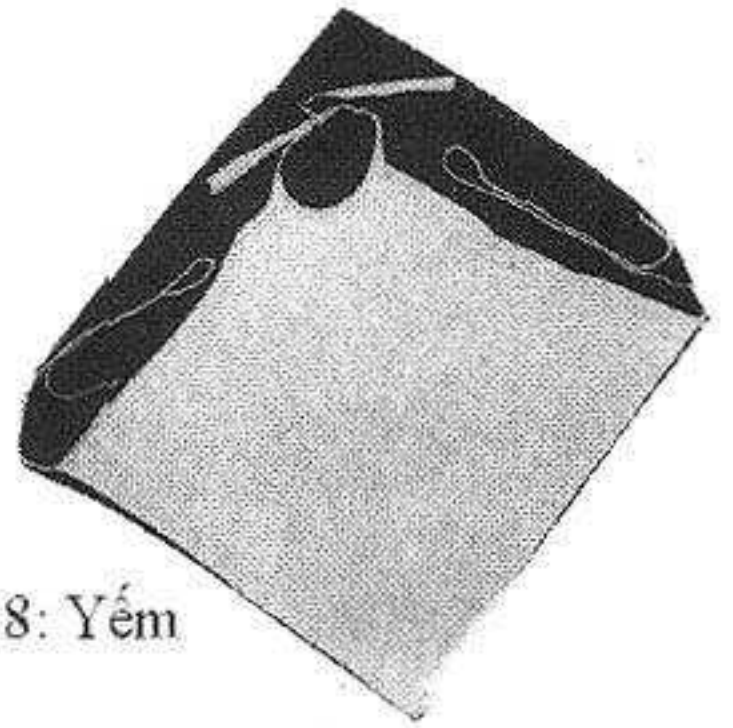


Ảnh 6: Thổ cẩm làm gối, túi của người Mường

Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Mường ở huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ



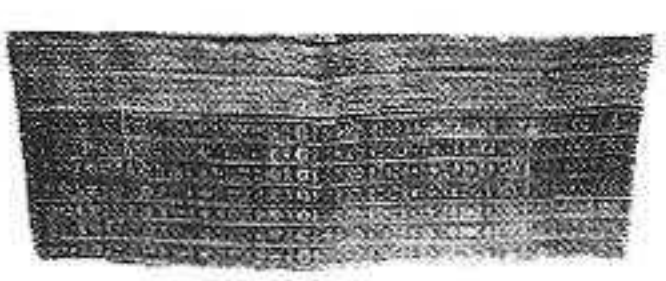
Ảnh 7: Khăn đội đầu



Ảnh 8: Yếm

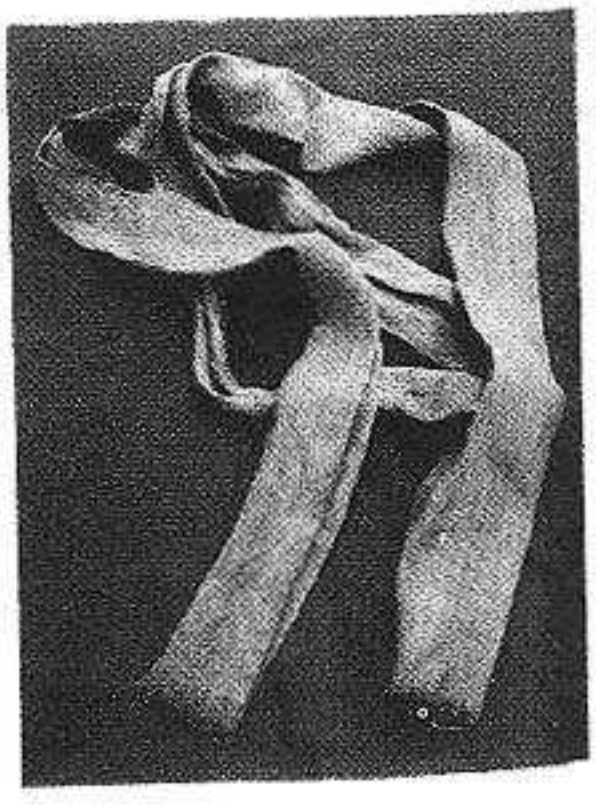


Ảnh 9: Áo ngắn cài khuy



Ảnh 10: Váy ống





Ảnh 11: Thắt lưng



Ảnh 12: Trang phục phụ nữ Mường ở huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ

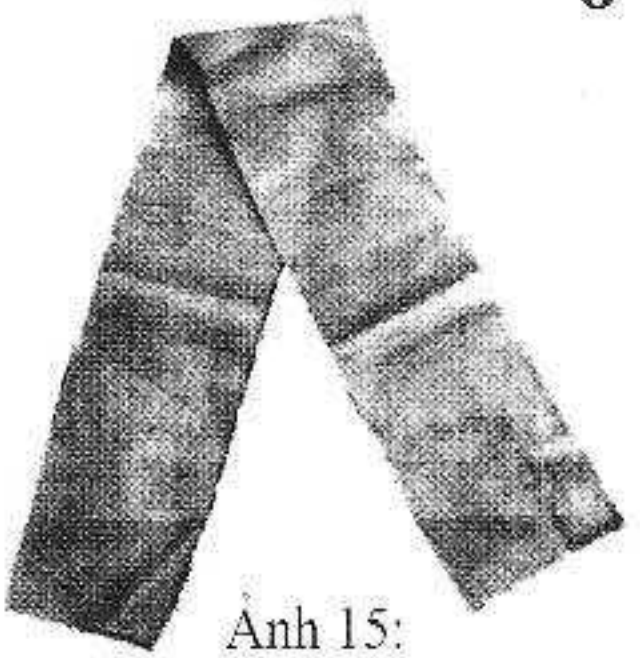


Ảnh 14: Một kiểu trang phục thường ngày của phụ nữ Mường ở huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ

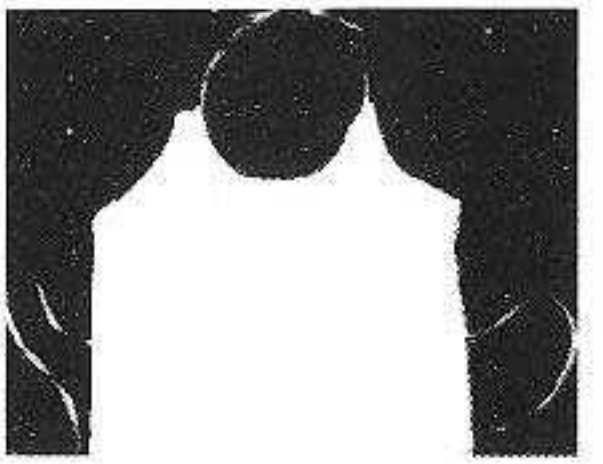
Ảnh 13: Trang phục phụ nữ Mường ở huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ nhìn từ phía sau



Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Mường ở tỉnh Hòa Bình



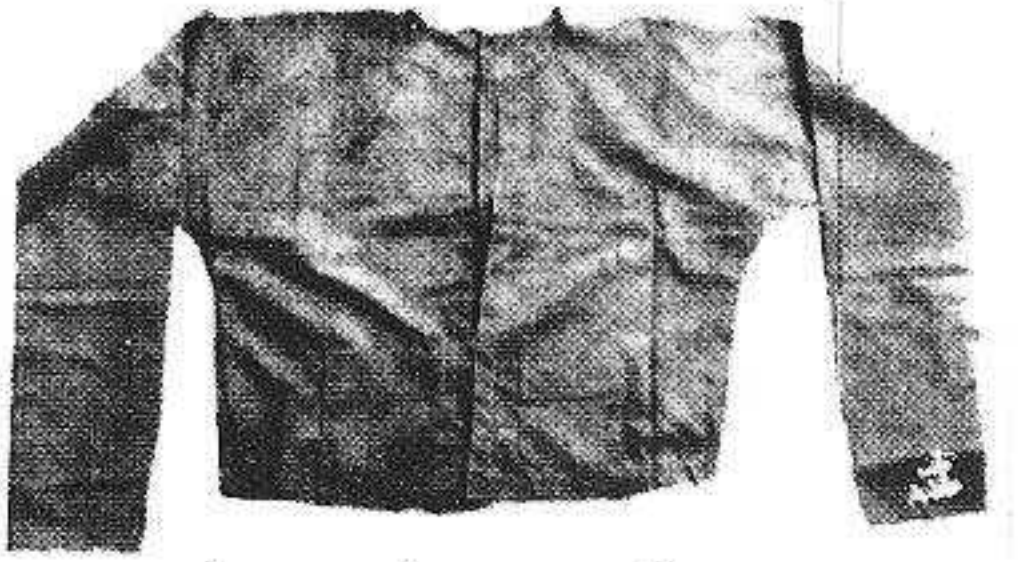
Ảnh 15:
Khăn đội đầu
màu trắng



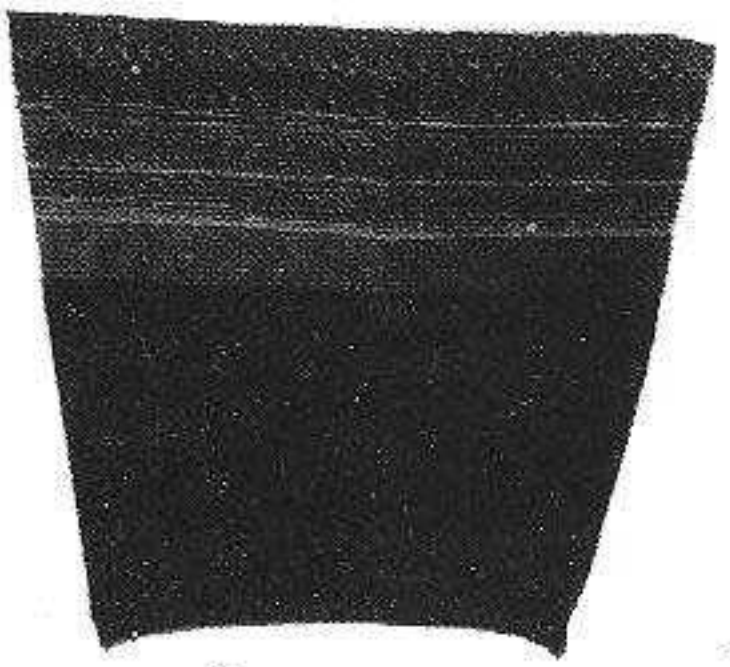
Ảnh 16:
Yếm che ngực



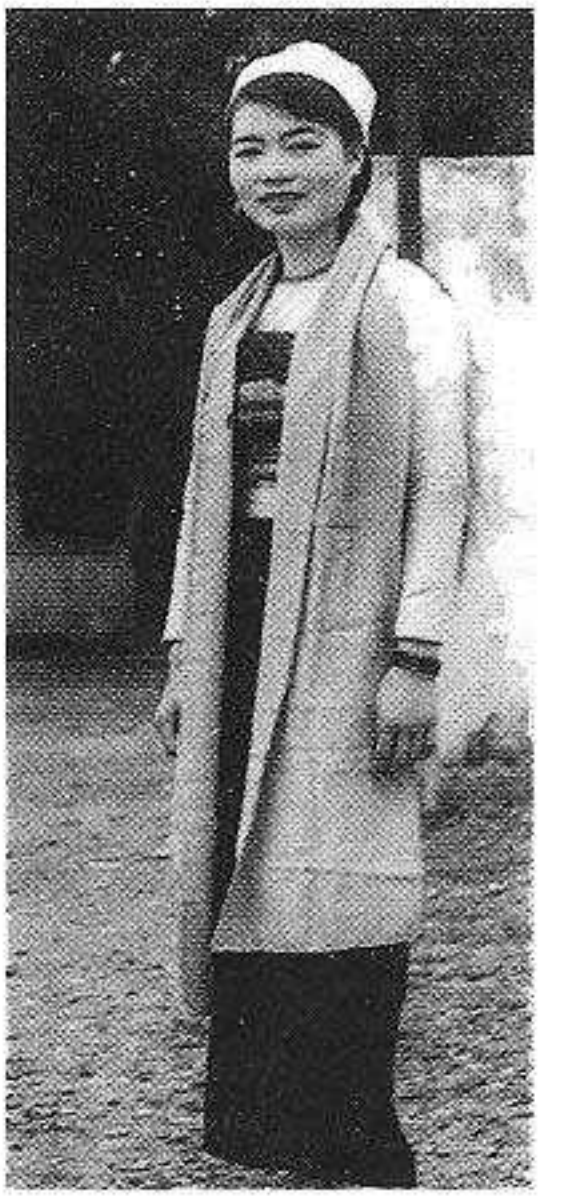
Ảnh 18: Thắt lưng



Ảnh 17: Áo cánh ngắn



Ảnh 19: Váy

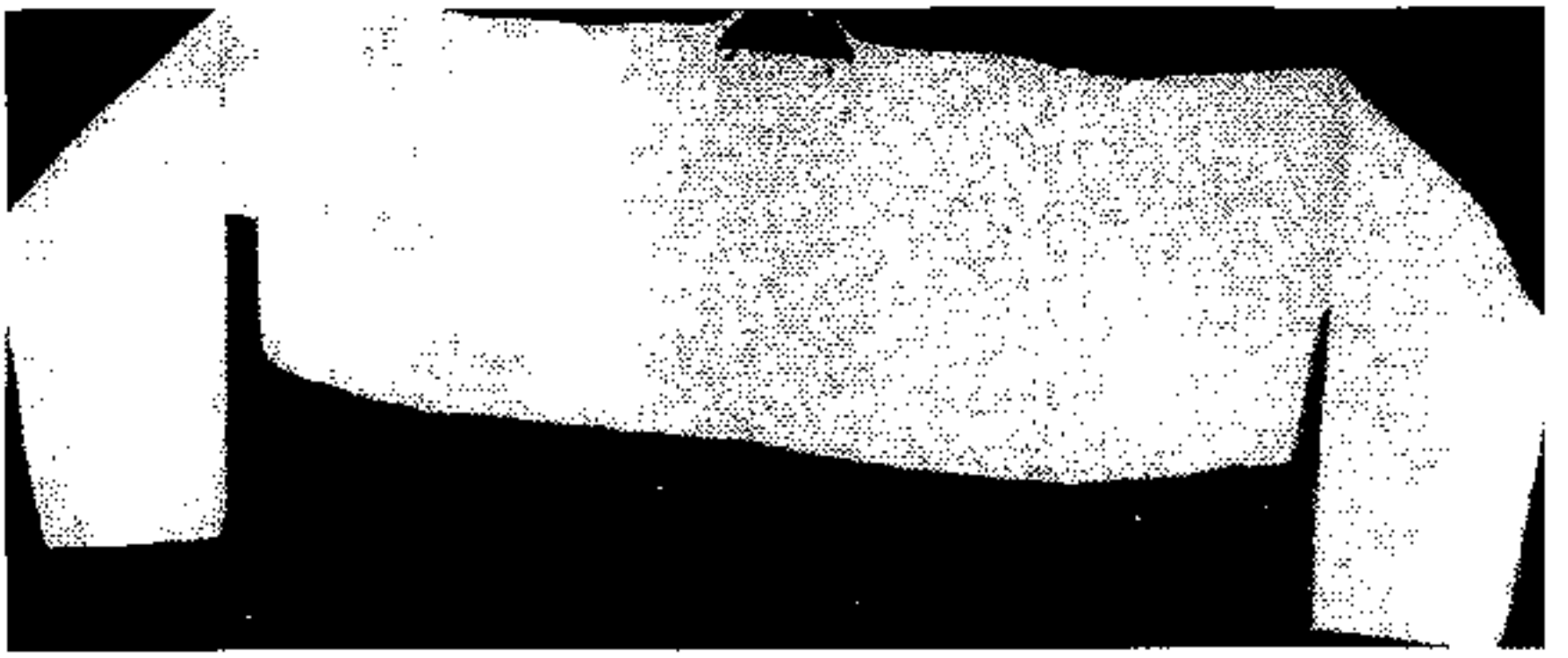


Ảnh 20: Cô gái
Mường Hòa Bình

Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Mường ở huyện Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hóa



Ảnh 21: Khăn đội đầu



Ảnh 22: Áo ngắn (*pon cho*)



Ảnh 23: Váy ống



Ảnh 24: Thắt lưng



Ảnh 25: Phụ nữ Mường ở Thanh Hóa

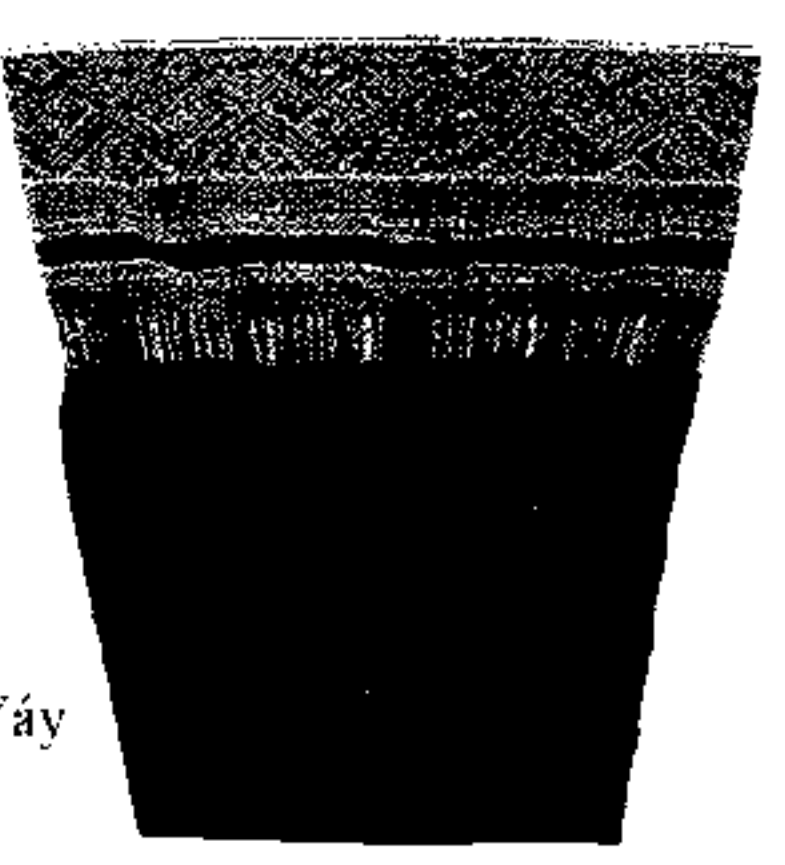
Bộ trang phục trong ngày cưới của phụ nữ Mường ở tỉnh Thanh Hóa



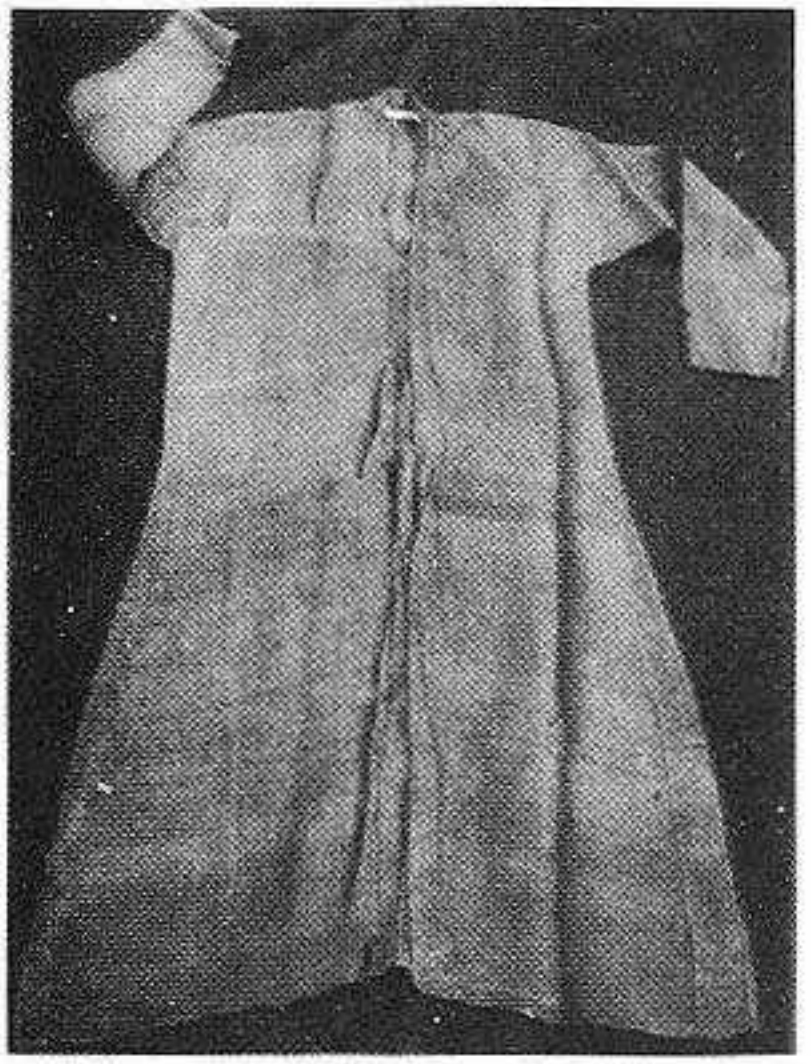
Ảnh 26: Khăn đội đầu



Ảnh 27: Áo ngắn



Ảnh 28: Váy



Ảnh 29: Áo dài

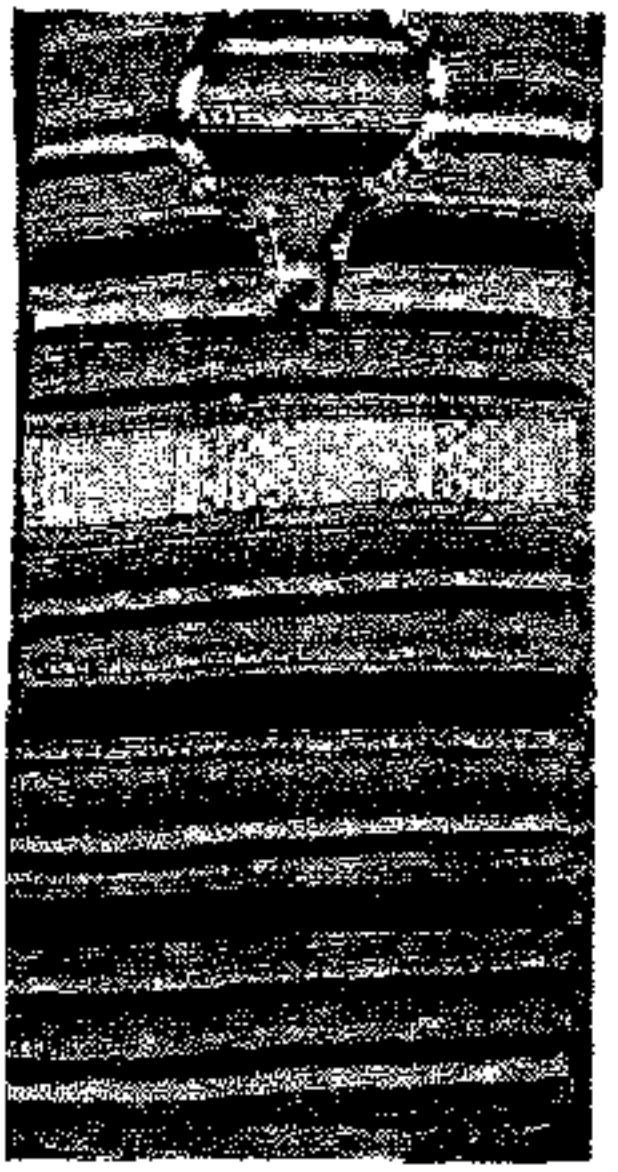


Ảnh 30: Thắt lưng

Trang phục tang lễ của người Mường

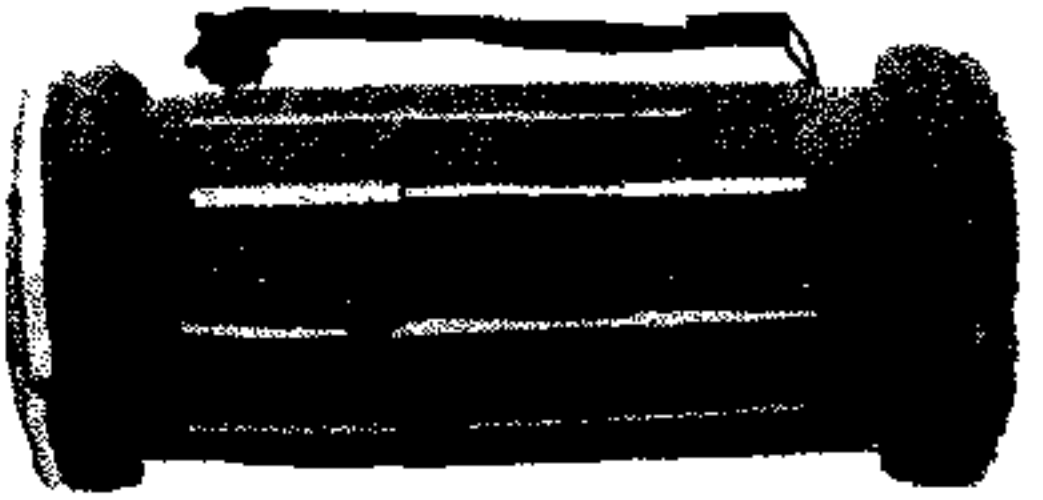


Ảnh 31: Trang phục trong nghi lễ tế quạt ma



Ảnh 32: Áo mặc trong múa đưa ma của người Mường ở Thanh Hóa

Ảnh 33: Trống dùng trong múa đưa ma





Ảnh 34: Khăn đội đầu dùng trong múa đưa ma



Ảnh 35: Gậy dùng trong múa đưa ma

Trang phục thầy mo Mường



Ảnh 36

Một số hoa văn trên thổ cẩm Mường

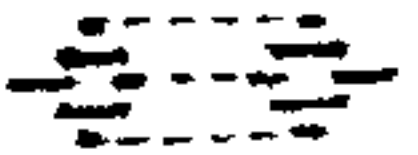
(Dựa theo sự giải thích của đồng bào Mường, chúng tôi chưa có điều kiện đối chiếu, so sánh)



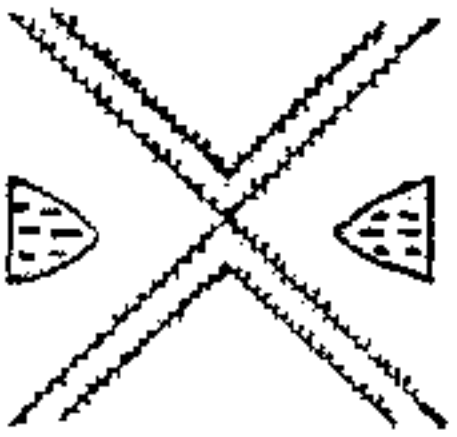
Ảnh 37: Quả trám



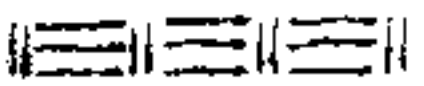
Ảnh 38: Con bướm
(con pươm)



Ảnh 39: Hoa đồng
(lô đồng)



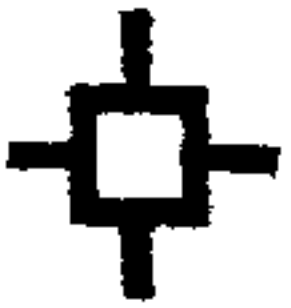
Ảnh 41: Sao tám cánh
(con thờ)



Ảnh 40: Xương rắn
(xương săn)



Ảnh 42: Nắp hòm
(bát hom)



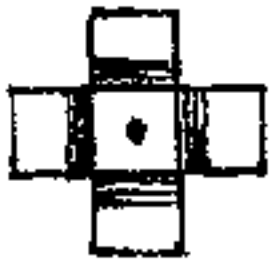
Ảnh 43: Đồng tiền
(tông sẻn)



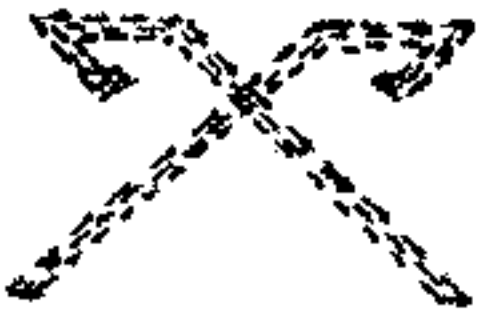
Ảnh 44: Dây chéo (dây cheo)



Ảnh 45: Sao tám cánh
(pông ca) tức hoa cà



Ảnh 46: Hoa văn bốn cánh hoa cây bự (pông pự)



Ảnh 47: Móc câu (keo neo)



Ảnh 48: Đường chỉ màu đỏ (en tỏ)



Ảnh 49: Con rồng (con bống - con rôống)



Ảnh 50: Gai mùn (thong mun)



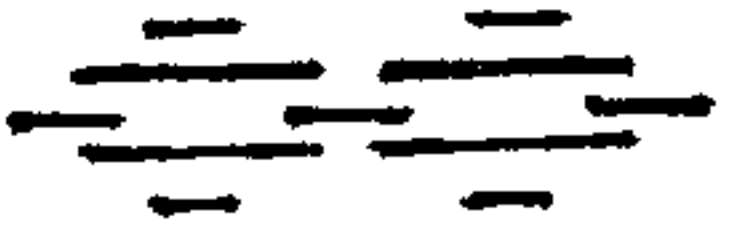
Ảnh 51: Hoa móc (lố nco)



Ảnh 52: Hoa sao (lô thao)



Ảnh 53: Trán con cọp (tránh hùm)

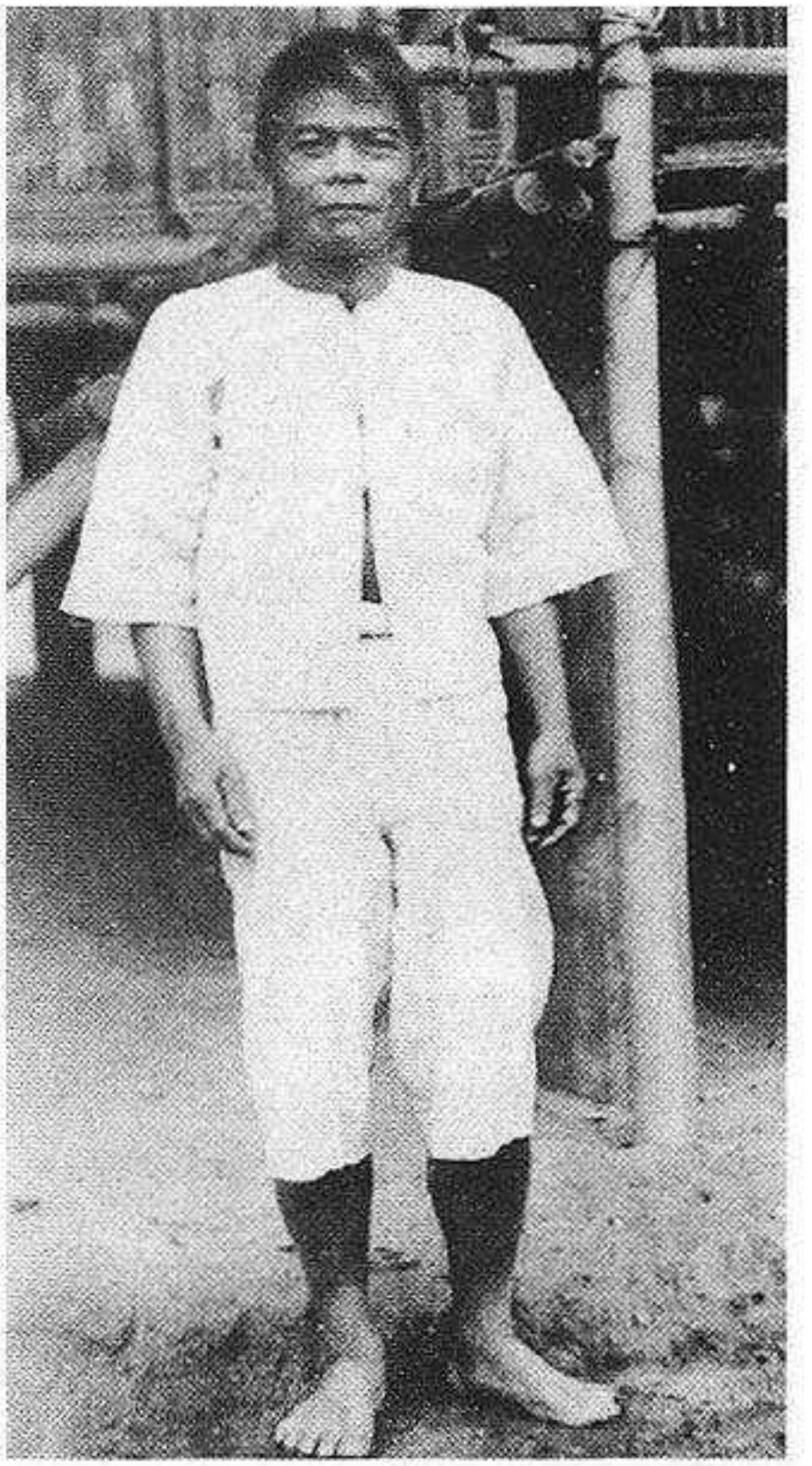


Ảnh 54: Con nhện (con dêệng)

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI THỔ



Ảnh 55: Trang phục truyền thống của phụ nữ Thổ

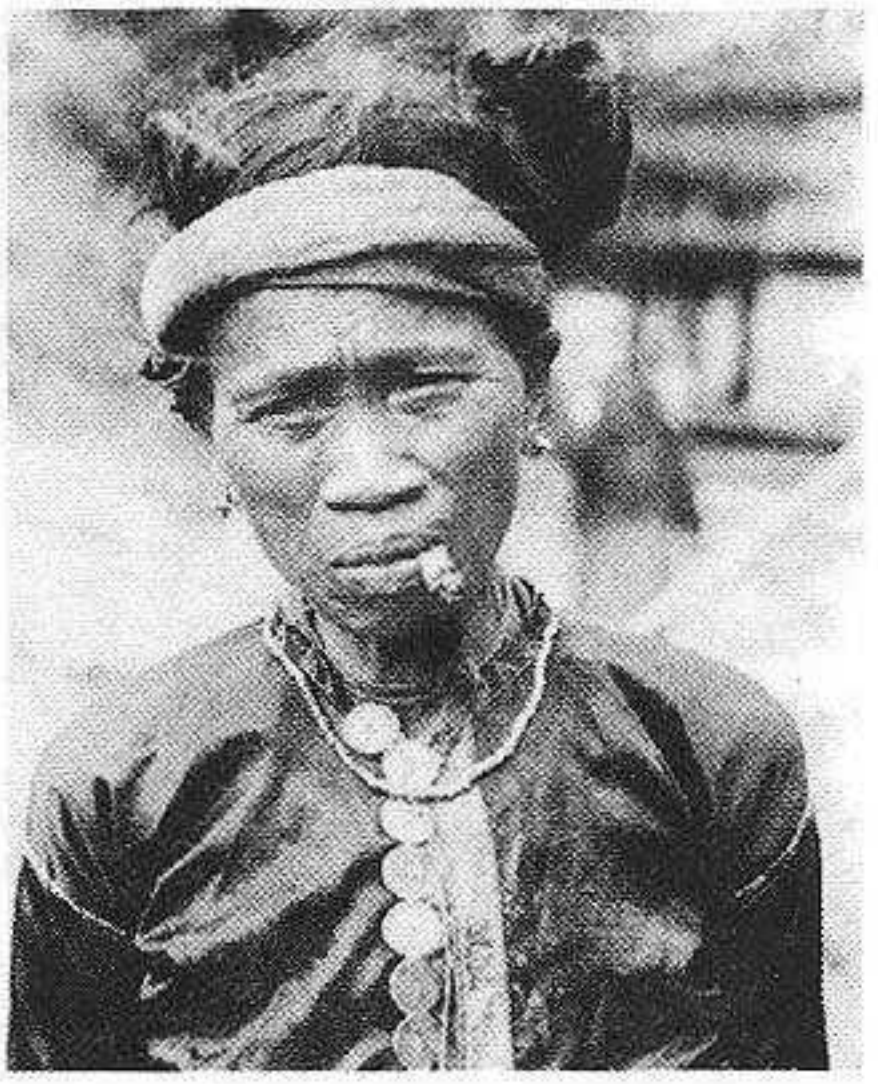


Ảnh 56: Trang phục truyền thống của nam giới người Thổ



Ảnh 57: Váy "pứn pơn" của người Thái được phụ nữ Thổ ưa dùng

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI CHỨT



Ảnh 58: Phụ nữ Chứt có thói quen hút thuốc lá



Ảnh 59: Phụ nữ Chứt vừa địu con vừa làm công việc trong gia đình

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI TÀY



Ảnh 60: Phụ nữ Tày ở xã Đà Vị huyện Na Hang tỉnh Tuyên Quang



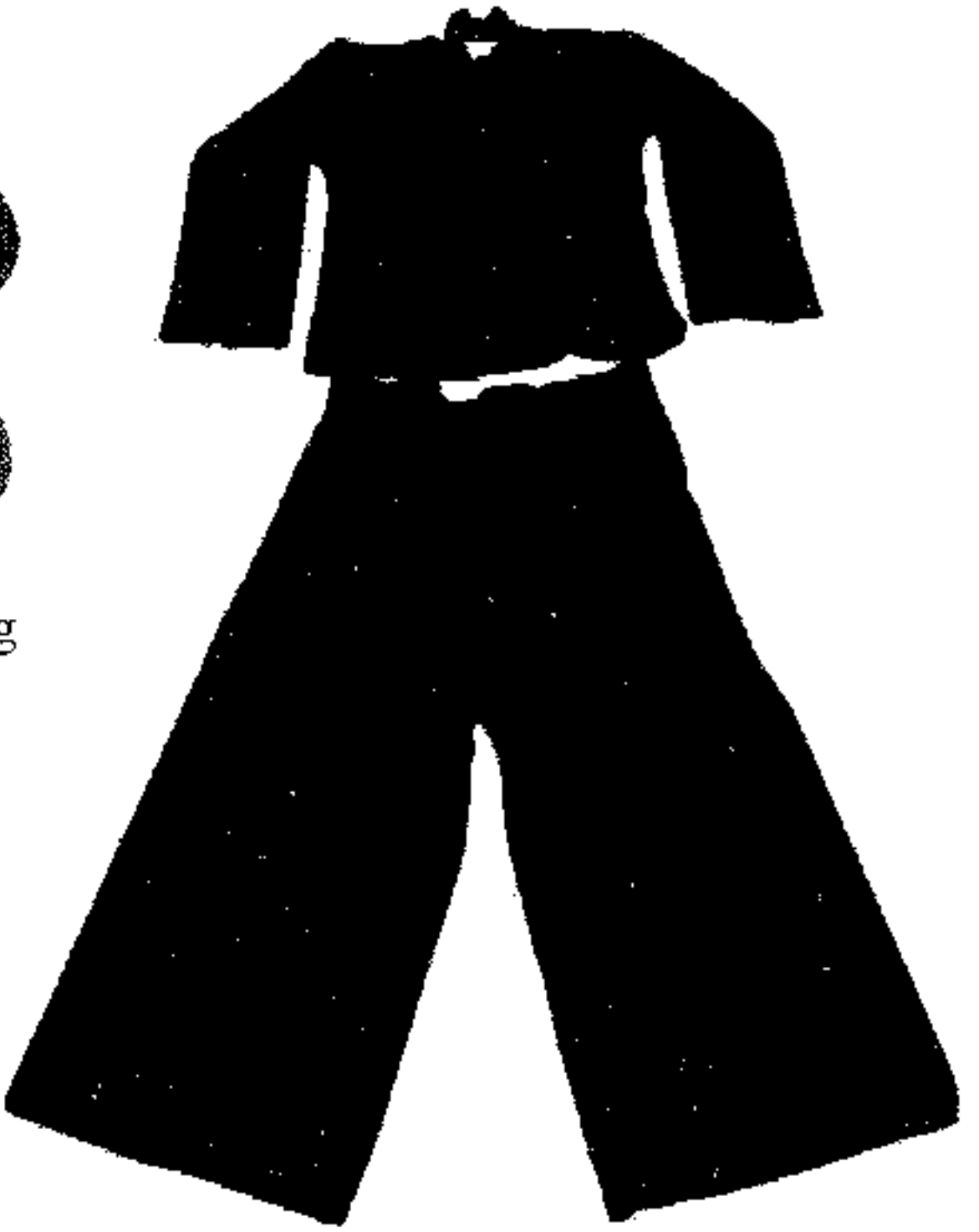
Ảnh 61: Phụ nữ Tày (nhóm Pa Dí) ở Lào Cai



Ảnh 62: Trang phục phụ nữ Tày ở vùng Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên



Ảnh 63: Giày vải đen dùng trong sinh hoạt hàng ngày

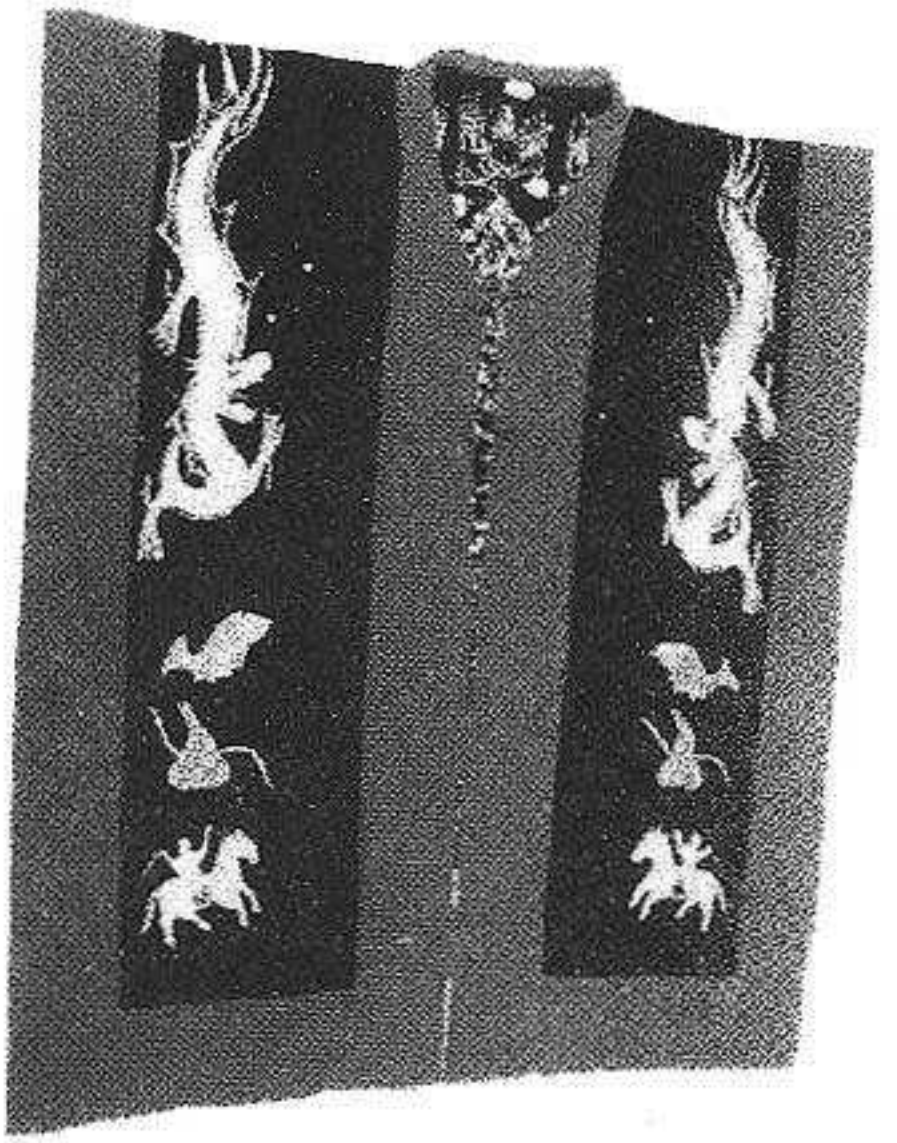


Ảnh 64: Y phục nam giới dân tộc Tày



Ảnh 65: Một số kiểu giày dùng trong lễ hội, cưới xin của phụ nữ Tày

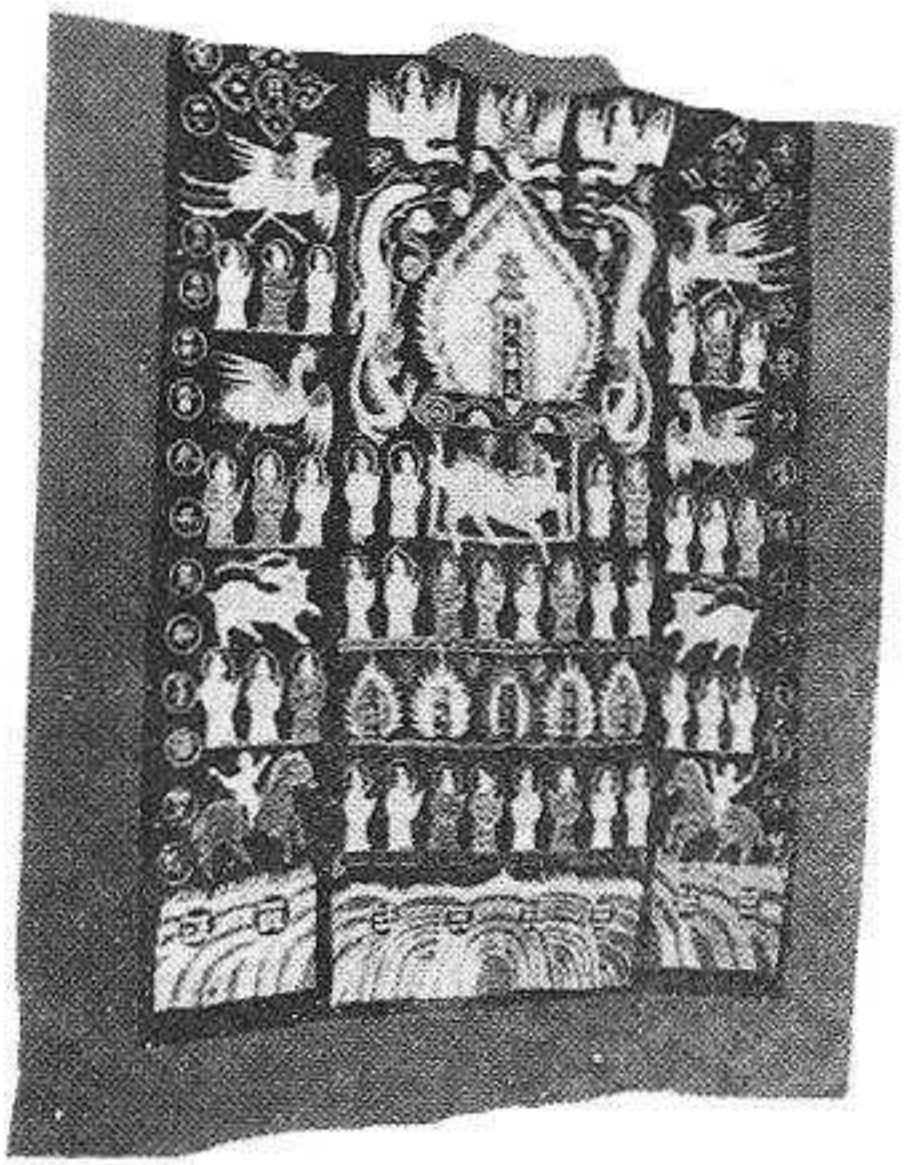
Trang phục thầy tào người Tày



Ảnh 66: Mặt trước áo thầy tào



Ảnh 67: Mũ thầy tào loại ngũ nhạc

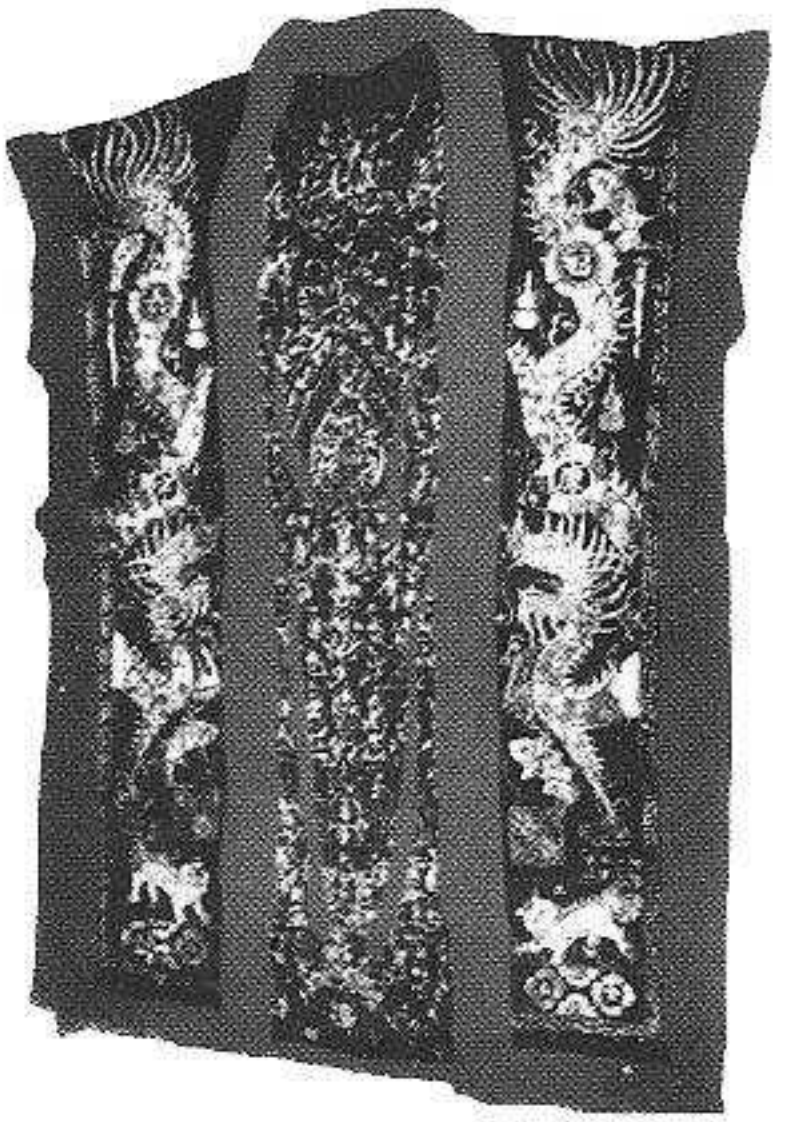


Ảnh 68: Mặt sau áo thầy tào

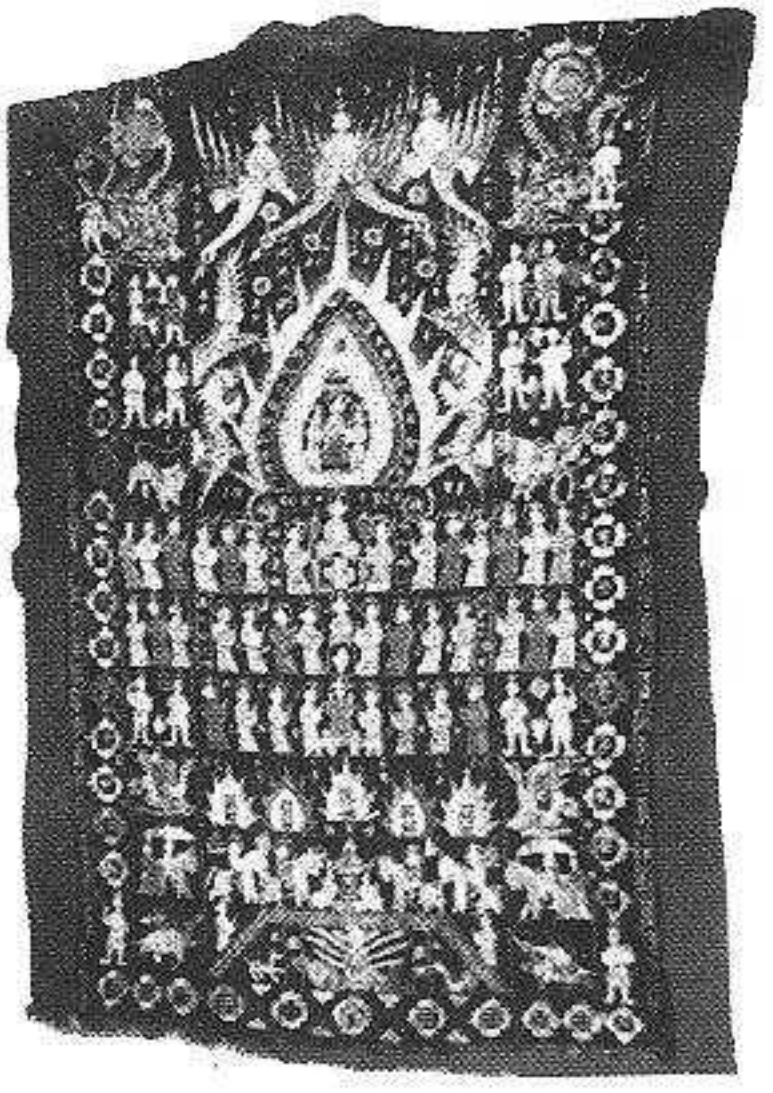
Trang phục thầy mo người Tày



Ảnh 69: Mũ thầy mo dân tộc Tày ở thị trấn Quảng Uyên huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng



Ảnh 70: Mặt trước áo thầy mo dân tộc Tày ở thị trấn Quảng Uyên huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng



Ảnh 71: Mặt sau áo thầy mo

Trang phục làm then người Tày



Ảnh 72: Một cảnh trong lễ lẩu then

Ảnh 73: Trang phục then nhìn từ phía sau





Ảnh 74: Chân dung then khi hành lễ



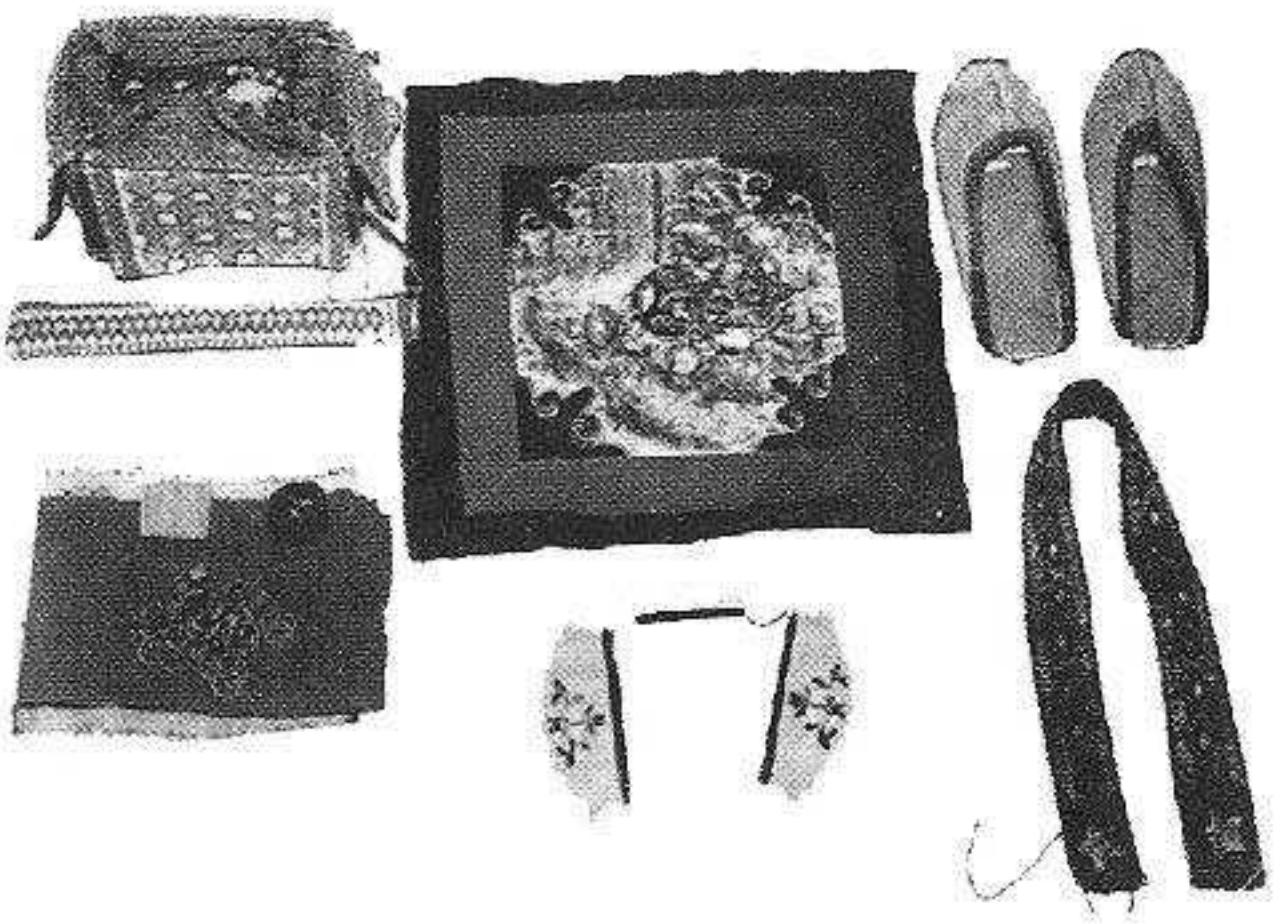
Ảnh 75: Áo làm then của người Tày ở huyện Na Rì tỉnh Bắc Kạn



Ảnh 76: Mặt trước mũ làm then

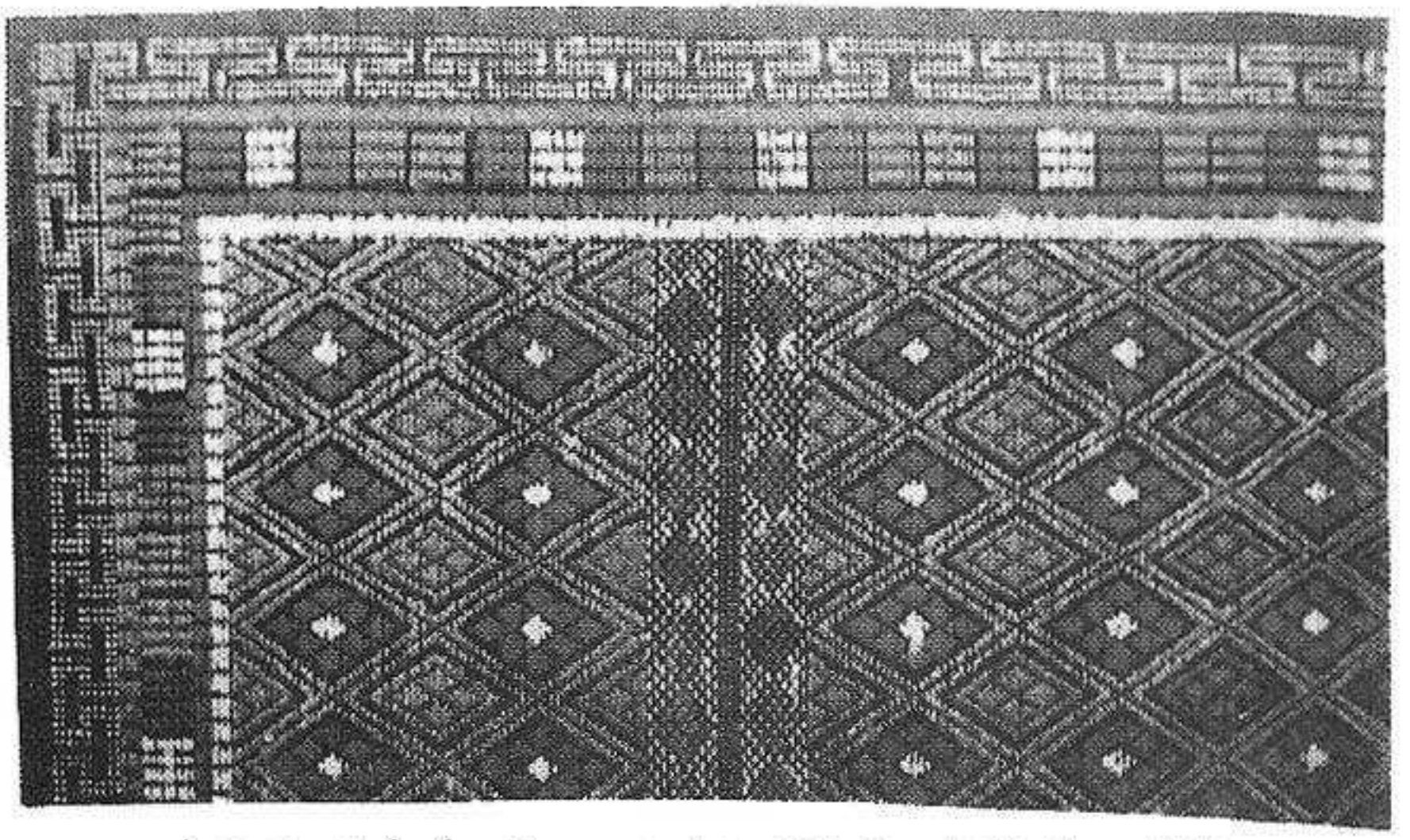


Ảnh 77: Mặt sau mũ quạt làm then

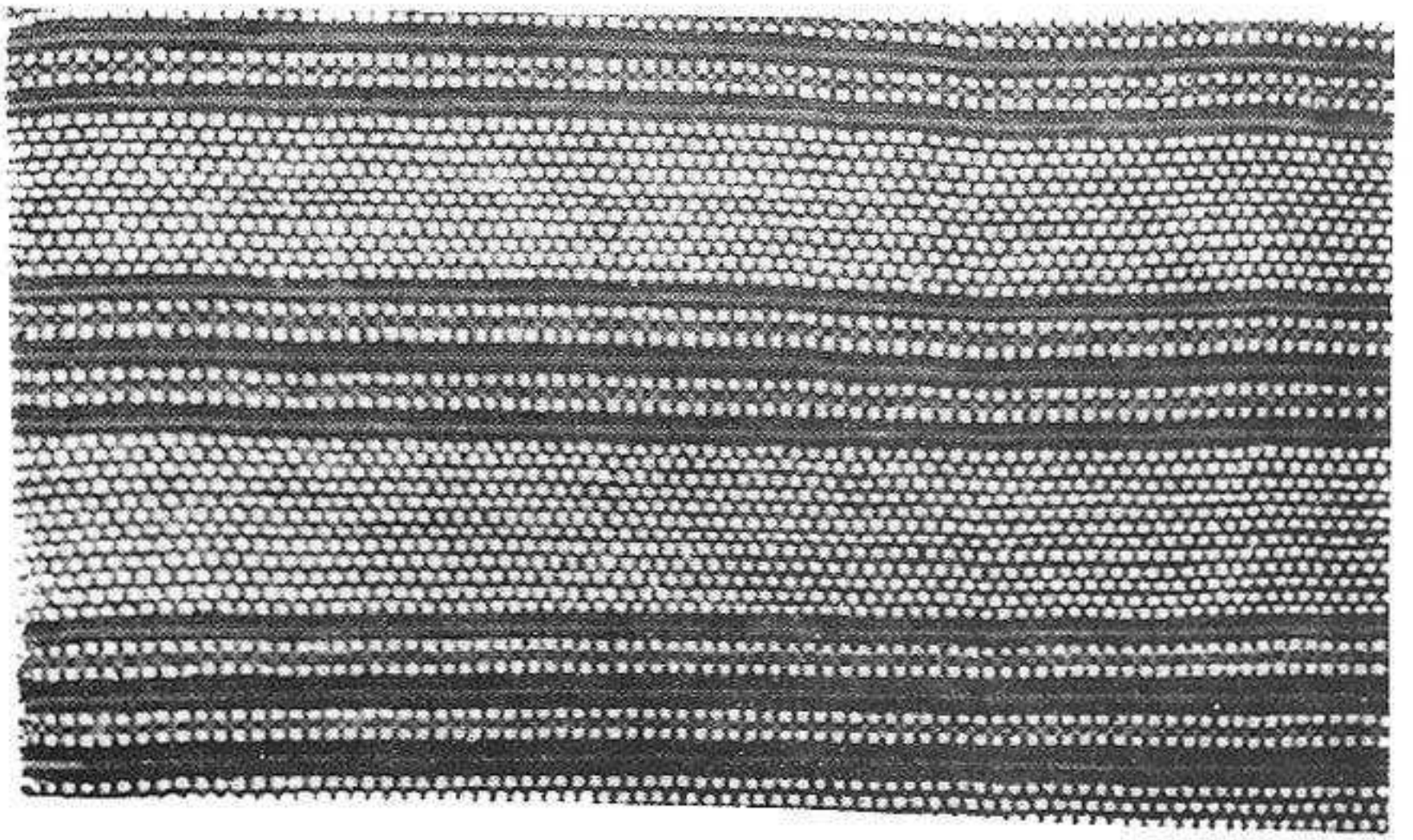


Ảnh 78: Bộ đồ làm then gồm giày vải, nhạc sóc, túi đựng, ấn tín...

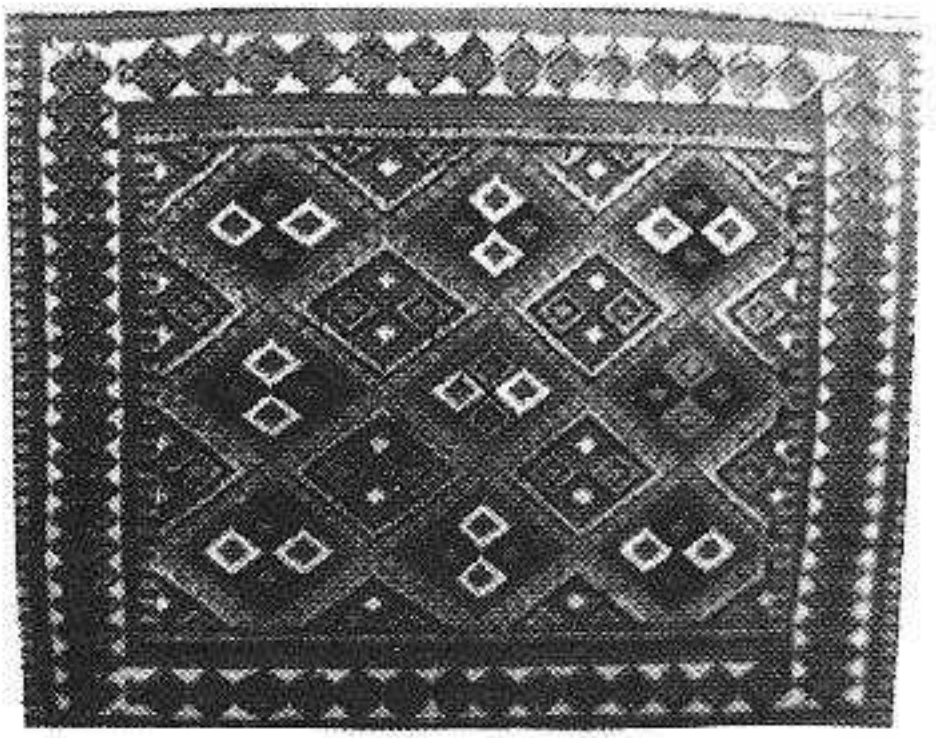
Một số hoa văn trang trí trên thổ cẩm Tày



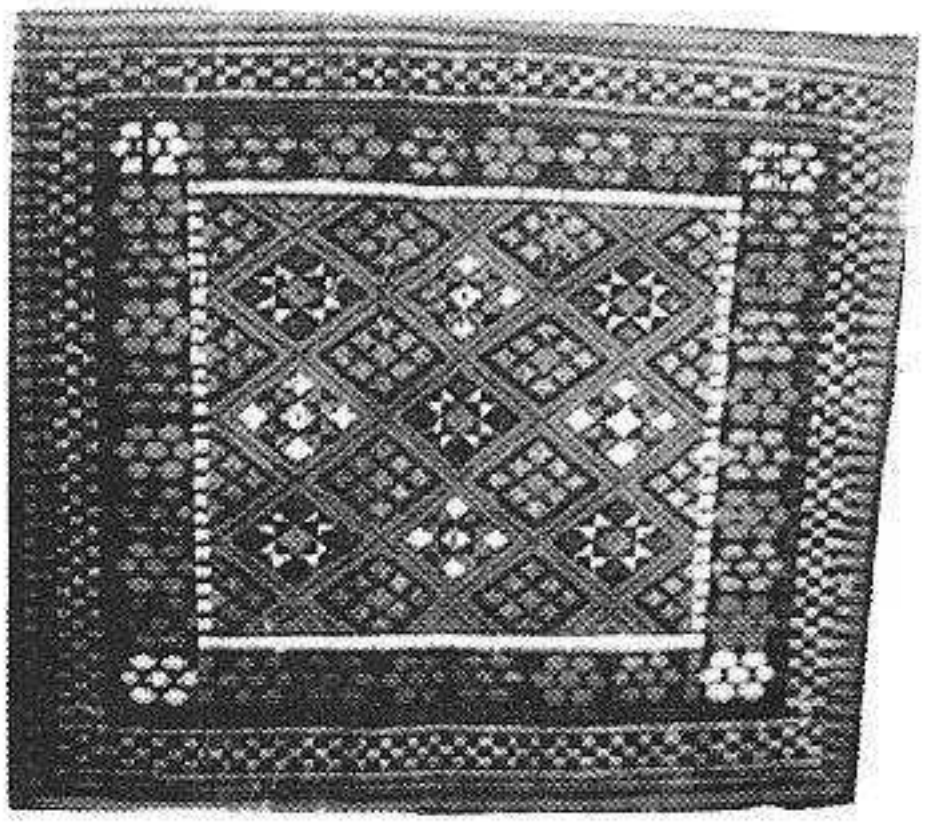
Ảnh 79: Thổ cẩm làm mặt chăn ("bjoóc phăt" - hoa nhội)



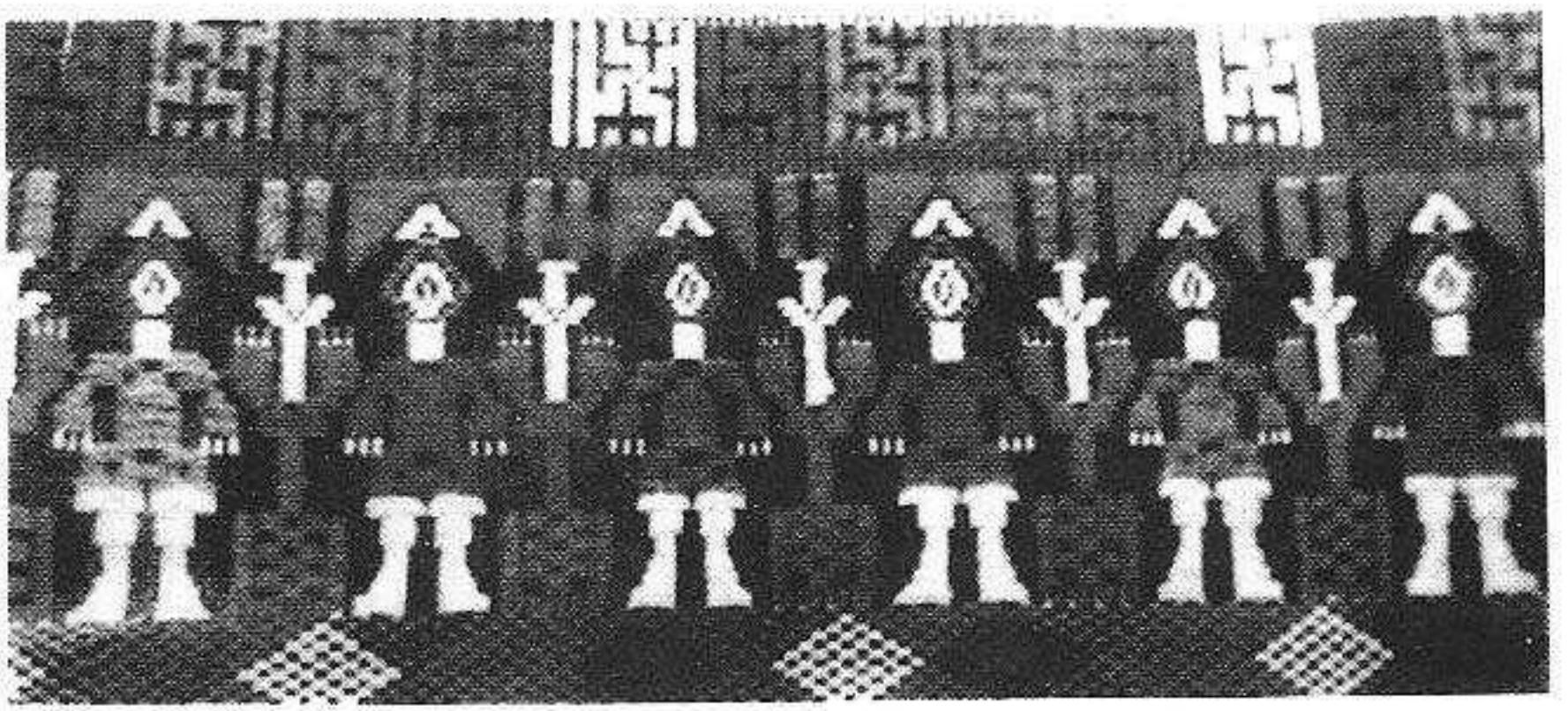
Ảnh 80: Thổ cẩm làm mặt chăn ("lài ăm" - hổ tiêu)



Ảnh 81: Thổ cẩm
làm mặt gối

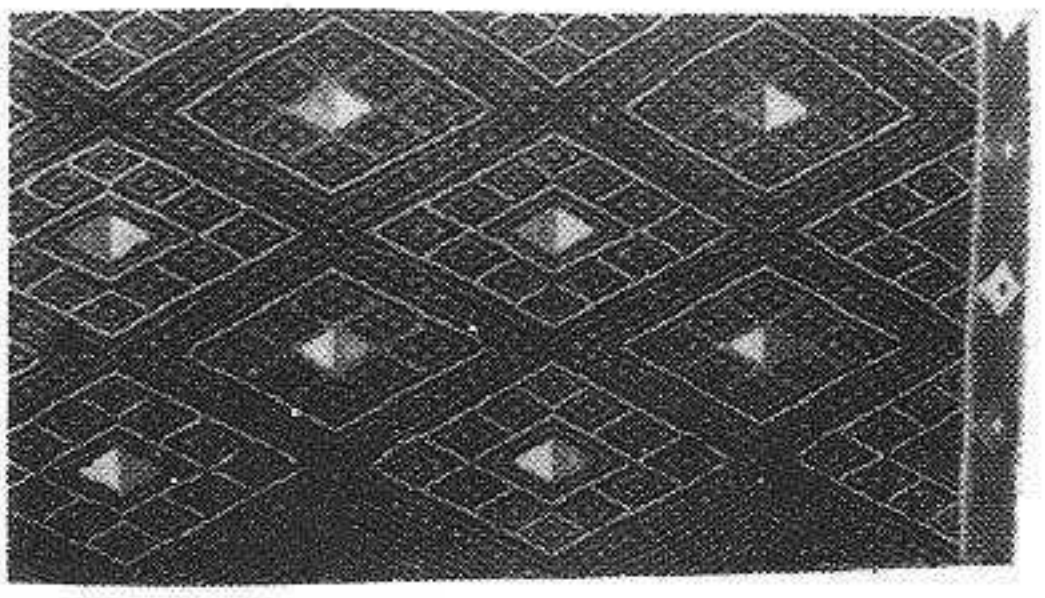


Ảnh 82: Thổ cẩm
làm mặt địu



Ảnh 83: Mô típ hình người đội nón dùng trang trí trên đầu màn che

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC NGƯỜI NÙNG



Ảnh 84: Một mẫu thổ cẩm
dùng làm mặt chăn của người Nùng



Ảnh 85: Bộ y phục phụ nữ
Nùng An ở xã Phúc Sen
huyện Quảng Uyên
tỉnh Cao Bằng





Ảnh 86: Trang phục
phụ nữ Nùng An
ở xã Phúc Sen
huyện Quảng Uyên
tỉnh Cao Bằng



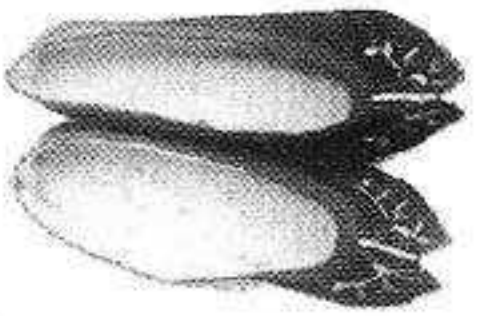
Ảnh 87: Trang phục của
phụ nữ Nùng Giang
ở Cao Bằng



Ảnh 88: Bộ y phục phụ nữ Nùng Giang

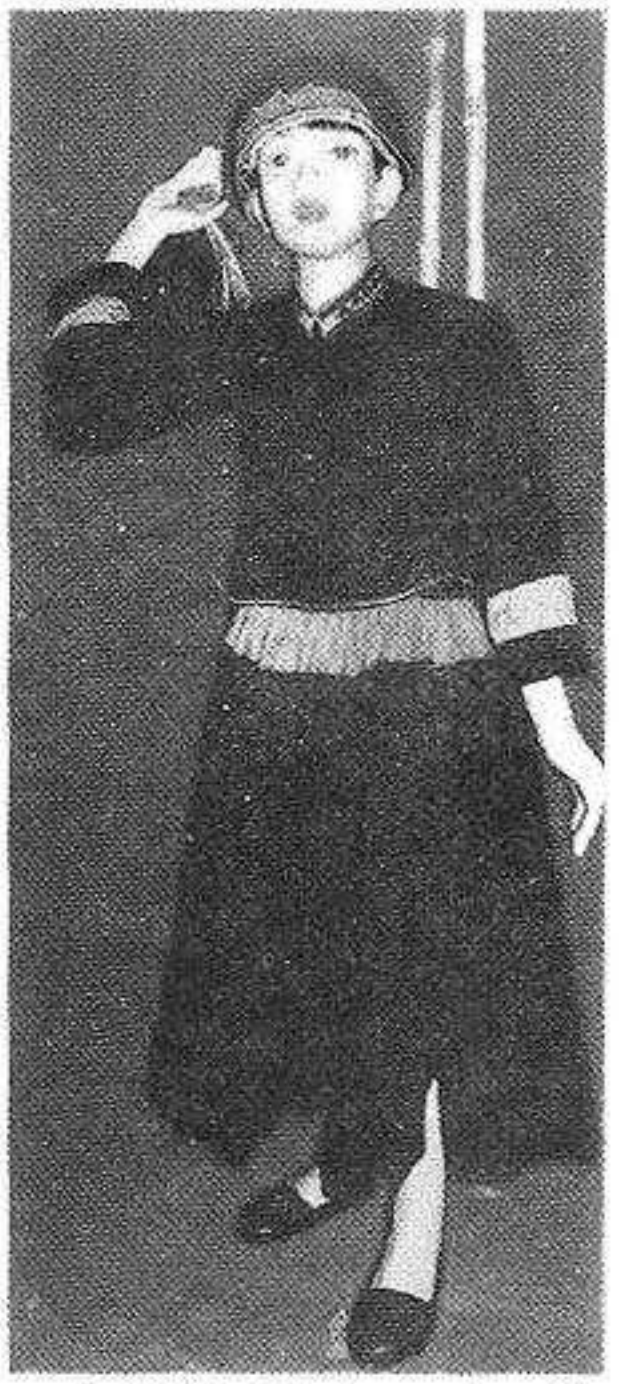


Ảnh 89: Giày dùng trong cưới xin, lễ hội của phụ nữ Nùng Giang





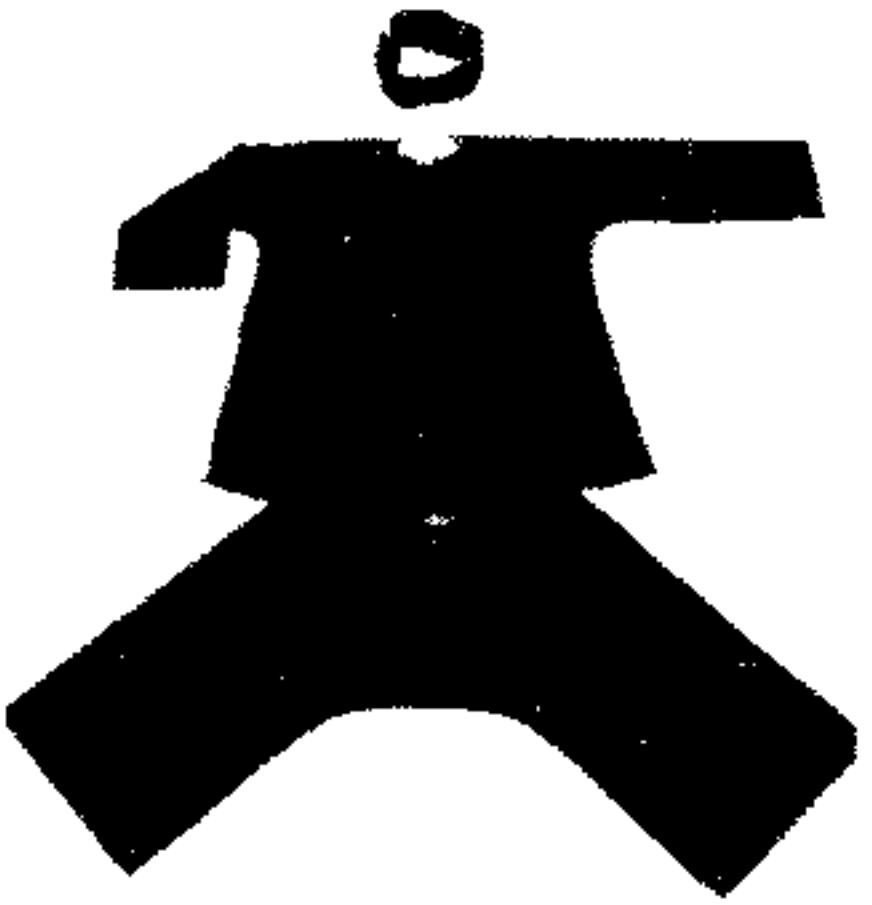
Ảnh 91: Áo phụ nữ Nùng Dín



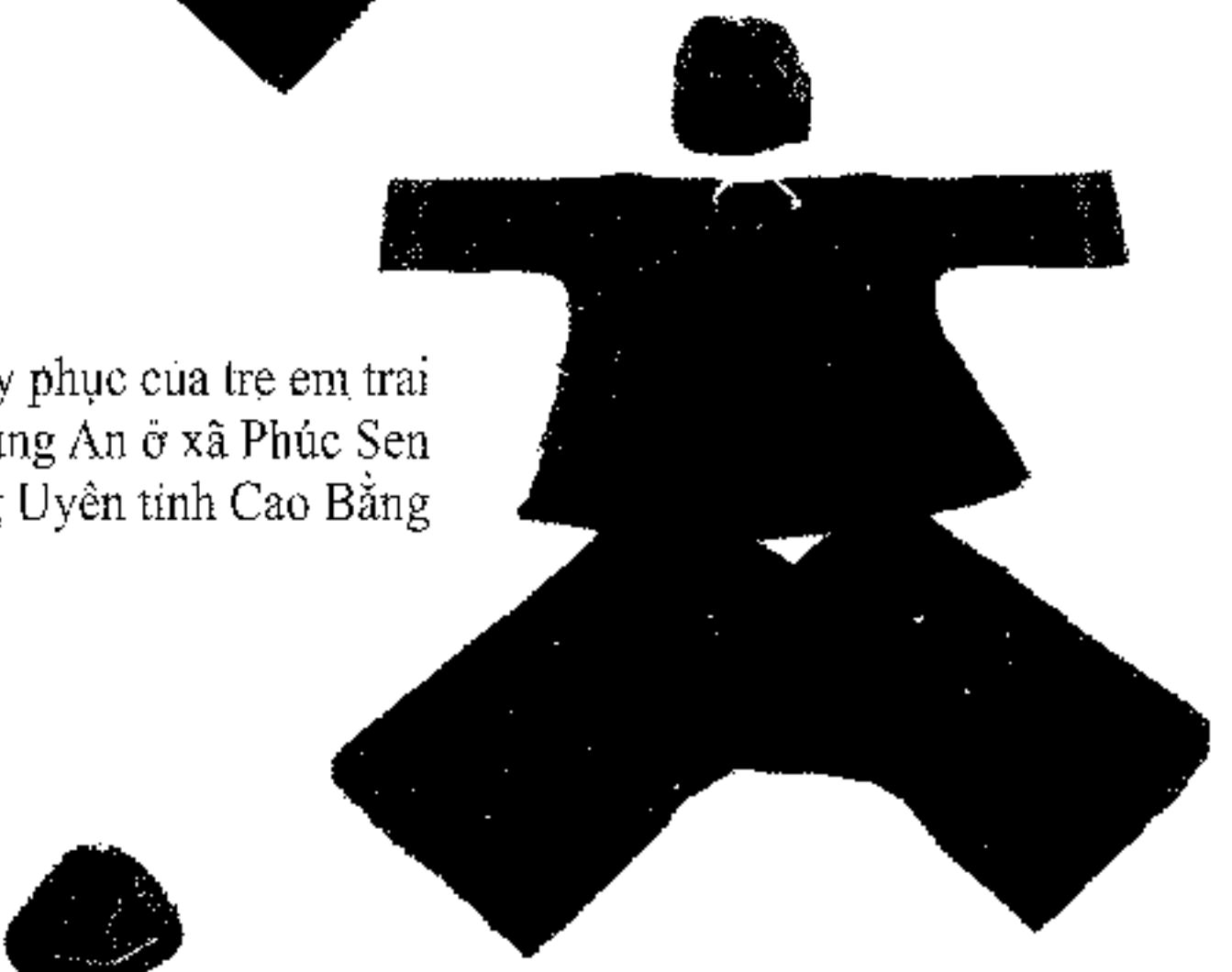
Ảnh 90: Y phục phụ nữ Nùng Dín(trang trí nhiều hạt bạc trên khăn đội đầu, cổ áo)



Ảnh 92: Phụ nữ Nùng Phàn Slinh ở huyện Bình Gia tỉnh Lạng Sơn



Ảnh 93: Bộ y phục
nam dân tộc Nùng



Ảnh 94: Bộ y phục của trẻ em trai
nhóm Nùng An ở xã Phúc Sen
huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng



Ảnh 95: Bộ y phục của trẻ em gái
nhóm Nùng An ở xã Phúc Sen
huyện Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng

Trang phục thầy cúng người Nùng



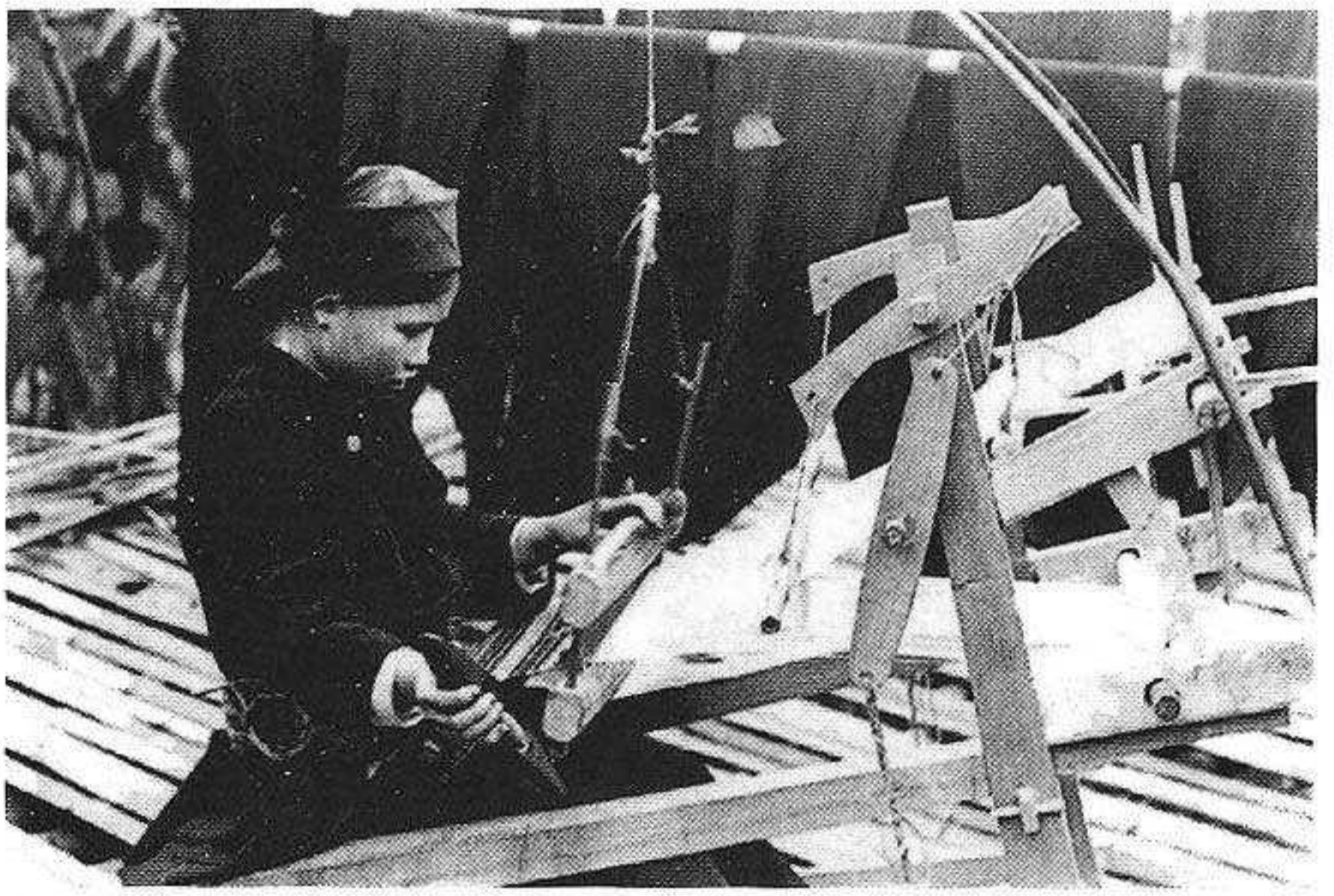
Ảnh 96: Mặt sau áo thầy cúng người Nùng Phàn Slình ở huyện Bình Gia tỉnh Lạng Sơn



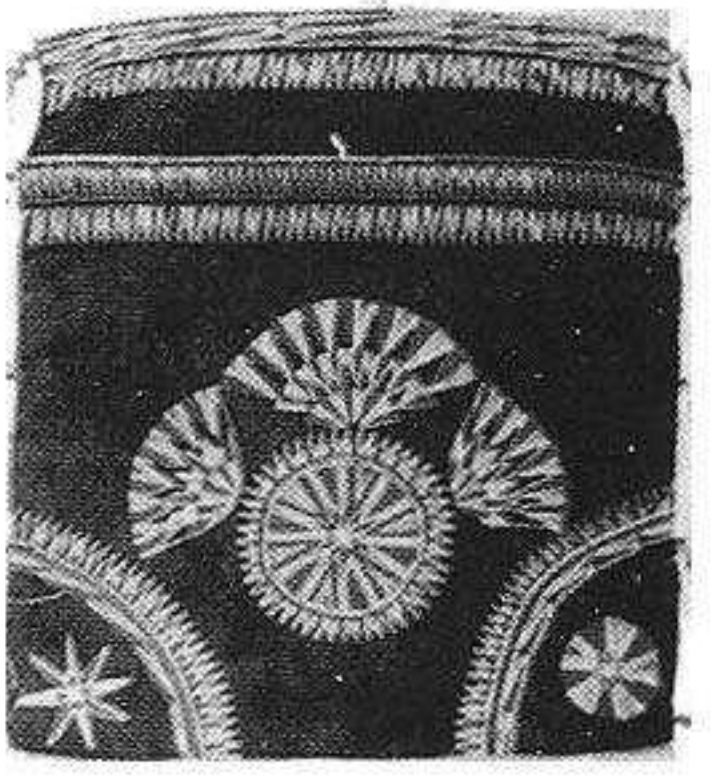
Ảnh 97: Mặt trước áo thầy cúng



Ảnh 98: Chân dung thầy cúng người Nùng ở Cao Bằng

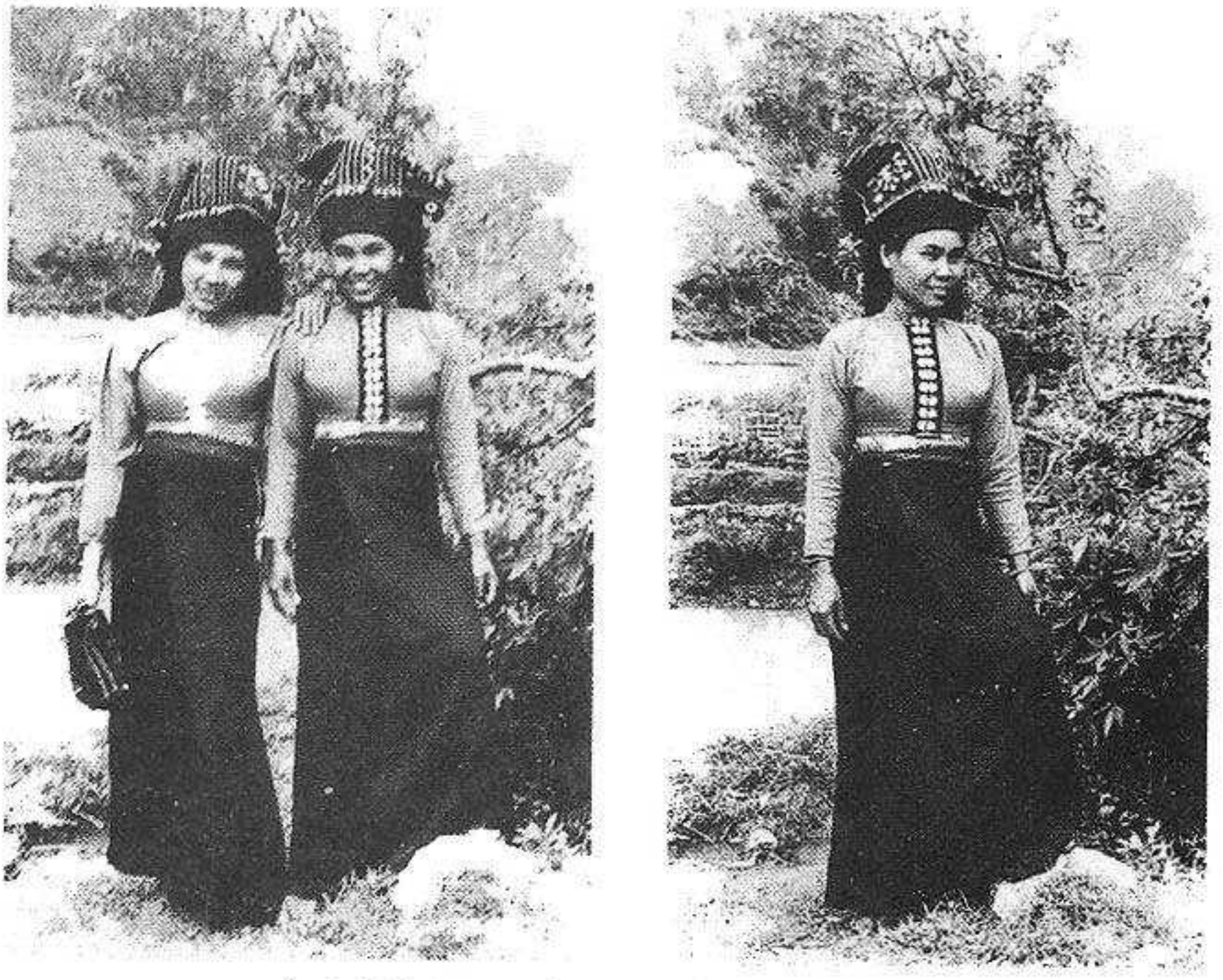


Ảnh 99: Phụ nữ Nùng Phàn Slinh
ở huyện Bình Gia tỉnh Lạng Sơn
dệt vải thô trắng nhuộm chàm
may y phục

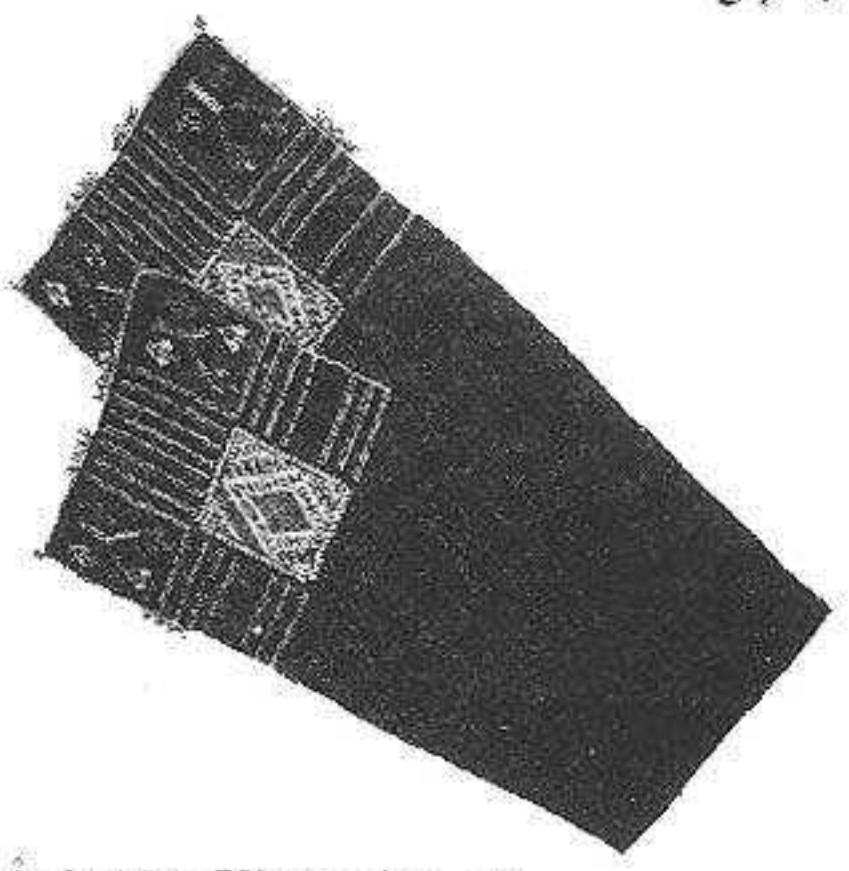


Ảnh 100: Vải thổ cẩm được dùng
làm túi đeo của phụ nữ Nùng

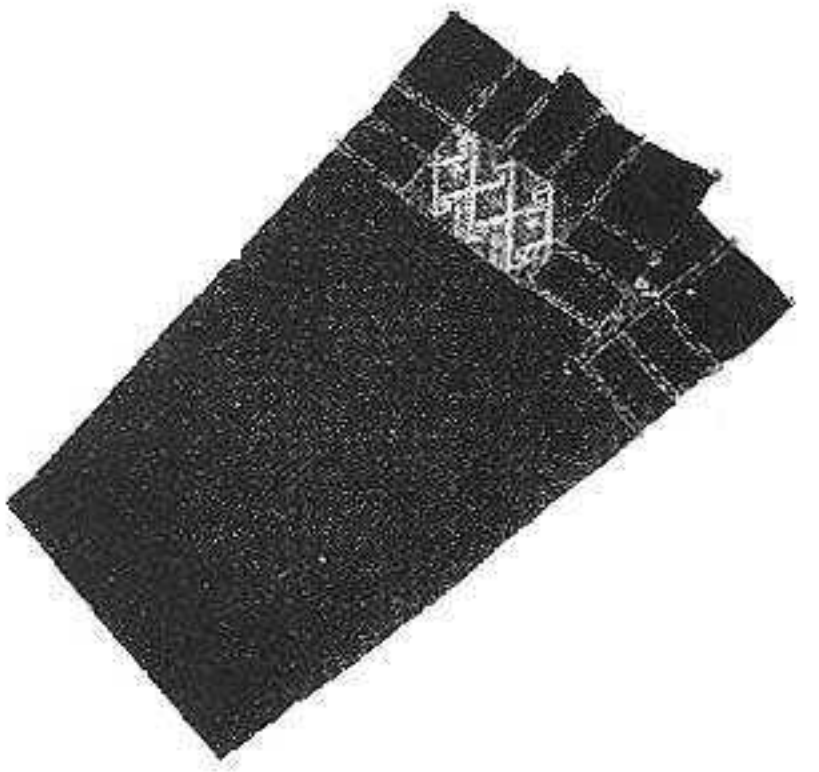
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI THÁI



Ảnh 101: Trang phục của phụ nữ Thái Đen



Ảnh 102: Khăn piêu cút
của thiếu nữ



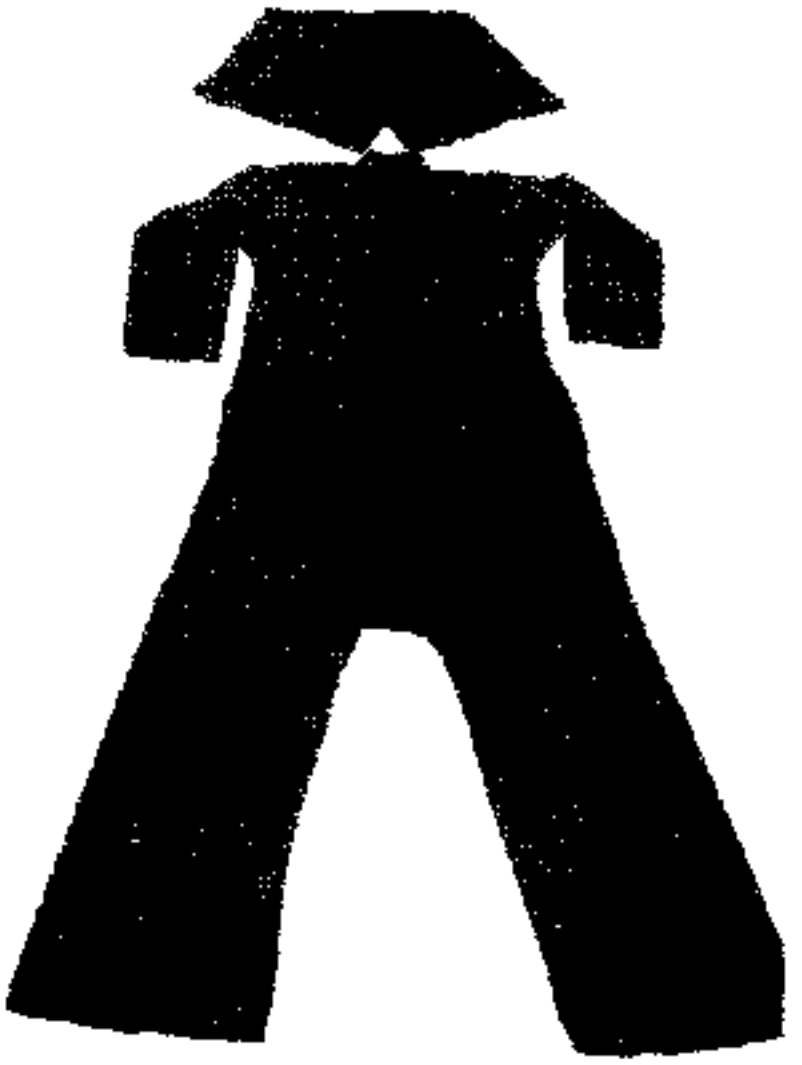
Ảnh 103: Khăn piêu xiếu
của người già



Ảnh 104: Áo dài dùng trong lễ hội, cưới xin của phụ nữ Thái Đen



Ảnh 105: Tằng cầu (búi tóc ngược trên đỉnh đầu) của phụ nữ Thái Đen



Ảnh 106: Bộ y phục thường ngày của nam giới Thái Đen

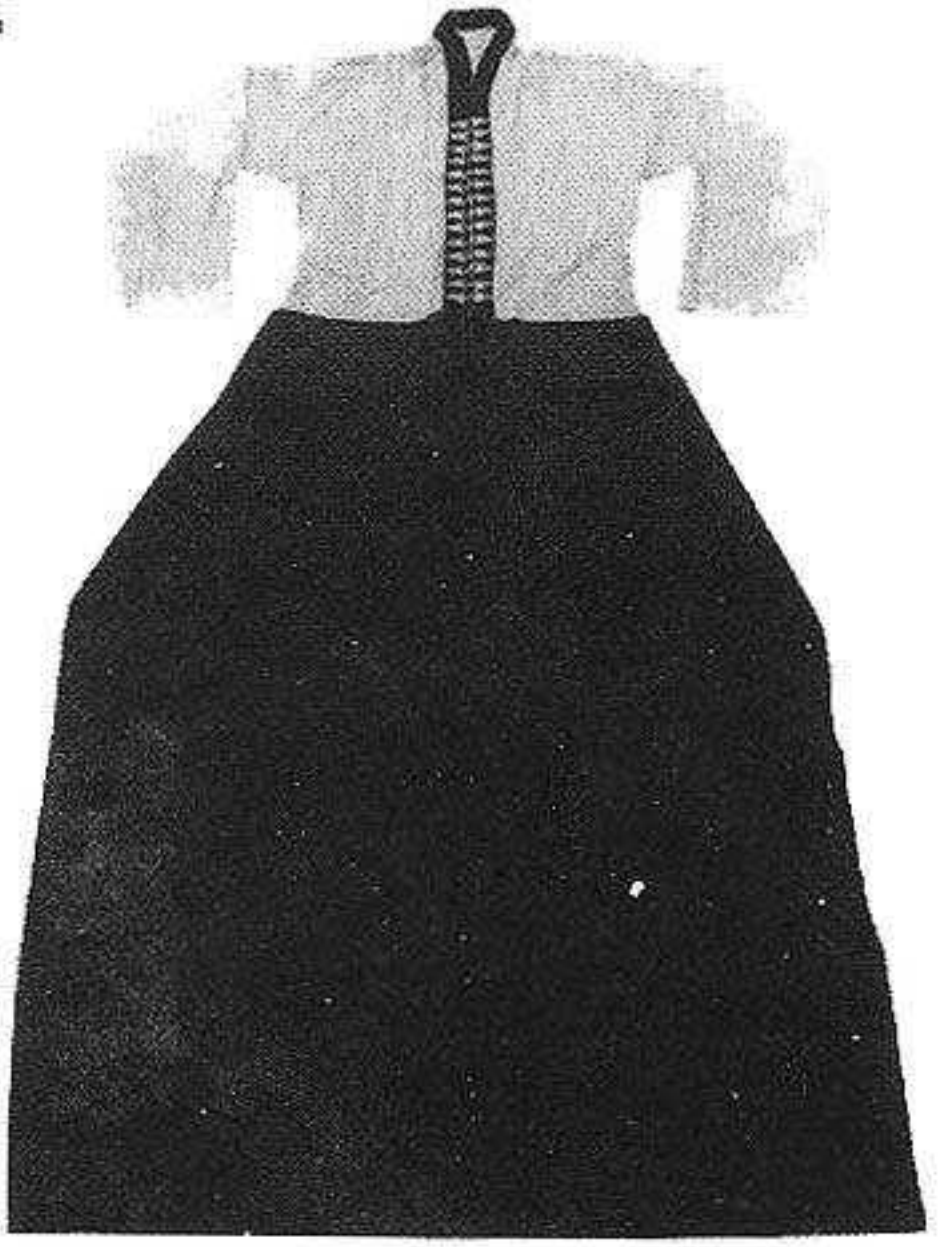


Ảnh 107: Áo dài lễ hội của nam giới Thái Đen



Ảnh 108: Mặt trong áo dài mặc trong ngày cưới của phụ nữ Thái Trắng

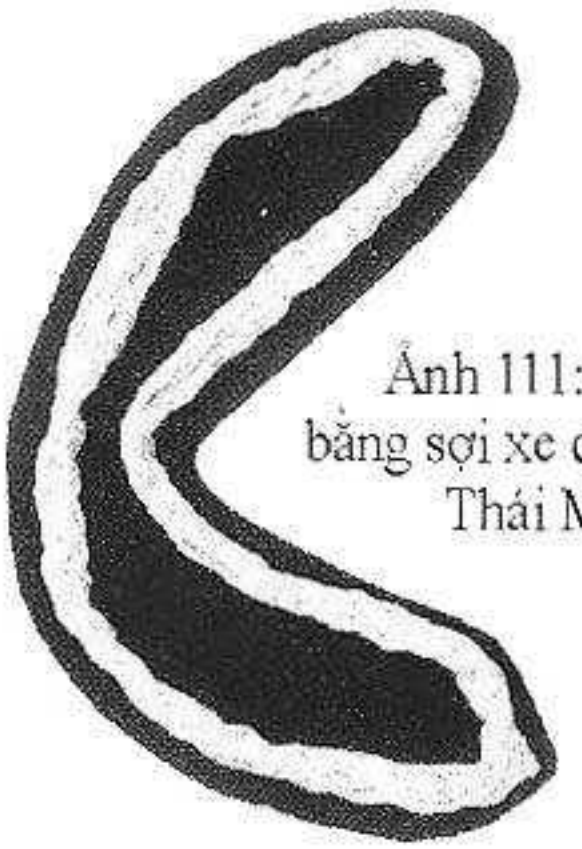




Ảnh 109: Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Thái Trắng ở Sơn La

Ảnh 110: Phụ nữ Thái Trắng ở Sơn La trong trang phục áo dài lễ hội





Ảnh 111: Thắt lưng bằng sợi xe của phụ nữ Thái Man Thanh

Ảnh 112: Trang phục của phụ nữ Thái Man Thanh

Ảnh 113: Trang phục của nam giới ngườiThái Hàng Tổng



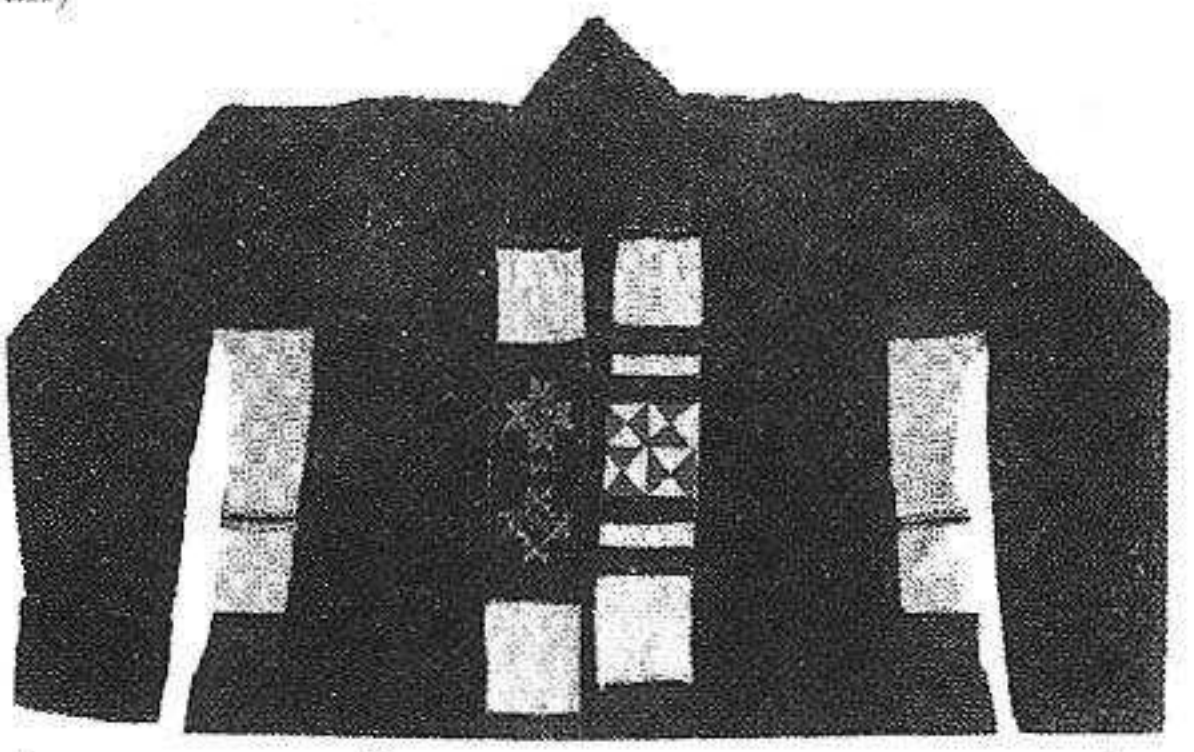
Ảnh 114: Trang phục mặc trong ngày cưới (cũng để dành mặc khi bố mẹ chồng qua đời) của cô dâu người Thái Hàng Tổng



MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI SÁN CHAY

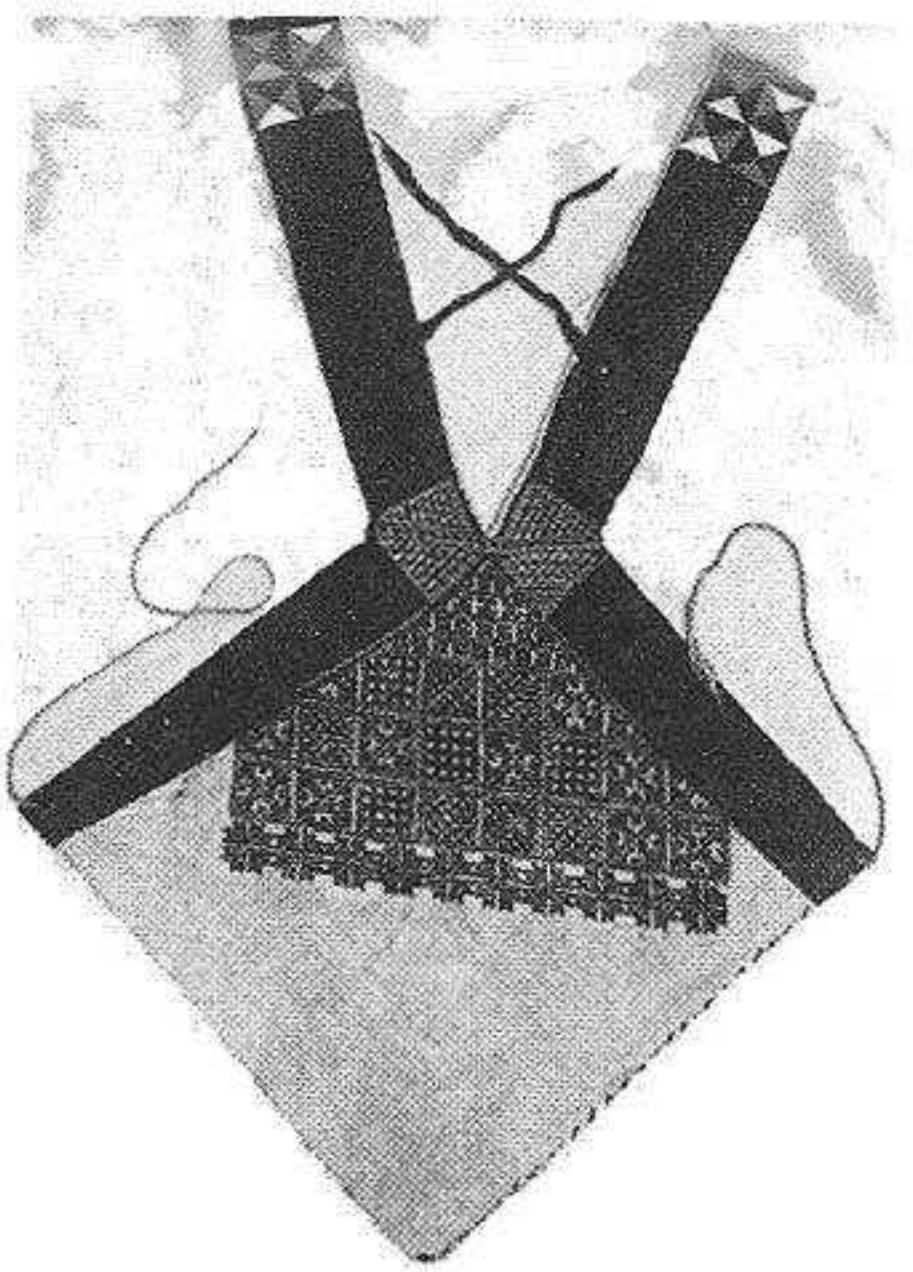


Ảnh 115: Kiểu áo thay vai ghép vải khác màu của phụ nữ Sán Chay (nhóm Cao Lan)

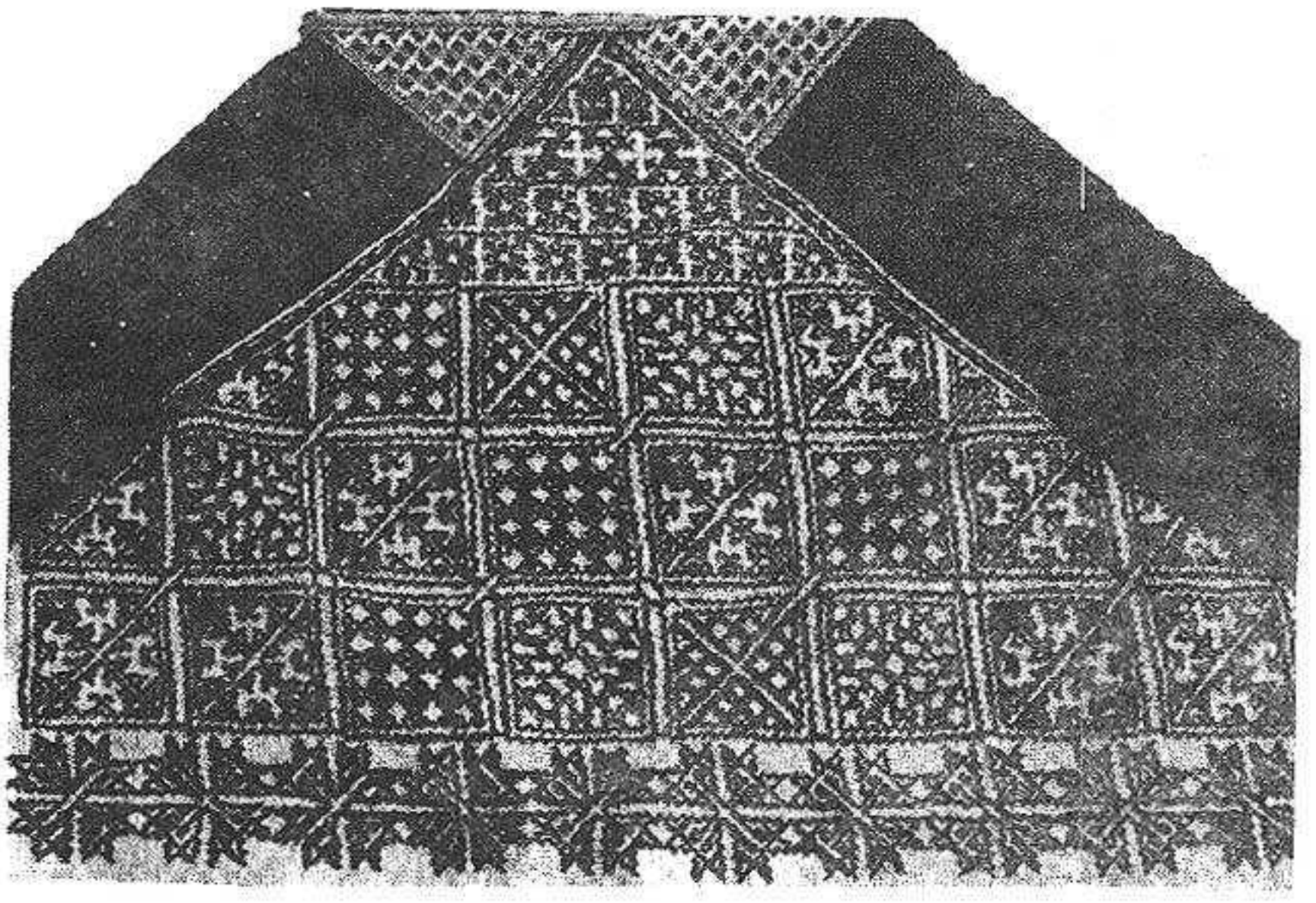


Ảnh 116: Họa tiết hoa tám cánh pặt cạc va (hoa hồi) và hình vuông piệc tiệp (hoa mỏng trắng) trên nẹp cổ áo

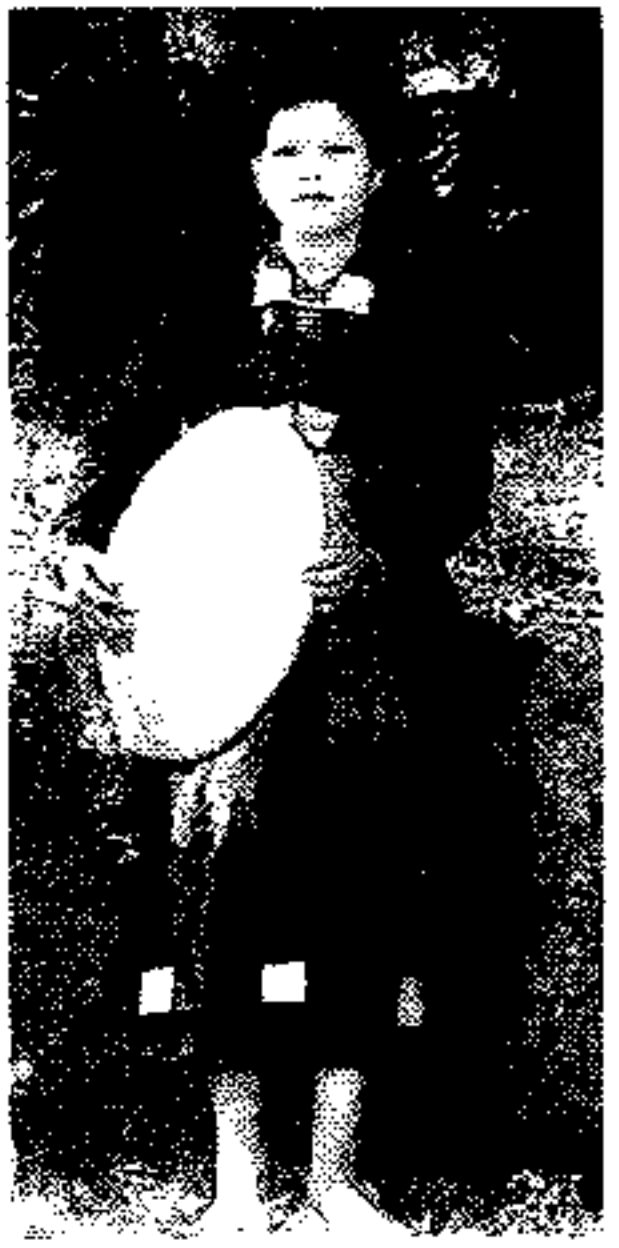
Ảnh 117: Chiếc yếm đào thự thau pụ có thêu nhiều họa tiết hoa văn



Ảnh 118: Măng hoa văn thêu trên yếm của phụ nữ Sán Chỉ







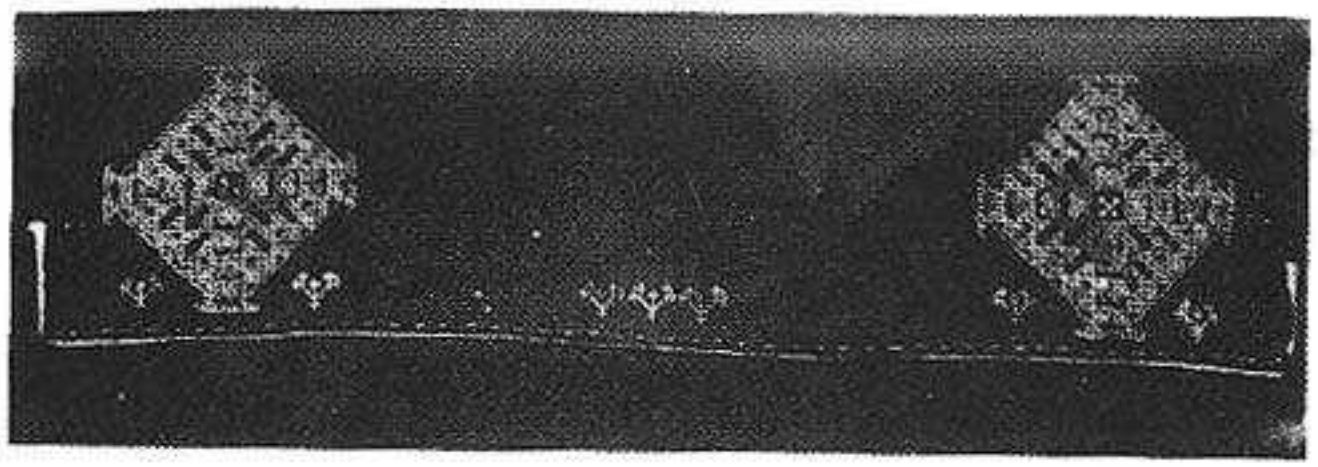
Ảnh 119: Trang phục của phụ nữ Sán Chay (Sán Chỉ) ở Thái Nguyên



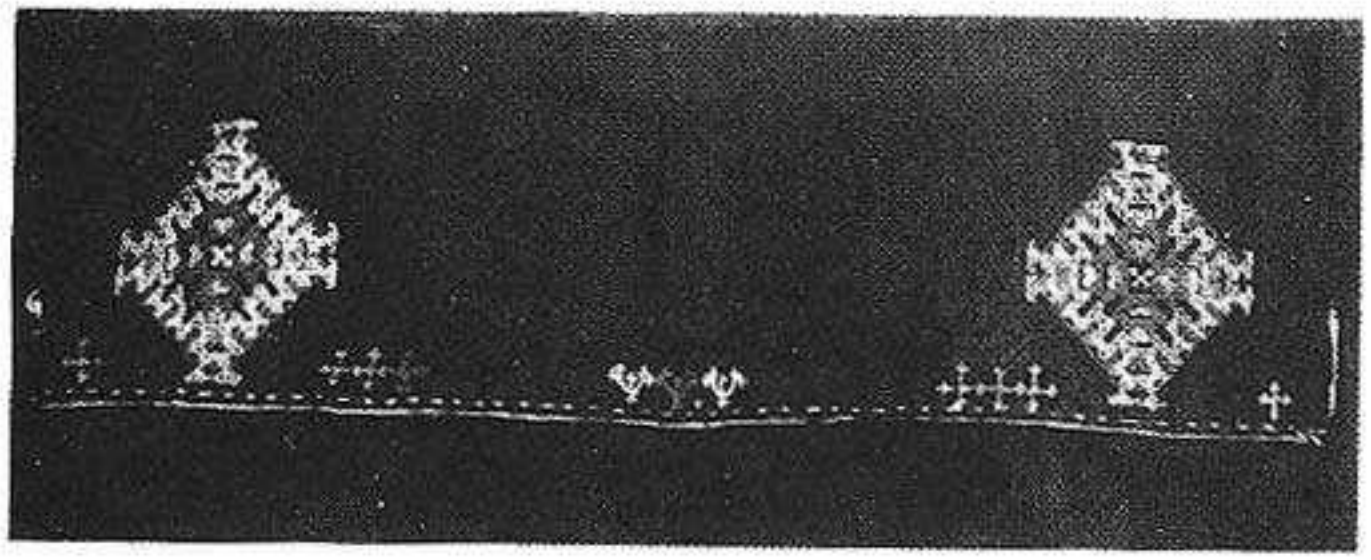
Ảnh 120: Thân trước áo dài lễ hội của phụ nữ Sán Chay (Sán Chỉ)



Ảnh 121: Thân sau áo dài lễ hội của phụ nữ Sán Chay (Sán Chỉ)



Ảnh 122: Họa tiết hoa văn trang trí trên bả vai thân áo phía sau của người Sán Chay (Sán Chỉ)





Ảnh 123: Nón lá cọ của người Sán Chay (Sán Chỉ)



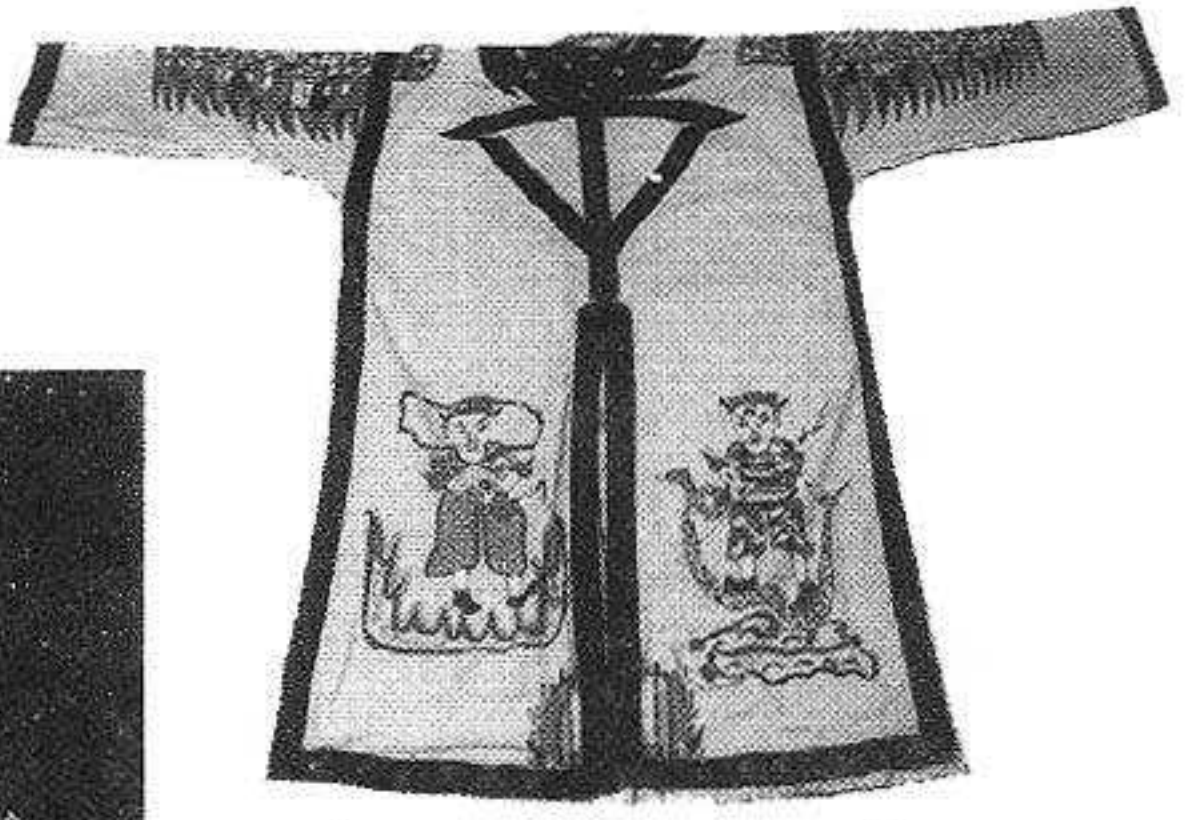
Ảnh 124: Mặt trước mũ thông thiên của thầy cúng bậc cao nhất người Sán Chay



Ảnh 125: Mặt sau mũ thông thiên của thầy cúng bậc cao nhất người Sán Chay



Ảnh 126: Thân trước áo thầy cúng bậc cao nhất (phạc phộc)



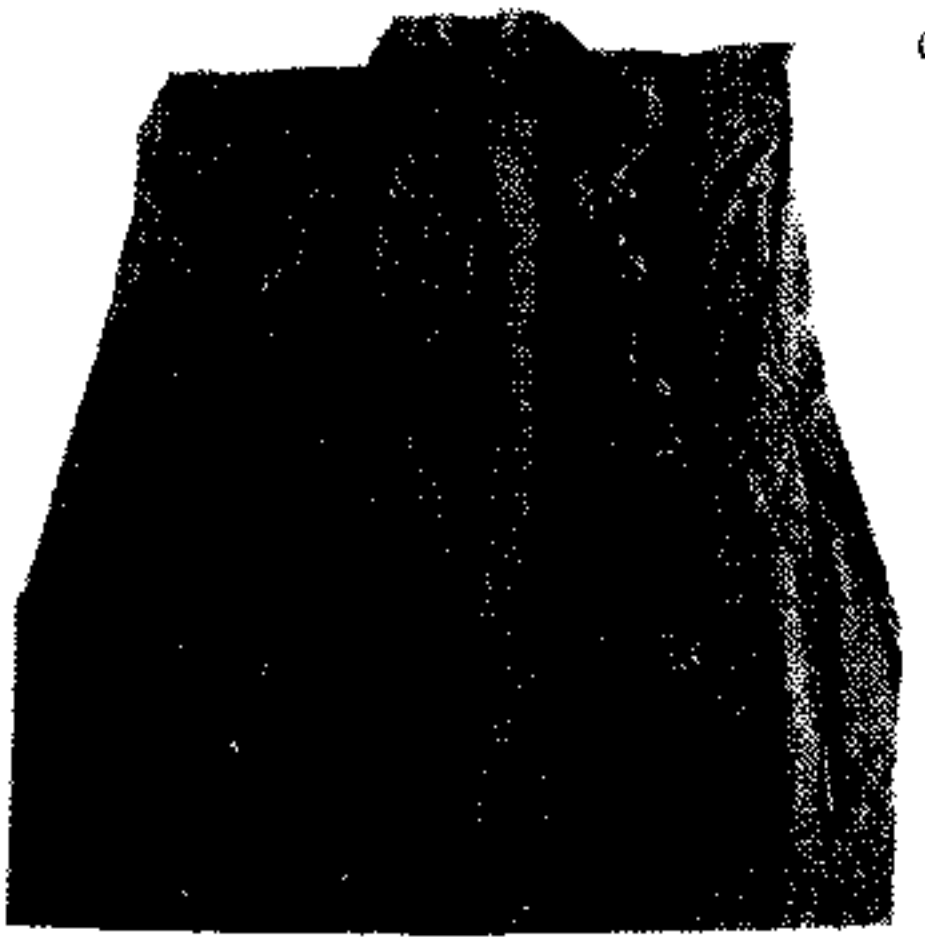
Ảnh 127: Thân sau áo thầy cúng bậc cao nhất (phạc phộc)



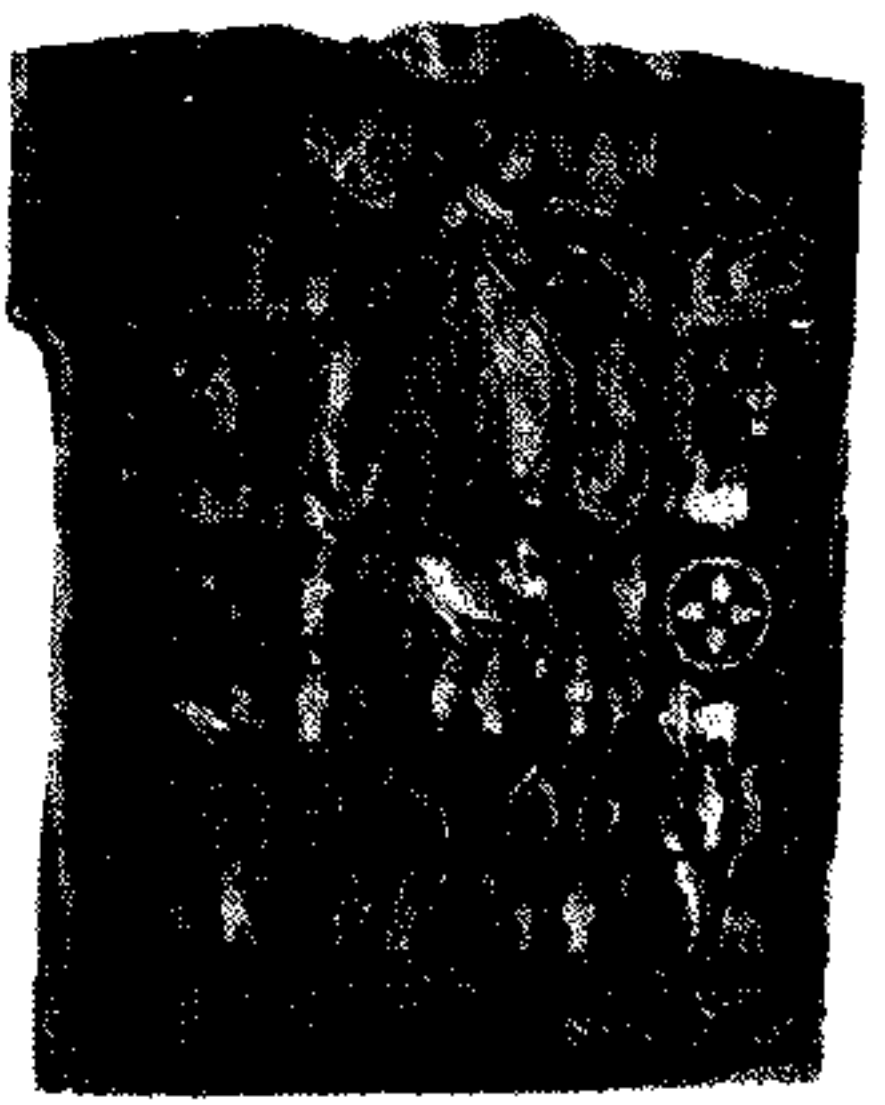
Ảnh 128: Chân dung thầy cúng người Sán Chay



Ảnh 129: Khăn vấn đầu (thân páo)
của thầy cúng bậc trung bình



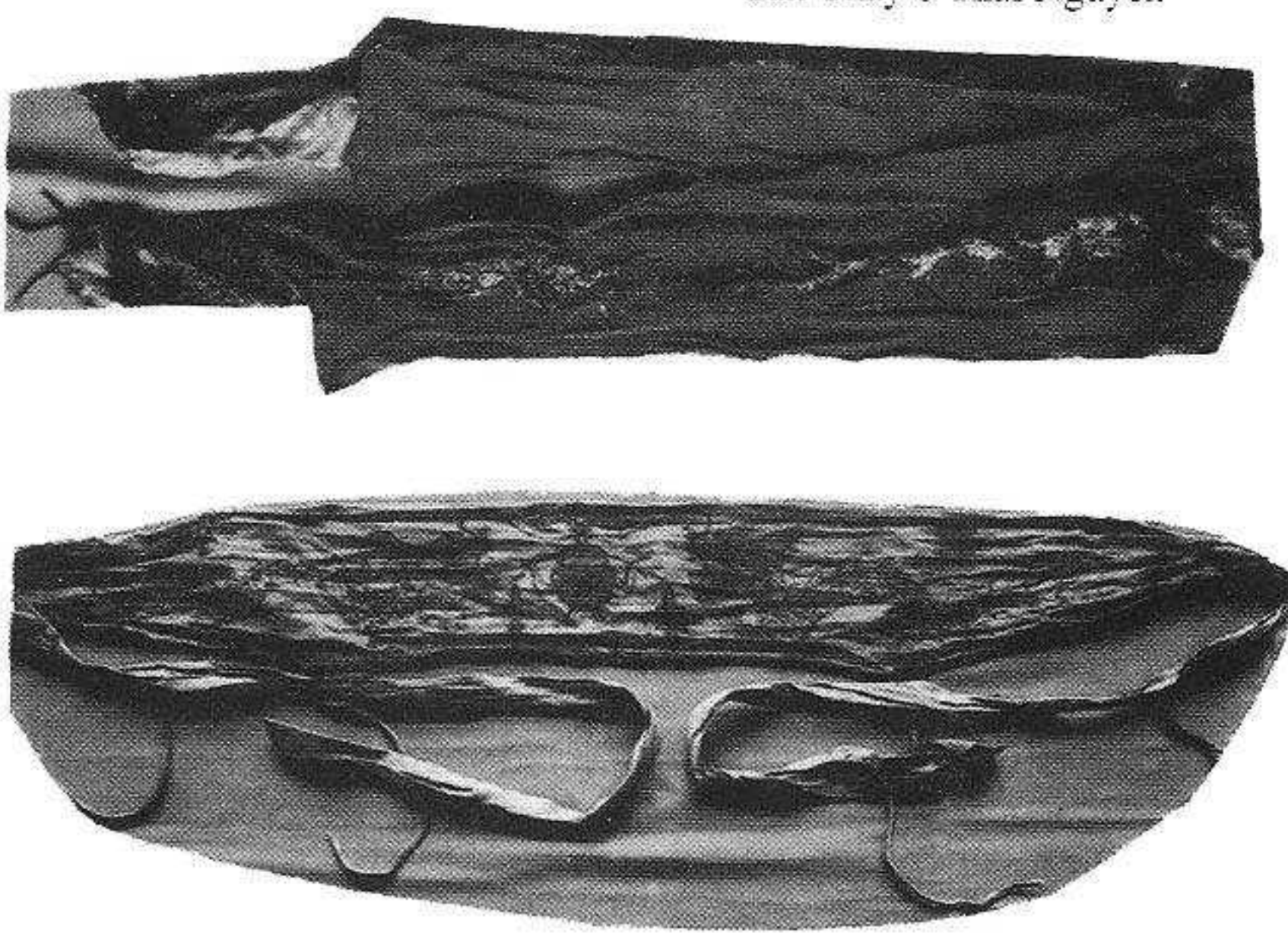
Ảnh 130: Thân trước áo
thầy cúng bậc trung bình



Ảnh 131: Thân sau áo
thầy cúng bậc trung bình



Ảnh 132: Áo (may bằng vải đỏ viền vải tím hoặc vải nâu viền vải đen) của người đang theo học nghề thầy cúng



Ảnh 133: Hai loại thắt lưng thêu hình rồng phượng của người đang theo học nghề thầy cúng của người Sán Chay ở Thái Nguyên

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI GIÁY



Ảnh 134: Trang phục
của phụ nữ Giáy ở Lào Cai



Ảnh 135: Bộ y phục
của phụ nữ Giáy ở xã Mường Hum
huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI BỐ Y



Ảnh 136: Trang phục của phụ nữ Bố Y ở huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu

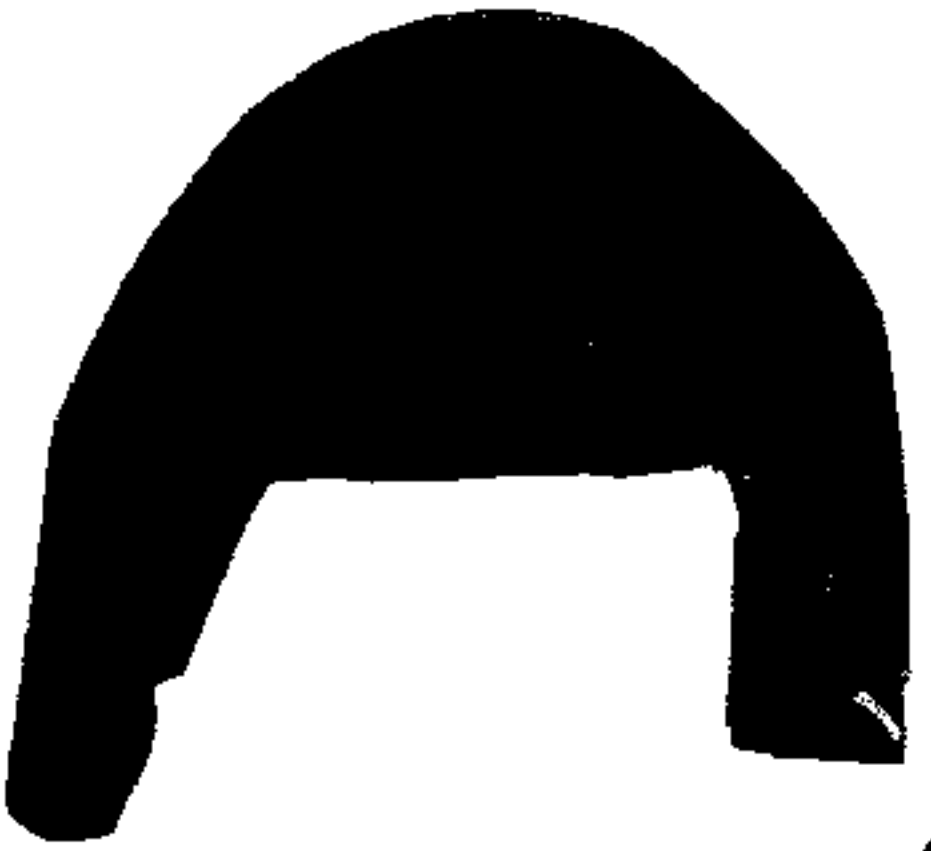


Ảnh 138: Trang phục của phụ nữ Bố Y ở Lào Cai

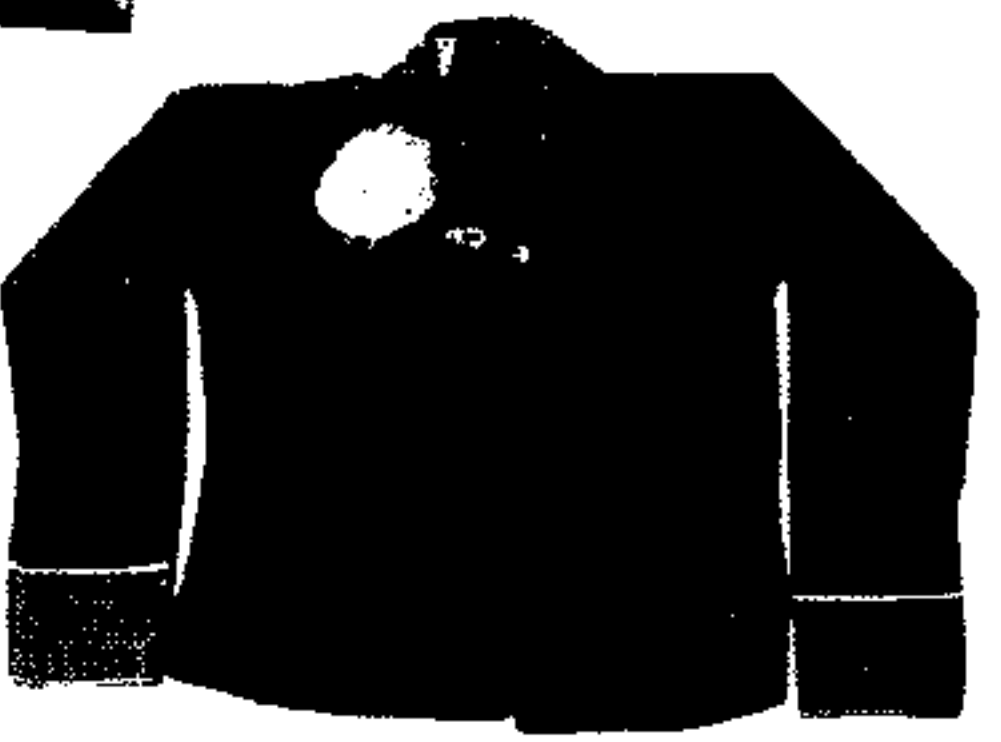
Ảnh 137: Trang phục của phụ nữ Bố Y ở Hà Giang



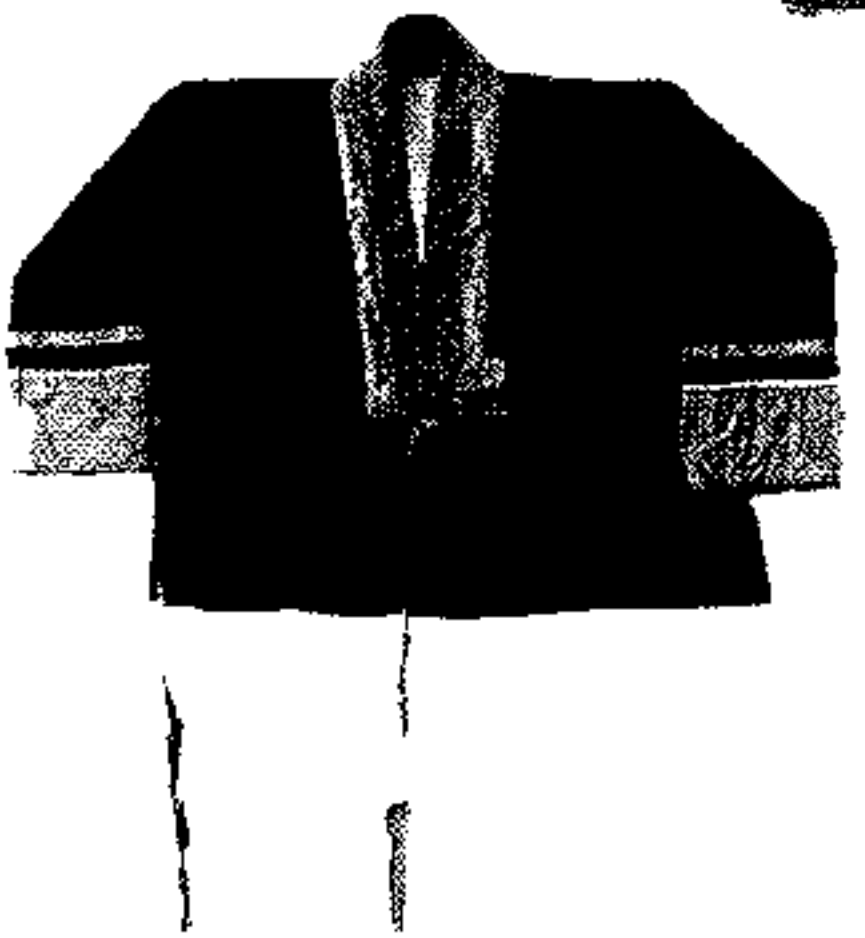
Bộ y phục của phụ nữ Bố Y ở huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu cách đây khoảng trên 100 năm



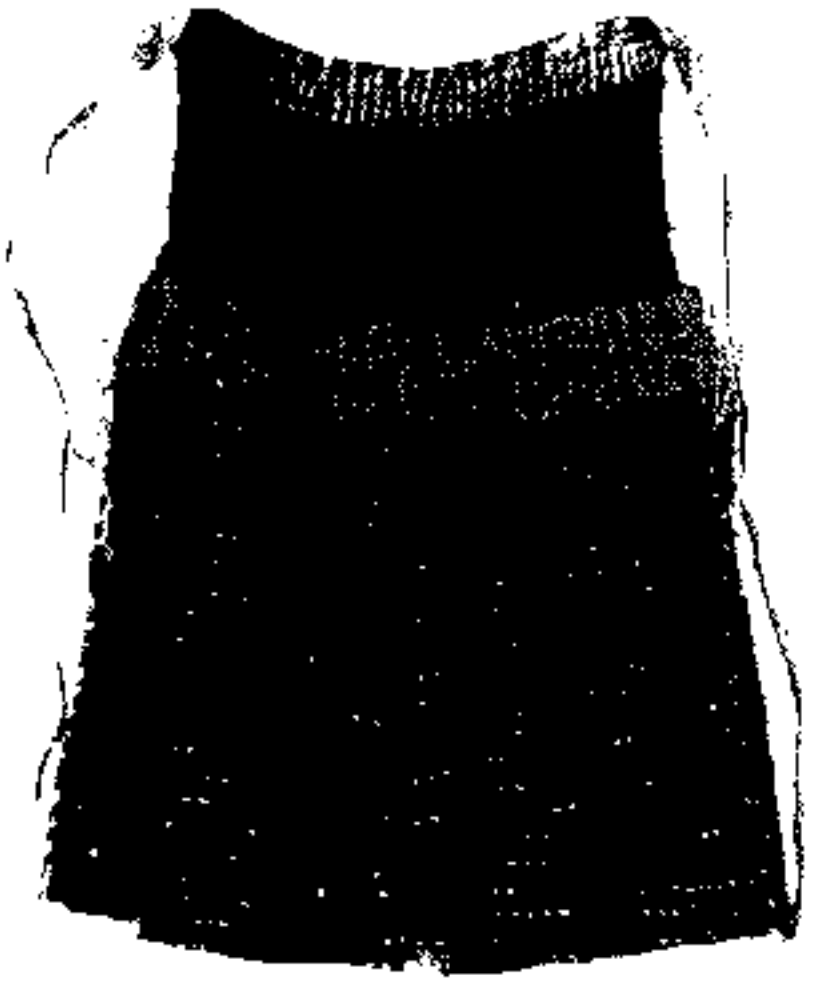
Ảnh 139: Khăn dài đội đầu màu đen



Ảnh 140: Áo trong (pù dỷ)



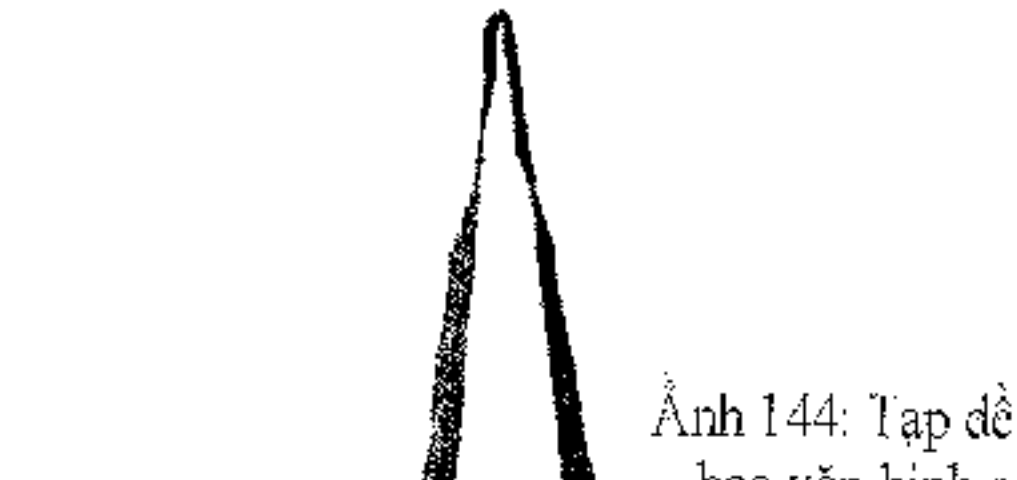
Ảnh 141: Áo ngoài (pù pập)



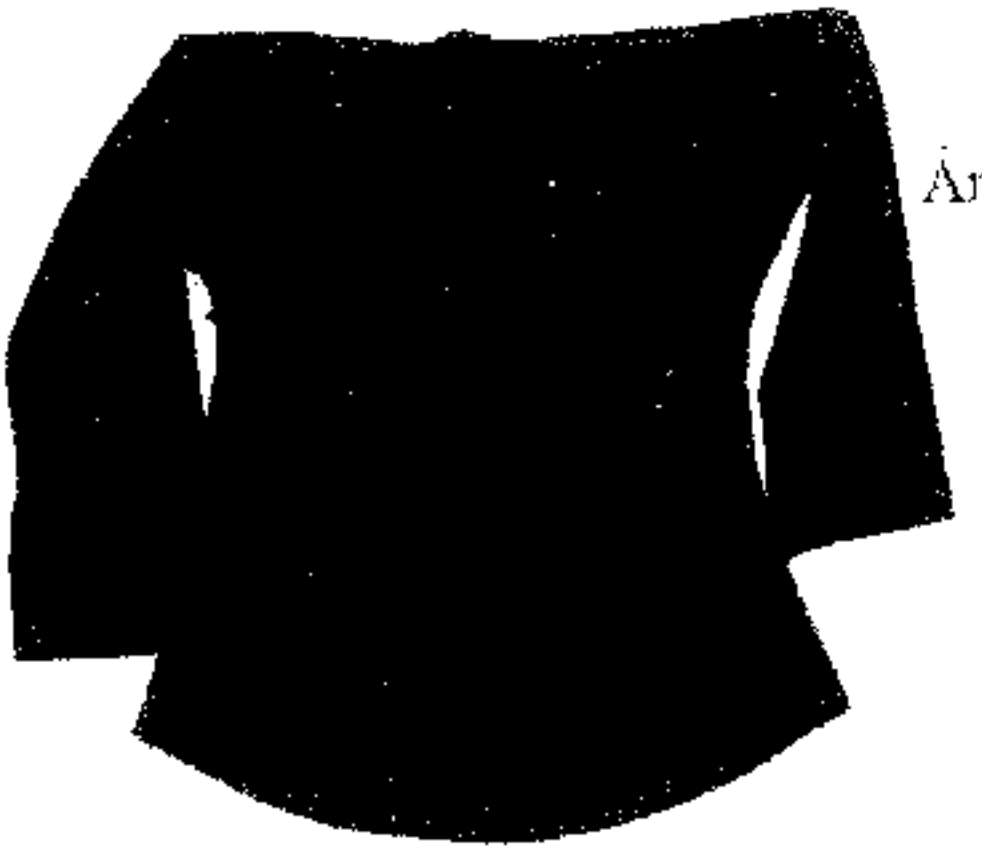
Ảnh 142: Váy nhỏ
(vấn biên) mặc sau lưng



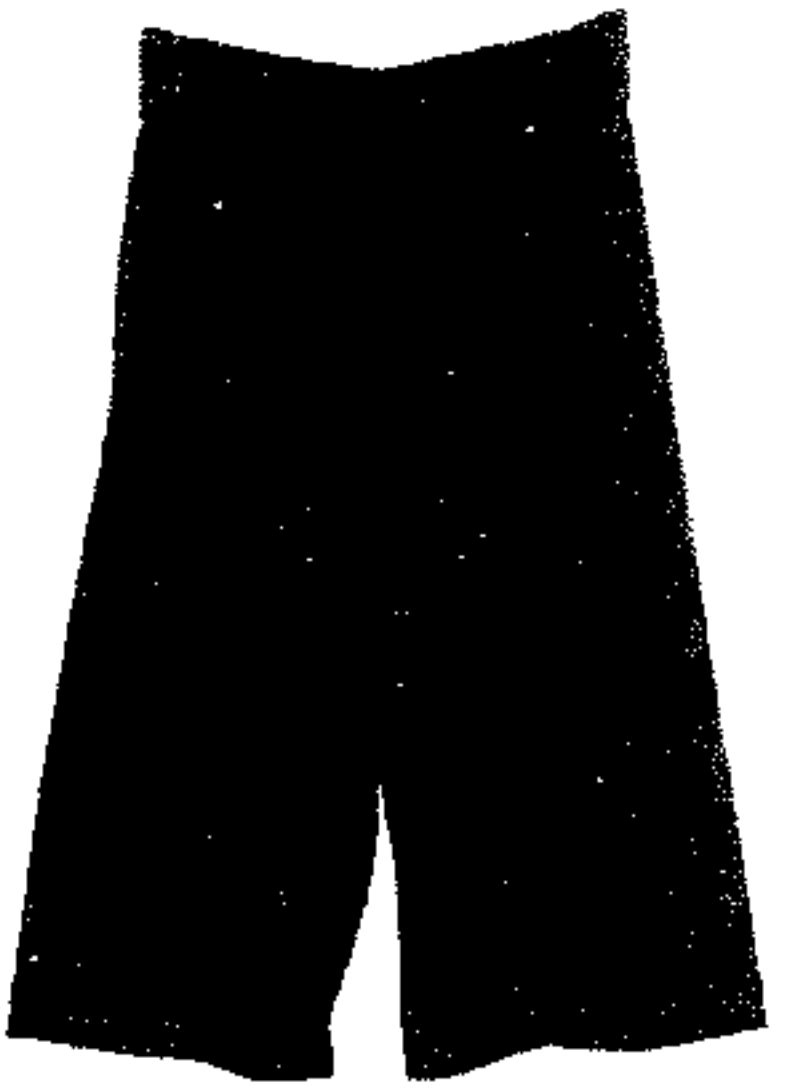
Ảnh 143: Váy dài
(vấn lậu) mặc phía trước bụng

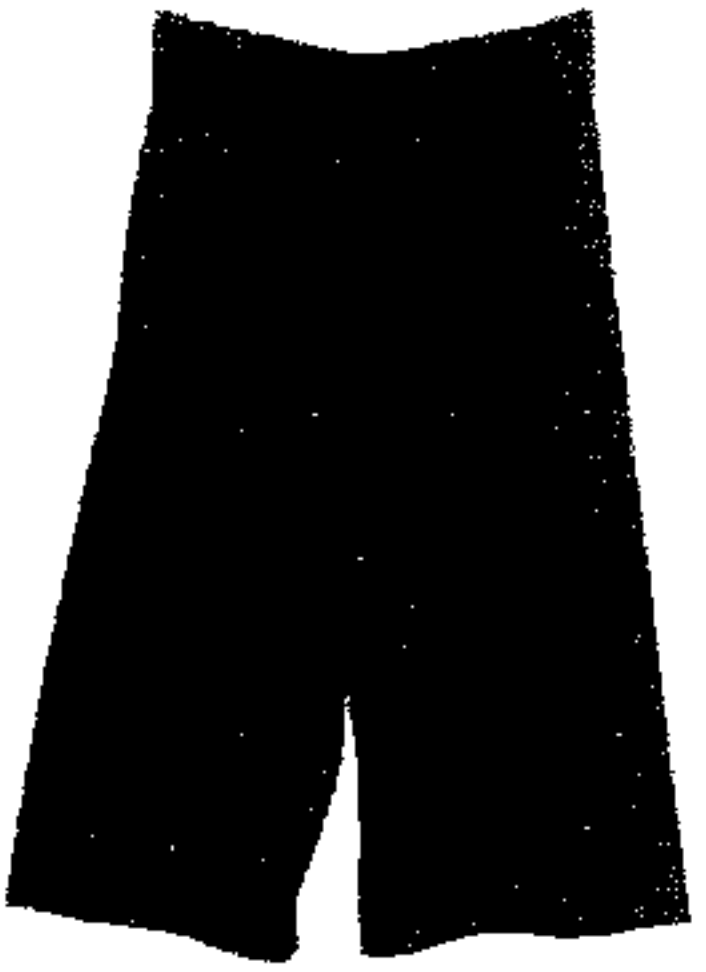


Ảnh 144: Tạp dề (vây dao) trang trí
hoa văn hình con cua cách điệu



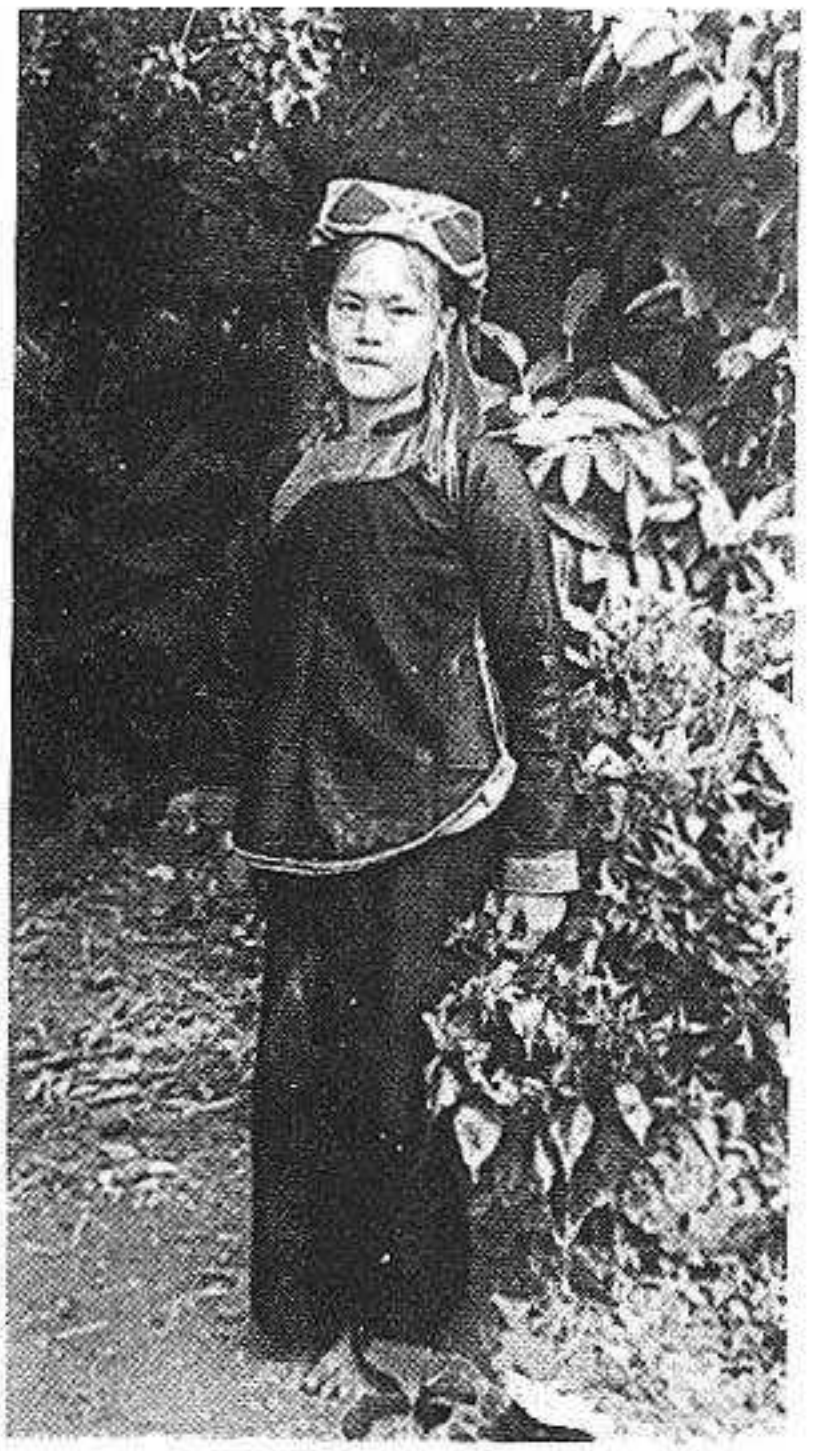
Ảnh 145: **Y phục phụ nữ Bố Y cách đây khoảng trên 50 năm**



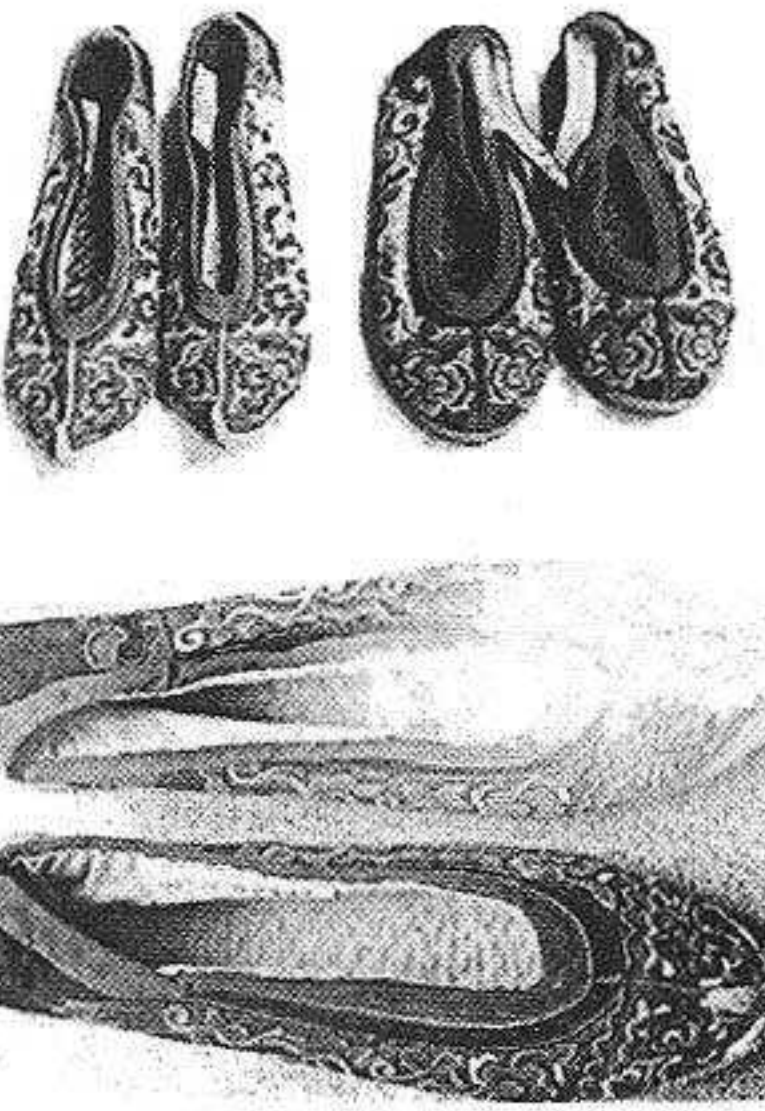


Ảnh 146: **Y phục phụ nữ Bố Y hiện nay**

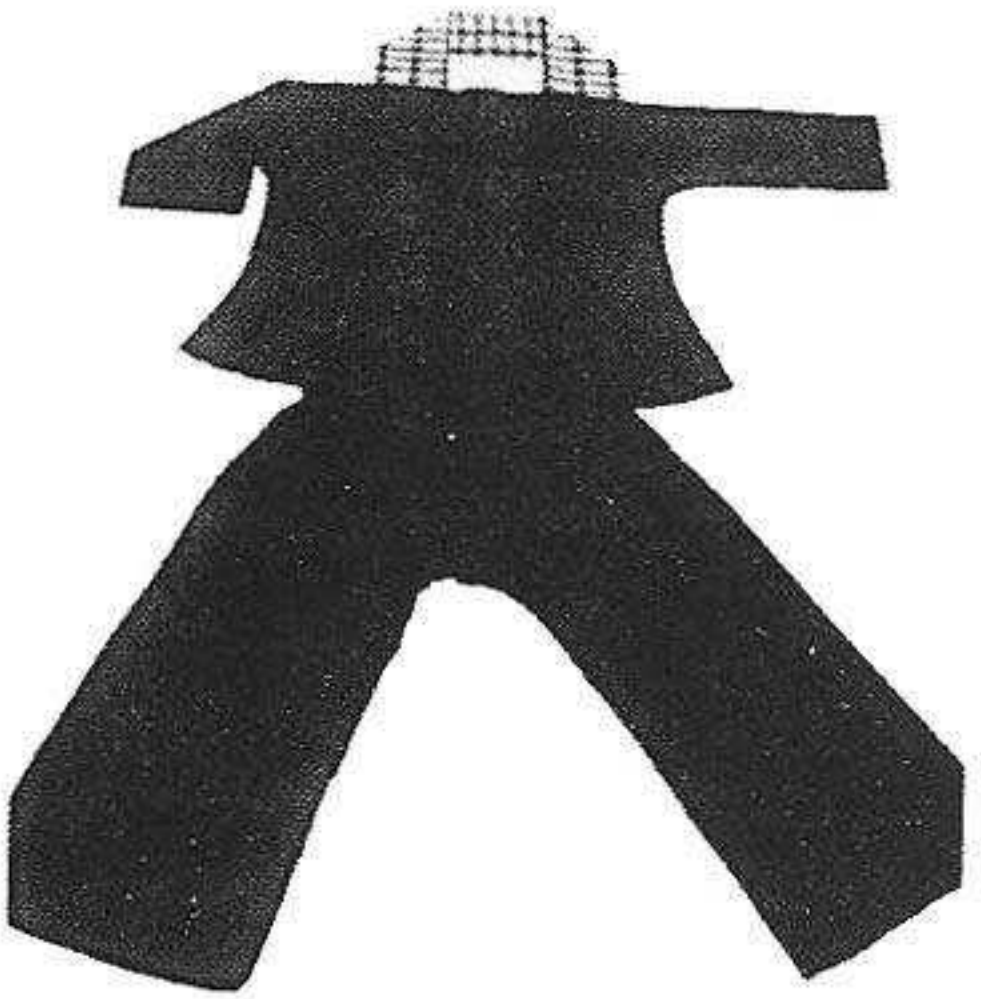




Ảnh 147: Trang phục hiện nay
của phụ nữ Bố Y
ở huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu



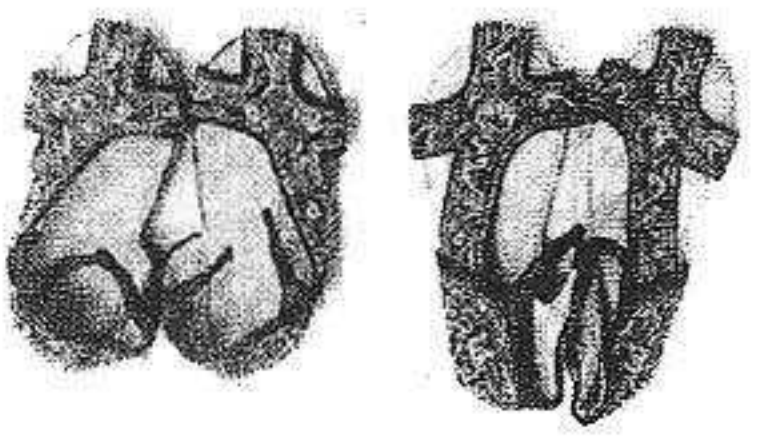
Ảnh 148: Một số loại giày vải thêu hoa người Bố Y tự làm dùng trong cưới xin, lễ hội (hiện nay ít dùng)



Ảnh 149: Bộ y phục thường ngày của phụ nữ Bố Y ở huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu



Ảnh 150: Y phục nam giới Bố Y



Ảnh 151: Dép vải thêu hoa văn
của nam giới Bố Y
dùng trong dịp lễ tết, hội hè

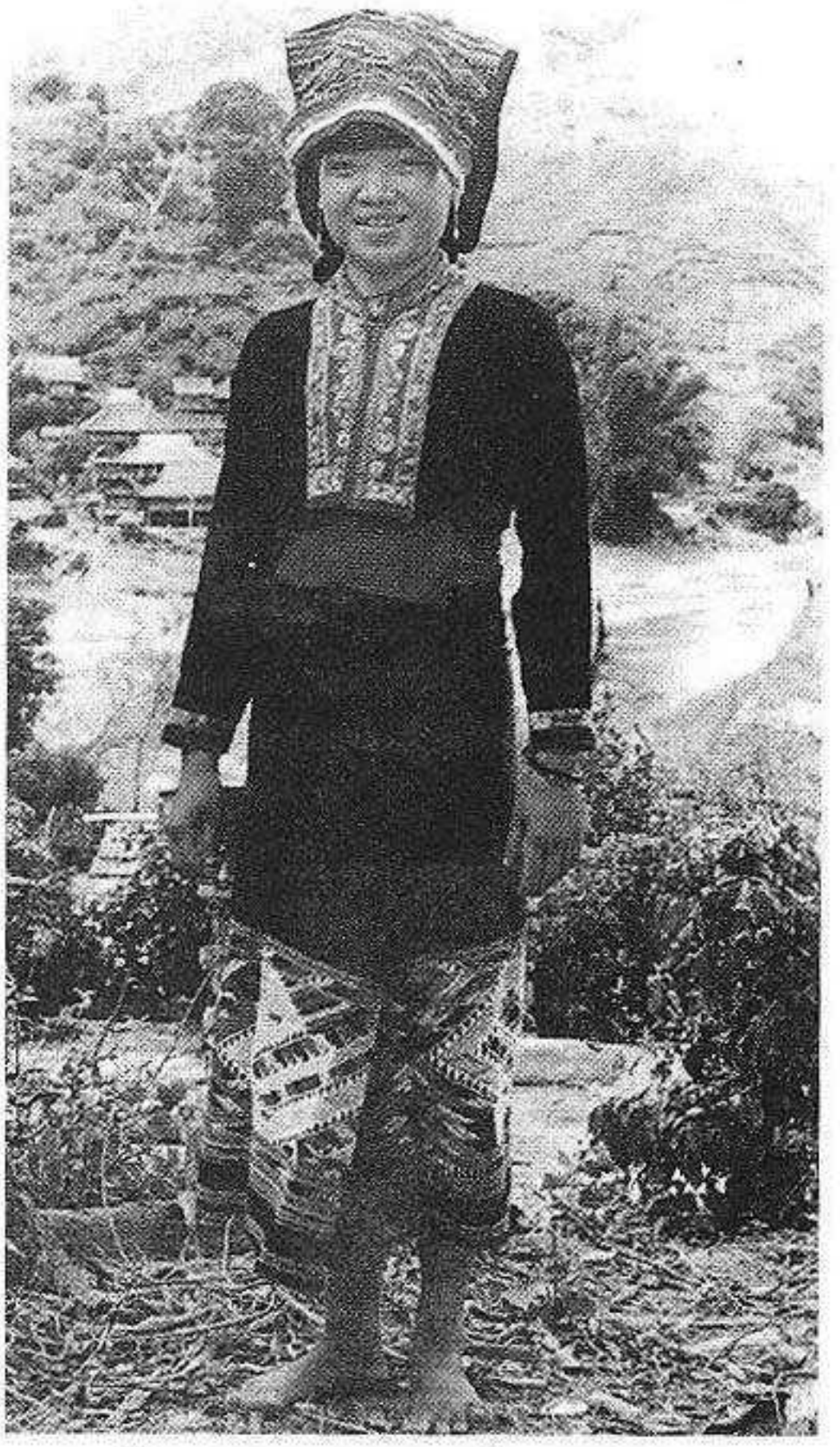


Ảnh 152: Bộ y phục
nam giới Bố Y ở huyện
Phong Thổ tỉnh Lai Châu

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI LÀO



Ảnh 153: Trang phục phụ nữ Lào
ở huyện Sông Mã tỉnh Sơn La



Ảnh 154: Trang phục phụ nữ Lào
ở huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên



Ảnh 155: Y phục của phụ nữ
trung tuổi ở huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên



Ảnh 156: Y phục của người già
ở huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên



Ảnh 157:
Y phục trẻ em

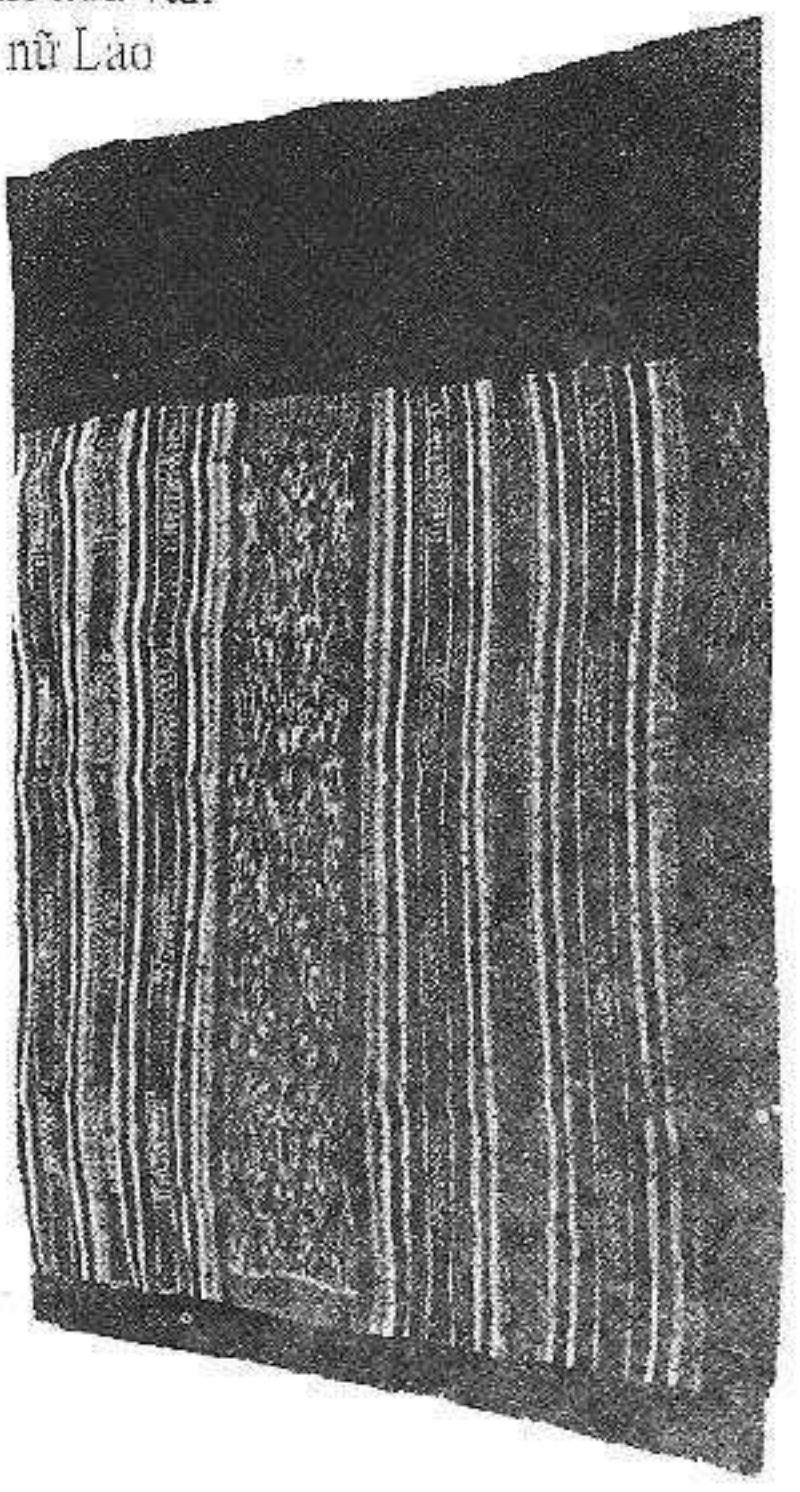


Ảnh 158:
Y phục thiếu nữ



Anh 159: Trang trí hoa văn
trên váy thiếu nữ Lào

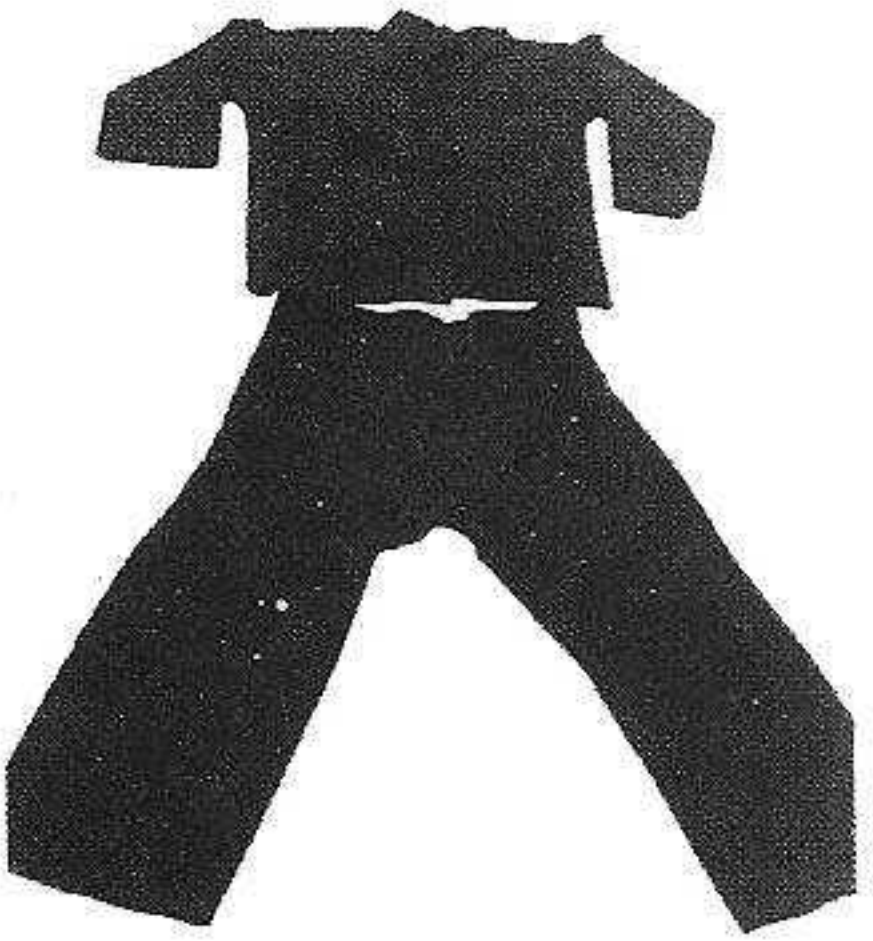




Anh 160: Mũ đội đầu của trẻ em



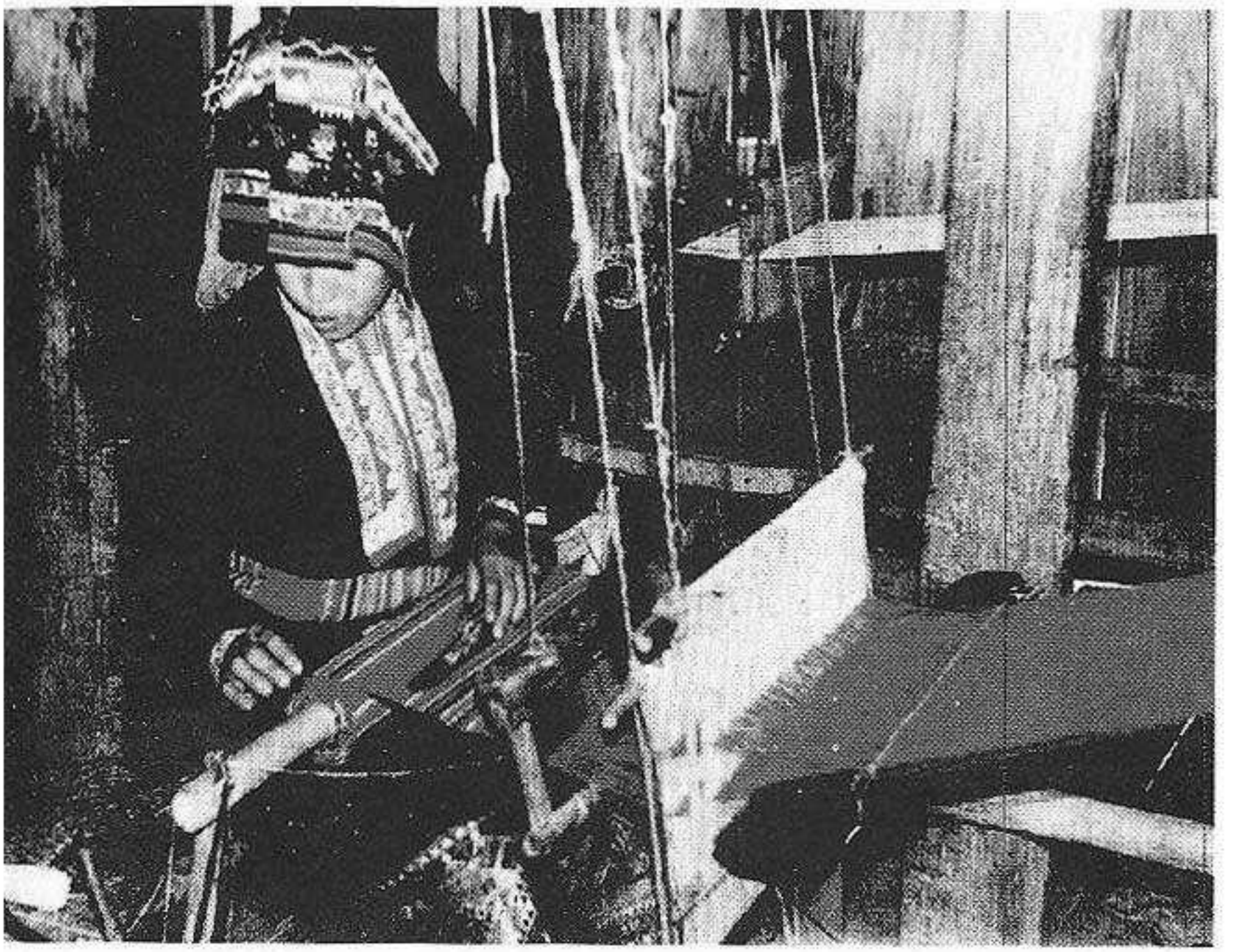
Ảnh 161: Trang phục của nam giới



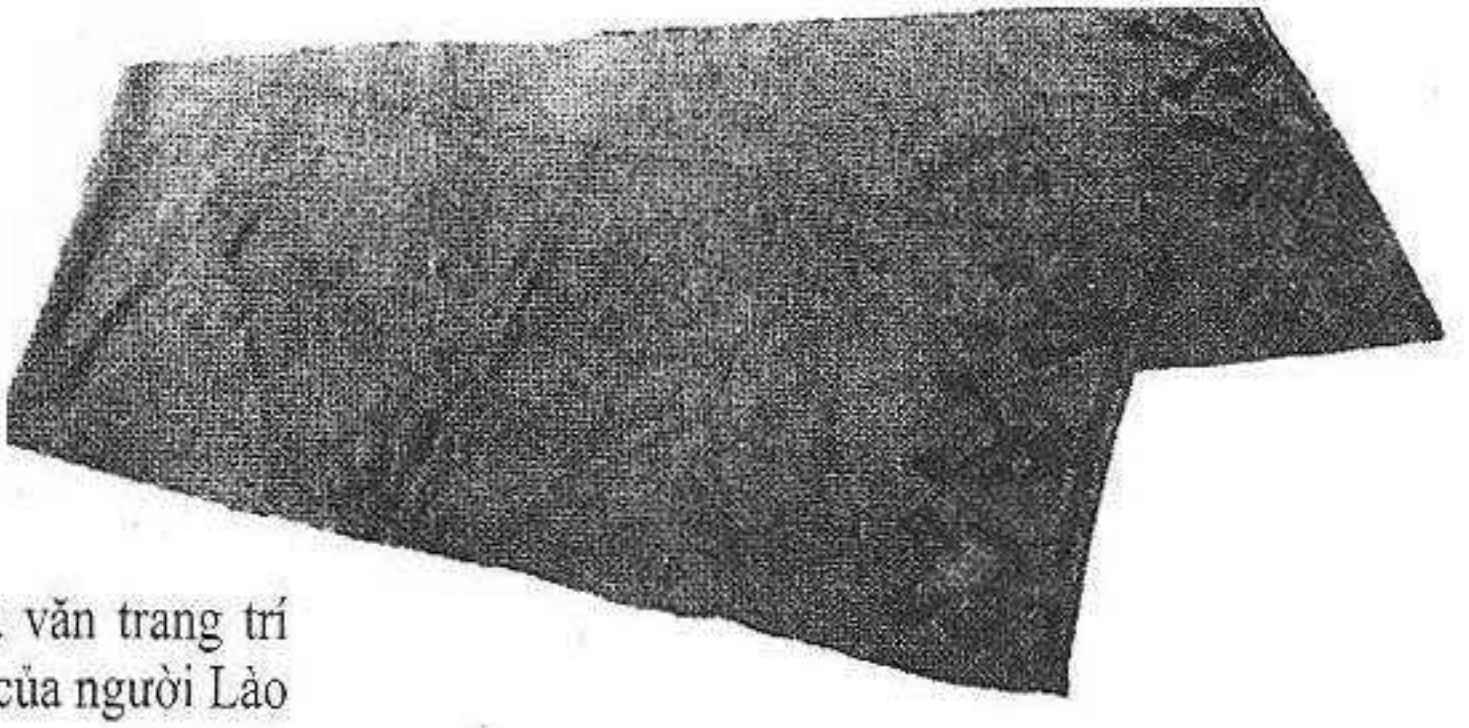
Ảnh 162: Bộ y phục của người già



Ảnh 163: Bộ y phục của thanh niên



Ảnh 164: Phụ nữ Lào ở huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu
dệt vải thổ cẩm may y phục, thắt lưng, túi đeo



Ảnh 165: Hoa văn trang trí
trên khăn tay của người Lào

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI LỰ



Ảnh 166: Trang phục truyền thống của phụ nữ Lự



Ảnh 167: Trang phục phụ nữ Lự ở bản Hon huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu nhìn từ phía sau



Ảnh 168: Trang phục trẻ em



Ảnh 169: Thiếu nữ dân tộc Lự ở bản Hon huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu





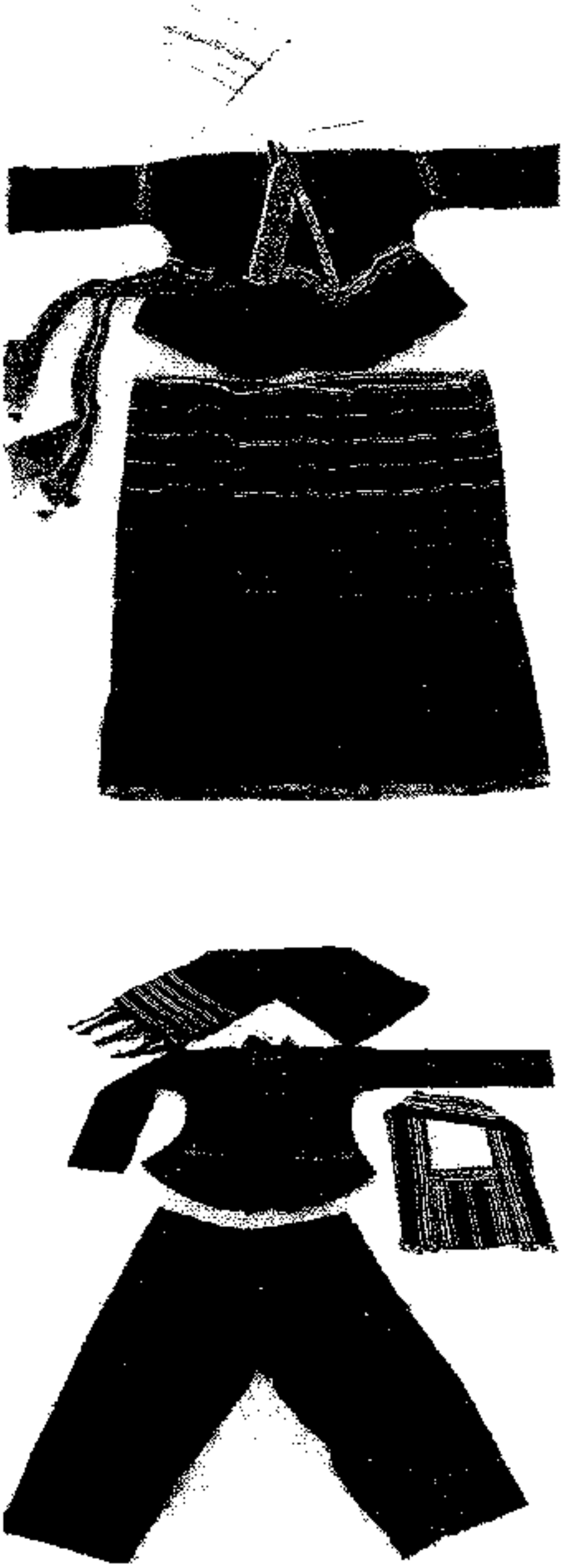
Ảnh 170: Trang phục nam giới người Lự ở bản Hon huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu

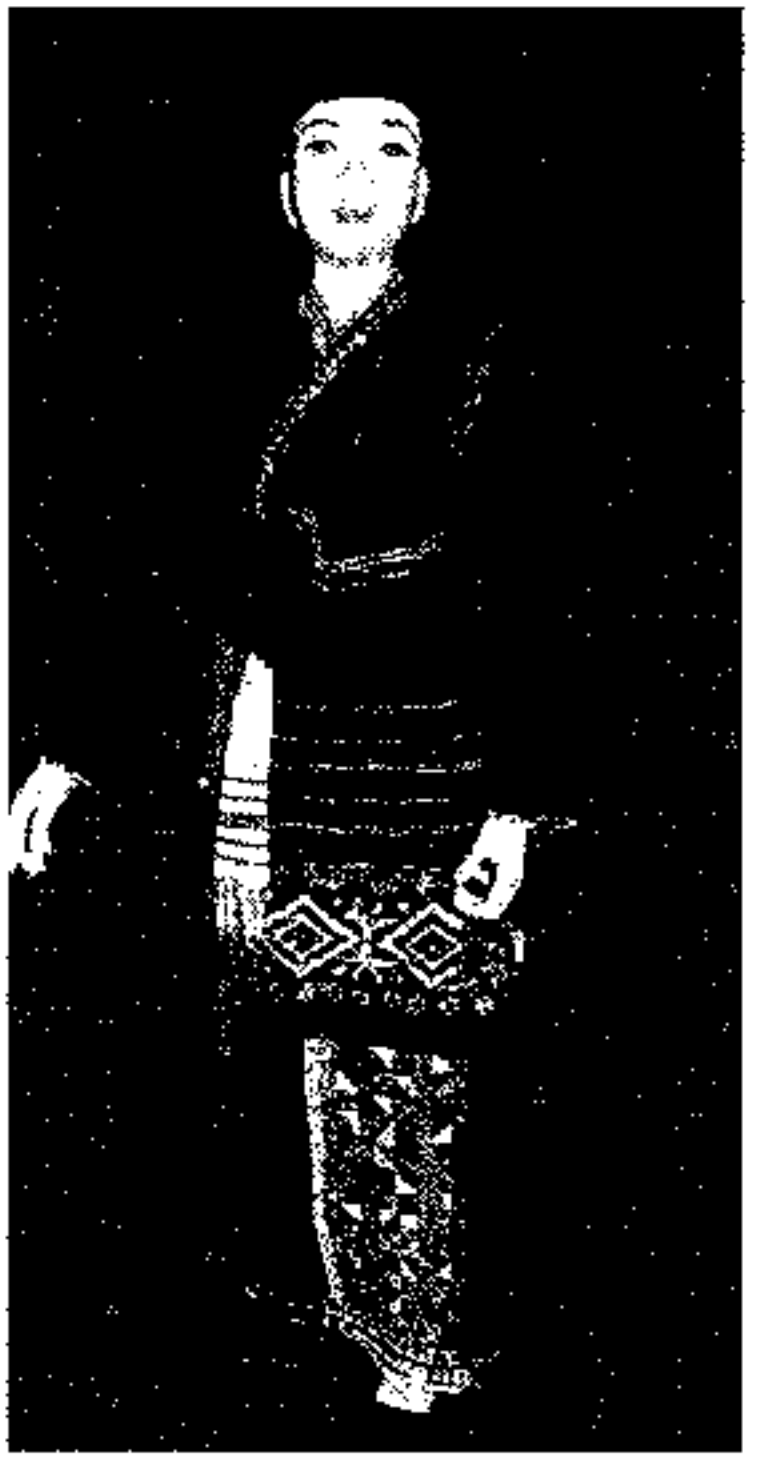


Ảnh 171: Bộ y phục nam giới người Lự



Ảnh 172: Bộ y phục trẻ em gái





Ảnh 173: Trang phục hiện nay
của phụ nữ Lự

Ảnh 174: Bộ y phục trẻ em trai

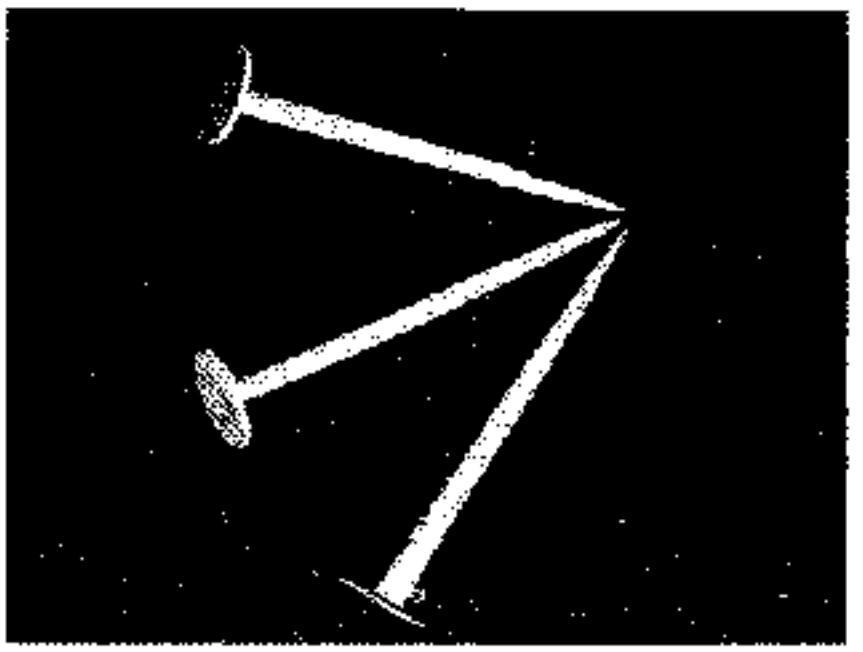


Ảnh 175: Phụ nữ Lự ở huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu thêu chân váy

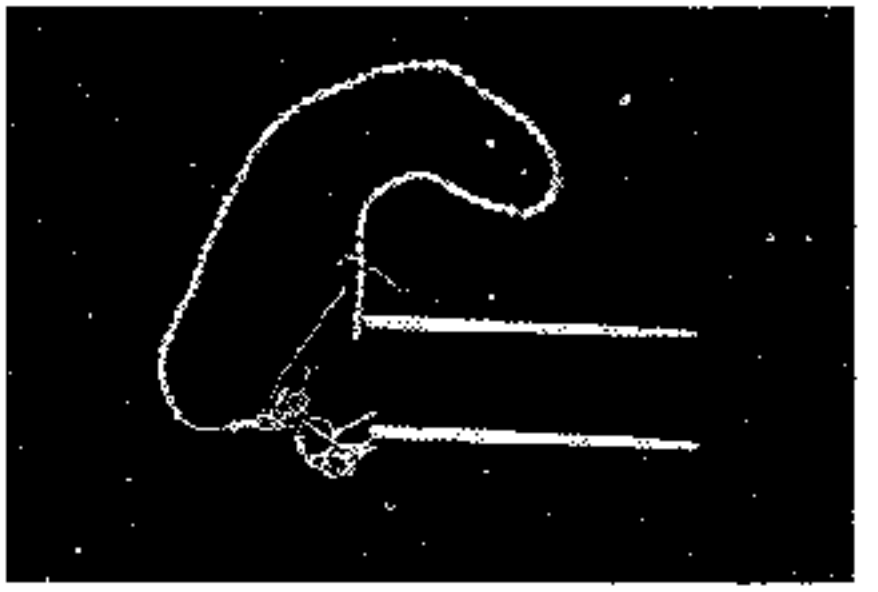


Ảnh 176: Phụ nữ Lự ở huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu dệt vải thổ cẩm

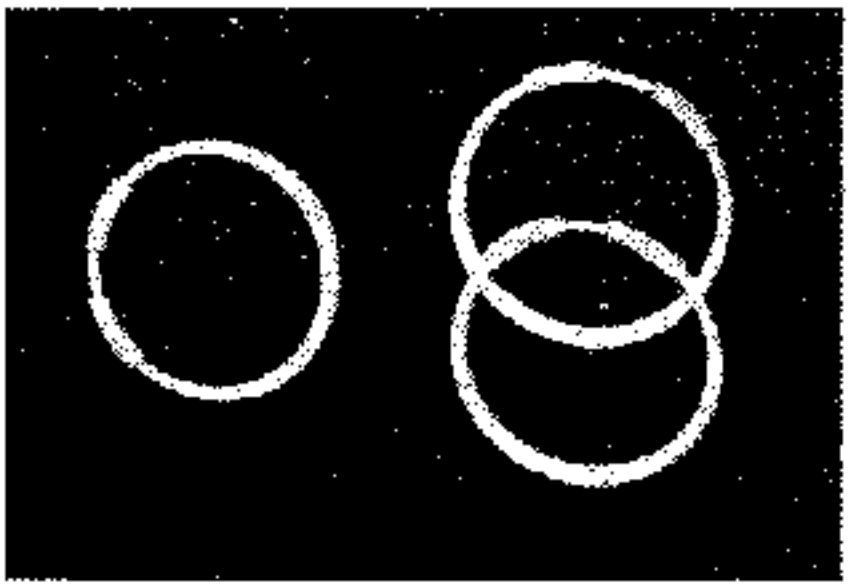
MỘT SỐ ĐỒ TRANG SỨC CỦA CÁC TỘC NGƯỜI NHÓM TÀY - THÁI



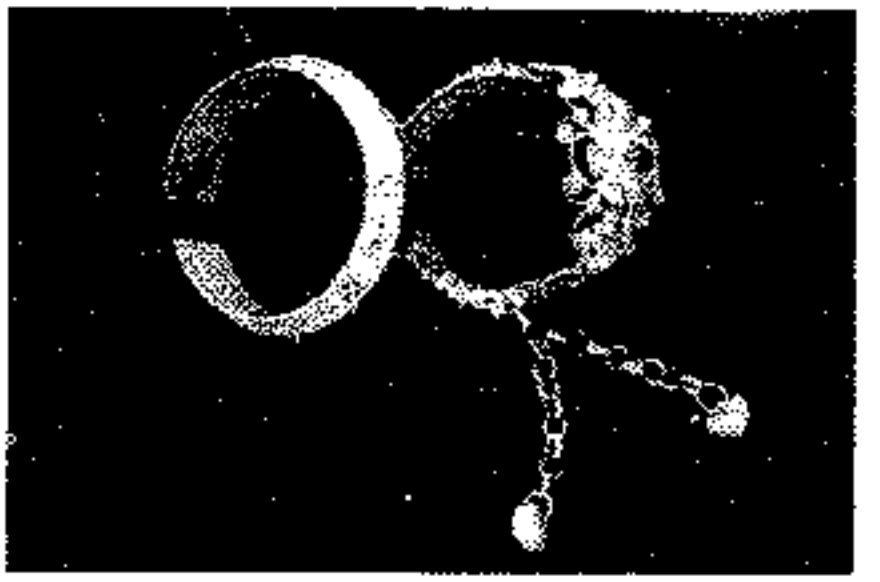
Ảnh 177: Trâm bằng bạc hoặc kim loại. trên đầu có gắn đồng tiền cổ



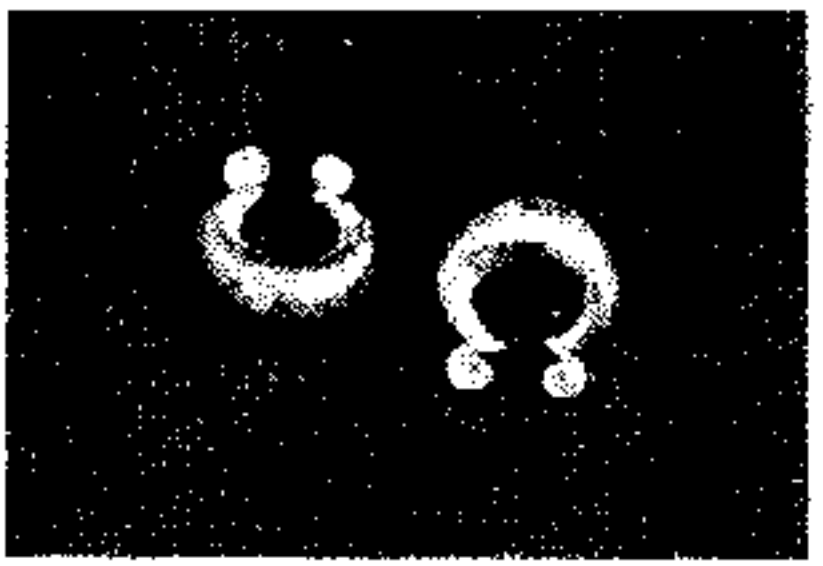
Ảnh 178: Trâm bằng sừng, đầu to có xuyên lỗ để buộc chuỗi hạt cườm hoặc hạt nhựa



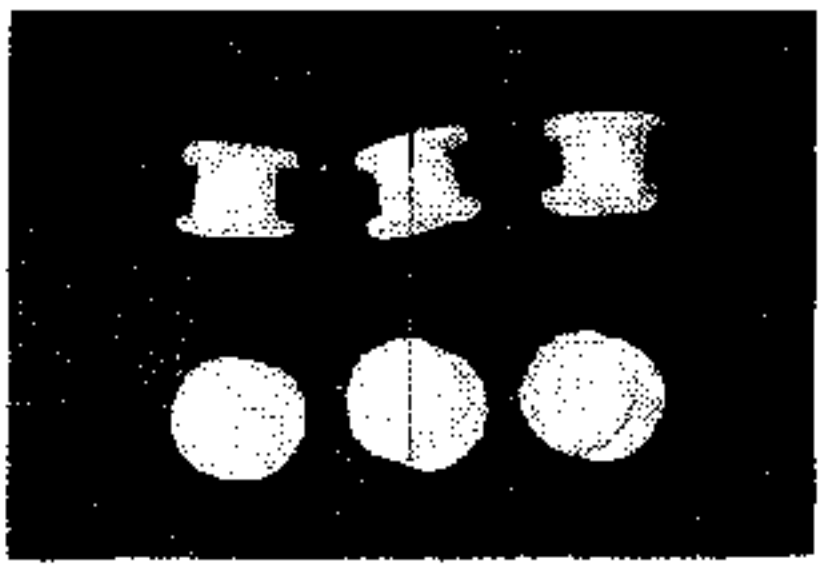
Ảnh 179: Vòng tay kiểu tròn, kín hai đầu



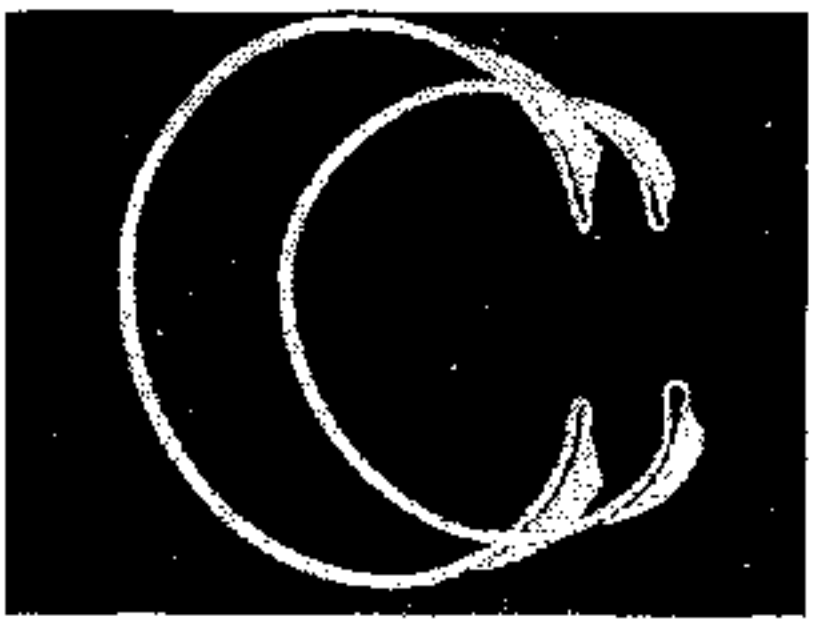
Ảnh 180: Vòng tay kiểu dẹt



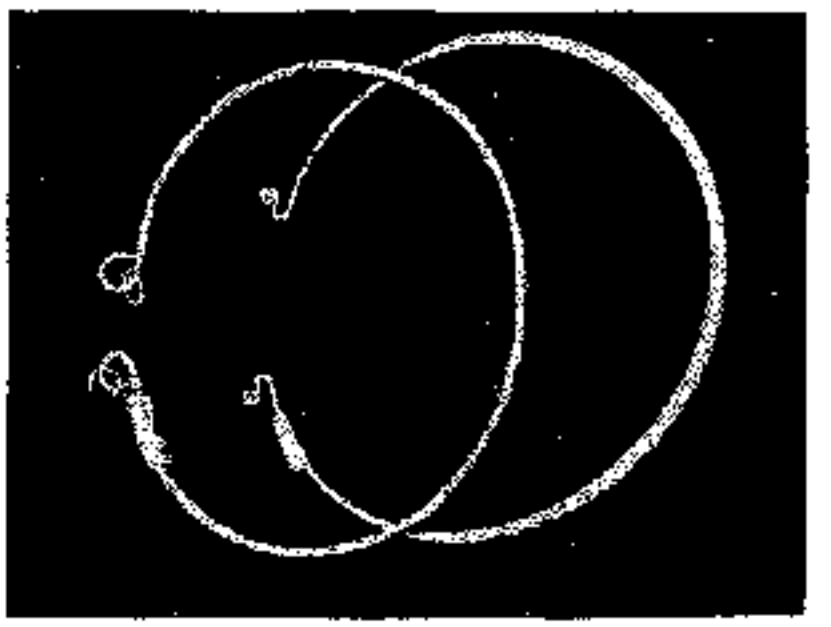
Ảnh 181: Hoa tai hình khuyên. khi đeo dùng dây buộc hai đầu để khỏi rơi



Ảnh 182: Hoa tai kiểu nụ



Ảnh 183: Vòng cổ,
hai đầu chạm hình đầu rồng



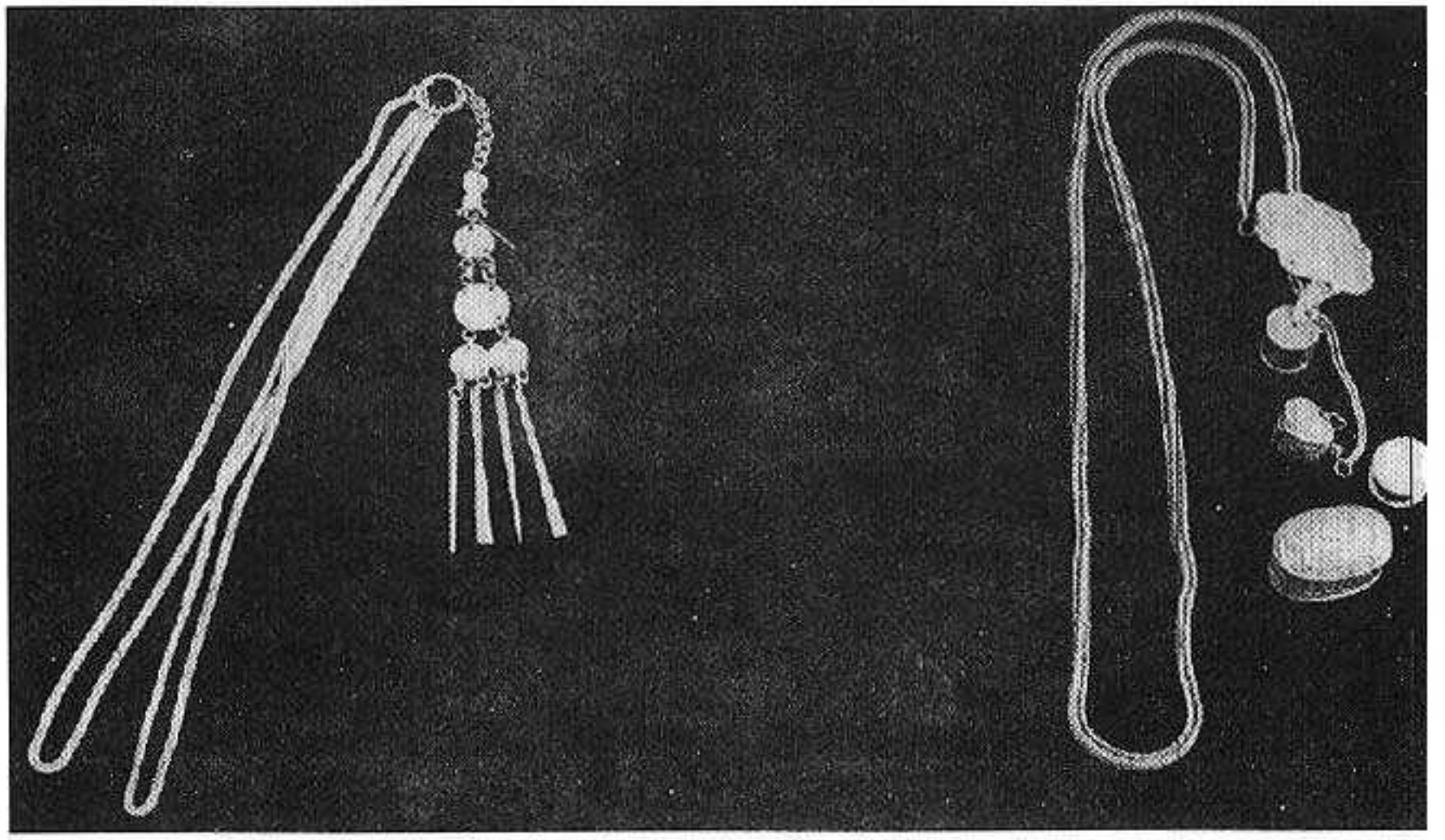
Ảnh 184: Vòng cổ,
hai đầu được uốn cuộn vòng tròn



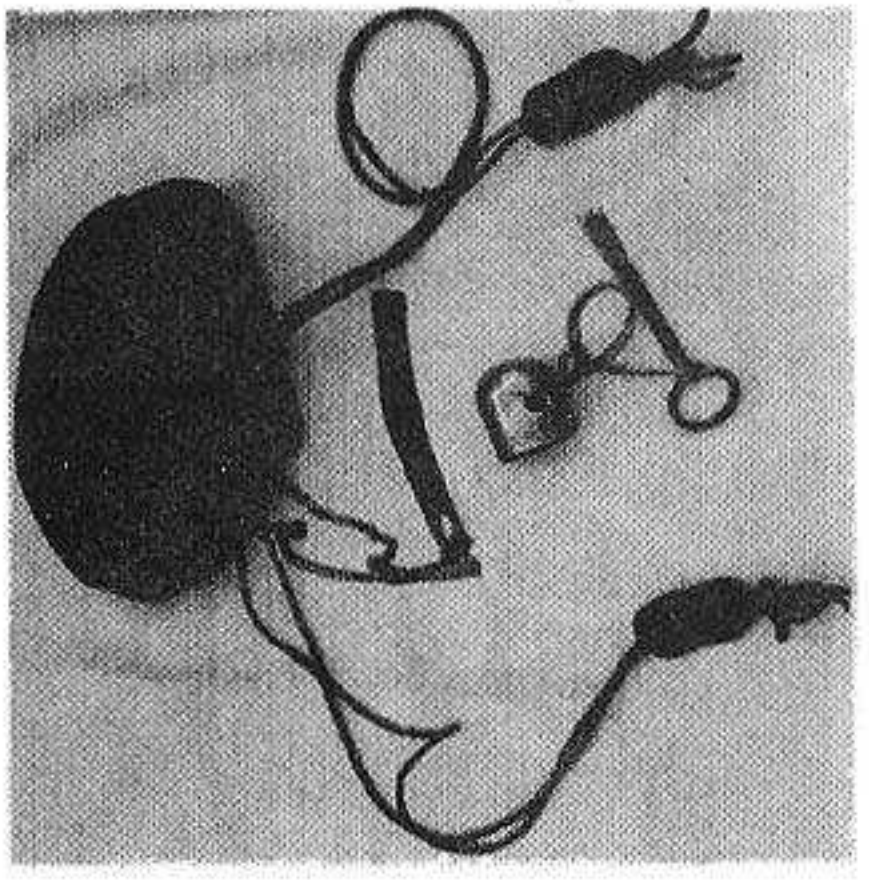
Ảnh 185: Vòng chân

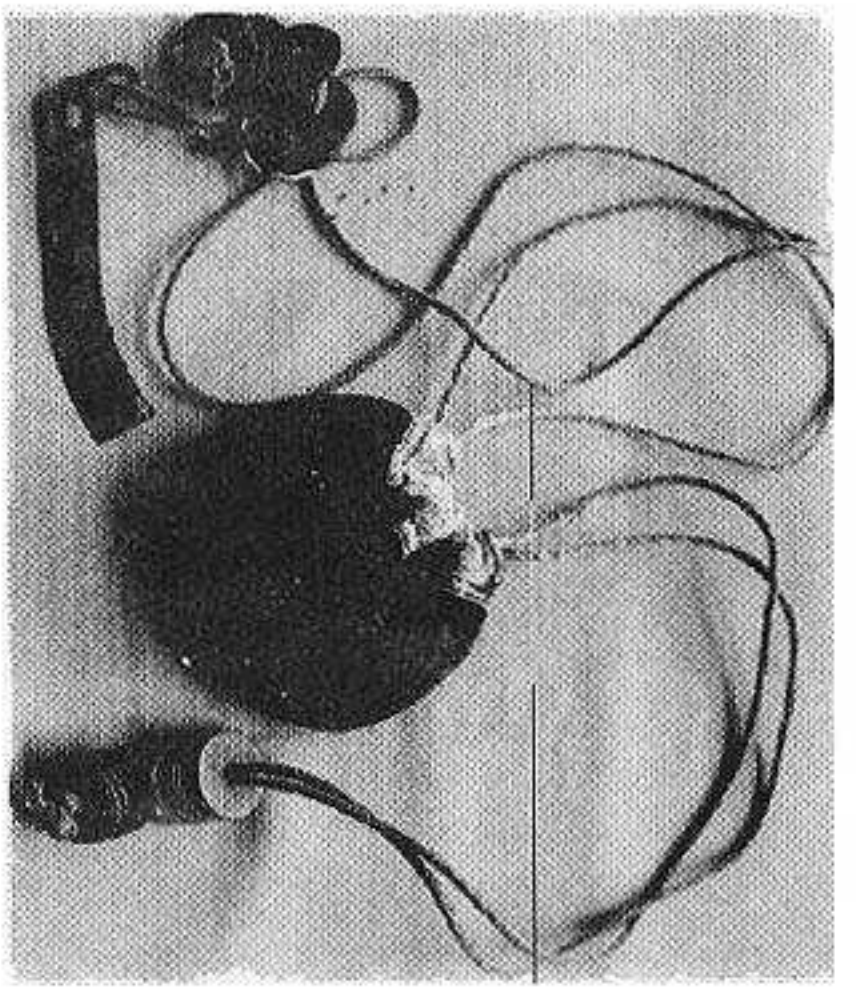


Ảnh 186: Vòng cổ,
hai đầu chạm hình đầu rồng



Ảnh 187: Hai kiểu xà tích của phụ nũ





Ảnh 188: Hai kiểu dao cau, túi trầu của phụ nữ